

Xứ sở diệu kỳ tàn bạo và Chốn tận cùng Thế giới

Contents

Xứ sở diệu kỳ tàn bạo và Chốn tận cùng Thế giới	1
1. Chương 01	2
2. Chương 02	7
3. Chương 03	9
4. Chương 04	18
5. Chương 05	22
6. Chương 06	30
7. Chương 07	34
8. Chương 08	45
9. Chương 09	48
10. Chương 10	58
11. Chương 11	60
12. Chương 12	62
13. Chương 13	66
14. Chương 14	77
15. Chương 15	81
16. Chương 16	92
17. Chương 17	96
18. Chương 18	101
19. Chương 19	103
20. Chương 20 + 21	110
21. Chương 22	126
22. Chương 23	130
23. Chương 24	139

Xứ sở diệu kỳ tàn bạo và Chốn tận cùng Thế giới



Giới thiệu

Một tác phẩm khoa học giả tưởng, truyện trinh thám và bản tuyên ngôn của chủ nghĩa hậu hiện đại

1. Chương 01

Thang Máy, Im Lìm,

Mũm Mĩm

Thang máy đi lên với tốc độ chậm kinh khủng. Tôi đoán là nó đang chuyển động lên phía trên. Nhưng mà đi đâu tôi cũng không biết chắc. Nó đi chậm đến mức tôi mất cả cảm giác về phương hướng. Có thể nó đi xuống cũng nên, hoặc có khi nó chẳng nhúc nhích tí nào. Suy từ tình trạng trước đó, tôi quyết định cho là nó đi lên đi. Chỉ là đoán vậy thôi. Chẳng có cơ sở nào cả. Biết đâu nó đã lên mười hai tầng rồi tụt xuống ba tầng hay kịp làm một vòng quanh thế giới. Tôi không rõ nữa.

Cái thang máy này khác xa so với thang máy trong tòa nhà tôi đang ở, một cái máy nâng rẻ tiền với bộ dây ròng rọc cải tiến đơn sơ. Sự khác biệt lớn đến nỗi khó có ai dám tin rằng chúng là hai cỗ máy được chế ra cho cùng mục đích, có cùng cơ chế vận hành và mang cùng một tên gọi. Hai cái thang máy khác nhau đến mức tối đa mà người ta có thể tưởng tượng được.

Trước tiên là về kích thước. Cái thang máy mà tôi đang đứng trong đó lớn bằng một văn phòng xinh xinh. Nếu đặt vào đây một cái bàn giấy, két sắt và tủ tài liệu rồi kê thêm một ngăn bếp nữa thì vẫn còn khối chỗ. Tất nhiên có thêm ba con lạc đà và một cây cọ cỡ trung nữa cũng vừa. Thứ hai là sạch. Thang máy sạch như một chiếc quan tài mới đóng. Vách và trần làm bằng thép không gỉ, nhẵn lì và sáng loáng, sàn trải thảm màu xanh rêu dày dặn. Thứ ba: im ắng đến rợn người. Sau khi tôi vào trong, hai cánh cửa trượt khép lại không một tiếng động – theo đúng nghĩa đen của từ: không hề gây một âm thanh nào, và sau đó không thể nghe thấy chút gì khác nữa, khiến tôi không thể nói là thang máy giờ đây đang đứng im hay chuyển động. Sóng sâu thì nước không réo.

Thêm vào đó là thiếu hẳn một phần lớn bảng điều khiển, cái thứ mà người ta vẫn cho rằng nhất định phải là trang bị cơ bản của thang máy. Trước tiên không thấy cái bảng với những nút bấm và công tắc. Không có nút bấm đề số tầng và nút đóng cửa, cả nút báo động cũng thiếu nốt. Đúng là thiếu tất. Tôi bối rối vô cùng. Và không chỉ thiếu các công tắc: các ô đèn báo số tầng, bảng hướng dẫn sử dụng và ghi số người cho phép, cả tấm biển hiệu của nhà sản xuất cũng chẳng thấy. Cũng lạ là không biết ô cửa thoát hiểm ở đâu. Một chiếc quan tài chính cống, không nghi ngờ gì nữa. Không bao giờ thanh tra xây dựng lại cấp phép ô tô cái thang máy như thế này. Thang máy thì phải có những đặc tính như cửa thang máy chứ.

Trong khi sẫm soi bốn bức vách inox không một chỗ bám, tôi chợt nhớ đến những tiết mục đặc sắc của Houdini[1] mà hồi nhỏ hay thấy trên ti vi. Ông sai người trói mình nhiều vòng xích và chảo rồi cho vào một va li to, lại còn chằng mấy vòng xích nặng xung quanh rồi đẩy xuống thác Niagara hay chôn xuống băng tuyết Bắc Cực. Sau khi hít một hơi thật sâu, tôi lạnh lùng so sánh tình cảnh của mình với Houdini. Lợi thế của tôi là không bị trói, nhưng dở một nỗi là tôi không biết mẹo trốn thoát.

Không, nói cho đúng thì tôi không chỉ không biết tự thoát thân: thậm chí tôi còn không biết thang máy đang chuyển động hay dừng. Tôi háng giọng. Tiếng đằng hắng nghe có vẻ rất lạ - không giống như tiếng thông thường. Mà chỉ là một tiếng bộp đùng đục đục đáng ngờ, như tiếng động tạo ra khi ném một nắm bùn nhão vào tường bê tông vậy. Tiếng tôi đằng hắng đó sao? Tôi háng giọng lần nữa cho chắc, nhưng kết quả vẫn thế. Tôi chán nản bỏ cuộc.

Tôi cứ thế đứng im một hồi khá lâu. Mãi vẫn chẳng thấy cửa mở. Thang máy và tôi lặng tờ như bức tĩnh vật mang tên “Người đàn ông trong thang máy”. Dần dần tôi bắt đầu thấy lo.

Có thể phần cơ bị hỏng, có thể người điều khiển thang máy – dĩ nhiên, nếu ở đâu đó có ai đó làm nhiệm vụ này thật – đơn giản quên bég đi mất là tôi đang ở trong cái hòm này. Đôi khi cũng từng xảy ra chuyện ai đó quên mất có tôi trên cõi đời. Nhưng gì thì gì, rốt cuộc tôi vẫn đang bị nhốt trong cái xà lim inox này. Tôi cố lắng nghe, nhưng tai tôi không thể nhận ra động tĩnh nào. Tôi ép chặt tai vào vách kim loại nhưng cũng chẳng hơn gì. Chỉ động lại vết tai áp vào trắng trắng. Có cảm giác như thang máy này là một hòm

kim loại đặc chủng được chế tạo để cách âm. Tôi thử huyết một điệu nhạc của Danny Boy, nhưng âm thanh thoát ra nghe như tiếng thở dài của một con chó mắc chứng viêm phổi.

Tôi từ bỏ, dựa lưng vào tường và giết thời gian bằng cách đếm đồng xu trong túi quần. Thực ra, đối với những người làm nghề như tôi thì đây là một bài tập khá quan trọng, giống như võ sĩ quyền Anh chuyên nghiệp bóp bóng cao su vậy. Lặp đi lặp lại mãi một việc có tác dụng cân bằng xu hướng bấp bênh.

Lúc nào tôi cũng để ý cất một lượng tiền xu kha khá trong túi quần. Tôi đút những đồng 100 và 500 yên vào túi phải, 50 và 10 yên vào túi trái, còn những đồng 1 và 5 yên thì cất ở túi sau nhưng tuyệt đối không sử dụng khi đếm. Tôi thọc tay vào túi quần, tính số tiền gồm những đồng 100 và 500 yên bằng tay phải, đồng thời tay trái đếm chỗ 50 và 10 yên.

Ai chưa từng tính tiền kiểu này thì khó có thể tưởng tượng được, nhưng ban đầu quả thật đây là một việc khá phức tạp. Bán cầu não phải và trái phải làm hai con tính hoàn toàn khác nhau, không khác gì chấp những mảnh vụn của một quả dưa hấu vỡ lại. Không tập thì khó mà làm được.

Liệu nửa phải và nửa trái của não bộ có thực sự hoạt động riêng rẽ, tôi cũng không rõ nữa. Các nhà thần kinh học có lẽ sẽ dùng thuật ngữ khác hẳn. Nhưng tôi không phải nhà thần kinh học, và ấn tượng thường nhật của tôi là bán cầu não bên phải và bên trái của mình thực sự độc lập với nhau mỗi khi làm tính. Cảm giác mệt mỏi sau khi đếm kiểu này cũng dường như có bản chất khác hẳn với sự mệt mỏi sau khi tính toán theo kiểu bình thường.

Tôi tự mình là một người có cách tiếp thu các hiện tượng, sự kiện và đồ vật trên thế giới này khá thực dụng. Không phải vì tôi là dạng người thực dụng – mặc dù, thú thực là tất nhiên tính cách đó cũng đóng vai trò nhất định – mà bởi vì trong nhiều trường hợp người ta phát hiện ra bản chất sự việc qua cách tiếp cận thực dụng tốt hơn là dựa vào cách giải trình chính thống.

Thử nghĩ xem, trong cuộc sống thường nhật sẽ có hại gì không nếu ví dụ ta không coi trái đất là một quả cầu, mà là một mặt bàn cà phê khổng lồ? Dĩ nhiên đây là một ví dụ tương đối cực đoan, và không phải mọi thứ trên đời này đều có thể nghĩ ngược kiểu đơn giản như vậy. Cho dù sự thật là, nếu trái đất là một cái bàn cà phê khổng lồ theo kiểu thực dụng thì có thể thản nhiên quên luôn một mớ vấn đề lãng xẹt do cách hiểu quả đất hình cầu đem lại – lực trọng trường chẳng hạn, hay đường đổi ngày quốc tế, xích đạo và mấy thứ không có ích gì lắm. Một người bình thường liệu có mấy lần trong đời dính dáng đến xích đạo cơ chứ?

Do vậy tôi cố gắng hiểu mọi chuyện một cách thực dụng như có thể. Quan điểm của tôi là thế giới được cấu thành bởi hàng nghìn, nếu không muốn nói là vô số khả năng. Và đến một chừng mực nào đó thì chuyện lựa chọn là tùy vào những cá thể cấu tạo nên thế giới này. Thế giới là do các khả năng ngưng tụ lại thành một cái bàn cà phê.

Đồng thời – ta hãy quay lại điểm xuất phát – dùng tay trái và tay phải làm hai con tính hoàn toàn khác nhau là một việc thực sự không đơn giản. Tôi cũng đã mất khá nhiều thời gian để đạt tới mức thành thạo. Một khi đã làm được rồi, hay nói cách khác, một khi đã dò ra được mẹo thì khả năng này sẽ không dễ gì mất đi. Đại loại như khi đã biết đi xe đạp hay biết bơi. Song không có nghĩa là không cần tập luyện. Chỉ có miệt mài tập luyện mới đạt được tiến bộ và phong độ xuất chúng. Vì vậy tôi luôn chú ý giữ tiền xu trong túi quần, cứ rối rắm là tôi làm tính.

Trong túi quần tôi có ba đồng 500 và mười tám đồng 100 yên, ngoài ra còn năm đồng 50 và mười sáu đồng 10 yên. Tổng cộng là 3.810 yên. Con tính dễ như chơi. Dễ hơn cả đếm các ngón trên bàn tay. Tôi hài lòng dựa lưng lên bức vách inox và nhìn chăm chăm vào cánh cửa. Nó vẫn chưa mở.

Tại sao cửa thang máy đóng lâu như vậy, đây quả là một câu đố cho tôi. Song nghĩ một lát thì tôi kết luận rằng, cả giả thiết phần cơ bị hỏng lẫn giả thiết nhân viên điều khiển lơ là quên đi sự hiện diện của tôi đều có thể an tâm loại bỏ được. Vì chúng không thực tế. Tôi hoàn toàn không có ý nói rằng trên đời này không có mấy hỏng hay nhân viên lơ là. Mà ngược lại tôi tin là những trục trặc kiểu ấy xảy ra khá thường xuyên trong thực tế. Cái tôi không muốn nói ra là, trong một thực tế đặc thù – và đương nhiên tôi ám chỉ cái thang máy khốn nạn này – thì phải loại bỏ những điểm phần đặc thù và coi chúng là điểm đặc thù nghịch lý. Làm gì có chuyện những người lơ là công tác duy tu phần cơ khí, những người đẩy khách vào thang máy rồi quên họ đi, lại có thể chế tạo nổi một chiếc thang máy lập dị điệu nghệ đến mức này?

Câu trả lời hiển nhiên là: Không.

Không thể có chuyện như thế được.

Cho đến giờ bọn họ vẫn cẩn trọng, chu đáo và chính xác kinh khủng. Họ chú ý đến từng chi tiết cởn con, cứ như thể vừa đi vừa lấy thước đo từng bước vậy.

Ở khu vực cửa vào, hai nhân viên bảo vệ ngăn tôi lại và hỏi đến gặp ai, soi tên trong danh sách những người đang đợi khách, kiểm tra giấy phép lái xe và dữ kiện cá nhân của tôi trong máy tính trung tâm, soi tôi bằng máy dò kim loại và cuối cùng đẩy tôi vào cái thang máy này. Ngay đến ngân hàng quốc gia cũng không kiểm tra khách hàng của mình nghiêm ngặt như vậy. Sau chừng ấy thủ tục, tôi có ác ý mấy cũng không thể tưởng tượng ra họ bỗng dưng đánh mất hết cảnh giác.

Vậy, chỉ còn khả năng cuối cùng là họ cố ý để tôi trong hoàn cảnh này. Hình như họ không muốn tôi nắm bắt được chuyển động của thang máy, vì thế họ cho nó chạy với vận tốc thấp để tôi khó đoán ra chiều di chuyển. Biết đâu còn có camera lắp trong này. Trong phòng bảo vệ gần cửa ra vào họ có một dãy màn hình, và tôi chẳng có gì ngạc nhiên nếu một trong những màn hình ấy đang chiếu các hình ảnh trong thang máy.

Tôi thầm nghĩ cách tìm ống kính camera để giết thì giờ, song nói cho cùng thì có ích lợi gì đâu, ngay cả khi tôi phát hiện ra nó. Người ta sẽ chỉ sinh nghi và biết đâu còn cho thang máy chạy chậm hơn nữa. Đó là điều tôi không muốn. Chỉ tổ làm tôi thêm trễ giờ một cách không cần thiết.

Rốt cuộc thì tôi mặc cho đến đâu thì đến, không làm gì nữa. Thực tình thì tôi đến đây chỉ để hoàn thành một nghĩa vụ công tác hoàn toàn hợp pháp được người ta giao cho. Tôi chẳng việc gì mà lo ngại. Không có lý do gì để phải bồn chồn cả.

Tôi dựa vào vách, thọc tay vào túi quần và bắt đầu tính chỗ tiền lẻ lần nữa. 3.750 yên. Dễ ợt. Nháy mắt là xong.

3.750 yên?

Sai rồi.

Tôi đã phạm sai lầm ở một đoạn nào đó. Trong ba năm tôi chưa hề tính sai tiền trong túi lần nào. Không một lần nào. Rõ ràng đây là điềm gở. Trước khi nó hiện nguyên hình là một tai họa thì tôi phải chiêm lại được cứ điểm đã mất.

Tôi nhắm mắt và cọ sạch hai bán cầu não, tựa như lau kính mắt vậy. Sau đó tôi rút cánh tay khỏi túi quần và xòe ra cho ráo mồ hôi. Công việc chuẩn bị này tôi làm nhanh và thành thạo như Henry Fonda trước khi bước vào cảnh đấu súng trong phim Warlock. Không liên quan gì đến lúc này, nhưng tôi khoái phim ấy.

Sau khi chắc chắn là hai tay đã khô hẳn, tôi lại cho tay vào túi quần và bắt đầu tính lần thứ ba. Nếu kết quả lần này trùng với một trong hai kết quả ban nãy thì vấn đề đã xong. Ai cũng có khi mắc lỗi. Tôi bị bối rối trong một tình cảnh đặc biệt và thú thực là cũng vì hơi tự cao tự đại một chút. Đó là lý do cho sai phạm tài tử này. Giờ thì phải xác định con số chính xác – nó sẽ là cứu tinh của tôi. Song cứu tinh chưa xuất hiện thì cửa thang máy đã mở. Không một dấu hiệu báo trước, cánh cửa im lìm trượt qua hai bên.

Vì đang mải tập trung tinh thần vào chỗ tiền xu trong túi quần, thoát tiên tôi không nhận thấy cửa đã mở. Nghĩa là, để diễn tả cho đúng hơn: thị giác của tôi nhận thấy cửa mở ra, nhưng một lát sau vẫn không hiểu được ý nghĩa cụ thể của chuyển động ấy. Tất nhiên điều này có nghĩa là sự tái lập tính liên tục của hai không gian bị chia cắt bởi tấm cửa cho đến thời điểm đó. Đồng thời cũng có nghĩa là chiếc thang máy chở tôi đã đến đích.

Tôi chấm dứt trò chơi với ngón tay trong túi và ngó ra ngoài. Bên ngoài là một hành lang, và ở đầu hành lang có một cô gái. Cô ta béo, trẻ, vận bộ đồ màu hồng và đi giày cao gót hồng. Bộ đồ cắt rất khéo bằng vải láng, và khuôn mặt cô cũng nhẵn nhụi như vậy. Cô nhìn tôi một lát như để chắc tin, rồi gật đầu với tôi. Rõ ràng đó là dấu hiệu: “Xin mời”. Tôi bỏ trò đếm tiền xu, rút tay khỏi túi quần và bước ra. Tôi vừa ra ngoài thì tựa như chỉ đợi dịp ấy, cửa thang máy cũng đóng lại sau lưng.

Ra đến hành lang, tôi nhìn quanh quất thật kỹ nhưng không phát hiện ra điều gì khả dĩ làm sáng tỏ hơn tình cảnh của mình. Đây là hành lang một tòa nhà, rõ rồi, nhưng điều ấy thì đến thằng bé lớp Một cũng

nhận ra.

Từ trung đây là một tòa nhà với nội thất tẻ nhạt đến mức khó hiểu. Như trong chiếc thang máy trở tôi lên đây, các vật liệu được sử dụng toàn là loại thượng hạng, nhưng không có điểm nào để dừng mắt. Nền nhà bằng cẩm thạch đánh bóng sáng choang, tường sơn vàng như màu bánh mì mà tôi vẫn hay ăn sáng. Dọc hai bên hành lang là hàng loạt cửa gỗ nặng trịch, trên mỗi cửa một tấm biển kim loại ghi số phòng; tuy nhiên số phòng được đánh thất thường đến mức ngớ ngẩn. Sau số 936 là đến 1213, tiếp theo là 26. Chẳng đâu có cách đánh dấu phòng vợ vẫn như vậy. Ở đây có gì đó không ổn.

Cô gái hầu như không hé miệng. Tuy cô có nói với tôi “Mời ông đi đường này!” nhưng đó chỉ là cặp môi cô động đậy, không có tiếng nói. Trước khi làm công việc hiện tại, tôi đã theo một lớp học đọc cử động môi, nhờ vậy tôi hiểu sơ sơ ý cô. Thoạt tiên tôi tưởng tai mình có vấn đề. Lúc này là thang máy lặng ngắt, rồi tiếng đăng hăng và huyết sáo không ra hơi, khiến đầu óc tôi rối tung lên vì chuyện âm thanh.

Tôi thử hắng giọng. Nghe vẫn còn ùng đục nhưng đã khá hơn hẳn so với tiếng trong thang máy. Tôi nhẹ người và lấy lại được tự tin về thính giác của mình. Tai tôi thế là ổn. Có nghĩa vấn đề là ở miệng cô gái.

Tôi đi theo sau cô. Trong hành lang trống trải, tiếng gót giày nhọn của cô vang lách cách như trong một mỏ đá ngay sau giờ nghỉ trưa. Nền cẩm thạch phản chiếu bấp chân đi tắt của cô.

Cô gái béo. Trẻ và xinh, nhưng dù vậy vẫn béo. Phụ nữ béo có điều gì đó đáng chú ý, nhất là lại còn trẻ và xinh. Trong lúc theo sau lưng cô, tôi ngắm gáy, tay và chân cô. Thân hình cô mũm mĩm, tựa như đêm qua có một trận mưa tuyết đã dịu dàng phủ lên vậy.

Khi ở cạnh các cô gái trẻ, xinh và béo, lúc nào tôi cũng cực kỳ lúng túng. Chính tôi cũng không rõ tại sao. Rất có thể vì tôi bất giác buộc phải lường tượng ra thói quen ăn uống của những cô gái ấy. Nhìn thấy một cô gái béo là tự khắc đầu tôi tán loạn những hình ảnh, như cảnh cô ta say sưa chén chõ cải xoong trang trí nằm sót lại trên đĩa hay âu yếm dùng mẩu bánh mì quệt nốt giọt nước sốt bơ cuối cùng. Tôi không làm khác được. Như a xít gặm thủng kim loại, đầu tôi chặt cứng những hình ảnh ở bàn ăn đến nỗi không nghĩ được gì khác.

Nếu họ chỉ béo thôi thì không sao. Phụ nữ béo cũng giống mây trên trời, chúng bập bênh trên đó và chẳng đụng chạm gì tới ta. Song nếu họ béo và trẻ và đẹp thì lại khác. Những người như thế buộc tôi phải tỏ một thái độ nhất định khi đứng trước mặt họ. Nghĩa là biết đâu ta sẽ ngủ với họ. Lên giường với một cô gái trong khi đầu óc mông lung là chuyện không đơn giản.

Điều đó hoàn toàn không có nghĩa là tôi ghét phụ nữ béo. Lúng túng và ghét không phải là hai từ đồng nghĩa. Tôi đã ngủ với một loạt cô béo, trẻ và đẹp, và nhìn chung những trải nghiệm ấy thực sự không dở. Lái được sự lúng túng sang một hướng thích hợp thì có thể có kết quả tốt đẹp, một kết quả mà đẳng thẳng ra thì ta không được dây phần. Tất nhiên không phải lúc nào cũng trôi chảy. Tình dục là một công việc rất tinh tế, khác hẳn chuyện ta vào siêu thị ngày Chủ nhật để mua cái phích đựng nước. Phụ nữ có thể vừa béo, vừa trẻ đẹp, nhưng dưới cái vỏ mũm mĩm ấy họ vẫn khác nhau. Tôi có thể lái một dạng mũm mĩm nào đó vào hướng thích hợp, ngược lại thì một dạng khác lại đẩy tôi vào thế lúng túng ghê gớm.

Xét về mặt ấy thì lên giường với phụ nữ béo là một thử thách đối với tôi. Béo cũng có nhiều kiểu và các kiểu ấy khác nhau như các kiểu chết vậy.

Đại để đó là những ý nghĩ của tôi trong khi đi dọc hành lang sau lưng một cô gái trẻ đẹp và béo. Cô quấn một khăn trắng quanh chiếc cổ áo của bộ đồ màu hồng rất thời trang. Bông tai vàng hình vuông lủng lẳng dưới dải tai dày dặn dễ coi của cô chớp lên cùng mỗi bước đi như đèn xi nhan ô tô. Nhìn chung, trong vẻ mũm mĩm ấy, cô vẫn là người nhẹ nhàng và thanh thoát. Tất nhiên có thể cô dùng áo nịt hay gì đó tương tự để bó người, nhưng động tác lắc hông của cô – nếu ta lôi thêm vào để bình phẩm – mang vẻ rắn rỏi dễ chịu. Tôi thấy ưa cô. Kiểu béo của cô là đúng kiểu tôi thích.

Chẳng phải tôi định thanh minh, nhưng không phải bạ cô gái nào tôi cũng thấy thích. Thậm chí ngược lại mới đúng. Vậy nên một khi thấy thích là tôi muốn kiểm tra cảm giác đó ngay, tôi muốn thử theo cách riêng của mình, liệu cảm giác ấy có thật không và nếu thật thì tiếp theo sẽ ra sao.

Vậy là tôi tiến lên ngang hàng cô ta và xin lỗi vì đã đến chậm mất tám, chín phút so với lịch hẹn.

“Tôi không ngờ thủ tục ở cửa mất thời gian đến vậy”, tôi nói. “Mà thang máy lại chậm thế. Đúng mười phút trước giờ hẹn tôi đã có mặt trước cửa rồi.”

“Tôi biết”, cô ra hiệu, thoáng gật đầu. Gáy cô tỏa hương Eau de Cologne. Một mùi hương khiến ta tưởng như đang được đứng trên một cánh đồng dừa bỏ vào một sớm mùa hạ. Không rõ vì sao mùi hương làm tôi chững lại, một cảm giác hi hữu, nghịch cảnh nhưng cũng buồn bã, tựa như hai hoài niệm khác kiểu nhau được chập lại tại một nơi tôi không quen. Tôi hay sa vào những tâm trạng như thế. Và chúng hầu như luôn được gọi ra bởi một thứ mùi hương đặc biệt. Vì sao ư, chính tôi cũng không lý giải nổi.

“Hành lang này dài thế nhỉ”, tôi nói để tìm cách bắt chuyện. Cô vừa đi vừa nhìn tôi. Tôi đoán tuổi cô cỡ hai mươi, hai mốt. Nét mặt cô sắc sảo, trán cao, nước da đẹp.

Cô vẫn nhìn tôi và nói “Proust”. Nghĩa là cô không nói chính xác ra chữ “Proust”, mà tôi chỉ có cảm tưởng môi cô mấp máy theo hình ấy. Trước sau vẫn không thấy tiếng. Thậm chí không nghe cả tiếng cô thở. Hệt như cô nói với tôi khi đứng bên kia một tấm kính dày vậy.

Proust?

“Marcel Proust?”, tôi hỏi.

Cô ngạc nhiên nhìn tôi. ‘Proust’, cô lặp lại. Tôi đành bỏ cuộc, lùi về vị trí cũ của mình và vất óc tìm những từ tương ứng với cử động môi của ‘Proust’. Tôi lăm bắm một loạt từ vô nghĩa cùng vẩn, nhưng không từ nào khớp hẳn với cử động môi của cô. Rõ ràng cô vừa nói ‘Proust’. Tuy nhiên tôi không rõ có mối liên quan nào giữa Proust và đoạn hành lang dài này.

Có thể cô dùng Marcel Proust như một ẩn dụ cho hành lang dài. Nhưng nếu đúng thế chẳng nữa thì ý nghĩ ấy cũng quá đột ngột và xét về cách thể hiện thì ít nhất phải gọi là bất lịch sự. Nếu cô dùng hành lang dài làm ẩn dụ cho các tác phẩm của Proust, được thôi, tôi còn chấp nhận được. Nhưng ngược lại? Đúng là đánh đổ thật.

Hành lang dài như Marcel Proust?

Vậy là tôi đi suốt dọc hành lang dài sau lưng cô. Quả là dài thật. Chúng tôi rẽ hàng nghìn góc, leo lên những cầu thang ngắn năm, sáu bậc rồi lại leo xuống. Quãng hành lang này phải dài gấp năm, sáu lần tòa nhà thông thường. Có lẽ chúng tôi đang đi đi lại lại trong một bức tranh phối cảnh ảo của Escher. Gì thì gì, chúng tôi đi mất bao lâu thì xung quanh cũng chẳng thay đổi chút nào. Nền cẩm thạch, tường vàng trứng, sổ phòng loạn xạ và cửa gỗ có tay nắm inox. Không có lấy một cửa sổ. Hành lang vang tiếng gót giày gõ nhịp chính xác và đều đặn như máy của cô gái, và tôi bám đuôi cô bằng đôi giày thể thao gây ra tiếng động như cao su dai đang rửa ra. Giày tôi kêu lép nhép to quá mức, khiến tôi ái ngại cho lớp đế cao su quả thực đang tan ra. Lần đầu tiên trong đời tôi đi giày thể thao trên nền cẩm thạch, vì vậy không thể đoán tiếng động như vậy là bình thường hay bất thường. Tôi bụng bảo dạ, có lẽ là bình thường nữa bất thường. Vì ấn tượng của tôi là tất cả mọi thứ ở đây đều được xếp đặt theo tỷ lệ ấy.

Cô gái dừng lại đột ngột, và vì suốt cả thời gian tập trung vào tiếng lép nhép dưới đế giày nên tôi không nhìn thấy và xô ngực vào lưng cô. Cảm giác mềm mại dễ chịu như một đám mây mưa dày đặc, và từ gáy cô, hương dừa bỏ lại tỏa ra. Suýt nữa cô ngã chúi về phía trước vì bị xô phải, tôi vội đưa hai tay nắm vào vai cô và kéo lại.

“Xin lỗi”, tôi nói. “Tôi đang mải nghĩ.”

Cô nàng béo nhìn tôi, mặt hơi ửng đỏ. Tôi không dám chắc, nhưng có vẻ cô không bức mình. “Taszer”, cô nói và thoáng mỉm cười. Rồi cô nhún vai nói “Sela”. Tất nhiên cô không thực sự nói ra tiếng, mà – tôi nhắc lại – chỉ mấp máy cặp môi theo hình đó.

“Taszes?”, tôi phát âm như thể học thuộc. “Sela?”

“Sela”, cô xác nhận.

Nghe loáng thoáng như tiếng Thổ Nhĩ Kỳ, vấn đề chỉ là tôi chưa bao giờ nghe tiếng Thổ cả. Vậy thì không phải tiếng Thổ. Dần dần tôi rồi tung đầu óc, do đó tôi quyết định không chuyện trò với cô nữa. Nghệ thuật

nhìn môi đoán chữ của tôi còn cần phải nâng cấp, không phải thứ nắm bắt được trong một khóa học buổi tối kéo dài hai tháng.

Cô rút một chìa khóa điện tử nhỏ nhỏ hình ô van trong túi áo khoác ra và áp nó vào ổ khóa trên cửa phòng có biển số 728. Then cửa kêu lạch cạch. Hiện đại thật.

Cô mở cửa. Rồi nói với tôi đang đứng chặn trên ngưỡng cửa: “Somto, sela.”

Tất nhiên tôi gạt đầu và bước vào.

2. Chương 02

2

Bầy Thú Vàng

Đến mùa thu là toàn thân chúng phủ một lớp lông vàng rờn dày mượt. Vàng theo đúng nghĩa. Không một thứ sắc màu nào khác có thể lẫn vào được. Lông của chúng là vàng, xuất hiện trên thể gian này dưới dạng vàng và tồn tại trên thể gian này dưới dạng vàng. Với màu vàng óng không hề dính một màu pha trộn nào, chúng đứng đó giữa trời cao đất rộng.

Tôi tới thành phố vào một ngày xuân, hồi đó những con thú ấy mang lớp lông ngấn với những màu sắc khác nhau. Đen, nâu xám, hung hung và nâu đỏ. Có những con pha nhiều màu. Bầy thú với bộ lông đủ màu sắc sởn nhằng cuốn đi trên nền đất phủ màu xanh non như bị gió đẩy. Hầu như có thể coi chúng là những con thú hiền lành vì chúng rất trầm lặng. Ngay hơi thở của chúng cũng nhẹ như sương mai. Chúng lặng lẽ gặm cỏ, và no rồi thì rụt cẳng lại nằm lên thềm cỏ mà gà gật ngủ.

Xuân rồi hạ qua đi, và khi ánh sáng trong trời đã nhuộm màu bằng bạc và ngọn gió thu đầu tiên xô những con sóng trên mặt sông lưng lờ thì những thay đổi bên ngoài của bầy thú bắt đầu hiện rõ. Thoạt tiên chỉ xuất hiện những đốm vàng lẻ tẻ, như những khóm cây ngẫu nhiên mọc trái mùa, nhưng chẳng bao lâu chúng tỏa ra vô số nhánh len lõi khắp lớp lông ngấn, để rồi rốt cuộc phủ một lớp vàng lấp lánh sáng lên toàn thân. Toàn bộ diễn biến không đầy một tuần. Sự chuyển hóa bắt đầu gần như cùng lúc ở tất cả các con và chấm dứt hầu như cùng lúc. Sau một tuần, tất cả chòm một tấm chăn vàng rờn, không một ngoại lệ. Sớm hôm sau, khi ánh dương bừng lên và nhuộm thể gian trong ánh vàng tươi trẻ thì đó là lúc mùa thu về.

Riêng cái sừng dài mọc chính giữa trán chúng là trước sau vẫn mang một màu trắng quý phái. Trông nó không giống một cái sừng, đứng ra thì nên gọi là một đoạn xương gãy chọc xuyên qua da và mọc liền lại ở vị trí đó. Duy nhất và chỉ riêng màu trắng của sừng và màu lam của mắt chúng là không chuyển sang ánh vàng tuyệt mỹ. Các con thú hất đầu lên vài nhát và thúc sừng vào bầu trời thu, tựa như chúng muốn thử bộ cánh mới. Rồi chúng lội xuống làn nước sông đã chớm lạnh và ngھn cổ với tới những chùm dâu đỏ mùa thu.

Khi hoàng hôn bắt đầu nhuộm tím bóng nhà cửa hiện trên nền trời, tôi trèo lên trạm canh ở bờ tường phía Tây để xem ông gác cổng thổi tù và đồn sức vật về. Tiếng tù và cất lên một nhịp dài và ba nhịp ngắn. Đó là quy định. Mỗi lần tiếng tù và vang lên là tôi lại nhắm mắt để âm thanh mềm mại ấy nhấn chìm mình. Tiếng tù và khác hẳn mọi âm thanh khác. Như một con cá trong suốt lấp lánh xanh lam, nó trườn qua đường phố đang chìm vào bóng đêm, phủ lên đá rải đường, tường nhà và lũy đất cạnh con đường chạy ven sông. Tựa như ngoằn ngoèo bò qua lớp thời gian vô hình bị khí quyển bao bọc, tiếng tù và khẽ lan tỏa đến tận hang cùng ngõ hẻm của thành phố.

Khi tiếng tù và vang lên, bầy kỳ lân cất cao đầu theo một hoài niệm ngàn xưa. Cùng lúc, hơn một nghìn con vật đứng cùng một tư thế và ngoảnh đầu về phía tiếng tù và vắng đến. Vài con ngừng nhai nhánh kim tước, một con khác ngừng nện móng lên nền đá rải đường, một con khác nữa thức giấc ngủ chiều trong tia nắng cuối cùng – và tất cả cùng cất cao đầu.

Tất cả đứng im trong khoảnh khắc này. Chỉ có bộ lông vàng rờn của chúng khẽ lay động trong gió chiều. Không rõ chúng đang nghĩ gì và đang nhìn gì. Chúng quay đầu theo cùng một góc về một hướng, và trong khi đắm đắm nhìn lên không trung thì chúng đứng im phăng phắc như tượng. Rồi tất cả đồng tai lắng nghe tiếng tù và. Rồi cuối cùng, khi dư âm cuối cùng tan dần trong ánh hoàng hôn nhạt nhòa thì tất cả đứng

dậy và chạy về cùng một hướng, dường như vừa sức nhớ điều gì. Vòng kiếm tỏa đã vỡ, và cả thành phố vang dội tiếng móng đồ dồn. Lúc đó tôi luôn mừng tượng ra vô vàn bong bóng tí xíu sùi lên từ nền đất. Lớp bột ấy phủ lên đường sá, dâng lên dọc theo bờ tường nhà và sau rốt nhấn chìm cả tháp đồng hồ.

Sau đó chỉ là một ảo giác lúc đêm về. Hễ tôi mở mắt ra là lớp bột tan biến tức thì. Chỉ còn tiếng móng gõ như trống, và thành phố nom chẳng khác mọi khi. Bầy thú kéo đi như một dòng sông tràn lên mặt đường, chảy qua các ngõ phố quanh co. Không được chỉ lối. Không có con đường. Chúng cúi đầu và loạng choạng đi dọc lòng sông im lặng. Trông chúng như bị trói chặt bởi những sợi thừng hoài niệm, những sợi thừng rõ ràng tồn tại ngay cả khi không thấy trên mình từng con vật riêng lẻ.

Chúng đi từ phía bắc về, qua Cầu Cũ sang bờ nam, gặp chúng bạn từ phía đông lại, đi dọc kênh qua khu nhà máy, xuống tiếp phía tây, chui qua đường hầm bên dưới xương đực, rồi tập trung ở Đồi Tây.

Khi những con đầu tiên về tới nơi, ông gác cổng liền ra mở. Cánh cổng được gia cố bằng những thanh sắt to đóng ngang dọc, trông rất nặng nề và chắc chắn. Cao khoảng bốn, năm thước, và phía trên có đóng đinh nhọn sắc lẹm để không ai trèo qua. Ông gác cổng ung dung kéo cánh cổng nặng nề ra và dồn những con vật vừa tụ tập ra ngoài. Cổng có hai cánh, nhưng bao giờ ông ta cũng chỉ mở một cánh.

Thường là cánh bên trái khóa chặt. Khi các con vật đã qua hết, ông gác liền đóng cổng lại và cài then.

Theo tôi được biết, Cổng Tây là nơi ra vào duy nhất của thành phố. Bao quanh thành phố là một bức tường thành hùng vĩ cao bảy, tám thước, chỉ chim chóc mới vượt qua nổi.

Khi trời hửng sáng, ông gác lại mở cổng, thổi một hồi tù và lừa súc vật vào. Khi chúng vào hết trong thành, ông lại đóng cổng, như mọi khi, và cài then.

“Thực ra không cần cài then”, ông gác cổng cho tôi hay. “Đằng nào thì ngoài tôi ra cũng chẳng ai kéo được cánh cổng nặng nề này. Mấy người cùng kéo cũng chẳng xong. Nhưng biết làm sao được, quy định là quy định.” Ông kéo cái mũ len sụp xuống sát lông mày và im lặng.

Ông gác cổng là người đàn ông lực lưỡng nhất mà tôi từng thấy. Người ông nung núc chắc nịch, hễ cơ bắp ông động cựa một chút xíu thôi là sơ mi và áo khoác của ông chỉ chực bực ra. Thỉnh thoảng ông nhắm mắt và chìm vào sự im lặng oai vệ. Tôi không biết đó có phải là một dạng sầu muộn của ông, hay các công năng bên trong cơ thể ông bị cắt rời khỏi thế giới xung quanh bằng một động thái nào đó. Dù sao đi nữa, khi sự im lặng đã chế ngự ông thì tôi không còn cách nào khác ngoài đợi cho đến khi ông tỉnh. Đó là lúc ông gác cổng lừ đừ mở mắt ra, vừa nhìn tôi thật lâu với ánh mắt uể oải vừa xoa hai tay vào nhau, tựa như phải gắng sức hiểu ra lý do sự hiện diện của tôi ở đây vậy.

“Tại sao buổi tối ông dồn súc vật lại và cho ra ngoài thành, chỉ để sáng hôm sau lại cho chúng vào?”, tôi hỏi ngay khi thấy ông đã hồi tỉnh.

Ông gác cổng vô cảm nhìn tôi chằm chằm một hồi lâu. “Vì đó là quy định”, ông đáp. “Thế đấy. Giống như mặt trời mọc ở đằng Đông và lặn ở đằng Tây.”

Ngoài việc mở và đóng cổng, hình như phần thời gian còn lại của ông chỉ dành cho việc bảo dưỡng các công cụ. Trong trạm canh có vô thiên lủng các loại công cụ: rìu, đục, dao, và cứ rảnh rỗi là ông mài bén chúng trên phiến đá mài. Sau khi mài xong, các lưỡi cắt lấp lánh sáng trắng và trông rất nguy hiểm. Có vẻ như chúng không phản chiếu ánh sáng mà theo tôi chính chúng chứa một nguồn sáng bí hiểm nào đó.

Thấy tôi ngắm nghía các công cụ, khoe miệng của ông gác cổng nở một nụ cười thỏa mãn.

“Chú ý, chạm một tí tẹo là đứt tay ngay đấy!” Ông chỉ ngón tay sần sùi của mình vào đồng công cụ. “Khác hẳn mấy thứ hàng sản xuất đại trà của bọn nghiệp dư bày bán khắp nơi! Tự tay tôi rèn từng lưỡi dao một đấy. Thế mới gọi là thủ công nghiêm túc, ngày xưa tôi là thợ rèn mà. Bảo dưỡng tử tế, nắm thuận trong tay. Chọn cái cán vừa vặn với trọng lượng lưỡi dao không đơn giản đâu nhé. Cậu cầm một con dao lên tay đi, con nào cũng được, nhưng cẩn thận đừng chạm vào lưỡi!”

Trong đồng công cụ trên bàn tôi lựa ra một con dao nhỏ nhất và cầm lên tay. Quả thật, nó phản ứng nhạy như một con chó săn được huấn luyện và rít một đường khô lạnh trong không khí. Ông gác cổng thật sự có quyền tự hào về bản thân.

“Cán dao tôi cũng làm lấy. Tôi đẽo nó từ gỗ tần bì mười tuổi. Người ta có thể tranh cãi xem vật liệu nào làm cán tốt nhất, tôi thì nhất quyết dùng gỗ tần bì mười tuổi. Không non hơn, cũng không già hơn, được mười tuổi là gỗ có đủ độ cứng, độ ẩm và độ căng mong muốn. Tần bì loại tốt ở Rừng Đông.”

“Ông cần chừng này dao làm gì?”

“Nhiều việc”, ông gác cổng nói. “Mùa đông là phải dùng chúng suốt. Đến mùa đông rồi cậu sẽ thấy. Mùa đông ở đây dài lắm.”

Bên ngoài cổng đàn súc vật có chỗ ngủ qua đêm của chúng. Có cả một con suối để chúng uống nước. Phía sau là một rừng cơ man là táo.

Dọc tường thành phía tây có ba tháp canh, chúng được che chắn tiềm tàng để chống mưa. Từ đây có thể quan sát đàn súc vật qua các cửa sổ rào lưới sắt.

“Ngoài cậu ra chẳng ai ngắm mấy con vật ấy cả”, ông gác cổng nói. “Nhưng rồi cũng chán dần thôi. Cậu hiếm khi đến đây mà. Sống một thời gian ở đây rồi thì cậu sẽ hết hứng. Như mọi người khác. Trừ tuần đầu tiên của mùa xuân.”

Ông kể cho tôi biết, trong tuần đầu tiên của mùa xuân, dân thành phố trèo lên các tháp canh để xem những con vật đánh nhau. Chỉ trong một tuần ấy, hình ảnh bình yên biến đổi không ngờ, chỉ lúc ấy thôi – khi các con vật vừa thay lông mùa đông và ngay trước lúc các con mẹ sắp đẻ con – các con đực xông vào nhau một cách tàn bạo không tưởng tượng nổi. Biển máu tràn lan dưới đất làm nảy sinh một trật tự mới và cuộc sống mới.

Bây giờ là mùa thu, từng con vật khoanh chân nằm riêng một chỗ, những bộ lông vàng tỏa sáng trong nắng chiều. Chúng ghéch đầu lên chờ đợi, im phăng phắc như những bức tượng chôn chân xuống đất, cho đến khi những tia sáng cuối cùng trong ngày biến mất sau tán lá rừng táo. Khi vầng dương cuối cùng cũng lặn hẳn và bóng đêm rủ xuống, chúng gục đầu ngả chiếc sừng trắng lên mặt đất và nhắm mắt.

Thế là hết một ngày trong thành.

3. Chương 03

3

Áo Mưa, Ma Đen, Rửa Số

Cô gái đưa tôi vào một căn phòng rộng rãi và trống trơn. Tường và trần đều trắng, nền thảm màu cà phê, mọi màu sắc đều tinh tế và quý phái. Người ta vẫn nói chung là màu “trắng”, nhưng có trắng quý phái và trắng dung tục. Màu cũng có dòng dõi của nó. Kính mờ trên cửa sổ cần ánh nhìn dò xét ra ngoài, nhưng ánh sáng lờ mờ chiếu từ bên ngoài vào thì rõ ràng là ánh nắng. Có nghĩa là tôi không ở trong một tầng hầm, thang máy nhất định đã đi lên phía trên. Tôi yên tâm được một chút vì không bị cảm giác đánh lừa. Cô gái ra hiệu mời tôi ngồi xuống. Tôi ra chiếc sofa bọc da ở giữa phòng và ngồi vắt chân chữ ngũ. Tôi vừa ngồi thì cô gái ra khỏi phòng, qua một cửa sổ khác với cửa chúng tôi đi vào.

Trong phòng hầu như chẳng có gì đáng gọi là đồ nội thất. Trên bàn nước có bật lửa, gạt tàn và một hộp thuốc lá, tất cả đều bằng gốm. Tôi mở nắp hộp thuốc lá ra, nhưng trong hộp không có gì. Trên tường không treo tranh vẽ hay ảnh, không một tờ lịch. Không có gì thừa.

Một bàn giấy lớn kê cạnh cửa sổ. Tôi đứng dậy đi tới cửa sổ, trên đường đi tôi ngó lên bàn giấy. Mặt bàn là một tấm nặng, nhiều ngăn kéo lớn ở hai bên. Trên bàn có một chiếc đèn bàn, ba cây bút bi hiệu Bic và một quyển lịch để bàn, cạnh đó là một nắm kẹp ghim giấy vương vãi. Tôi kiểm tra lịch: ngày tháng chính xác. Lịch chỉ ngày hôm nay.

Ba tủ kết loại thường dễ thấy ở khắp nơi đứng trong một góc phòng. Chúng không hợp với căn phòng. Trông có vẻ nặng nề công việc, quá thô. Phải tay tôi thì tôi sẽ kê vài cái tủ gỗ lịch sự vào phòng, nhưng đây không phải phòng tôi. Tôi đến đây vì công việc. Ở đây có kê mấy cái tủ sắt màu lông chuột hay đặt máy nghe nhạc màu trái đào thì cũng chẳng dính gì đến tôi cả.

Bức tường bên trái gắn một tủ âm với những cánh cửa gấp cao và hẹp. Đó là toàn bộ đồ nội thất trong căn phòng này. Không đồng hồ, không điện thoại, không máy gọt bút chì, không ấm nước. Không tủ sách, không kệ tài liệu. Tôi không đoán nổi công năng và mục đích căn phòng này. Tôi quay lại sofa, ngồi vắt chân chữ ngũ và ngáp.

Chỉ mười phút sau cô gái quay lại. Không nhìn tôi, cô mở một tủ kết, lấy ra một vật màu đen bóng ôm trên ngực rồi đem ra bàn. Đó là chiếc áo mưa gấp ngay ngắn và một đôi ủng. Trên cùng là một cặp kính bảo hộ giống giống như loại phi công trong Thế chiến I vẫn đeo. Tôi không hề đoán được việc gì đang diễn ra.

Cô gái nói với tôi gì đó, nhưng môi cô mấp máy quá nhanh, tôi không đọc nổi.

“Phiên chị nói chậm hơn một chút được không? Tôi không giỏi đọc theo môi lắm.”

‘Ông mặc đồ này vào đi.’ Giờ thì cô nói chậm và mở miệng to hơn. Thực tình tôi chẳng thích thú khi mặc đồ đi mưa này vào, nhưng tranh cãi với cô bé có lẽ còn khó nhọc hơn, vì vậy tôi lặng lẽ làm theo lệnh cô. Tôi cởi giày thể thao và xỏ chân vào ủng, khoác áo mưa ra ngoài áo thể thao. Nó nặng như chì, và giày to hơn chân tôi chừng một, hai số. Song tôi không nói gì.

Cô gái bước ra trước mặt tôi, giúp tôi cài khuy áo mưa xuống đến tận mắt cá và kéo mũ đội lên đầu. Trong lúc làm việc đó, chóp mũi tôi chạm vào vầng trán nhẵn nhụi của cô. “Thơm quá!”, tôi nói. Một câu khen cho nước hoa Eau de Cologne của cô.

‘Cảm ơn’, cô nói và kéo móc cài mũ kín đến mũi tôi. Rồi cô chỉnh kính bảo hộ vòng ra ngoài áo mưa cho đúng chỗ. Trông tôi như một xác ướp được bọc lại để tránh nước mưa.

Sau đó cô mở tủ tường, một tay lôi tôi vào đó, bật đèn và lấy tay kia đóng tủ. Chúng tôi đang ở trong một tủ đựng quần áo. Nhưng không có quần áo treo bên trong, chỉ có vài mắc áo và băng phiến. Tôi tưởng tượng ra, đây chắc phải là một lối thông bí mật được ngụy trang thành tủ hay gì đó tương tự. Chẳng có lý gì để cuốn tôi vào cái áo mưa rồi đẩy vào một tủ quần áo bình thường.

Cô gái lần mò tới một cần kéo kim loại trong góc, lập tức, đúng như mong đợi, vách tủ mở ra – có một cái hang to bằng cốp xe ô tô loại nhỏ. Hang đen thui, có thể nhận thấy hơi lạnh ẩm ướt phả ra. Một làn gió không dễ chịu lắm. Ngoài ra có gì đó liên tục réo như tiếng nước sông chảy.

“Trong đó là một con suối”, cô gái nói. Tôi có cảm giác tiếng nước réo đưa lại cho ngôn ngữ không tiếng động của cô thêm chút thực tế. Dường như cô có phát âm thực sự nhưng đã bị tiếng suối reo át đi. Ấn tượng của tôi là bây giờ tôi hiểu cô dễ hơn. Thật kỳ lạ, nhưng đúng thế.

“Ông cứ việc đi ngược con suối, sẽ đến một thác nước lớn, ông phải đi xuyên qua đó. Đằng sau là phòng thí nghiệm của ông tôi. Ông sẽ nhìn thấy ngay.”

“Ông cô đợi tôi ở đó à?”

“Vâng”, cô nói và trao cho tôi một cây đèn pin chống nước có dây đeo. Thực ra tôi không hứng thú chui vào cái hang đen thui này, nhưng bây giờ thì bàn cãi nữa cũng chẳng đem lại gì. Tôi trấn tĩnh và ột chân vào bóng tối đang ngoác mồm ra. Rồi khom người xuống, luồn đầu và vai vào, kéo chân kia theo. Áo mưa cứng quèo khiến mọi việc khá khó khăn, song tôi cũng chui được từ tủ quần áo ra sau bức tường. Tôi ngấm cô gái mũm mĩm trong tủ quần áo. Nhìn qua kính bảo hộ và từ trong hang tối, trông cô cực kỳ đáng yêu.

“Ông hãy cẩn thận! Không được rời xa con suối, và tuyệt đối không rẽ. Cứ thế đi thẳng!”, cô nói. Cô khom lưng vươn tới phía trước và nhìn thẳng vào mặt tôi.

“Đi thẳng, thác nước”, tôi kêu to.

“Đi thẳng, thác nước”, cô nhắc lại.

Tôi thử uốn môi làm điệu bộ chữ ‘Sela’. Cô mỉm cười chào lại: ‘Sela’. Rồi cửa đóng sập lại.

Sau khi cửa đóng, tôi đứng trong bóng tối mịt mù. Tối mù theo đúng nghĩa đen của từ này, không một chút ánh sáng bằng đầu kim lọt vào đây. Tôi không nhìn thấy gì, tuyệt đối không thấy gì. Thậm chí không thấy cả bàn tay đưa lên trước mắt. Bàng hoàng như vừa bị quật ngã, tôi đứng im một lúc. Trần ngập cảm giác

bất lực lạnh giá, tôi thấy mình như con cá được gói cẩn thận trong nylon rồi quăng vào tủ lạnh. Cửa sập đánh rầm! Đột ngột bị ném vào bóng tối mù mịt, trong một thoáng toàn bộ sức lực rời khỏi cơ thể. Ít nhất thì trước khi đóng cửa lại cô gái cũng nên cảnh báo tôi một câu chứ?

Khi tôi mò mẫm bật được đèn pin, ánh sáng vàng thân thuộc chọc thủng màn đêm. Thoạt tiên tôi chiếu xuống chân, rồi mới dần dần soi nền đất xung quanh. Tôi đang đứng trên một bệ bê tông vuông mỗi chiều dài ba thước. Từ mép bệ, vách đá đổ dốc thăm thẳm, không nhìn thấy đáy. Và không có cả tay vịn lẫn rào chắn. Tôi khá bức mình: cô ta cũng phải nhắc tôi đề phòng cả chuyện này mới đúng.

Bên mép bệ có một chiếc thang nhôm để trèo xuống. Tôi quàng đèn pin chéo ngang ngực và thận trọng leo xuống từng bậc trơn nhẵn. Càng xuống sâu tiếng nước réo càng to và rõ hơn. Đằng sau tủ tường trong phòng của một cao ốc có vực sâu, dưới đáy là dòng suối chảy: có nên tin là thật không! Lại còn ở giữa Tokyo nữa chứ! Càng nghĩ về chuyện này tôi càng điên đầu hơn. Trước tiên là cái thang máy kỳ quái, sau đó đến con bé béo quay nói không ra tiếng, còn bây giờ lại còn cảnh tượng này. Có lẽ tôi nên đơn giản từ chối công việc này và quay về nhà. Tất cả quá nguy hiểm và điên rồ từ đầu đến đuôi. Mặc dù vậy tôi vẫn trèo tiếp xuống dọc vách đá tối om. Một phần vì danh dự nghề nghiệp, phần khác vì cô gái mũm mĩm vận đồ hồng. Chẳng hiểu sao tôi thấy lo lắng cho cô ta, tôi không thể đơn giản từ chối và rút lui được.

Được hai chục bậc tôi nghỉ lấy hơi, thêm mười tám bậc nữa thì chạm đáy. Tôi cẩn thận chiếu đèn từ chân thang ra xung quanh. Tôi đang đứng trên một phiến đá cứng và phẳng, cách một đoạn nữa là một dòng suối rộng chừng hai thước. Trong ánh đèn pin, mặt nước cuộn cuộn như cờ trong gió. Có vẻ như nước suối chảy khá xiết, nhưng sâu chừng nào và nước màu gì thì tôi không nhận ra. Tôi chỉ thấy nó chảy từ trái qua phải. Thế thôi.

Tôi chiếu đèn xuống đất và đi tiếp ngược dòng. Thỉnh thoảng tôi lại cảm thấy có gì đó lấp ló quanh mình, và hắt ngược ánh đèn lên, nhưng chẳng thấy gì. Chỉ thấy dòng suối và vách đá dựng đứng ở hai bên. Có lẽ hệ thần kinh đã chơi khăm tôi trong bóng tối.

Đi được năm, sáu phút, qua tiếng vọng của nước tôi nhận ra là trần ngày càng hạ thấp. Tôi chiếu đèn lên trên nhưng không nhìn thấy gì vì ánh sáng không chọc qua nổi bóng tối. Sau đó, như lời cô gái, có vài lối rẽ ở hai bên vách đá, hay gọi là khe đá thì đúng hơn. Phía dưới có nước rì rỉ chảy ra và tạo thành những dòng nhỏ ngoằn ngoèo nhập vào suối. Tôi tiến lại gần một trong những khe đá ấy và thử chiếu đèn vào, nhưng không phát hiện được gì. Chỉ nhận ra nó nở rộng đáng kể về phía sau. Tôi không có chút hứng thú nào để bước vào đó.

Tại trái nắm chắc đèn pin, tôi tiếp tục lần mò ngược dòng trong bóng tối; tôi cảm thấy mình giống như một con cá trên đường hóa rồng. Nước suối khiến đá trong lòng suối trơn tuột, tôi phải căng thẳng chú ý từng bước một. Nếu tôi trượt chân trong cái hũ nút tối om này và ngã xuống nước hay đánh vỡ đèn pin thì chắc chỉ còn nước cầu trời mà thôi.

Tôi tuyệt đối tập trung tinh thần vào mỗi bước chân nên thoạt tiên không nhận thấy một ánh sáng yếu ớt đang vung vẩy đằng trước. Khi tôi ngẩng lên nhìn thì nó đã tiến sát khoảng bảy, tám thước. Tôi bất giác tắt đèn pin, thọc tay qua vạt áo mưa và rút con dao trong túi quần sau ra. Tôi mò mẫm sờ đến lưỡi dao và bật nó ra. Xung quanh tôi chỉ còn đêm đen và tiếng suối reo.

Khi đèn pin của tôi vừa tắt thì ánh sáng yếu ớt kia lập tức cũng dừng chuyển động. Nó vẽ trong không khí hai vòng tròn lớn. Nhất định có ý là 'Không có vấn đề gì, mọi việc ổn cả'. Nhưng tôi vẫn đứng im, căng thẳng chú ý và đợi xem người đằng trước sẽ làm gì. Cuối cùng thì ánh sáng lại vung vẩy, xoay tròn và tiến về phía tôi như một con đom đóm khổng lồ có trí khôn. Như bị thôi miên, tôi nhìn chăm chăm vào đốm sáng, tay phải cầm dao, tay trái cầm chiếc đèn pin đã tắt.

Cách tôi khoảng ba thước thì ánh sáng dừng lại, dịch lên trên và khựng lại. Nó quá yếu, khiến tôi thoát tiên không rõ nó chiếu vào đâu, nhưng cổ giương mắt lên thì tôi nhận ra một cái đầu trùn mủ chụp. Trên sống mũi là cặp kính bảo hộ giống của tôi. Người đàn ông này cầm trong tay một chiếc đèn hộp loại vãn bày bán trong cửa hiệu đồ cắm trại. Ông ta soi nó lên mặt mình. Ông ta hét lên với tôi qua tiếng nước réo, nhưng tôi không nghe thấy gì, và trời quá tối để có thể nhìn môi đoán miệng.

"... lý do vì... đoán ra thế. Hoặc anh... tiếc rằng, để mà...", dường như ông ta muốn nói thế, nhưng nó chẳng có ý nghĩa gì với tôi. Song ít nhất nó cũng không có vẻ nguy hiểm gì, vì vậy tôi bật đèn pin lên, rọi từ bên

cạnh lên mặt mình, và bằng cách gõ gõ vào tai, tôi ra hiệu để ông biết tôi gần như chẳng nghe được gì cả.

Ông ta gật đầu mấy lần liền cho thấy đã hiểu, hạ đèn xuống, thọc tay vào túi áo đi mưa của mình và lần mò dưới áo; ngay sau đó tiếng ào ào xung quanh chúng tôi khẽ dần, tựa như tiếng nước triều đột ngột hạ xuống. Tôi nghĩ là mình sắp bất tỉnh và cho rằng tiếng động biến khỏi đầu vì mình đang kém tỉnh táo. Tôi gồng hết mình để đợi ngã lặn ra – dù chẳng rõ làm sao lại có thể ngất đi được.

Mấy giây trôi qua, tôi không ngã lặn ra, mà cũng chẳng thấy xỉu xuống. Duy chỉ tiếng ồn xung quanh là giảm đi rõ rệt.

“Tôi ra đón anh”, người đàn ông nói. Lần này thì tôi nghe rất rõ.

Tôi lắc đầu, kẹp đèn pin dưới nách, gấp lưỡi dao và cất vào túi quần. Hôm nay quả là một ngày lắm chuyện!

“Chuyện gì xảy ra với tiếng ồn vậy?”, tôi hỏi.

“À, tiếng ồn. Ầm quá phải không? Tôi chỉnh khẽ đi đây. Xin lỗi ông. Giờ thì mọi chuyện ổn rồi”, ông nói, đầu gật liên tục. Tiếng suối réo ào ào bây giờ chỉ còn như ai nói thì thầm.

“Nào, ta đi thôi.”

Người đàn ông quay lưng lại phía tôi và vững bước lội ngược suối. Tôi đi theo sau, rọi đèn pin xuống đất.

“Chỉnh khẽ đi – có nghĩa đây là tiếng động nhân tạo?”, tôi nói về hướng mà tôi đoán là lưng ông.

“Không”, người đàn ông nói. “Đó là tiếng động thiên nhiên.”

“Và ông có thể chỉnh cho âm thanh của thiên nhiên khẽ đi?”

“Nói cho đúng thì tôi không chỉnh cho chúng khẽ đi”, ông trả lời. “Tôi rút âm thanh đi.”

Tôi hơi bần khoản, nhưng thôi không hỏi thêm nữa thì hơn. Tôi không có quyền tra hỏi người ta lắm thế. Tôi tới đây để hoàn tất nhiệm vụ của mình, và người giao nhiệm vụ cho tôi muốn chỉnh âm thanh khẽ xuống hay tắt nó đi hay trộn với vodka chanh thì cũng chẳng liên quan gì đến nhiệm vụ đó cả. Vậy nên tôi ngậm miệng lại và im lặng đi theo ông.

Sau khi người đàn ông tắt tiếng nước réo đi, xung quanh trở nên im ắng. Thậm chí nghe rõ được cả tiếng nhóc nhách của ủng cao su. Mấy lần có tiếng ken két trên đầu, tựa như có người miết hai viên sỏi vào nhau, rồi im lặng trở lại.

“Có dấu hiệu của ma đen lẫn quất đầu đây, vì vậy tôi đi đón anh cho chắc. Thường thì chúng không dám mò đến tận đây, nhưng cũng có khi xảy ra rồi, lũ khốn khiếp”, người đàn ông nói.

“Ma đen...”, tôi nói.

“Chắc anh không muốn bị chúng quấy nhiễu chứ?”, người đàn ông nói và cười phá lên.

“Không bị thì hơn”, tôi đáp. Ma đen hay của nợ nào cũng thế - trong cái chốn đen như mực này thì tôi không muốn gặp ai hoặc cái gì bất thường cả.

“Vì thế mà tôi ra đón anh”, người đàn ông nhắc lại. “Bọn ma đen không phải chuyện đùa đâu.”

“Cảm ơn ông”, tôi nói. Một lát sau có tiếng ào ào ở phía trước, giống như có người quên khóa máy nước. Thác nước. Tôi chỉ rọi đèn lướt qua nên không thấy rõ lắm, song có vẻ là một thác nước khá lớn. Giả sử không tắt tiếng ồn đi thì có lẽ ở đây ầm ĩ kinh khủng. Bọt nước bắn lên tận kính bảo hộ.

“Ta phải đi qua đó, đúng không?”, tôi hỏi.

“Vâng”, người đàn ông nói. Rồi ông đi về phía thác nước mà không giải thích một lời – và biến mất. Tôi hấp tấp chạy theo – còn biết làm gì khác?

May mà chúng tôi đi xuyên qua đoạn thác “khô” nhất, mặc dù vậy sức nước vẫn ầm ầm tôi muốn khụy xuống. Để đi vào và ra khỏi một phòng thí nghiệm mà lần nào cũng bị thác nước hành hạ - kể cả khi có áo mưa hay không – thì quả là ngu xuẩn. Ngay cả khi phải cân nhắc vấn đề bảo mật chẳng nữa thì nhất định phải

có giải pháp thông minh hơn. Đứng giữa thác nước thì tôi trượt chân và ngã dập đầu gối lên đá. Mất âm thanh, sự cân bằng giữa tiếng động và thực trạng do tiếng động gây ra bị nhiễu loạn đáng kể, khiến tôi rối cả lên. Thác nước phải âm ào thích hợp với lượng nước của nó chứ.

Đằng sau thác nước hiện ra một miệng hang đủ rộng ột người lọt qua, dẫn đến một cửa sắt. Người đàn ông rút trong túi áo mưa ra một vật gì đó trông như máy tính bỏ túi, đút nó vào một rãnh cạnh cửa và bấm bấm một hồi, đến khi cánh cửa im lìm trượt vào bên trong.

“Ta đến rồi. Mời anh vào”, người đàn ông nói và nhường tôi đi trước để cài chốt cửa từ bên trong. “Vất vả quá phải không?”

“Không, ờ... không đến nỗi...”, tôi nhũn nhặn đáp.

Người đàn ông cười, kính vẫn thượng trên mũi, mũi chụp đầu và dây đèn hộp đeo vòng trên cổ. Một kiểu cười hô hố khá kỳ quái.

Chúng tôi ở trong một căn phòng lớn nhưng lạnh và kém thân thiện, trông như phòng thay đồ của nhà tắm công cộng. Trên và cạnh các giá xếp là nửa tá áo mưa đen, ủng cao su và kính bảo hộ sắp thành hàng lối. Tôi lột kính, treo áo choàng lên mắc áo và đặt ủng vào giá. Đèn pin thì tôi treo lên cái móc trên tường.

“Rất xin lỗi vì đã bắt anh phải vất vả đến thế”, người đàn ông nói, “song ta phải cẩn trọng. Không được phép sao nhãng vì bên ngoài có khối kẻ rình rập.”

“Bọn ma đen?”, tôi bắt nọn.

“Đúng vậy. Và không chỉ riêng bọn ma đen, nói thêm để anh khỏi ngạc nhiên,” người đàn ông nói và gạt đầu tư lự. Rồi ông dẫn tôi vào phòng tiếp khách nằm sau phòng thay đồ. Lúc này khi bỏ cái áo mưa đen ra, người đưa đường của tôi hóa ra là một ông già trông thâm thấp và trang nhã. Không béo bệu, nhưng to ngang. Da dẻ hồng hào trắng kiện, sau khi ông rút trong túi ra một cặp kính không gọng đeo lên trông ông như các chính khách tiền chiến cao cấp thời kì trước chiến tranh vậy.

Ông bảo tôi ngồi xuống sofa bằng da còn mình ra bàn giấy ngồi. Căn phòng giống hệt căn phòng mà tôi được dẫn vào ban đầu. Màu thảm, ánh sáng, giấy dán tường, sofa, mọi thứ giống hệt. Trên bàn vẫn có những vật dụng cho người hút thuốc. Một cuốn lịch bàn trên bàn giấy và một nhúm ghim giấy, cũng nằm lộn xộn tương tự. Tôi có cảm tưởng rằng mình vừa lượn ra ngoài một vòng rồi quay lại chính căn phòng cũ. Chẳng gì thì tôi vẫn còn nhớ như in vị trí của từng cái ghim giấy một.

Ông già quan sát tôi một hồi. Rồi ông cầm lên một cái ghim giấy lên, bẻ duỗi ra và ngó ngoáy đẩy ngược lớp da viền trên móng ngón trỏ bàn tay trái một lúc lâu. Xong rồi, ông ném cái ghim giấy đã duỗi thẳng ra vào gạt tàn. Tôi ngẫm nghĩ, giả sử kiếp sau có được đầu thai thành một vật thì tôi nhất quyết sẽ không làm ghim giấy. Đẩy lớp da viền móng tay của một ông già lẩm cẩm rồi sau đó bị vút vào gạt tàn, quả là viễn cảnh kém hấp dẫn.

“Theo thông tin của tôi, hiện nay bọn ma đen và ký hiệu sư đang cộng tác với nhau”, ông già nói. “Tất nhiên không nên hiểu rằng bọn chúng là đồng minh thật sự. Vì bọn ma đen quá thận trọng, còn ký hiệu sư thì dã tâm quá lớn. Nghĩa là quan hệ này chỉ hạn chế ở mấy nhóm rất nhỏ. Song đó là một dấu hiệu không lành. Hiện nay đã có vài tên ma đen lẫn quất đầu đây, dù không phải là lãnh địa của chúng. Nếu cứ tiếp tục như thế này thì chẳng mấy chốc sẽ nhưng nhúc toàn ma đen ở đây, và tôi sẽ gặp phải vấn đề nghiêm trọng.”

“Đúng thế”, tôi nói, “đúng thế đấy”. Tôi chẳng rõ ma đen là ai hay cái gì. Song nếu thực sự bọn ký hiệu sư liên minh với một thế lực nào đó thì hậu quả đối với tôi cũng cực kỳ khó chịu. Chưa có chuyện đó thì giữa chúng tôi và bọn ký hiệu sư đã có một tương quan cạnh tranh không mấy cân bằng, khề lay động một chút là đủ làm tất cả sụp đổ tan tành. Có thể nhận ra cán cân bấp bênh đó chỉ riêng qua việc chúng tôi không biết gì về các ma đen, còn phe kia thì biết rõ. Cũng có thể chỉ mình tôi, một toán sư quèn công tác độc lập tại hiện trường, là không biết gì về các ma đen, còn ban chỉ huy đã nắm tình hình từ lâu.

“Thôi được, chuyện đã thế rồi”, ông già nói. “Nếu anh đồng ý thì tôi muốn bắt tay vào việc ngay.”

“Bất cứ lúc nào”, tôi nói.

“Tôi đã nhờ người đại diện giới thiệu toán sư giỏi nhất, và người ta đã chọn anh. Ai cũng khen ngợi anh là người xuất sắc về kỹ thuật, có bản lĩnh và làm việc tận tình. Ngoài chuyện anh thiếu tinh thần đồng đội thì không có gì đáng chê cả.”

“Tôi nghĩ là người ta hơi quá lời”, tôi khiêm tốn nói.

Ông già lại bật cười hô hố. “Nhưng tinh thần đồng đội là chuyện vặt. Bản lĩnh mới quan trọng. Thiếu bản lĩnh thì không thành toán sư hạng nhất được. Bù lại thì anh cũng được trả lương hậu hĩnh.”

Biết trả lời gì đây. Tôi im lặng. Ông già lại cười hô hố và đưa tôi qua phòng làm việc bên cạnh.

“Tôi nghiên cứu sinh học”, ông nói. “Nhưng lĩnh vực công tác của tôi rộng hơn nhiều, chỉ riêng chữ sinh học thì không bao hàm hết được. Lĩnh vực của tôi dần trải từ chức năng sinh lý của não, âm thanh học và ngôn ngữ học cho đến nghiên cứu tôn giáo. Tôi xin được phép gọi công việc của mình là độc đáo và có ý nghĩa cực kỳ trọng đại. Hiện tại tôi chủ yếu nghiên cứu khẩu cái của động vật có vú.”

“Khẩu cái?”

“Cái miệng ấy, anh bạn trẻ ạ. Cấu trúc của miệng. Nó cử động ra sao, phát âm ra sao, vân vân. Tôi nghiên cứu các vấn đề đó. Anh hãy nhìn xem.” Ông bật một công tắc trên tường, phòng làm việc sáng bừng lên. Cả bức tường đầu hồi là một cái giá nhiều ngăn, xếp chặt nịch đầu lâu của đủ loại động vật có vú. Từ hươu cao cổ đến ngựa, gấu trúc và chuột, các loài thú có vú mà tôi biết đều có mặt, phải đến ba, bốn trăm cái. Tất nhiên có cả sọ người. Sọ người da trắng và da đen, người châu Á và châu Mỹ, từng cặp giới tính một.

“Xương sọ của cá voi và voi tôi để dưới tầng hầm. Chúng chiếm tương đối nhiều chỗ, chắc anh cũng hiểu”, ông già nói.

“Vâng, dĩ nhiên”, tôi nói. Hai hộp sọ cá voi là chật phòng rồi.

Như hẹn nhau, tất cả các đầu lâu đều há hốc miệng ra, và đều chăm chăm nhìn từ hai trố mắt trống rỗng sang bức tường đối diện. Đó là những tiêu bản để nghiên cứu, đương nhiên, nhưng đứng giữa một núi đầu lâu như thế này cũng không được dễ chịu cho lắm. Trên một giá khác là một hàng dài toàn lưỡi, tai, môi và thanh quản ngâm phoóc môn, nhưng không nhiều như số xương sọ.

“Một bộ sưu tập khá đầy chứ?”, ông già hài lòng nói. “Có người sưu tập tem, có người sưu tập đĩa hát, một số khác có hầm rượu vang, có ông triệu phú thì đặt xe tăng ngoài vườn. Tôi sưu tập đầu lâu. Thế giới muôn màu. Chính vì thế mà nó thú vị, đúng không anh bạn?”

“Vâng, đúng thế”, tôi nói.

“Từ hồi còn khá trẻ tôi đã quan tâm nhiều tới xương sọ động vật có vú và rất dễ tâm sự lắm. Bao nhiêu nhỉ, ờ, gần bốn chục năm rồi. Để hiểu rõ một cái đầu lâu, cần có nhiều thời gian hơn người ta vẫn tưởng. So với việc ấy thì hiểu một con người bằng xương bằng thịt chỉ là trò trẻ con. Tôi nói hoàn toàn nghiêm túc đấy. Nhưng người còn trẻ như anh thì người ta quan tâm đến xác thịt hơn, đúng không?”, ông già nói và lại cười hô hố. “Tôi đã mất trọn ba chục năm cho đến khi nghe được những âm thanh phát ra từ xương sọ. Ba chục năm, bạn trẻ ạ, không phải là chuyện đùa đâu!”

“m thanh?”, tôi nói. “Đầu lâu phát ra âm thanh?”

“Phải”, ông già nói. “Mỗi cái đầu lâu có âm thanh riêng. Có thể gọi chúng là một dạng tín hiệu mật. Đầu lâu biết nói, tôi nói thế là theo nghĩa đen chứ không phải dùng ẩn dụ. Hiện tại tôi đang phân tích các tín hiệu này. Khi việc hoàn thành thì ta sẽ có khả năng chế ngự và sử dụng chúng.”

“Một công trình hoành tráng”, tôi nói. Tôi không hiểu từng chi tiết, nhưng nếu sự việc diễn ra như ông già nói thì rõ ràng đây là một công việc cực kỳ có ý nghĩa. “Quả là công trình có ý nghĩa trọng đại”, tôi nói.

“Thực vậy”, ông già gật đầu nói. “Chẳng trách bọn chúng cứ hau háu tìm hiểu. Chúng nó vĩnh hết tai lên, chỉ chục lợi dụng kết quả nghiên cứu của tôi ục đích xấu. Nếu lọc được những ý nghĩ khỏi xương sọ thì chẳng việc gì phải tra tấn nữa. Người ta chỉ việc giết chết nạn nhân, lóc thịt ra và làm sạch đầu lâu là xong.”

“Khủng khiếp quá”, tôi nói.

“Không rõ là may hay không may mà tôi chưa tiến xa đến thế. Hiện giờ người ta mới lấy được những ký ức chính xác khi lọc trực tiếp từ não được khuấy tan ra thôi.”

“Nhân đạo nhỉ”, tôi nói. Chặt đầu hay bổ não ra thì có khác gì nhau lắm đâu?

“Vì vậy tôi mới nhờ đến anh: không được để bọn ký hiệu sư ăn cắp các thông tin từ phòng thí nghiệm”, ông già nghiêm mặt nói. “Cuộc khủng hoảng văn minh mà chúng ta đang trải qua vốn sinh ra từ tình trạng lợi dụng và ứng dụng khoa học, xét về mặt tích cực lẫn tiêu cực. Tôi tin tưởng sắt đá rằng khoa học chỉ tồn tại vì khoa học mà thôi.”

“Tôi kính trọng niềm tin của ông”, tôi nói. “Nhưng có một chuyện tôi muốn biết rõ. Chuyện công việc. Nhiệm vụ lần này không đến từ Hệ thống hay từ một đại diện chính thức, mà do ông giao trực tiếp. Một việc ngoài luồng. Nói trắng ra là có thể vi phạm quy định nghề nghiệp. Nếu đúng thế thì có thể người ta sẽ kỷ luật tôi và tước giấy phép hành nghề. Ông biết điều đó chứ?”

“Tôi biết rất rõ”, ông già nói. “Tôi hiểu là anh đang lo ngại. Nhưng công việc này được giao qua Hệ thống, hoàn toàn đúng quy định. Tôi bỏ qua thủ tục văn phòng và liên lạc thẳng với anh cũng chỉ vì lý do bảo mật. Anh sẽ không bao giờ bị kỷ luật.”

“Ông có bảo đảm được không?”

Ông già lôi một tập tài liệu trong ngăn kéo ra và đưa cho tôi. Tôi lật xem. Quả thật, có một văn bản giao việc chính thức của Hệ thống. Mẫu công văn chính xác. Các chữ ký chính xác.

“Rất tốt”, tôi nói và trả lại cặp tài liệu. “Theo thứ hạng của mình, tôi làm việc theo hệ số hai. Được chứ ạ? Hệ số hai nghĩa là...”

“Nghĩa là anh tính gấp hai mức thù lao cơ bản. Tôi đồng ý. Thậm chí tôi còn thưởng thêm nữa: hệ số ba!”

“Ông hào phóng quá.”

“Tính toán là chuyện quan trọng. Vả lại anh còn phải đi xuyên thác nước nữa!” Ông lại cười phá lên.

“Tôi xin được xem các số liệu đã”, tôi nói. “Sau đó tôi sẽ quyết định sử dụng phương pháp nào. Ai là người tính toán trên máy tính?”

“Tôi làm trên puter của tôi. Trước đó và sau đó, nếu anh đồng ý, là việc của anh.”

“Càng tốt. Sẽ đỡ cho tôi rất nhiều.”

Ông già đứng dậy và mó máy một hồi lâu trên tường. Một khoảng tường đột ngột mở ra. Người ta hẳn đã tốn khá nhiều công sức cho phòng thí nghiệm này. Ông già rút ra một cặp tài liệu thứ hai và đóng lại. Bức tường biến trở lại thành một mặt phẳng trắng tinh như ban nãy. Tôi đón lấy cặp tài liệu và đọc: bảy trang giấy, in toàn những số nhỏ li ti.

“Rửa mấy số này không quá mười phút”, tôi nói. “Ít có sự lặp lại dãy số tương tự như thế này thì hầu như không lo bị tạm thời bắc cầu tắt qua. Dĩ nhiên về mặt lý thuyết thì vẫn luôn xảy ra khả năng ấy, song sẽ không chứng minh được cầu nào đúng, mà không chứng minh được thì nó không loại trừ được một chuỗi lỗi tiếp theo. Giống như băng qua sa mạc mà không có la bàn vậy. Tuy nhiên, nhà tiên tri Moses đã từng làm được.”

“Moses thậm chí còn vượt biển.”

“Đó là chuyện cổ tích rồi. Ít nhất tôi cũng chưa nghe nói đến trường hợp ký hiệu sư nào phá được mật mã ở cấp độ này.”

“Vậy anh cho rằng chỉ một lần mã hóa? Một lần chuyển dạng là đủ?”

“Chuyển dạng hai lần thì quá nhiều rủi ro. Nó sẽ triệt tiêu hoàn toàn khả năng xâm nhập bằng phương pháp bắc cầu tạm thời, nhưng phương pháp này hiện tại vẫn là một phép màu khó thực thi. Quá trình chuyển dạng chưa hoàn hảo. Phương pháp chuyển dạng hai lần vẫn còn trong giai đoạn thiết kế.”

“Tôi không nói tới chuyển dạng hai lần”, ông già nói và lại lấy ghim giấy gẩy gẩy da móng tay: lần này ở ngón giữa của bàn tay trái.

“Mà là...?”

“Chuỗi ngẫu nhiên, anh bạn trẻ ạ. Tôi nói đến chuỗi ngẫu nhiên. Tôi muốn anh rửa số và sắp xếp lại theo dạng tình cờ. Vì vậy tôi mới gọi anh. Chỉ rửa số thôi thì gọi người khác cũng được.”

“Ông đánh đổ tôi”, tôi nói và vất chân chữ ngũ. “Ông lấy thông tin này từ đâu ra? Chuỗi số ngẫu nhiên là chuyện tối mật, người ngoài không ai biết cả.”

“Nhưng tôi biết. Tôi có quan hệ với các nhân vật cấp cao trong hệ thống.”

“Thế thì ông hãy dùng đường dây ấy để hỏi lại xem: phương pháp chuỗi số ngẫu nhiên đã bị đình chỉ. Tôi không biết tại sao. Chỉ biết là cấm không được sử dụng nữa. Nếu lộ ra người nào sử dụng thì rút giấy phép là nhẹ nhất.”

Ông già lại chìa cặp tài liệu đựng giấy ủy thác ra. “Anh đọc trang cuối đi. Trong đó nhất định có cả giấy phép sử dụng phương pháp chuỗi số ngẫu nhiên đấy.”

Theo lời ông, tôi lật trang cuối ra đọc kỹ. Được phép sử dụng hệ thống chuỗi số ngẫu nhiên, không nghi ngờ gì cả. Tôi đọc đi đọc lại. Chính xác. Năm chữ ký. Có trời mà biết mấy vị trên kia có những trò ngấm ngầm gì. Bảo người ta đào hố rồi lại lấp đi. Lấp xong rồi lại đào lại. Chỉ khổ mấy quân tốt đen.

“Ông cho tôi tất cả các giấy tờ giao nhiệm vụ một bản màu. Nếu xảy ra chuyện gì mà không giải trình được thì tôi sẽ bị rắc rối to.”

“Không thành vấn đề”, ông già nói. Anh sẽ được nhận bản sao. Anh không phải lo lắng gì cả. Giấy tờ nghiêm chỉnh và chặt chẽ đến từng dấu phẩy. Thù lao của anh hôm nay tôi trả một nửa, nửa kia trả khi nộp dữ liệu. Được chứ?”

“Rất tốt. Rửa số thì tôi làm ngay ở đây. Số đã rửa rồi thì tôi sẽ đem về để sắp xếp theo dạng ngẫu nhiên ở nhà. Việc này cần mấy bước chuẩn bị. Sau khi hoàn thành các dữ liệu thì tôi lại đem qua đây.”

“Nhưng chậm nhất là ba ngày nữa, vào giữa trưa tôi cần chúng...”

“Đủ thời gian”, tôi nói.

“Nhưng anh không được phép trễ vì bất cứ lý do gì”, ông già nhấn mạnh. “Nếu anh đến chậm thì hậu quả sẽ rất kinh khủng.”

“Gì cơ? Thế giới sẽ sụp đổ hay sao?”, tôi hỏi đùa.

“Xét về mặt nào đó thì đúng đấy”, ông già nói đầy ẩn ý.

“Ông đừng sợ. Tôi chưa trễ hẹn một lần nào hết”, tôi nói. “Nếu được thì cho xin một phích cà phê đen nóng, và nước đá. Và một bữa ăn tối nhẹ để vừa làm vừa ăn. Tôi có cảm giác là sẽ lâu đấy.”

Quả thật công việc kéo dài khá lâu. Sắp xếp con số theo thứ tự là một việc tương đối đơn giản, nhưng có nhiều giá trị bậc gần liền với trường hợp cụ thể, khiến việc tính toán trở nên mệt mỏi hơn tôi nghĩ khi mới ngó qua. Trong khi tính toán, tôi đưa các số vào bán cầu não phải, sau khi chuyển chúng thành ký hiệu khác hẳn thì lại đưa sang bán cầu não trái là nơi tôi biến các ký hiệu nhận được của bán cầu não phải một lần nữa thành các số khác hẳn, trước khi tôi đánh máy viết chúng ra giấy. Việc này gọi là rửa số - cách miêu tả ở trên đã được đơn giản hóa nhiều. Mỗi toán sư có một mật mã riêng. Nó khác dãy số tự nhiên hỗn loạn ở tính chất biểu đồ. Bí quyết nằm trong đường biên hình răng cưa giữa nửa phải và nửa trái của não (tất nhiên đây chỉ là cách phân chia cho dễ giải thích, chứ thực tế không có phân chia phải trái). Vẽ ra biểu đồ trông như sau:

Nói cách khác, nếu hai mảnh răng cưa không khớp nhau hoàn toàn thì không thể biến những con số đã biến chuyển trở lại thành dữ kiện nguyên thủy được. Tuy nhiên giới ký hiệu sư vẫn cố nhận dạng các dữ liệu đánh cấp được bằng cách bắc cầu tạm: chúng tái tạo các giá trị số đã được phân tích thành dạng biểu đồ răng cưa ba chiều. Lúc được, lúc không. Chúng tôi cải tiến kỹ thuật của mình tinh vi hơn thì chúng cũng chế vũ khí chống lại tinh vi hơn. Chúng tôi bảo vệ dữ liệu, bọn chúng đánh cắp dữ liệu. Trò cảnh sát và kẻ cướp kinh điển.

Bọn ký hiệu sư chủ yếu tung các dữ liệu đánh cắp được ra chợ đen và đạt lợi nhuận khổng lồ. Trường hợp tệ nhất là chúng giữ lại các dữ liệu quan trọng nhất, đem sử dụng trong tổ chức riêng của mình để sinh lợi.

Tổ chức chúng tôi được gọi là Hệ thống, tổ chức của ký hiệu sư là Nhà máy. Ban đầu, Hệ thống là tổ hợp của vô số hãng tư nhân, dần dần họ phát triển về tầm cỡ và mang bản chất nửa nhà nước. Về cơ cấu, không khác mấy so với công ty điện thoại Bell Company của Mỹ. Các toán sư hoạt động độc lập trên cơ sở tự quản, giống như cổ vấn tài chính hay luật sư. Nhưng họ phải có giấy phép hành nghề do nhà nước cấp và chỉ được nhận đặt hàng của Hệ thống hay các đại lý có chứng chỉ. Đó là một biện pháp bảo vệ để chống bị Nhà máy lạm dụng, ai vi phạm sẽ bị kỷ luật hay rút giấy phép hành nghề. Tôi e là không phải trong trường hợp nào biện pháp này cũng thích hợp. Các toán sư mất giấy phép thường được Nhà máy chiêu mộ, nghĩa là họ biến thành ký hiệu sư hoạt động bí mật.

Tôi không rõ cơ cấu của Nhà máy. Nó khởi nguồn từ một doanh nghiệp công nghiệp nhỏ và bành trướng nhanh đến chóng mặt. Có người gọi Nhà máy là “mafia dữ liệu”, và quả thực cũng có sự tương đồng với mafia là Nhà máy chỉ duy nhất buôn bán dữ liệu. Nhà máy giám sát có chủ ý các máy tính để đột nhập vào.

Tôi rửa số; trong khi làm tôi uống hết ấm cà phê. Làm một tiếng, nghỉ nửa tiếng – đúng quy định. Làm khác đi thì nửa phải và nửa trái của óc không ráp khớp nhau, và giá trị số sẽ bị nhiễu loạn.

Trong các lần nghỉ nửa tiếng tôi nói chuyện với ông già về đủ mọi chuyện trời đất. Nói chuyện, bất kể về đề tài gì, là phương pháp tốt nhất để bộ não mệt mỏi tái tạo sức lao động.

“Những số này là gì vậy?”, tôi hỏi.

“Số đo trong thí nghiệm”, ông già nói. “Kết quả của một năm nghiên cứu. Hình ba chiều thể hiện thể tích của xương sọ và khẩu cái được số hóa liên kết với phân tích ba nhân tố của các âm thanh phát ra. Tôi đã kể bạn này là tôi mất ba chục năm để nghe được các âm thanh do xương sọ phát ra: nếu tính toán xong xuôi thì chúng ta sẽ đạt trình độ không chỉ thu được âm thanh một cách thụ động, mà còn biết được cơ sở lý thuyết của chúng nữa.”

“Và điều khiển được chúng?”

“Đúng thế”, ông già nói.

“Điều khiển chúng sẽ có ích lợi gì?”

Ông già liếm môi trên và im lặng hồi lâu. “Sẽ có đủ kiểu lợi ích trên đời. Tôi không thể cho anh biết được, nhưng đó là những khả năng mà anh nằm mơ cũng không thấy nổi.”

“Tắt âm thanh đi chẳng hạn?”, tôi hỏi.

“Trúng đích, chính xác, hô hô hô.” Ông già cười khoái trá. “Có thể kết hợp vào tín hiệu vốn có của xương sọ người và tắt âm thanh đi hay chỉnh to lên. Hình dáng hộp sọ mọi người rất khác nhau nên không thể tắt hẳn âm thanh được, nhưng có thể chỉnh cho khẽ hẳn đi. Nói đơn giản là làm cho các sóng âm thanh và sóng phản âm thanh cộng hưởng với nhau. Việc tắt âm thanh là một trong những kết quả nghiên cứu vô hại nhất của tôi.”

Nếu đó là chuyện vô hại thì tôi có thể mừng tượng ra các kết quả còn lại sẽ kinh khủng đến chừng nào. Nghĩ đến việc ai cũng có thể tắt hoặc tăng âm thanh là tôi sờn hết cả gai ốc.

“m thanh có thể tắt theo hai chiều, chiều nói và chiều nghe”, ông già nói. “Chiều nghe là ví dụ như tiếng nước réo bạn này, đồng thời ta cũng có thể tắt cả chiều nói. Nói thuộc về hành vi của cá nhân, có thể tắt đến một trăm phần trăm được.”

“Ông có muốn công khai các kết quả ấy không?”

“Có mà dờ hơi mới làm thế. Không”, ông già phẩy tay. “Một chuyện thú vị như vậy không khi nào tôi lại đưa cho người lạ. Tôi chỉ làm để tự giải trí thôi.” Ông lại cười hô hô. Tôi cũng cười.

Tôi chỉ định đăng thành quả nghiên cứu của mình lên tạp chí chuyên ngành, mà chẳng có ai hứng thú với âm thanh học cả, ông nói. “Còn lũ học giả bình thường thì quá ngu để có thể hiểu luận thuyết của tôi. Thêm nữa là giới hàn lâm có thêm đêm xỉa đến tôi đâu.”

“Giới ký hiệu sư cũng không ngu đâu. Về mặt giải mã thì bọn họ là những thiên tài. Họ đọc các kết quả của ông như đọc một cuốn sách mở ấy chứ.”

“Tôi đã phòng xa rồi. Tôi đăng bài hoàn toàn ở dạng giả thuyết, không kèm dữ liệu, không mô tả tiến trình. Bọn nó sẽ không bao giờ hiểu nổi đâu. Giới khoa học không để ý đến tôi, nhưng có hề gì! Một trăm năm nữa luận thuyết của tôi sẽ được chứng tỏ là đúng, với tôi thế là đủ.”

“Hừm”, tôi thốt lên.

“Vì vậy anh hãy rửa và đảo số đi.”

“Vâng”, tôi nói, “thưa ông.”

Trong giờ tiếp theo tôi tập trung tinh thần tính toán. Rồi đến giờ nghỉ.

“Xin hỏi một câu nữa”, tôi nói.

“Anh hỏi đi”, ông già đáp.

“Về cô gái ở cửa. Đậm người, vận đồ màu hồng...”

“Đó là cháu tôi”, ông già nói. “Con bé rất có năng khiếu, tuy còn trẻ nhưng đã giúp tôi nhiều việc nghiên cứu.”

“Câu hỏi của tôi là: cô ấy bị câm, hay chỉ nói theo cách mà ông đã tắt tiếng đi?”

“Thôi chết”, ông già đập tay lên đầu gối. “Tôi quên bég đi mất! Xong thí nghiệm rồi mà không chỉnh lại bình thường... Chết chết, tôi phải ra làm ngay.”

“Vâng”, tôi nói.

4. Chương 04

4

Thư Viện

Trung tâm thành phố là một quảng trường hình bán nguyệt phía bắc Cầu Cũ. Nửa kia hình bán nguyệt, nghĩa là phần còn lại của hình tròn, nằm về phía Nam, bên kia sông. Hai hình bán nguyệt nọ có tên là Quảng trường Bắc và Quảng trường Nam, là hai phần của một tổng thể, song người ngoài nhìn vào lại có ấn tượng là chúng khác nhau đến mức đối nghịch. Đứng trên Quảng trường Bắc ta cảm nhận được sức nặng của một bầu không khí huyền bí, tựa như đây là nơi tụ họp sự tĩnh lặng của muôn nẻo thành phố đổ về từ bốn phương trời. Ngược lại thì ở Quảng trường Nam chẳng có gì để cảm nhận. Có chăng chỉ là một cảm giác mơ màng về sự khiêm khuyết tuyệt đối lơ lửng trên quảng trường.

Một tháp đồng hồ mọc giữa Quảng trường Bắc, trông như khoan thẳng vào nền trời. Nói cho đúng thì không thể gọi nó là tháp đồng hồ, mà chỉ là một vật thể có dạng tháp đồng hồ. Và kim đồng hồ đứng im, và riêng như thế đã không hoàn tất được công năng nguyên thủy của mình rồi.

Ngon tháp xây bằng đá, đáy vuông và nhỏ dần lên cao. Bốn cạnh tháp quay về bốn phương Đông, Tây, Nam, Bắc. Trên đỉnh tháp là bốn mặt đồng hồ, các cây kim chỉ khoảng mười giờ ba lăm và không chuyển động lấy một li. Nhìn những ô cửa sổ nhỏ nhỏ ngay phía dưới mặt đồng hồ thì đoán ra là ngọn tháp rỗng ruột, và người ta mong đợi nhìn thấy một cái thang hay thứ gì tương tự để leo lên, song không sao tìm thấy một lối vào. Ngon tháp cao sừng sững, người ta phải đi qua Cầu Cũ về phía nam nếu muốn đọc được số trên mặt đồng hồ.

Những ngôi nhà xây bằng đá hay gạch tạo thành nhiều vòng cung bán nguyệt bao quanh Quảng trường Bắc theo hình rẽ quạt. Không ngôi nhà nào có một đặc điểm gọi là đáng nhớ - không một nét trang trí, thậm chí chẳng treo một tấm biển, các cánh cửa chớp đóng im ỉm, và không một bóng người đi ra đi vào. Tựa tựa như nhà bưu điện thiếu thư từ hay mỏ than thiếu thợ mỏ hay nhà quán thiếu xác chết. Cứ mỗi lần đi ngang qua là tôi lại có cảm giác sau những bức tường vây quanh tôi có những người không hề quen biết đang nín thở làm tiếp những công việc mà tôi còn biết ít hơn nữa.

Thư viện nằm trong một góc phố như thế. Một ngôi nhà rất đối bình thường xây bằng đá, không khác các ngôi nhà khác về bất cứ phương diện nào. Tuyệt đối không có một dấu hiệu nào, một chi tiết bên ngoài nào chứng tỏ đây là thư viện. Trông bức tường đá rêu phong cũ kỹ, rêu ô vằng hẹp, cửa sổ song sắt và những cánh cửa gỗ nặng nề có thể cho nó là một kho ngũ cốc. Nếu ông gác cổng không phác họa khá chi tiết đường đi thì có lẽ tôi chẳng đời nào tin đó là thư viện.

“Chừng nào ổn định chỗ ăn ở rồi thì cậu nên đến thư viện”, ông gác cổng dặn từ hôm đầu tôi mới đến đây. “Cậu nói với cô quản lý là cậu được thành phố trao nhiệm vụ đọc những giấc mơ xưa. Cô ấy sẽ chỉ cho cậu phần còn lại.”

“Giấc mơ xưa?”, tôi bắt gác nhắc lại. “Ông nói giấc mơ xưa nghĩa là gì?”

Ông gác cổng ngừng tay gọt thanh gỗ tròn tròn bằng con dao nhỏ - một cái chêm, cọc gỗ hay thứ gì tương tự, rồi thu gọn mớ mùn gỗ vương trên bàn ném vào thùng rác.

“Giấc mơ xưa là giấc mơ xa xưa chứ sao nữa. Thư viện đầy mấy thứ đó. Cậu cứ xem kỹ những gì cậu thích là đủ.”

Ông gác cổng kiểm tra kỹ thanh gỗ tròn đã làm xong, tỏ vẻ hài lòng và đặt nó vào giá sau lưng, cùng với chừng hai chục đồ vật tương tự.

“Cậu có quyền hỏi, nếu muốn, nhưng tôi có trả lời không là quyền tôi”, ông gác cổng nói, hai tay chấp sau gáy. “Và cũng còn một số chuyện mà tôi không thể trả lời cậu được. Tóm lại là từ giờ trở đi cậu sẽ hằng ngày đi thư viện và đọc những giấc mơ xưa. Vì đó là công việc của cậu. Sáu giờ tối cậu đến đó, đọc đến mười, mười một giờ. Cô quản lý lo đồ ăn tối cho cậu. Trong thời gian còn lại cậu muốn làm gì thì tùy. Không có ràng buộc nào cả. Hiểu rồi chứ?”

“Hiểu ạ”, tôi đáp. “Tôi sẽ làm công việc này bao lâu?”

“ Bao lâu ư? Tôi không biết. Tôi nghĩ là đến một thời điểm thích hợp”, ông gác cổng nói. Rồi ông rút trong đồng gỗ ra một khúc vừa ý và bắt đầu vót.

“Thành phố này nghèo lắm, không có chỗ cho người ăn không ngồi rồi. Mỗi người có vị trí của mình, ai làm việc nấy. Việc của cậu là đọc các giấc mơ xưa ở thư viện. Chắc cậu không nghĩ là đến đây để rong chơi chứ?”

“Tôi đâu ngại công việc. Dù sao cũng hơn là chẳng có việc gì làm”, tôi đáp.

“Thấy chưa”, ông gác cổng nói, mắt vẫn nhìn mũi dao. “Kể từ giờ cậu là ‘Người đọc mơ’. Cậu sẽ không có tên nữa. ‘Người đọc mơ’, đó là tên cậu. Như tên tôi là ‘Người gác cổng’ ấy mà. Hiểu chưa?”

“Hiểu”, tôi đáp.

“Cũng như thành phố này chỉ có một người gác cổng, sẽ chỉ có một người đọc các giấc mơ. Người đọc mơ phải có chức vị. Tôi sẽ ban cho cậu chức vị đó.” Nói đoạn ông lấy một cái đĩa trắng nhỏ và nông từ chạn bát đĩa, đặt lên bàn và đổ dầu vào. Sau đó ông bật diêm châm lửa. Rồi ông lấy trong chạn ra một con dao hình thù cổ quái, rộng bản như dao quẹt bơ, hơ mũi dao mười phút trên ngọn lửa. Sau đó ông thổi tắt lửa và đợi lưỡi dao nguội đi.

“Chỉ để đánh dấu cho cậu thôi”, ông gác cổng nói. “Không đau chút nào đâu, cậu không việc gì phải sợ. Thoắt một cái là xong ngay thôi.”

Ông lấy ngón tay vạch mí mắt trên của tôi lên và chọc mũi dao vào đồng tử của tôi. Nhưng, đúng như ông nói, không đau chút nào hết, và cũng lạ lùng là tôi chẳng thấy sợ gì cả. Mũi dao nhẹ nhàng và im lìm lách vào đồng tử của tôi như đâm vào một miếng thạch. Ông lặp lại động tác đó bên mắt trái.

“Khi nào cậu xong việc đọc mơ của mình thì các vết sẹo cũng tự biến mất”, ông gác cổng vừa nói vừa dọn đĩa và dao cất đi. “Có nghĩa là, có thể coi chúng là dấu hiệu nhận dạng của người đọc mơ. Nhưng chừng nào còn mang dấu hiệu này thì cậu hãy tránh xa ánh sáng ban ngày! Mắt cậu bây giờ không được nhìn vào mặt trời, hiểu chưa? Nếu cậu cứ làm thì hình phạt sẽ hiện ra nhãn tiền. Từ giờ cậu chỉ được ra ngoài vào buổi tối hay lúc nào trời nhiều mây. Những hôm có nắng thì cậu phải ở nhà và che phòng cho tối vào.”

Nói xong ông đưa tôi một cặp kính đen và bảo tôi lúc nào cũng phải đeo, trừ khi ngủ.

Tôi mất ánh sáng mặt trời như vậy đấy.

Một buổi tối sau đó mấy hôm, rồi tôi cũng đến đứng trước cổng thư viện. Cánh cổng nghiêng kèn kẹt khi tôi đẩy ra. Sau cửa là một hành lang dài thẳng tắp. Mọi thứ đầy bụi bặm, không khí tù hãm chắc đã hàng năm trời rồi. Gỗ lát nền lún mòn vẹt ở những chỗ nhiều người đi lại, lớp vữa trát tường có màu vàng xỉn bởi ánh sáng từ bóng đèn điện hắt vào.

Hai bên hành lang là dãy cửa chẳng xích có khóa, trên nắm đấm cửa tích tụ một lớp bụi trắng. Chỉ có tấm cửa mỏng mảnh bằng kính mờ ở cuối hành lang là không khóa. Phía sau cửa có ánh đèn. Tôi gõ mấy lần nhưng không có ai đáp. Tôi bèn xoay nắm cửa kiểu cổ bằng đồng thau; cửa mở nhẹ nhàng vào trong. Không thấy một bóng người. Căn phòng trống tuênh toàng gợi nhớ đến một phòng đợi tàu quá lớn ở ga – không cửa sổ, không có gì đáng gọi là đồ trang trí. Một cái bàn thô sơ, ba ghế đầu, bếp lò bằng gang đúc – chấm hết. Ngoài ra còn có một chiếc đồng hồ đứng và quầy sách. Một cái ấm đen sì có lớp trắng men sứ sọc đặt trên bếp lò phì hơi trắng. Sau quầy sách là một tấm cửa kính mờ như cửa ra vào, và phía sau nó cũng thấy ánh sáng. Tôi lưỡng lự, không rõ có nên gõ cửa ấy không. Rốt cuộc tôi quyết định đợi đến khi có người đi ra.

Trên mặt quầy vương vài cái ghim giấy màu bạc. Tôi cầm một cái lên nghịch chơi, lát sau tôi ra bàn ngồi.

Mười hay mười lăm phút trôi qua. Một cô gái bước ra từ cửa sau quầy, trong tay cầm kéo cắt giấy hay vật gì đó tương tự. Có vẻ như cô ta hơi giật mình khi thấy tôi, vì gò má cô chợt đỏ ửng. “Xin lỗi anh”, cô nói với tôi, “em không biết là có người đến. Lẽ ra anh cứ gõ cửa đi chứ. Suốt buổi em dọn dẹp ở phòng trong. Lắm thứ lộn xộn quá.”

Tôi im lặng nhìn cô một lúc lâu. Tôi linh cảm khuôn mặt cô đánh thức trong tôi một ký ức nào đó. Có gì đó ở người đàn bà này khuấy tung lớp cặn đọng dưới đáy tiềm thức của tôi. Tôi không rõ điều đó có nghĩa gì. Mọi thứ nằm vùi dưới bóng tối xa xăm. “Anh biết đấy, chẳng có ai đến đây nữa. Ở đây chỉ còn những ‘giấc mơ xưa’ thôi, không còn gì khác.”

Tôi khẽ gật đầu, mắt vẫn không rời khuôn mặt cô. Tôi cố đọc ra điều gì – trong mắt cô, trên môi, trên vầng trán cao và trong mái tóc búi ngược ra sau gáy, song tôi càng chìm sâu vào chi tiết thì cảm tưởng bao quát càng vượt khỏi tay tôi và càng nhạt nhòa đi. Tôi đành chịu, nhắm mắt lại.

“Xin lỗi, anh có nhầm nhà không? Ở khu này nhà nào trông cũng giống nhà nào”, cô nói và đặt kéo xuống mặt quầy cạnh các ghim giấy. “Chỉ có người đọc mơ mới được sử dụng thư viện và đọc các giấc mơ xưa. Ngoài người ấy ra không ai được vào nhà này.”

“Tôi đến đây để đọc mơ”, tôi nói. “Đó là nhiệm vụ thành phố trao cho tôi.”

“Xin lỗi, nhưng anh có thể bỏ kính xuống được không?”

Tôi bỏ cặp kính đen xuống và quay mặt qua phía cô. Cô nhìn sâu vào mắt tôi, vào đồng tử nhuộm màu xám bạc – dấu hiệu của người đọc mơ. Có cảm giác như ánh mắt của cô xuyên vào tận tâm can tôi.

“Được rồi. Anh đeo kính lại đi”, cô nói. “Anh uống cà phê nhé?”

“Vâng, cảm ơn”, tôi nói.

Cô đi lấy hai cái tách từ phòng trong, rót cà phê từ ấm ra và ngồi đối diện tôi.

“Em không chuẩn bị gì cho hôm nay cả. Anh cho phép chúng ta ngày mai bắt đầu đọc mơ”, cô nói. “Phòng này có hợp ý anh không? Em có thể mở khóa cho anh dùng một trong những phòng đọc.”

“Anh không muốn phiền em”, tôi đáp. “Em sẽ hỗ trợ anh chứ?”

“Vâng. Nhiệm vụ của em là bảo quản những giấc mơ xưa và giúp người đọc mơ.”

“Anh và em đã gặp nhau ở đâu lần nào chưa?”

Cô ngẩng đầu nhìn tôi. Có vẻ như đang lục lọi trong trí nhớ, tìm một gợi ý, nhưng rồi cô bỏ cuộc và lắc đầu. “Anh biết đấy, ký ức ở thành phố này vốn mỏng mảnh và không ổn định. Người ta nhớ được vài chuyện, các chuyện khác thì quên. Anh tha lỗi, nhưng có lẽ em không nhớ ra anh.”

“Không sao”, tôi nói. “Không quan trọng.”

“Nhưng biết đâu em đã gặp anh một lần ở đâu đó rồi cũng nên. Vì em chỉ toàn sống ở đây, và thành phố này cũng nhỏ.”

“Anh mới đến đây được vài hôm.”

“Mới được vài hôm?” Cô ngạc nhiên. “À, thế thì nhất định anh nhầm em với ai đó. Từ khi sinh ra em chưa rời thành phố này lần nào. Có lẽ anh thấy ai đó giống em chăng?”

“Ừ, hình như thế”, tôi nói và chiêu cà phê. “Cũng là chuyện bình thường xảy ra với anh. Đôi khi anh nghĩ rằng mỗi người trong chúng ta ngày xưa đã từng sống ở một nơi khác, từng có một cuộc đời khác. Vì một lý do nào đó, chúng ta đã lú hết và hôm nay sống tiếp mà không hề biết gì về ngày xưa nữa. Đã bao giờ em có ấn tượng như thế chưa?”

“Không”, cô nói. “Anh chỉ tưởng tượng ra thế thôi, vì anh là người đọc mơ mà. Người đọc mơ sống trong một thế giới tư duy và cảm xúc khác hẳn người thường.”

“Có lẽ thế”, tôi nói.

“Thế anh có biết ngày xưa anh ở đâu và làm gì không?”

“Anh không nhớ nổi”, tôi đáp. Rồi tôi ra quầy lấy một cái ghim giấy, ngắ nó một lát. “Nhưng anh có cảm giác rõ ràng có một cái gì đó từng tồn tại. Và cả chuyện anh từng gặp em ở đó nữa.”

Trần phòng thư viện rất cao. Ở đây im lìm như dưới đáy biển. Tôi đưa mắt nhìn vợ vẫn khắp phòng, đầu óc trống rỗng và tay cầm ghim giấy. Cô gái lặng lẽ ngồi uống cà phê ở bàn.

“Anh cũng không rõ tại sao mình lại ở đây”, tôi nói.

Tôi nhìn đăm đăm lên trần. Những giọt sáng vàng từ bóng đèn tỏa xuống bắt đầu phình lên và rúm lại. Chắc chắn vì con người tôi bị thương tổn. Ông gác cổng đã biến đổi công năng của mắt tôi để chúng nhìn được những điều đặc biệt.

“Nhất định phải có lý do thì anh mới tới đây, nhưng bây giờ anh không nhớ ra nữa”, tôi nói.

“Thành phố này rất yên tĩnh”, cô nói. “Nếu thứ anh định tìm là sự tĩnh lặng thì chắc chắn anh sẽ thấy hài lòng ở đây.”

“Ừ, có lẽ vậy”, tôi trả lời. “Hôm nay anh làm việc gì ở đây?”

Cô lắc đầu, chậm rãi nhồm dẩy và dọn hai cái tách không đi. “Hôm nay không có gì cho anh làm ở đây cả. Mai ta sẽ bắt đầu công việc. Anh cứ về nhà nghỉ cho khỏe.”

Tôi nhìn lần nữa lên trần, rồi nhìn mặt cô. Không nhầm được, tôi linh cảm khuôn mặt cô gắn chặt với gì đó trong tâm hồn tôi. Và chính cái gì đó đang khẽ lay động tâm hồn tôi. Tôi nhắm mắt và cố sục sạo trong tâm hồn tối tăm mù mịt của mình. Cũng là lúc sự tĩnh lặng trùm xuống người tôi như một lớp bụi mỏng tang.

“Sáu giờ ngày mai anh quay lại”, tôi nói.

“Tạm biệt”, cô đáp.

Rời khỏi thư viện, tôi đứng tựa vào thành Cầu Cũ, lắng nghe tiếng sông chảy rì rào và ngắm nhìn thành phố. Bầy thú đã biến mất. Tất cả chìm trong bóng tối xanh nhạt của chiều tà – tháp đồng hồ, tường thành bao quanh thành phố, dãy nhà ven sông, dãy núi phía bắc nhấp nhô hình lưỡi cưa. Ngoài tiếng nước reo, không một tiếng động nào khác lọt tới tai tôi. Cả những con chim cũng được lệnh bay tới đâu đó rồi thì phải.

Cô ta nói, có lẽ tôi tới đây tìm sự yên tĩnh. Nhưng tôi không thể nào chứng thực được điểm này.

Quanh tôi đã tối mịt, và khi đèn đường ven sông bật lên thì tôi lên đường về phía Đồi Tây, qua những con phố vắng ngắt bóng người.

5. Chương 05

5

Lập Bảng Tính Toán,

Tiến Hóa, Hứng Tình

Trong khi ông già trở lên để trả lại tiếng nói cho cô cháu gái mà ông đã bỏ lại trong tình trạng câm lặng, tôi vừa uống cà phê vừa lập bảng tính toán.

Tôi thực sự không rõ ông vắng mặt bao lâu. Tôi đặt chế độ báo thức trên đồng hồ đeo tay theo chu kỳ 1 tiếng – 30 phút – 1 tiếng – 30 phút, và theo nhịp đó tôi làm tính – giải lao – làm tính – giải lao. Tôi tắt chế độ hiển thị giờ. Cứ nghĩ tới thì giờ thì sẽ ảnh hưởng đến việc tính toán. Đối với công việc của tôi thì hiện tại đang là mấy giờ chẳng có ý nghĩa gì cả. Khi tôi bắt đầu tính thì công việc bắt đầu, và khi tôi tính xong thì công việc chấm dứt. Chỉ riêng chu kỳ 1 tiếng – 30 phút – 1 tiếng – 30 phút là quan trọng.

Trong lúc ông già đi khỏi, tôi cho là mình đã giải lao hai hay ba lần. Tôi nằm ra sofa và không nghĩ đến chuyện gì nhất định: Rồi đi vệ sinh, tập chống đẩy. Nằm trên cái sofa này rất thoải mái. Không cứng quá, cũng không mềm quá. Vì công việc của mình tôi đi khắp nơi, và đến giờ giải lao là tôi nằm ra, song hiếm khi tìm được một chiếc sofa thoải mái. Thường là những đồ vật thô thiển mà người ta mua về hù dọa chẳng suy tính. Ngay cả những sofa đẹp, thoát trông biết ngay là loại đắt tiền, cũng thường làm ta thất vọng khi duỗi cẳng ra nằm trên đó. Thật khó lý giải tại sao người ta lại vô tâm vô tính đến thế khi chọn mua sofa.

Tôi tin chắc – một trong những định kiến của tôi – rằng sự tinh tế của con người thể hiện trong chính cách chọn sofa. Sofa là một trong những thành trì vững chãi bất khả công phá. Chỉ ai lớn lên cùng những bộ sofa dễ chịu mới biết điều đó. Hệt như khi người ta trưởng thành trong môi trường sách hay hoặc nhạc hay. Một bộ sofa tốt sẽ sinh ra một bộ sofa tốt, một bộ tồi để tiếp ra một bộ tồi. Đời là vậy.

Tôi quen khối người đi ô tô cực kỳ xịn, nhưng ở nhà thì ngồi bộ sofa giỏi lắm là hạng hai hay hạng ba. Họ không đáng để tôi tin. Ô tô đắt thì có giá trị của nó, không phải bàn, nhưng nó vẫn chỉ là một chiếc ô tô đắt tiền mà thôi. Ai có tiền là mua được. Nhưng để mua nổi một bộ sofa tử tế thì cũng cần, nhưng không chỉ tiền là đủ. Không hiểu thấu đáo thế nào là sofa thì người ta không bao giờ mua được sofa thượng hạng.

Không nghi ngờ gì, bộ sofa của ông già mà tôi đang duỗi dài nằm nghỉ là một bộ hạng nhất. Nó khiến tôi cảm tình với ông. Tôi duỗi chân, nhắm mắt, ngẫm nghĩ về ông già có cách nói cười kỳ khôi. Tôi tưởng tượng ra việc ông tắt âm thanh: không nghi ngờ gì, với kỳ tích này ông thuộc vào hàng ngũ các nhà khoa học đầu bảng. Lấy đâu ra một nhà khoa học bình thường biết tắt âm thanh? Một nhà khoa học bình thường thậm chí còn không nghĩ ra điều đó. Với lại, thêm vào đó ông già này còn phải là người tương đối khác đời nữa. Trong giới khoa học vốn không hiếm loại người lập dị và thù nghịch, nhưng ai tiến xa được đến mức xây một phòng thí nghiệm bí mật sâu tít trong lòng đất, lẩn tránh mắt nhìn của thế gian sau một thác nước?

Nếu ông tung kỹ thuật tắt âm thanh này ra bán thì chắc chắn sẽ kiếm được bộn tiền. Trước tiên là các trang bị âm thanh sẽ biến khỏi mọi phòng hòa nhạc. Người ta sẽ không cần các máy tăng âm khổng lồ nữa. Người ta có thể triệt tiêu mọi tạp âm. Máy bay lắp máy triệt âm sẽ được dân chúng ở cạnh sân bay tung bừng chào đón. Mặt khác, công nghệ này sẽ được ứng dụng cho vô số mục đích quân sự và hình sự. Người ta sẽ khảm trương thiết kế các kiểu phi cơ ném bom không tiếng động và súng ống vô thanh. Nhưng cũng sẽ xuất hiện loại bom mà sóng nổ của nó xé nát óc, và kỹ thuật giết người bằng hệ thống âm thanh sẽ ngày càng tinh xảo hơn. Chắc chắn ông già ý thức được điều đó, giữ kín kết quả nghiên cứu của mình, vì vậy ông không phổ biến chúng. Mỗi lúc, ông càng chiếm nhiều cảm tình của tôi hơn.

Tôi đang trong chu kỳ làm việc thứ năm hay thứ sáu thì ông già quay về. Ông xách một giỏ lớn.

“Tôi có cà phê mới pha và mấy cái bánh mì kẹp”, ông nói. “Nhân dưa chuột, giảm bông và phô ma. Hy vọng đúng ý anh.”

“Rất cảm ơn ông. Đúng món tôi thích”, tôi nói.

“Anh có muốn ăn ngay không?”

“Tôi làm hết đợt này đã.”

Khi đồng hồ phát tiếng báo hiệu thì tôi đã rửa được năm trong số bảy danh sách số liệu. Việc đã gần xong. Tôi đứng dậy, vươn vai hết cỡ và vớ lấy chỗ bánh mì kẹp, có lẽ phải nhiều bằng năm, sáu suất ăn ở nhà hàng hay quán ăn nhanh. Tôi lặng lẽ ngồi ăn một mình hết hai phần ba chỗ bánh. Mỗi lần rửa số lâu lâu là tôi rất đói. Tôi đút bánh vào mồm đúng thứ tự: dưa chuột, giăm bông, phô mai, rồi chiêu thêm cà phê nóng cho trôi.

Trong lúc tôi ăn hết ba cái bánh mì thì ông già ăn một cái. Chắc là ông thích dưa chuột: ông tẽ đôi các miếng bánh mì kẹp, thận trọng rắc một lượng muối như nhau rồi ăn hết; nghe có tiếng nhai rào rào rất khê. Trông ông già ăn bánh kẹp tôi liên tưởng đến một chú dế có nét ăn uống lịch thiệp.

“Anh ăn đi, cứ thoải mái mà ăn”, ông nói. “Già rồi thì kém ngon miệng đi, làm có chừng mực. Còn người trẻ thì phải chén thoải mái. Chén thoải mái và lên cân thoải mái. Nói chung người ta không thích lên cân và béo, nhưng tôi nói để anh hay lý do là vì người ta béo không đúng cách. Béo không đúng cách thì sinh bệnh và xấu xí. Nhưng béo đúng cách thì khác hẳn. Người ta hưng phấn, tăng hứng thú tình dục, đầu óc sáng suốt. Bây giờ tôi gần như cái que, nhưng hồi còn trẻ tôi cũng béo!” Ông già cười ròn rảng. “Anh thấy bánh kẹp cũng khá đấy chứ?”

“Cực ngon là đằng khác”, tôi khen. Bánh ngon thực sự. Trong chuyện bánh mì kẹp tôi cũng kỹ tính như khi chọn sofa, song đúng là mấy cái bánh này hoàn toàn đạt yêu cầu chất lượng nghiêm ngặt của tôi.

“Cháu gái tôi làm để thết anh đấy!”, ông già nói. “Bánh kẹp là sở trường của nó.”

“Bánh rất tuyệt. Chẳng bếp trưởng nào làm hơn được.”

“Thế thì tôi rất vui. Và nếu con bé nghe thấy anh khen cũng sẽ rất vui. Hiếm khi chúng tôi có khách, nó chẳng khi nào có dịp làm các món và nghe ý kiến của người khác. Nó vẫn vào bếp, nhưng khi ăn thì chỉ có hai chúng tôi thôi.”

“Hai ông cháu sống một mình?”

“Phải, đã mấy năm nay. Tôi rút lui khỏi thế giới này lâu rồi, và chuyện đó lây sang con bé khiến tôi rất khổ tâm. Nó không bao giờ ra ngoài. Nó thông minh và khỏe mạnh, nhưng không chịu tiếp xúc với mọi người. Khi trẻ thì người ta phải tiếp xúc với xung quanh. Động lực tình dục phải được xử lý đúng hướng. Xét về tình dục thì trông nó hấp dẫn đấy chứ, anh thấy sao?”

“Đúng thế thật, không có gì phải bàn”, tôi nói.

“Hứng thú tình dục là một năng lượng tích cực, chắc chắn là thế. Nếu nó không có van điều chỉnh, nếu nó bị đè nén thì não không làm việc sáng suốt được, và người ta sẽ mất cân bằng cơ thể. Cả ở đàn ông lẫn đàn bà. Đàn bà sẽ bị kinh nguyệt thất thường, và kinh nguyệt thất thường đi đôi với tâm tính bất ổn.

“Ra thế”, tôi nói.

“Con bé phải có một người đàn ông hợp với nó. Tôi tin chắc như vậy, với tư cách là người giám hộ và nhà sinh học.”

“Ông đã chỉnh được âm thanh của cô ấy cho đúng như cũ chưa?”, tôi hỏi để đổi đề tài. Trong lúc làm việc tôi không thích nghe kể về động lực tình dục của người khác cho lắm.

“À, tôi quên không kể cho anh nghe”, ông già nói. “Tất nhiên rồi, âm thanh được phục hồi lại rồi. Tôi cũng phải cảm ơn anh đã nhắc nhở. Không thì chẳng biết con bé sẽ không phát âm được bao lâu nữa. Mỗi lần chui xuống đây là còn lâu tôi mới lên trên kia. Mà sống thiếu âm thanh cũng khó chịu lắm.”

“Đúng thế đấy”, tôi đồng tình.

“Như tôi đã kể, con bé hầu như không có quan hệ xã hội, vì vậy thiếu âm thanh cũng không thiệt thòi gì, nhưng ví dụ khi dùng điện thoại thì sẽ có vấn đề. Đã vài lần tôi gọi điện lên và ngạc nhiên không thấy ai nhắc máy. Tôi đăng trí quá đi mất!”

“Nếu không phát âm thì cô ấy có vấn đề khi đi chợ không?”

“Không, không sao”, ông già nói. “Thế giới ngoài kia có những siêu thị mà không cần nói một lời nào cũng mua hàng được. Rất thoải mái. Nó thích siêu thị, và rất hay đến đó mua hàng. Có thể nói là cuộc sống của nó diễn ra giữa siêu thị và văn phòng.”

“Cô ấy không về nhà sao?”

“Nó thích văn phòng. Ở đây có bếp và nhà tắm, có thể sống tử tế. Nó về nhà nhiều nhất là mỗi tuần một lần.”

Tôi gật đầu không rõ lý do và uống một ngụm cà phê.

“Nhưng anh đã giao tiếp tốt với nó”, ông già nói. “Anh làm thế nào? Thần giao cách cảm à?”

“Bằng cách đọc môi. Trước đây tôi có theo một khóa học buổi tối về đọc môi. Hồi ấy tôi rồi rồi không biết làm gì, và tôi nghĩ có thể một lúc nào đấy sẽ có lợi.”

“Đọc môi, à, tất nhiên”, ông già nói và gật gù liên tục. “Đúng là một kỹ thuật lợi hại. Tôi cũng biết một chút. Thế nào, ta thử nói chuyện cảm một chút xem sao nhé?”

“Không nhất thiết. Tôi thích nói ra tiếng hơn”, tôi vội nói. Hai lần liền trong một ngày thì hơi quá.

“Tất nhiên đọc môi là một kỹ thuật cực kỳ thô sơ, có nhiều khiếm khuyết. Trời tối là không hiểu gì, và luôn luôn phải nhìn vào miệng người kia. Nhưng có thể dùng làm kỹ thuật quá độ cũng được. Anh học môn này, chúng tôi có tầm nhìn xa trông rộng.”

“Kỹ thuật quá độ?”

“Chính xác”, ông già nói và gật đầu lần nữa. “Nói riêng cho anh biết: thế giới này sẽ hoàn toàn không có tiếng động trong tương lai.”

“Không có tiếng động?”, tôi bất giác hỏi lại.

“Chính xác. Im phăng phắc. Trong quá trình tiến hóa của con người, tiếng nói không chỉ không cần thiết, mà còn gây cản trở nữa. Chẳng chóng thì chày, tiếng nói và âm thanh sẽ mất đi.”

“Ông định nói là”, tôi hỏi, “tiếng chim hót, suối reo, ca nhạc và các tiếng khác sẽ biến mất?”

“Chính là ý tôi muốn nói.”

“Thế thì sẽ buồn tẻ và đơn côi lắm.”

“Đó là bản chất của tiến hóa. Tiến hóa bao giờ cũng cay đắng. Và buồn nữa. Không thể có tiến hóa vui vẻ đâu”, ông già nói và đứng dậy đi ra bàn giấy lấy một cái cắt móng tay trong ngăn kéo. Ông quay lại sofa và cắt móng tay, bắt đầu từ ngón cái tay phải và chấm dứt với ngón út tay trái. “Tôi đang trong giai đoạn nghiên cứu và không thể nói cho anh biết một cách chi tiết, như về đại thể thì mọi việc sẽ diễn ra như vậy. Tuy nhiên, anh đừng hé một lời nào ra với bên ngoài. Để cho bọn kỹ hiệu sư nghe phong thanh được chuyện này là sẽ bắt đầu lắm chuyện đấy.”

“Ông đừng lo. Không ai giữ bí mật tốt hơn các toán sư chúng tôi.”

“Biết được thế là tốt”, ông già nói và lấy một tấm bươm thiệp vun các vụn móng tay đổ vào thùng rác. Rồi ông lấy một bánh mì kẹp dưa chuột, rắc muối và ăn. “Ngon thật, không thể nói khác được.”

“Cháu ông nấu giỏi lắm nhỉ?”, tôi hỏi.

“Không, thật ra thì không, giỏi nhất là bánh mì kẹp thôi. Nói thế không có nghĩa là nó nấu ăn kém, nhưng nghệ thuật bếp núc của nó không so với bánh kẹp được.”

“Làm bánh kẹp phải có một năng khiếu riêng”, tôi nói.

“Đúng thế”, ông già nói. “Đúng thế đấy. Tôi có cảm giác là anh hiểu nó rất rõ. Tôi có thể trao nó cho anh không chút băn khoăn.”

“Trao cho tôi?”, tôi hơi giật mình. “Chỉ vì tôi khen món bánh kẹp của cô ấy?”

“Anh không thấy ngon sao?”

“Thậm chí rất ngon”, tôi nói. Và tôi tưởng tượng ra cô gái mũm mĩm, nhưng sơ sơ thôi, không để ảnh hưởng đến công việc tính toán của mình. Rồi tôi uống một ngụm cà phê.

“Nếu anh hỏi thì tôi nói: anh có một thứ. Hay ngược lại: anh thiếu một thứ. Kết quả là một.”

“Đôi khi tôi cũng nghĩ thế về mình”, tôi cười mở thú thực.

“Chúng tôi, những người làm khoa học, gọi đó là quá trình tiến hóa. Một quá trình bất khả kháng, sớm muộn rồi anh sẽ hiểu ra. Điểm bất khả kháng của tiến hóa là, hừm, anh có biết là gì không?”

“Tôi không biết. Ông hãy khai hóa tôi đi.”

“Là ta không được phép chọn. Tiến hóa nằm cùng danh mục với lũ lụt, tuyết lở, động đất. Trước khi nó xảy ra thì người ta không thể biết, và khi nó xảy ra rồi thì đã muộn.”

“Ra thế”, tôi nói. “Khi nói đến tiến hóa, ông ám chỉ sự mất âm thanh? Tôi sẽ không nói được nữa?”

“Nếu tôi phải nói chính xác thì – không. Vấn đề thực sự không phải là người ta nói được hay không nói được. Đó chỉ là một bước, không hơn không kém.”

“Tôi không hiểu”, tôi nói. Nói chung tôi là một người chân thật. Nếu tôi hiểu thì nói là tôi hiểu, và nếu không hiểu thì cũng nói là không hiểu chứ không nói nước đôi. Tôi cho rằng hầu hết các vấn đề sinh ra từ cách thể hiện không mạch lạc. Nhiều người nói ra không mạch lạc vì họ bất giác, nghĩa là vô ý thức gặp phải vấn đề, tôi tin là vậy và không có một lời giải thích nào khác.

“Thôi ta không nói tiếp chuyện này nữa”, ông già đáp và lại cười theo kiểu rất đặc biệt của mình, làm tôi váng cả tai. “Chúng ta nên giữ chừng mực, mấy thứ quá phức tạp chỉ tổ làm anh rối trí trong khi tính toán.”

Tôi cũng đồng ý và quay về rửa sổ, vả lại đồng hồ cũng vừa kêu. Ông già lấy một thứ gì đó trong ngăn kéo bàn giấy ra, trong như một cái kẹp gấp than bằng inox, cầm nó vào tay phải và đi đi lại lại trước giá đựng các hộp sọ, gõ vào chỗ này chỗ nọ và lắng nghe. Trông ông như một nghệ sĩ vĩ cầm bậc thầy đứng trước bộ sưu tập các cây đàn Stradivarius, thỉnh thoảng chọn một cây và lấy ngón tay gảy vào dây để thử. Chỉ qua các âm thanh đã có thể thấy, ông già có một tình yêu khác thường đối với các hộp sọ. Mỗi đầu lâu trong bộ sưu tập này đơn giản gọi là “đầu lâu”, nhưng quả thật chúng sinh ra những âm thanh cực kỳ khác nhau. Có cái kêu như cốc whiskey, cái khác nghe như một chậu cây cảnh loại lớn. Và tất cả các đầu lâu ấy đã từng có da thịt phủ lên, chúng đã từng bao bọc những bộ óc có kích thước khác nhau, từng nghĩ đến ăn uống và làm tình. Bây giờ thì tất cả đã tan biến, chỉ còn các âm thanh khác nhau đọng lại. m thanh như thủy tinh, chậu cây, ấm trà, như thùng gỗ, ống chì.

Tôi tưởng tượng ra đầu lâu của mình bị lột da róc thịt và hút hết não ra, nằm trên cái giá kia và bị ông già lấy kẹp gấp than gõ vào. Tôi sờn gai ốc. Liệu ông già sẽ nghe thấy gì từ đầu lâu của tôi? Ông sẽ nghe ra những ý nghĩ xa xưa của tôi, hay nghe những gì chẳng liên quan đến ý nghĩ của tôi?

Bản thân cái chết không làm tôi sợ lắm. Như lời Shakespeare: ai chết năm nay thì sang năm khỏi phải chết. Kể ra cũng đơn giản. Nhưng sau khi chết phải làm cái đầu lâu nằm trên giá và bị kẹp gấp than gõ lên thì tôi không khoái lắm. Chỉ nghĩ đến chuyện sau khi chết bị người ta lấy gì trong người ra là tôi đã thấy ngán ngẩm. Cuộc sống không đơn giản, hoàn toàn không đơn giản, nhưng tôi vượt qua ghênh thác của nó theo kiểu tôi cho là đúng. Và thế là ổn. Như Henry Fonda trong Warlock. Nhưng chết rồi thì tôi muốn ngủ yên. Tôi tin là đã hiểu được các vua Ai Cập, họ nhất định sau khi băng hà phải được chôn trong Kim Tự Tháp.

Mấy tiếng sau thì tôi rửa hết sổ. Tôi không rõ mình đã cần bao nhiêu thời gian vì tôi không nhìn đồng hồ, nhưng dựa vào tình trạng kiệt quệ của mình mà đoán thì chắc là tám, chín tiếng đã trôi qua. Một công việc đáng kể. Tôi nhồm dậy khỏi sofa, gấp treo quai hàm và làm mấy động tác thư giãn. Cầm nang toán sư miêu tả ở dạng biểu đồ một số động tác thư giãn cho hai mươi sáu nhóm cơ. Nếu tập thật chuẩn xác theo hướng dẫn thì bộ não sẽ chóng hồi phục, và hồi phục càng nhanh thì người ta càng làm việc tính toán này

được lâu hơn. Hệ thống toán sư mới tồn tại chưa đầy mười năm, do đó không ai biết rõ sẽ làm nghề này được bao lâu. Người này nói mười năm, người khác nói hai chục năm. Lại có người quả quyết làm được cả đời. Song cũng có lý thuyết cho rằng sớm muộn thì toán sư sẽ thành cái xác không hồn. Tất cả đều chỉ là phỏng đoán. Cái mà tôi làm được là tận tụy thực hành thư giãn hai mươi sáu nhóm cơ. Chuyện phỏng đoán thì xin nhường cho các nhà phỏng đoán.

Xong bài thư giãn, tôi ngồi xuống sofa, nhắm mắt và từ từ ghép não phải và não trái thành một thể thống nhất. Đó là bước cuối cùng của công việc. Theo đúng cẩm nang.

Ông già đặt lên bàn một cái đầu lâu, trông như của một con chó to. Ông đo thật chính xác bằng thước rút rồi ghi các số đo bằng bút chì lên bản sao chụp đầu lâu.

“Anh xong chưa?”, ông già hỏi.

“Xong”, tôi nói.

“Một núi việc. Cảm ơn anh!”, ông nói.

“Bây giờ tôi về nhà đi ngủ. Mai hoặc ngày kia tôi sẽ đảo dây số ở nhà và đem kết quả đến cho ông, chậm nhất vào trưa ngày kia. Như thế là ổn chứ?”

“Tuyệt vời, tuyệt vời”, ông già gật đầu. “Nhưng phải tuyệt đối đúng giờ đấy! Anh không được phép trễ hẹn! Hậu quả sẽ rất khủng khiếp.”

“Ông cứ tin tôi”, tôi nói.

“Và anh chú ý đừng để danh sách bị mất cắp. Nếu chúng bị mất thì tôi sẽ bay đầu. Cả anh nữa.”

“Ông đừng lo. Về mặt này thì chúng tôi được đào tạo cực tốt, không ai ăn cắp được số liệu đã rửa đầu.” Tôi lấy trong túi bí mật may lẫn trong túi quần ra một vật trông như ví tiền bằng kim loại dùng để cất các tài liệu quan trọng, cho danh sách dữ liệu vào đó rồi khóa lại. “Chỉ mình tôi mở được khóa này. Nếu người khác thử phá khóa thì tài liệu sẽ bị hủy.”

“Thông minh đấy”, ông già nói.

Tôi cất ví vào túi bí mật trong túi quần.

“Anh có muốn ăn thêm vài chiếc bánh kẹp không? Còn mấy cái nữa đây, trong khi làm việc hầu như tôi không ăn gì, mà để thừa thì phí quá.”

Tôi nhận lời mời vì vẫn thấy đói, và ăn hết chỗ bánh còn lại. Bánh kẹp dưa chuột mà ông già thích ăn đã hết, chỉ còn bánh kẹp giăm bông và phô ma. Nhưng do tôi không khoái dưa chuột lắm nên thế là ổn. Ông già rót thêm cà phê.

Tôi mặc lại áo mưa vào, đeo kính bảo hộ và cầm đèn pin đi ngược trở lại con đường ngầm. Lần này ông già không đi cùng.

“Tôi đã dùng sóng âm để đuổi bọn ma đen đi rồi, trước mắt chúng sẽ không quay lại lần nữa đâu”, ông già nói. “Bản thân bọn chúng cũng sợ mò tới đây, chẳng qua là bị lời đường mật của bọn ký hiệu sư gạ gẫm, vì vậy chỉ cần dọa một chút là đủ.”

Tuy nhiên, sau khi biết bọn ma đen hay đồng đảng của chúng có mặt dưới lòng đất này, tôi thấy không thoải mái lắm khi một mình đi xuyên màn đêm. Và càng ngại hơn, khi tôi không biết bọn ma đen thực sự là cái gì, chúng có hình dạng gì, thói quen gì, và phải làm gì để tự vệ khi gặp chúng. Tôi đi trở lại con đường cũ, dọc theo con suối ngầm, tay trái cầm đèn pin, tay phải cầm dao.

Tới chân chiếc thang nhôm dài mà tôi đã trèo xuống lúc đến đây, tôi phát hiện cô nàng béo trong bộ đồ hồng đứng đó và cảm thấy như vừa được giải cứu. Cô lia đèn pin. Khi tôi đến trước mặt, cô nói gì đó nhưng tiếng suối chảy hình như đã được bật trở lại, khiến tiếng nước réo át hết tất cả. Trời tối làm tôi không được cử động môi, vì thế chẳng hiểu cô ta nói gì.

Chúng tôi trèo thang lên trên, lên phía ánh sáng. Tôi trèo trước, cô gái theo sau. Thang dài kinh khủng. Khi trèo xuống, do tối mịt nên tôi cứ trèo mà không thấy sợ. Nhưng bây giờ tôi có thể tưởng tượng ra độ

cao sau từng giống thang một; mồ hôi lạnh túa ra trên mặt và dưới nách tôi. Chắc thang phải cao bằng ba, bốn tầng nhà, thêm vào đó là hơi ẩm làm các giống thang trơn nhầy, phải thận trọng từng bước để khỏi trượt chân.

Giữa chừng tôi chỉ muốn nghỉ lấy hơi, nhưng có cô gái thì không dừng lại được, rốt cuộc chúng tôi trèo một leo hết thang. Nghĩ đến chuyện ba hôm nữa phải đi đường này xuống phòng thí nghiệm là tôi gai cả người, nhưng biết làm sao bây giờ? Tất cả được tính trong số tiền thù lao cả rồi.

Chúng tôi trèo qua tủ tường vào phòng, cô gái đỡ lấy kính và cởi áo choàng cho tôi. Tôi lột ủng ra và đặt đèn pin cạnh đó.

“Công việc xong xuôi rồi chứ ạ?”, cô hỏi. Giọng cô – lần đầu tiên tôi nghe được – mềm mại và trong trẻo.

Tôi nhìn cô và gật đầu. “Nếu chưa xong việc thì tôi đã chưa quay lại. Việc chúng tôi là thế.”

“Cảm ơn ông đã nhắc ông tôi bật lại tiếng. May quá. Cả tuần mất tiếng rồi.”

“Sao cô không viết ra giấy để báo cho tôi? Tôi sẽ rõ chuyện sớm hơn và đỡ được mấy rắc rối.”

Cô gái im lặng đưa mắt nhìn lên bàn làm việc và chỉnh lại đôi bông tai lớn cho ngay ngắn. “Quy định là quy định”, cô nói.

“Không cho phép bút đàm?”

“Đó cũng là một quy định.”

“Ra thế”, tôi nói.

“Tất cả những gì có thể gây ra thoái bộ đều bị cấm.”

“Tôi hiểu”, tôi công nhận. Họ đề phòng.

“Ông bao nhiêu tuổi?”, cô gái hỏi.

“Ba lăm”, tôi nói. “Còn cô?”

“Mười bảy”, cô nói. “Tôi chưa gặp một toán sư bao giờ. Cả ký hiệu sư cũng chưa.”

“Cô mới mười bảy tuổi thật à?”

“Tất nhiên. Tôi không bao giờ nói dối. Tôi mười bảy tuổi thật. Nhưng trông tôi già hơn phải không?”

“Vâng”, tôi thật thà nói. “Trông cô như trên hai mươi.”

“Tôi cũng không muốn trông như mười bảy.”

“Cô có đi học không?”

“Tôi không muốn nói chuyện đi học. Ít nhất là không nói hôm nay. Lần sau tôi sẽ nói.”

“Okay”, tôi nói. Cô ta có lý do của mình.

“Toán sư là người thế nào?”

“Ngoài công việc thì bất kể là toán sư hay ký hiệu sư, chúng tôi sống rất bình thường, như những người rất bình thường.”

“Có thể những người bình thường thì bình thường nhưng cuộc sống của họ không gọi là cuộc sống được.”

“Hừm, nhận định như thế cũng được”, tôi nói. “Ý tôi muốn nói đến một vỏ ngoài rất bình thường. Chúng tôi đi tàu điện và không có gì đáng chú ý, ăn như mọi người, uống bia – à, rất cảm ơn cô về món bánh kẹp. Rất tuyệt.”

“Thật à?”, mặt cô sáng lên.

“Bánh kẹp thì tôi đã được ăn nhiều rồi, nhưng hiếm khi kiếm được loại ngon như vậy.”

“Còn cà phê?”

“Cà phê cũng ngon.”

“Ông có muốn uống một tách nữa ở đây không? Ta có thể hàn huyên một lát.”

“Thôi, cảm ơn”, tôi nói. “Dưới kia tôi đã uống nhiều cà phê lắm rồi, không muốn uống thêm một giọt nào nữa. Với lại tôi muốn về nhà thật nhanh và leo lên giường.”

“Rất tiếc.”

“Tôi cũng thấy thế, thật đấy.”

“Thôi được, tôi đưa ông ra thang máy. Đi một mình chắc ông không tìm ra đường đâu, đúng không? Hành lang như ma trận vậy.”

Cô gái cầm trên bàn một vật hình tròn, giống hộp đựng mũ, và trao cho tôi. Tôi nhấc thử trên tay. Trông to nhưng không nặng. Nếu đúng đây là hộp mũ thì chắc cái mũ bên trong khá lớn. Để nắp không bật ra, người ta đã cột vài vòng băng dính.

“Cái gì thế?”

“Quà của ông tôi tặng ông. Về đến nhà ông hãy mở.”

Tôi khẽ lắc hộp. Không có tiếng động.

“Đồ dễ vỡ, ông nên cẩn thận”, cô gái nói.

“Đồ kỷ niệm?”

“Tôi không biết. Về nhà mở ra ông sẽ biết.”

Cô mở chiếc túi màu hồng của mình và đưa tôi một phong bao đựng tờ séc. Số tiền cao hơn tôi chờ đợi. Tôi cho vào ví.

“Giấy biên nhận?”

“Tôi không cần”, cô gái nói.

Chúng tôi rời phòng, đi ngược lại hành lang dài quay về chỗ thang máy, lên bậc, xuống bậc, rẽ hàng nghìn góc. Và như trên đường tới đây, tiếng gõ giày cao gót của cô vang lách cách trong hành lang. Thân hình mũm mĩm của cô bây giờ không làm tôi bối rối nữa. Đi cạnh cô lúc này hầu như tôi quên là cô béo. Có lẽ tôi đã quen dần với diện mạo của cô.

“Ông có gia đình rồi chứ?”, cô hỏi.

“Không”, tôi nói. “Tôi đã từng có, nhưng bây giờ thì thôi rồi.”

“Gia đình tan vỡ khi ông trở thành toán sư chứ gì? Người ta hay kể toán sư không phải là người hợp với cuộc sống gia đình.”

“Không liên quan gì đến chuyện ấy. Toán sư cũng có thể có vợ con chứ, tôi quen khối người như thế. Nhưng thực tế đa số có quan điểm là dễ làm việc hơn khi không có gia đình. Công việc chúng tôi gây áp lực tới hệ thần kinh, đôi khi cũng nguy hiểm, vợ con sẽ là gánh nặng.”

“Trong trường hợp ông thì sao?”

“Tôi trở thành toán sư khi đã ly hôn. Không liên quan gì đến nghề nghiệp cả.”

“Thế à”, cô nói. “Ông thứ lỗi cho những câu hỏi ngớ ngẩn của tôi, nhưng ông là toán sư đầu tiên mà tôi gặp nên tôi muốn biết đủ chuyện.”

“Không sao, cô cứ hỏi đi”, tôi nói.

“Tôi nghe nói toán sư xong việc là cực kỳ hứng thú làm tình, có đúng thế không?”

“Tôi không biết. Có thể có chuyện ấy. Công việc này tác động đến đủ các dây thần kinh.”

“Lúc ấy ông có lên giường với cô gái đầu tiên vợ được không? Hay ông đã có người yêu rồi?”

“Tôi không có người yêu”, tôi nói.

“Thế thì ông ngủ với ai? Hay là ông không quan tâm đến tình dục? Hay ông là người đồng tính luyến ái? Hay ông không muốn trả lời?”

“Trật tuốt”, tôi nói. Tôi không phải kiểu người sẵn sàng lôi chuyện đời tư ra kể, song cũng chẳng có gì phải giấu nên tôi sẽ trả lời nghiêm túc ột câu hỏi nghiêm túc.

“Trong trường hợp ấy thì khi tôi ngủ với người này, khi với người kia.”

“Ông sẽ ngủ với tôi chứ?”

“Với cô thì nhất định không.”

“Tại sao không?”

“Vì nguyên tắc. Ít khi tôi ngủ với người quen. Vì thường là sẽ sinh chuyện rắc rối. Tôi cũng không ngủ với phụ nữ liên quan tới công việc. Nhiệm vụ của tôi là bảo vệ bí mật cho người khác, vì vậy phải có một biên giới rạch ròi.”

“Hay là vì tôi béo và xấu?”

“Thứ nhất là cô không béo đến thế, thứ hai là cô không hề xấu chút nào.”

“Cảm ơn”, cô nói. “Vậy thì ông ngủ với ai? Ông cứ thế bắt chuyện với một phụ nữ nào đó hay sao?”

“Thỉnh thoảng.”

“Hay ông trả tiền người ta?”

“Thỉnh thoảng cũng thế thật.”

“Giả sử tôi nói với ông là tôi ngủ với ông vì tiền, ông có lên giường với tôi không?”

“Không”, tôi đáp, “tôi gấp đôi tuổi cô. Sẽ không ổn.”

“Với tôi thì ổn.”

“Có thể. Nhưng tôi không muốn gây thêm vấn đề vì đã có đủ rồi. Nếu có thể, tôi muốn một cuộc sống bình lặng.”

“Ông tôi nói, lần đầu tiên thì đàn ông trên ba mươi tuổi là tốt nhất. Với cả nếu hứng thú tình dục bị đè nén thì tâm lý mất ổn định.”

“Ông cũng kể với tôi thế.”

“Đúng thế không?”

“Tôi không biết. Tôi không phải là nhà sinh học”, tôi nói. “Nhưng cảm hứng tình dục ở mỗi người một khác. Tôi nghĩ là không nên khẳng định đơn giản như vậy.”

“Cảm hứng của ông mạnh không?”

“Bình thường, tôi nghĩ vậy”, tôi trả lời sau một thoáng suy nghĩ.

“Tôi không biết của mình ra sao”, cô gái mồm mĩm nói. “Vì vậy tôi muốn thử chuyện này chuyện nọ cho biết.”

Trong lúc tôi nghĩ câu trả lời nào tốt nhất thì chúng tôi ra đến nơi. Thang máy mở ra ngoan ngoãn như một con chó được huấn luyện và đợi tôi bước vào.

“Hẹn đến lần sau”, cô gái nói.

Tôi vào thang, và cửa đóng không một tiếng động. Tôi tựa vào vách inox và thở dài.

6. Chương 06

6

Bóng

Lúc cô thủ thư đặt những giấc mơ xưa lên bàn trước mặt tôi, thoát tiên tôi không hiểu những giấc mơ đó nằm đâu. Sau khi chăm chăm ngó một hồi lâu, tôi ngẩng lên nhìn cô ta đang đứng bên cạnh. Cô không nói gì, chỉ tiếp tục nhìn xuống những “giấc mơ xưa”. Nhưng trong mắt tôi, thứ đồ vật trên bàn kia chẳng tương thích chút nào với cái tên “giấc mơ xưa”. Tưởng tượng theo tên gọi, tôi đợi nhìn thấy những bút tích cổ xưa hay ít nhất là thứ gì có hình thù mờ mờ vô định.

“Giấc mơ xưa đây”, cô nói.

Giọng cô xa xăm và băng quơ – có vẻ như không phải định giải thích cho tôi mà tự khẳng định với chính mình. “Nói đúng ra thì chúng nằm trong đó.”

Tôi ngơ ngác gật đầu.

“Anh cầm lên tay đi”, cô nói.

Tôi khẽ nâng nó lên và hết sức đưa mắt dò tìm những gì có thể gọi là dấu tích của những giấc mơ xưa. Nhưng có nhìn chăm chú đến đâu thì tôi cũng không nhận ra một căn cứ gì. Nó vẫn là đầu lâu của một con thú. Không lớn lắm. Trông như bị phơi nắng lâu ngày, vì mặt ngoài xương đã mất màu sắc ban đầu, khô khốc và bạc thếp. Hàm răng nhô hẳn ra hơi hé mở, tựa như bị hóa đá đúng lúc định mở miệng kể chuyện. Hai hố mắt nhỏ đã rộng ruột từ lâu và hướng vào một khoảng hư vô sâu thẳm.

Chiếc đầu lâu nhẹ bồng một cách thiếu tự nhiên; dường như nó đã mất hết sự tồn tại vật chất. Tôi không mừng tượng được nó đã từng chứa một sự sống kiểu gì. Tất cả những gì thuộc về nhục thể, toàn bộ ký ức, mọi cảm giác ấm nóng đã tan biến. Chính giữa trán có một vết lõm nhỏ, sờ thấy ram ráp. Tôi lấy ngón tay kiểm tra nó một hồi lâu và đi đến kết luận, có thể đó là dấu tích của một chiếc sừng bị gãy rời.

“Đây là đầu lâu một trong những con thú một sừng của thành phố, đúng không?”, tôi nhìn cô thủ thư.

Cô gật đầu. “Những giấc mơ xưa được cho vào đầu lâu và trám kín lại”, cô khẽ nói.

“Và anh sẽ đọc chúng ra?”

“Đó là việc của người đọc mơ”, cô nói.

“Và anh sẽ làm gì với những giấc mơ xưa ấy?”

“Chẳng làm gì cả. Anh chỉ phải đọc chúng ra thôi.”

“Thế thì anh chịu”, tôi nói. “Đọc các giấc mơ xưa, chuyện ấy thì anh rõ rồi. Nhưng sau đó chẳng làm gì với chúng cả thì anh không hiểu nổi. Vì điều đó chứng tỏ công việc này vô nghĩa. Làm việc thì phải có mục đích nào đó chứ! Ví dụ, lưu lại các giấc mơ xưa bằng cách nào đó, hay sắp xếp theo một trật tự nhất định, hoặc phân loại...”

Cô lắc đầu. “Ý nghĩa gì thì em cũng không giải thích cho anh được. Có thể trong lúc làm việc anh sẽ tự ngộ ra. Nhưng điều đó không quan trọng, và ý nghĩa ấy không hề liên quan đến thực chất công việc của anh.”

Tôi đặt chiếc đầu lâu trở lại bàn và ngắm nghía nó từ xa. Sự tĩnh lặng sâu thẳm bao quanh nó dày đặc khiến người ta bất giác nghĩ đến hư vô. Không, ngược lại – sự tĩnh lặng ấy không đến từ ngoại cảnh, có vẻ như nó tỏa từ bên trong đầu lâu ra như sương khói. Dù thế nào chăng nữa – đó là một sự tĩnh lặng bất thường. Tôi tin là vì thế mà chiếc đầu lâu gắn chặt với tâm điểm của địa cầu. Nó cam lặng đầm đẫm hướng ánh mắt rộng tuếch tới một điểm trong hư vô.

Tôi càng nhìn lâu thì càng khó tưởng tượng ra nó có chuyện gì đáng đem ra kể. Cũng có vẻ như nó nằm trong một bầu không khí buồn thảm nào đó, nhưng ngay cả tôi cũng không gọi nổi tên của nỗi buồn đó ra được. Tôi không tìm ra chữ thích hợp.

“Thôi được, anh sẽ đọc”, tôi vừa nói vừa cầm đầu lâu lên và thử đoán trọng lượng. “Chắc cũng chẳng có lựa chọn nào khác.”

Với một nụ cười như gió thoảng, cô đỡ cái đầu lâu khỏi tay tôi, cẩn thận lau lớp bụi lưu cữu bằng hai chiếc khăn và đặt lại xuống bàn, bây giờ trông nó còn nhợt nhạt hơn cả nhợt nhạt.

“Vâng, giờ thì em muốn giải thích cho anh cách đọc các giấc mơ”, cô nói. “Tất nhiên là em chỉ nói thôi, vì em không thực sự có khả năng đọc. Chỉ mình anh đọc được thôi. Anh chú ý này. Trước tiên anh quay đầu lâu ra phía trước, thế này này, rồi đặt nhẹ hai tay vào gần chỗ thái dương.”

Cô thủ thư áp tay vào hai bên đầu lâu và nhìn tôi vẻ dò xét.

“Sau đó anh nhìn thẳng vào trán. Không nhìn chăm chú, mà chỉ nhẹ nhàng hướng ánh mắt êm dịu đến đó thôi. Nhưng không bao giờ được ngoảnh mặt đi. Ngay cả khi rất chói mắt thì anh cũng không được phép ngoảnh đi.”

“Chói mắt?”

“Vâng. Anh nhìn vào đầu lâu một lúc thì nó bắt đầu nóng bỏng lên và phát tia bức xạ. Anh chỉ cần nhẹ nhàng dò ngón tay theo tia sáng này là nhất định sẽ đọc được các giấc mơ.”

Tôi cố gắng ghi lại trong đầu các bước làm việc theo đúng thứ tự như cô thủ thư vừa giải thích. Tất nhiên tôi không thể tưởng tượng ra những tia sáng mà cô nhắc đến như thế nào, và cảm giác động chạm vào chúng sẽ ra sao, nhưng trước tiên thì cứ ghi nhớ các bước tiến hành đã. Trong lúc ngắm những ngón tay thanh mảnh của cô đặt trên chiếc đầu lâu, bất chợt một ảo giác tái ngộ chế ngự tâm trí tôi. Tôi đã nhìn thấy cái đầu lâu này ở đâu rồi thì phải? Với màu mốc thêch như bị hăm kỹ, với vết lõm trên trán – hình ảnh này làm tôi rung động hệt như lúc thấy mặt cô thủ thư lần đầu. Song tôi không rõ có phải đó là những mảnh vỡ của ký ức thật, hay chỉ là sự đánh lừa giác quan bởi những cảm thụ về địa điểm và thời gian bị nhiễu loạn đột ngột.

“Anh làm sao thế?”, cô hỏi.

Tôi lắc đầu. “Không có gì. Anh chỉ đang mãi suy nghĩ một lát. Anh nghĩ là đã nắm được cách làm việc rồi. Chỉ còn phải làm thử nữa thôi.”

“Chúng ta ăn tối trước đã”, cô nói. “Em nghĩ, nếu anh bắt tay vào làm là không còn thì giờ ăn nữa đâu.”

Cô bưng một nồi thức ăn từ góc bếp ở phòng trong ra và đặt nó lên lò sưởi cho nóng. Xúp rau với hành và khoai tây. Khi xúp bắt đầu lục đục sôi, cô múc ra hai đĩa và bưng ra bàn cùng bánh mì hạt dẻ.

Chúng tôi ngồi đối diện nhau và im lặng xúp ăn. Một bữa ăn đạm bạc, với những gia vị tôi chưa thấy bao giờ, nhưng không đến nỗi dở. Ăn xong người tôi ấm lên dễ chịu. Sau bữa ăn có trà. Một loại trà xanh pha loãng, ngấm ngấm vị đắng của thảo dược.

Đọc mơ mệt hơn những gì tôi tưởng tượng sau khi nghe những chỉ dẫn của cô thủ thư. Những tia sáng mờ ảo, và tôi tập trung tinh thần vào đầu ngón tay đến mấy cũng rất khó lần theo được ma trận rối rắm. Tuy vậy giờ đây tôi đã nhận rõ ở đầu ngón tay sự hiện diện của những giấc mơ xưa. Nó như một cơn sóng trào, như một cơn lũ hình ảnh không dứt. Tuy nhiên tôi chưa lọc ra được những thông tin mạch lạc. Tôi chỉ có thể cảm chắc là những giấc mơ đang tồn tại ở đây.

Rốt cuộc sau khi đã đọc xong hai giấc mơ thì đã quá mười giờ. Tôi trả lại đầu lâu đã nhẹ đi mất hai giấc mơ, bỏ kính xuống và chậm chạp dụi cặp mắt cay sè.

“Mệt quá phải không?”, cô thủ thư hỏi tôi.

“Ừ, hơi mệt”, tôi đáp. “Mắt anh không chịu nghe lời gì cả. Nếu anh nhìn lâu lâu thì mắt anh bắt được tia sáng của giấc mơ, nhưng anh lại thấy đau phía sau đầu. Không ghê gớm lắm, nhưng tầm nhìn bị nhòa đi và anh không thể cố định ánh mắt vào một điểm nữa.”

“Ban đầu thì ai cũng thế”, cô nói. “Thoạt tiên mắt không chịu nghe lời, và đọc rất khó nhọc. Nhưng anh đừng lo, dần dần mắt sẽ quen đi. Ta nên bắt đầu từ từ thôi.”

“Thế thì lý tưởng”, tôi nói.

Cô đem các giấc mơ xưa trả lại kho lưu trữ và chuẩn bị ra về. Cô mở cửa lò, lấy một cái xẻng con xúc than hồng đổ vào một xô cát.

“Đừng để cái mặt nhọc xâm chiếm tâm hồn”, cô nói. “Mẹ em hay nói câu ấy. Người ta có thể tự hành hạ thể xác, nhưng phải giữ cho tâm hồn vẹn toàn.”

“Một lời khuyên tốt”, tôi nói.

“Nhưng thú thực là em hoàn toàn không biết nó thực sự là gì, tâm hồn ấy mà, nó có ý nghĩa chính xác là gì, người ta sử dụng nó ra sao và nhằm mục đích gì. Đối với em đó chỉ là một tên gọi.”

“Người ta không sử dụng tâm hồn”, tôi nói. “Nó cứ thế tồn tại thôi. Như gió trời. Em chỉ việc cảm nhận được nó.”

Cô đóng cửa lò, đem cái ấm trắng men và cốc chén vào phòng trong để rửa. Rồi cô choàng lên người chiếc áo khoác vải thô màu xanh. Màu xanh xỉn, như xé ra đã lâu từ một mảnh trời, song không còn gợi nhớ chút nào đến xuất xứ nữa. Nhưng cô vẫn đứng mãi trước lò than đã tắt, đắm chìm trong suy nghĩ.

Chợt như vừa chợt nhớ ra điều gì định hỏi tôi, cô nói: “Anh từ nơi khác đến đây à?”

“Ừ”, tôi đáp.

“Từ nơi nào đến?”

“Anh không nhớ được gì hết”, tôi nói. “Thực sự không nhớ gì, xin lỗi. Khi người ta lấy cái bóng của anh đi, chắc là anh cũng mất nốt ký ức về thế giới cũ ấy. Chỉ biết là nơi ấy xa lắm, rất xa.”

“Nhưng anh biết tâm hồn là gì phải không?” “Em nghĩ là anh biết”, cô nói. “Mẹ em cũng có tâm hồn. Mẹ biến mất khi em lên bảy. Nhất định là mẹ cũng có tâm hồn giống như anh.”

“Mẹ em biến mất?”

“Vâng, mẹ biến mất. Nhưng ta chấm dứt nhé. Ở đây nói về những người biến mất là gặp điềm rủi đấy. Anh kể về thành phố ngày xưa của anh thì hơn. Nhất định anh còn nhớ vài chuyện gì đó chứ?”

“Có hai chuyện”, tôi nói. “Thứ nhất là, thành phố ngày xưa anh ở không có tường thành vây quanh, và thứ hai, tất cả mọi người đều có bóng.”

Đúng, tất cả chúng tôi đều có bóng. Khi tới thành phố này, tôi phải nộp nó cho ông gác cổng.

“Cậu không được đem nó vào thành phố”, ông gác cổng nói. “Hoặc cậu từ bỏ nó, hoặc cậu quay trở lại, chọn một trong hai.”

Tôi từ bỏ bóng của mình.

Ông gác cổng bảo tôi đứng ra một chỗ trống, cạnh cổng. Mặt trời lúc ba giờ vẽ bóng tôi sắc cạnh trên nền đất.

“Đứng yên”, ông gác cổng nói. Ông rút dao trong túi ra, đâm sâu mũi dao sắc lẹm vào đường biên giữa bóng đen và đất rồi rạch đi rạch lại để chinh phục bóng đen được tách ra dễ dàng khỏi nền đất.

Bóng đen run rẩy một chút như định kháng cự. Nhưng bị bóc khỏi nền đất rồi thì cuối cùng nó kiệt sức ngã xoài ra ghề băng. Hình bóng tách khỏi cơ thể trông thảm hại và yếu ớt hơn nhiều so với tưởng tượng của tôi.

Ông gác cổng dứt dao vào vỏ, và hai chúng tôi ngắm bóng đen một chốc nữa.

“Xét cho cùng cũng chỉ là một vật kỳ dị, đúng không?”, ông gác cổng nói. “Hoàn toàn vô dụng, cái bóng này, chỉ tổ vướng cẳng.”

Tôi nói với bóng: “Xin lỗi, nhưng đúng là tôi phải bỏ cậu lại một thời gian. Tuy không muốn nhưng trong tình cảnh này thì tôi không có lựa chọn nào khác. Cậu chịu cô đơn vài bữa được chứ?”

“Vài bữa – nghĩa là sao, bao lâu nữa?”, bóng đen hỏi.

Tôi thú thực là không biết.

“Liệu cậu sau này có hối hận không?”, bóng đen khẽ nói. “Tuy tôi không rõ hoàn cảnh này lắm, nhưng tách bóng khỏi người liệu có điên rồ không? Rất sai lầm. Cả chốn này là một sai lầm – đó là ý tôi. Con người không thể sống thiếu bóng của mình, và thiếu con người thì bóng cũng không tồn tại. Mặc dù vậy, bây giờ chúng ta đã tách nhau, cậu sống, còn tôi đang ở đây. Có gì đó không ổn! Cậu có nghĩ thế không?” Bóng đen lắc đầu. “Tôi không thích không khí ở đây, nó khác hẳn những nơi khác. Nó không có ích lợi gì đến cậu và cả đến tôi. Vì sao cậu bỏ rơi tôi?”

Nhưng đã muộn, nói nữa phỏng có ích gì. Bóng đã bị tách khỏi thân thể tôi rồi.

“Chắc chỉ tạm thời ít lâu thôi, không kéo dài mãi đâu. Mình sẽ đoàn tụ trở lại thôi”, tôi nói.

Bóng đen khe khẽ thở dài và nhìn tôi với cặp mắt đăm lẹ. Mặt trời ba giờ chiều thiêu đốt cả hai chúng tôi. Tôi không có bóng, bóng không có người.

“Nếu mà được như thế...”, bóng nói. “Tôi có cảm giác không lành. Chúng mình hãy chuồn đi vào dịp sớm nhất và quay về nơi xuất phát nhé? Chỉ hai chúng mình thôi.”

“Chúng mình không quay về được. Giá mà tôi biết được cách nào. Mà cậu cũng không biết, đúng không nào?”

“Hiện tại thì không. Nhưng tôi sẽ tìm được cách, có chết cũng cam. Tôi muốn hai chúng mình thảnh thơi gặp nhau để bàn chuyện. Cậu sẽ về thăm tôi chứ?”

Tôi gật đầu, đặt tay lên vai bóng một thoáng rồi quay về chỗ ông gác cổng. Trong lúc tôi trò chuyện với cái bóng, ông thu dọn những hòn đá vương vãi trên quảng trường và ném trở lại những chỗ không vướng chân ai. Lúc tôi tới gần, ông cúi bụi trắng bám ở bàn tay lên tay áo và khoác cánh tay hộ pháp lên vai tôi. Tôi không chắc đó có phải là một cử chỉ thân thiện hay ông chỉ muốn cho tôi thấy sức lực phi thường của mình.

“Tôi sẽ chăm sóc bóng của cậu”, ông nói. “Mỗi ngày cho ăn ba bữa và cho ra ngoài dạo chơi một lần. Cậu không có lý do gì để phải lo lắng cả.”

“Tôi có thảnh thơi được về thăm nó không?”

“Hừm, để xem đã”, ông gác cổng nói. “Nếu thời gian và hoàn cảnh thuận tiện, và tôi đồng ý thì cậu được thăm nó.”

“Còn nếu tôi muốn có lại bóng của mình thì phải làm gì?”

“Thì ra cậu chưa hiểu rõ các quy định ở đây”, ông gác cổng nói, tay vẫn khoác trên vai tôi. “Ở thành phố này không ai được phép có bóng, và ai đã ở đây thì không bao giờ được đi khỏi nữa. Cũng có nghĩa là câu hỏi của cậu hoàn toàn vô nghĩa.”

Thế là tôi mất bóng mình.

Lúc rời khỏi thư viện tôi xin phép được đưa cô thủ thư về nhà.

“Ồ, không cần thiết đâu”, cô nói. “Em không sợ trời tối, với lại anh cũng sống ở khu khác.”

“Nhưng anh muốn tiễn em về”, tôi khẳng khái. “Anh thấy chộn rộn thế nào ấy, về nhà thì anh cũng chẳng ngủ được ngay.”

Chúng tôi qua Cầu Cũ đi về phía nam. Trời vừa chớm xuân, và làn gió còn khá lạnh quét qua thảm cỏ trên bãi cát bồi giữa sông. Ánh trăng trần trụi khiến đá trải đường sáng lấp loáng. Hơi ẩm màu đục dề nặng trên mặt đất. Cô thủ thư tháo dải buộc tóc, túm mớ tóc xòa ra bằng một tay, kéo ra phía trước và nhét xuống dưới ve áo măng tô.

“Tóc em đẹp lắm”, tôi nói.

“Cảm ơn anh”, cô nói.

“Đã có ai khen em như thế chưa?”

“Không. Chưa bao giờ. Anh là người đầu tiên đấy.”

“Em cảm thấy thế nào khi được khen?”

“Em không biết”, cô nói và nhìn vào mắt tôi, tay đút trong túi măng tô. “Tuy em nghe anh khen tóc em, nhưng thực ra đó không phải là ý chính, đúng không? Tóc em đã gợi lên trong anh một ý khác, và anh đang muốn nói ý ấy ra.”

“Không, không. Anh chỉ nói về tóc em.”

Cô nhìn lên trời như tìm gì đó bị rơi mất và mỉm cười. “Xin lỗi anh. Em chỉ không hiểu cách anh nói chuyện thôi.”

“Không sao, rồi em sẽ quen dần”, tôi nói.

Cô thủ thư sống ở khu công nhân, một khu nhà tàn tạ phía tây nam khuôn viên nhà máy. Toàn bộ khuôn viên nhà máy là một khu đất cô quạnh, gần như chết rồi. Cả con kênh lớn ngày xưa ăm ắp nước trong vát để chờ tàu hàng và sàn lan đi lại, bây giờ cũng đóng hết các cửa lạch. Vài đoạn cạn kiệt nhìn thấy cả đáy. Lớp bùn khô trắng hiện ra như xác chết nhăn nhoe của những con vật khổng lồ thời đồ đá. Bên bờ có những bậc thang đá rộng để bốc dỡ hàng, nhưng bây giờ chúng không được sử dụng nữa, cỏ lác đác hàng thước cắm rễ xuyên vào những kẽ nứt. Chai lọ và các bộ phận máy hoen gỉ chòi ra trên mặt bùn, cạnh đấy là một chiếc thuyền gỗ nông choèn đang mục rữa dần.

Các xưởng máy bỏ hoang kéo dài dọc kênh và những lạch ngang. Cổng khóa, kính cửa sổ tan hoang, tường đầy cây leo, tay vịn cầu thang cứu hỏa hoen gỉ, khắp nơi đầy cỏ dại.

Sau những dãy nhà xưởng là khu công nhân. Toàn những dãy nhà năm tầng tàn tạ. Ngày xưa đó là các căn hộ chung cư lịch sự cho người làm tiền, cô thủ thư kể, nhưng thời thế đổi thay, dần dần người ta ngăn thành các căn hộ nhỏ và cực nhỏ cho công nhân nghèo kiết xác. Bây giờ họ cũng chẳng còn là công nhân nữa, vì nhà máy đã đóng cửa gần hết. Người ta không cần tay nghề của công nhân nữa, chỉ đôi khi có nhu cầu thì họ nhận được vài việc lẻ tẻ của thành phố. Cha cô cũng là một trong những công nhân ấy.

Chúng tôi đi qua một cầu đá ngắn, không tay vịn, vắt ngang con lạch cuối cùng; thẳng phía trước là tòa nhà nơi cô thủ thư ở. Các tòa nhà nối nhau bằng những khoang thang, trông như thang mây dùng trong lúc công thành thời Trung Cổ.

Đã gần nửa đêm. Hầu hết các cửa sổ tối đen. Cô nắm tay dắt tôi đi nhanh qua các ngõ nhỏ rồi rầm, tựa như kéo tôi trốn khỏi tầm mắt của một con ác quỷ khổng lồ ăn thịt người. Rốt cuộc cô dừng chân trước một tòa nhà và chúc tôi ngủ ngon.

“Tạm biệt”, tôi nói.

Tôi ngược lên sườn Đồi Tây đi về hướng nhà mình.

7. Chương 07

7

Đầu Lâu, Lauren Bacall,

Thư Viện Thành Phố

Tôi đón taxi về nhà. Bên ngoài đã tối, đường phố đông nghịt người vào giờ tan tầm. Trời mưa phùn, tôi đợi mãi mới bắt được taxi.

Thường là tôi cân nhắc kỹ càng nếu muốn đi taxi. Vì tôi luôn để ít nhất hai taxi trống chạy qua để tránh mọi nguy hiểm. Bọn ký hiệu sư có các taxi giả hiệu, thỉnh thoảng người ta vẫn nghe chuyện chúng đón khách là toán sư vừa đi làm về và đưa họ đi mất. Có thể chỉ là lời đồn thổi. Cả tôi lẫn các đồng nghiệp chưa vấp phải chuyện ấy bao giờ. Nhưng cẩn thận không bao giờ thừa.

Vì lý do đó, bình thường tôi luôn đi tàu điện ngầm, hay xe buýt, nhưng lần này tôi cực kỳ mệt và buồn ngủ, đã thế trời lại mưa, nghĩ đến tàu xe lên chật người đã thấy ớn; vậy là tôi cố công tìm taxi. Trên đường đi tôi suýt ngủ gật mấy lần, phải cố cường lại: về đến nhà thì tha hồ ngủ bao lâu cũng được. Ở đây không được ngủ quên! Ngủ trên xe rất nguy hiểm!

Tôi tập trung nghe tường thuật bóng chày trên radio. Do không thạo môn bóng chày chuyên nghiệp nên tôi ủng hộ đội bóng đang tấn công và ghét đội phòng thủ. Đội của tôi đang bị dẫn 3:1. Cho đến khi taxi đỗ trước nhà tôi thì tỉ số đã là 4:1. Tôi trả tiền, cặp hộp đựng mũ dưới nách và ra khỏi xe trong tình trạng buồn ngủ ngất ngư. Mưa đã gần tạnh.

Hộp thư của tôi trống trơn. Máy ghi âm cũng không có tin nhắn. Có vẻ như chẳng ai cần tôi. Càng tốt. Tôi cũng chẳng cần ai. Tôi lấy đá trong tủ lạnh, pha một cốc whiskey lớn với đá và một ít soda. Rồi tôi cởi quần áo chui lên giường, ngồi dựa vào tường và nhâm nhi whiskey. Tôi biết chỉ trong chốc lát là sẽ ngủ quay ra ngay nhưng không muốn bỏ lỡ nghi thức ngọt ngào khi đi làm về. Đó là mấy phút đồng hồ yêu thích nhất của tôi sau khi lên giường, là khoảng thời gian ngắn ngủi mà cơn buồn ngủ rình quật ngã tôi. Tôi đem theo chút đồ uống, nghe nhạc, đọc sách. Tôi yêu mấy phút ấy như người khác yêu mặt trời lặn hay không khí trong lành.

Tôi uống cạn nửa cốc whiskey thì điện thoại đổ chuông. Điện thoại nằm trên chiếc bàn tròn cách giường chừng ba thước. Đã lên giường là tôi không muốn trèo xuống nữa, vì vậy tôi chỉ ngó qua phía điện thoại đang réo chuông. Mười ba, mười bốn hồi chuông, nhưng tôi không bận tâm. Trong các phim hoạt hình ngày xưa có cảnh máy điện thoại run lên bần bật với mỗi hồi chuông, nhưng thực tế tất nhiên không thế. Máy trên bàn không rung, chỉ đổ chuông. Tôi vừa uống whiskey vừa quan sát.

Cạnh điện thoại là ví tiền, dao và hộp mũ. Tôi chợt nhớ là có lẽ nên mở hộp ngay. Có thể phải cho đồ trong đó vào tủ lạnh, hay có thứ gì còn sống hoặc rất quan trọng, nhưng tôi đã quá mệt để nhòm dấy. Nếu đúng thế thì người ta đã nhắc nhở tôi khi đưa quà. Khi điện thoại ngừng chuông, tôi uống một hơi hết chỗ rượu còn lại, tắt đèn đầu giường và nhắm mắt. Đúng thời điểm đó, giấc ngủ chụp lên tôi như một cái lưới lớn màu đen, cứ như nó đã rình sẵn. Tôi còn kịp nghĩ: thật kỳ tất cả.

Lúc tôi thức dậy thì xung quanh lờ mờ tối. Đồng hồ chỉ 6 giờ 15, không rõ là sáng sớm hay tối. Tôi mặc quần đi ra phía trước và nhìn ra căn hộ hàng xóm. Tờ báo buổi sáng nằm trước cửa, nghĩa là đang sáng sớm. Những lúc thế này mới thấy mua báo dài hạn có lợi. Có thể tôi cũng sẽ đặt mua một tờ.

Tôi đã ngủ chừng mười tiếng. Cơ thể tôi cần nghỉ thêm, vì do cả ngày hôm nay không có việc gì nên lẽ ra tôi lại đi nằm cũng được, nhưng tôi quyết định không ngủ nữa. Không mấy khi có được cảm giác tuyệt vời khi thức dậy cùng ánh nắng mới mẻ và tinh khôi. Tôi tắm thật kỹ và cạo râu. Sau đó là hai mươi phút thể dục như thường lệ và ăn sáng bằng những đồ còn trong nhà. Tủ lạnh đã gần trống lại phải chất vào cho đầy thôi. Tôi ra bàn bếp ngồi, vừa uống nước cam vừa lấy bút chì viết ra những thứ cần mua lên một tờ giấy vuông. Một không đủ, tôi dùng hai tờ. Giờ này siêu thị chưa mở, do đó tôi quyết định sẽ ăn trưa ngoài phố rồi sau đó đi mua đồ.

Tôi ném quần áo bẩn trong giỏ nhà tắm vào máy giặt. Trong lúc cạo đôi giày tennis trong bồn rửa tay, tôi chợt nhớ đến món quà bí hiểm của ông già. Tôi để lại chiếc giày phải đang cạo dở, lau khô tay bằng khăn lau bát, đi vào phòng ngủ và nhắc hộp lên. Trước sau thì nó vẫn nhẹ so với kích thước. Một kiểu nhẹ làm người ta không yên tâm. Nó nhẹ hơn mức được phép nhẹ. Trong đầu tôi lóe đèn cảnh báo. Một giác trực giác nghề nghiệp chứ không có cơ sở cụ thể nào cả.

Tôi nhìn quanh phòng. Im lặng lạ lùng. Im lặng như đã tắt mọi âm thanh. Tôi đằng hắng – nghe đúng tiếng đằng hắng. Tôi bật dao ra và khẽ gõ sống dao vài lần lên bàn: nghe đúng tiếng gõ thật sự. Sau khi làm quen với thể giới không âm thanh, một thời gian dài người ta sẽ nghi ngại không tin vào sự yên tĩnh. Rồi tôi mở cửa ban công. Tiếng động của xe cộ và tiếng chim lú lo tràn vào. Tiến hóa kiểu gì thì tùy, thể giới này phải có những tiếng động của nó.

Tôi cẩn thận cắt băng dính để khỏi làm hỏng đồ bên trong. Trên cùng là giấy báo vò nhàu. Tôi vượt thẳng một tờ và đọc; trong đó không có gì đáng để ý, chỉ là một tờ báo rất bình thường, số ra trước đây ba tuần – tờ Mainichi Shimbun. Tôi lấy trong bếp ra một túi đựng rác và ném báo vào. Hộp đựng mũ được nhồi chặt bằng mười bốn số báo, báo của hai tuần. Toàn là tờ Mainichi. Dưới đó là những mẫu vật liệu chèn bằng xốp mềm, dài bằng ngón tay trẻ con. Tôi lấy cả hai tay hót chúng khỏi hộp và vứt vào túi rác. Trong hộp có gì thì tôi không biết, nhưng gói ghém quá mất công. Khi vứt ra được nửa chỗ vật liệu xốp, một vật gì đó gói trong giấy báo lộ ra. Tôi đã bắt đầu ngán ngẩm. Tôi vào bếp lấy một lon Coca-Cola trong tủ lạnh, ngồi xuống giường và từ từ uống cạn. Sau đó tôi cắt móng tay bằng dao. Ngoài thêm xuất hiện một con

chim có lông yếm màu đen, tiếng hót khàn khàn. Như mọi khi, nó mổ hết chỗ ruột bánh mì mà tôi rải lên bàn. Một buổi sớm mai thanh bình.

Rốt cuộc tôi tập trung tâm trí quay lại bàn và lấy đồ vật gói giấy báo ra. Mấy vòng băng dính quấn xung quanh khiến nó trông như một tác phẩm nghệ thuật hiện đại. Nó có dạng một quả dưa hấu thuôn dài và trọng lượng hầu như không đáng kể. Tôi dọn dao và hộp khỏi bàn để lấy chỗ rộng rãi rồi cẩn trọng bóc băng dính và giấy báo. Một cái đầu lâu động vật.

Giỏi, tôi nghĩ, giỏi lắm. Chẳng lẽ ông già nghĩ rằng tôi sẽ vui sướng khi được tặng một cái đầu lâu? Muốn nghĩ xuôi nghĩ ngược thế nào thì tùy, đem cái đầu lâu động vật làm quà tặng là không bình thường.

Cái đầu lâu trông giống của ngựa, nhưng nhỏ hơn nhiều. Ít nhất là kiến thức động vật học của tôi đủ cho thấy chắc chắn nó phải từng nằm trên vai một động vật có vú không to lắm, một loài ăn cỏ họ móng guốc với cái đầu thuôn dài. Tôi gọi tên mấy con ấy ra. Nai, dê, cừu, hoẵng, tuần lộc, lừa... Dĩ nhiên còn nhiều nữa, nhưng tôi không nghĩ ra.

Trước tiên thì tôi cứ đặt nó lên trên ti vi. Không phải một vị trí thích hợp lắm, nhưng tôi không biết chỗ nào tử tế hơn. Ở nhà Hemingway chắc nó sẽ được đặt lên lò sưởi cạnh mấy cái đầu tuần lộc của ông ấy, nhưng trong nhà tôi tất nhiên không có lò sưởi đốt củi. Tôi cũng không có kệ tủ, thậm chí chẳng có tủ đựng giày. Do vậy ti vi là nơi duy nhất để tôi đặt đầu lâu của một con vật không rõ tên lên trên.

Khi đổ nốt chỗ xốp chèn ở đáy hộp vào túi rác, tôi phát hiện ra một gói dài dài bọc giấy báo. Tôi mở gói – thì ra là cái kẹp gấp than inox giống như cái kẹp của ông già dùng để gõ đầu lâu. Tôi cầm nó lên tay để ngắm cho kỹ. Không như đầu lâu, cái kẹp cầm khá nặng tay và tạo cảm giác nghiêm trang như cây gậy chỉ huy bằng ngà voi của Furtwangler khi chỉ huy dàn nhạc giao hưởng Berlin.

Không dừng được: tôi ra ti vi và gõ nhẹ lên trán đầu lâu. Một tiếng rung trầm đục như tiếng gừ gừ qua mũi một con chó lớn. Tôi thì lại đợi một tiếng “coong” hay “cạch” sắc lạnh nên hơi bất ngờ nhưng cũng chẳng bất ngờ đến nỗi thấy gì bất ổn ở âm thanh này. Cái đầu lâu này phát tiếng động như một cái đầu lâu, có gì phải bận tâm. Phê phán gì thì cũng không thay đổi được tiếng động lạ tai ấy, và tự tiếng động lạ tai ấy cũng chẳng muốn thay đổi.

Cuối cùng thì tôi cũng ngán nhìn và gõ đầu lâu. Tôi rời ti vi ra ngồi ở giường, đặt điện thoại lên lòng và gọi đại lý chính thức của Hệ thống để biết các lịch hẹn sắp tới. Đại diện của tôi bắt máy và nói là bốn hôm nữa sẽ có việc, liệu tôi có nhận không. Vâng, tôi nói. Thoạt tiên tôi định xin xác nhận quyền được đảo dây số để tránh những phiền nhiễu có thể xảy ra, nhưng không muốn phải giải thích dài dòng nên lại thôi. Giấy tờ nghiêm chỉnh, thù lao cũng tử tế. Vả lại, ông già đã bỏ qua khâu đại lý vì lý do bảo mật. Không có nguyên cớ gì để làm ọi thứ phức tạp thêm.

Cũng nói thêm là tôi không ưa đại diện của mình lắm. Đó là một anh chàng chừng ba mươi tuổi, cao, gầy, dạng người tin rằng tự mình mới có quyền duyệt cấp phép ọi hành động. Và nếu có thể thì tôi tránh sa vào tình huống phải nói chuyện dài với anh ta.

Xong các vụ hành chính, tôi đặt máy xuống và ra ngồi sofa trong phòng khách. Tôi mở một lon bia và xem phim Key Largo của Humphrey Bogart trên video. Tôi rất thích Lauren Bacall trong Key Largo. Cô cũng diễn rất cừ trong The Big Sleep, dĩ nhiên, nhưng trong Key Largo cô đã thành một tượng đài.

Nhìn lên màn hình song mắt tôi bắt giắc cứ hất lên phía đầu lâu. Đơn giản là tôi không thể tập trung xem phim như mọi khi. Và tôi ngừng băng video ở đoạn xảy ra cơn cuồng phong, không xem phần còn lại nữa. Thay vào đó là vừa uống bia tôi vừa ngắm đầu lâu. Càng nhìn tôi càng thấy nó thân thuộc. Nhưng vì sao thân thuộc thì tôi cũng không nghĩ ra được. Tôi lấy một cái T-Shirt trong ngăn kéo trùm lên đầu lâu rồi xem tiếp phim Key Largo. Giờ thì tôi lại tập trung xem Lauren Bacall được.

Tôi ra khỏi nhà lúc mười một giờ, ở siêu thị gần ga tôi lấy mọi thực phẩm vớ được, mua vang đỏ, nước khoáng và nước cam trong hiệu đồ uống. Tôi lấy áo vest và hai tấm ga trải giường ở tiệm giặt là, vào một hiệu văn phòng phẩm mua bút bi, phong bì và giấy viết thư, mua ở cửa hàng đồ gia dụng một viên đá mài tốt nhất có bán. Trong hiệu sách tôi lấy hai cuốn tạp chí, rồi đi mua bóng đèn và cassette ghi âm ở cửa hàng đồ điện, một cuốn phim Polaroid trong hiệu ảnh. Cuối cùng tôi còn vào cửa hàng bán đĩa hát để mua

vài đĩa. Bỗng sau trên xe tôi chợt thấy những túi hàng. Hình như tôi có thú vui đi mua bán bầm sinh. Mỗi lần vào thành phố là tôi cầm túi khâu hàng nui đồ lật vật như một con sóc trước khi vào tiết đông.

Tôi có ô tô chỉ để đi mua hàng. Có lần tôi mua nhiều đến nỗi không xách hết túi, và thế là tôi mua xe. Tay xách các túi hàng, tôi đi tới hiệu xe cũ đã mấy lần để ý. Ở đó quả thật có đủ các loại xe. Tôi không thích ô tô lắm và cũng không thạo thông tin, vì vậy tôi nói đơn giản: “Tôi tìm một cái xe, xe nào cũng được, chỉ đừng to quá.”

Ông bán xe đứng tuổi rút ra một quyển catalog và chỉ cho tôi xem xe này xe nọ, nhưng tôi không muốn xem catalog và nói cho ông rõ là tôi chỉ cần một cái ô tô đi chợ. Tôi không muốn lên đường cao tốc, không chở bạn gái đi dạo, cũng không đưa gia đình đi du lịch. Tôi không cần xe công suất lớn, máy lạnh, đài đĩa stereo, cửa sổ mái, lốp mùa đông. Loại xe tôi muốn phải là loại nhỏ gọn, ít khí thải độc hại, nổ khỏe, bền. Nếu có màu lam đậm thì càng tốt.

Ông khuyên tôi mua một chiếc xe Nhật nhỏ màu vàng. Màu này tôi không thích lắm, nhưng xe đi không tồi và bán kính vòng cua nhỏ. Trông cũng dễ thương, không trang bị gì thừa so với nhu cầu của tôi, và rẻ, vì mẫu xe này đã ngừng sản xuất.

“Một cái ô tô, không hơn không kém!”, ông bán xe đứng tuổi nói. “Lắm thứ trang trí lấp thêm, tôi nói để anh biết, đúng là người ta điên cả rồi.”

“Rất đúng ý tôi”, tôi nói.

Và thế là tôi có ô tô đi chợ. Nó hầu như không bao giờ được dùng vào mục đích nào khác.

Mua hàng xong xuôi, tôi đậu xe vào bãi đỗ của một nhà hàng. Tôi gọi bia, gỏi tôm trộn với hành. Tôi im lặng ngồi ăn một mình. Tôm quá lạnh và hành thì héo. Tôi ngó quanh nhưng không thấy người nào gọi cô bồi bàn lại để phân nân hay ném bát đĩa xuống đất cả. Vậy thì tôi cũng chẳng nói gì và ăn hết. Người ta chỉ thất vọng khi trước đó đã từng hy vọng.

Nhìn qua cửa sổ có thể thấy đường cao tốc nội đô. Ô tô đủ màu đủ kiểu đi qua. Tôi nhìn chúng và lại nghĩ đến ông già đã trao việc cho tôi hôm qua và cô cháu gái mũm mĩm của ông. Dù có thiện chí đến mấy, tôi vẫn thấy họ sống trong một thế giới điên rồ, vượt qua hẳn khả năng đồng cảm của tôi. Cái thang máy ngu xuẩn, hàng động khổng lồ sau tủ tường, ma đen, tất âm thanh – tất cả đều điên rồ. Và lại còn tặng tôi một cái đầu lâu lúc chia tay nữa chứ.

Tôi tận dụng mấy phút rỗi rãi buồn tẻ đợi cà phê để nhớ lại từng chi tiết của cô gái mũm mĩm. Đôi bông tai vuông, bộ đồ hồng, giày cao gót, bắp chân và gáy nung núc thịt, khuôn mặt – tất cả. Tôi nhớ tương đối rõ các chi tiết này, nhưng bức tranh tổng thể ghép lại từ các chi tiết ấy thì lại mờ nhạt không ngờ. Có lẽ vì dạo này tôi không ngủ với cô gái nào mũm mĩm cả. Vì thế tôi không thể tưởng tượng ra một cơ thể phụ nữ béo.

Tôi chấm dứt tưởng tượng cảnh cô đang trần truồng, trả tiền và rời nhà hàng. Tôi đi bộ đến thư viện thành phố gần đó, hỏi cô gái trẻ mảnh khảnh tóc dài ngồi ở quầy thông tin: “Cô có sách về đầu lâu động vật có vú không?”

Cô ta đang cầm túi vào một cuốn sách loại bỏ túi nhưng vẫn ngẩng lên nhìn tôi: “Anh cần gì ạ?”

“Sách-về-đầu-lâu-động-vật-có-vú”, tôi nhắc lại, nhấn rõ từng chữ một.

“Đầu lâu động vật có vú”, cô gái nói, giọng như hát. Nghe như cô ngâm thơ vậy. Tựa như một thi sĩ giới thiệu cho độc giả đầu đề một bài thơ mà ông sắp trình diễn. Tôi thăm hỏi, liệu cô ta có nhắc lại mọi câu hỏi của khách theo kiểu này không.

Lịch sử nhà hát múa rối chẳng hạn.

Hay Thái Cực Quyền đại cương.

Nếu có bài thơ nào mang đầu đề như trên thì hẳn thú vị lắm, tôi nghĩ.

Cô suy nghĩ một lát, cắn răng vào môi dưới. “Phiền anh chờ một chút, tôi sẽ tìm”, cô vừa nói vừa xoay ghế ngay tại bàn và nhấn phím máy tính viết gõ Động vật có vú. Trên màn hình xuất hiện khoảng hai chục đầu

sách. Cô dùng bút cảm ứng xóa đi hai phần ba, cho vào bộ nhớ phần còn lại và viết thêm chữ xương. Cô chừa lại hai trong số bảy, tám đầu sách vừa hiện ra rồi chuyển chúng sang các đầu đề đã cất trong bộ nhớ. Thư viện thay đổi ghê gớm thật. Thời mà phiếu kiểm tra còn găm trong túi giấy dán sau sách đã xa xôi như một giấc mơ xưa. Hồi còn bé, tôi thích xem giấy in ngày tháng trên phiếu kiểm tra.

Trong lúc cô thành thạo lướt ngón tay trên bàn phím máy tính, tôi ngắm tấm lưng thon và mái tóc dài của cô. Tôi không chắc chắn có thích cô hay không. Một cô gái xinh xắn, thân thiện, rõ ràng là cũng sáng dạ và nói như ngâm thơ. Đường như chẳng có lý do gì để tôi không thích cô cả.

Cô ấn phím in và trao cho tôi tờ in màn hình. “Anh có thể chọn một trong chín đầu sách sau đây”, cô nói.

1. VỀ ĐỘNG VẬT CÓ VÚ
2. TRANH VÀ ẢNH ĐỘNG VẬT CÓ VÚ
3. BỘ XƯƠNG ĐỘNG VẬT CÓ VÚ
4. LỊCH SỬ ĐỘNG VẬT CÓ VÚ
5. TÔI, MỘT ĐỘNG VẬT CÓ VÚ
6. GIẢI PHẪU ĐỘNG VẬT CÓ VÚ
7. NÃO ĐỘNG VẬT CÓ VÚ
8. XƯƠNG ĐỘNG VẬT
9. NHỮNG BỘ XƯƠNG TỰ KỂ.

Thẻ của tôi được mượn ba cuốn. Tôi lấy các số 2, 3 và 8. Hai đầu đề Tôi, một động vật có vú và Những bộ xương tự kể có vẻ thú vị, nhưng rõ ràng không liên quan trực tiếp đến dự án đang làm, tôi hoãn đến lần sau sẽ mượn về.

“Rất tiếc là cuốn Tranh và ảnh động vật có vú chỉ được dùng tại thư viện, không thể mượn về”, cô nói và gãi lên thái dương bằng bút bi.

“Việc này rất quan trọng. Tôi nhất định sẽ trả sách vào sáng mai”, tôi khẩn khoản. “Tôi xin hứa.”

“Loạt sách tranh ảnh rất được ưa thích, nếu có ai biết là tôi mượn về thì sẽ phiền lắm.”

“Một ngày thôi, không ai biết được đâu.”

Cô gái lưỡng lự, cắn đầu lưỡi đỏ hồng đáng yêu giữa hai hàm răng.

“Được, tôi mượn. Nhưng chỉ một lần này thôi đấy. Và đề nghị anh đúng chín rưỡi sáng mai đem trả!”

“Cảm ơn”, tôi nói.

“Không có gì”, cô nói.

“Tôi có thể làm gì để tỏ lòng biết ơn cô không?”

“Bên kia đường có hiệu kem Baskin-Robbins, anh mua cho tôi một ốc quế đúp, dưới là hạt dẻ, trên là mô ca. Anh có nhớ hết không?”

“Một ốc quế đúp, kem hạt dẻ và mô ca.”

Tôi rời thư viện, đi qua hiệu kem Baskin-Robbins.

Lúc tôi quay lại thì cô gái chưa tìm được hết sách tôi cần, tôi cầm ốc quế trong tay trái và đợi ở quầy thông tin. Hai ông già ngồi đọc báo trên ghế băng lúc thì nhìn tôi, lúc nhìn suất kem một cách tò mò. May mà kem lạnh cứng, còn lâu mới chảy. Vừa đợi vừa cầm kem trong tay mà không được ăn, tôi thấy hơi sốt ruột, như được mời đến mà không ai tiếp.

Quyển sách bỏ túi mà cô gái đọc dở nằm trên mặt bàn như một con thỏ con ngủ quên, lưng vòng lên. Đó là tiểu sử H. G. Wells, tập hai, Time Travellers. Không phải sách của thư viện, chắc là của riêng. Bên cạnh

đó là ba cây bút chì vót nhọn chĩa chu. Và bảy hay tám cái ghim giấy. Tại sao đến đâu tôi cũng thấy ghim giấy nằm vương vãi, lạ thật!

Có thể chúng đột nhiên sinh sôi nảy nở vì một lý do nào đó. Hoặc một sự tình cờ được tôi để ý đến quá mức thông thường. Không, đúng là có gì đó bất thường. Như có một bàn tay bí mật điều khiển, tôi cứ đến đâu là lại thấy ở đó ghim giấy nằm lung tung ở một vị trí nổi bật. Trong đầu tôi lóe đèn báo động. Đạo này đèn lóe hơi nhiều – khi thấy đầu lâu, khi thấy ghim giấy. Tôi cảm giác có một mối liên quan, song cố gắng mấy cũng không tưởng tượng ra đầu lâu liên quan gì đến ghim giấy.

Ngay sau đó cô gái tóc dài quay lại với ba quyển sách trên tay. Cô đưa sách cho tôi và cầm kem, ngồi về ngăn của mình và ăn, đầu cúi về phía trước không để ai nhìn thấy từ bên ngoài. Tôi nhìn từ trên xuống: gáy cô lồ lộ rất đẹp.

“Cảm ơn anh”, cô nói.

“Tôi cũng cảm ơn cô”, tôi nói. “À này, cô cần ghim giấy làm gì vậy?”

“Ghim giấy”, cô nhắc lại như hát. “Tôi cần ghim giấy để kẹp các tờ giấy lại với nhau. Anh biết ghim giấy là gì chứ? Ở đâu chả có, ai cũng dùng.”

Cô nói đúng, dĩ nhiên. Tôi cảm ơn, cầm sách và ra về. Ở đâu chả có ghim giấy. Bỏ ra một nghìn yên là mua được ghim giấy trữ đủ dùng cả đời. Ủ, tại sao không! Tôi đỗ ở cửa hàng văn phòng phẩm và mua một nghìn yên ghim giấy. Rồi tôi về nhà.

Về đến nhà tôi xếp thực phẩm vào tủ lạnh. Thịt và cá tôi cuộn vào nylon, đồ đông lạnh cho vào ngăn đá. Tôi cho cả bánh mì và cà phê vào ngăn lạnh sâu. Đậu phụ ngâm vào bát nước. Bia thì xếp vào ngăn mát, rau củ xếp ra phía trước. Tôi treo áo vét vào tủ, đặt nước rửa chén lên giá. Sau đó tôi rải bữa mấy cái ghim giấy trên nóc ti vi cạnh chiếc đầu lâu.

Một sự sắp đặt kỳ quái.

Kỳ quái như đặt gối bông cạnh nước đá hay lọ mực bên xà lách. Tôi đi ra ban công để ngắm từ xa, nhưng ấn tượng đó không đổi. Đầu lâu và ghim giấy không có gì liên quan cả. Nhưng nhất định phải có một sự ràng buộc bí mật mà tôi không biết – hoặc tôi đã biết mà không nhớ lại.

Tôi ngồi lên giường và nhìn chăm chăm vào những đồ vật trên ti vi một hồi lâu. Song tôi không thể nhớ lại một điều gì. Chỉ thời gian là cứ trôi đi. Một chiếc xe cấp cứu đi qua gần nhà, sau đó là một xe phát thanh cổ động của cánh hữu. Tôi thêm whiskey nhưng cố nhịn. Tôi cần cái đầu sáng suốt để suy nghĩ một lát đã. Mấy phút sau chiếc xe của cánh hữu lại đi đúng đường cũ một lần nữa. Chắc họ đi lạc. Phở xá ở khu này khá rối rắm.

Rốt cuộc tôi phẩy tay đứng dậy, ra ngồi ở bàn bếp và lật xem mấy cuốn sách vừa mượn của thư viện. Trước tiên tôi tìm ra tất cả các động vật có vú ăn cỏ cỡ trung, sau đó tôi xem bộ xương của chúng. Thì ra động vật có vú ăn cỏ cỡ trung đông hơn tôi tưởng cực nhiều. Riêng loài hươu đã có hơn ba chục nhánh được liệt kê.

Tôi lấy đầu lâu trên nóc ti vi đặt lên mặt bàn và so sánh nó với từng hình minh họa. Sau một tiếng tôi đã so sánh với chín mươi ba hình vẽ đầu lâu khác nhau; không hình nào giống cái đầu lâu trên bàn bếp. Thế thì tôi cũng bó tay. Tôi gập ba quyển sách lại, chồng lên nhau ở mép bàn, vươn vai đứng dậy. Chịu thôi.

Tôi bỏ cuộc, nằm lăn ra giường. Trong khi đang xem phim The Quiet Man của John Ford thì có tiếng chuông ở cửa. Qua lỗ nhòm tôi thấy một người đàn ông đứng tuổi mặc đồng phục của công ty cung cấp khí đốt Tokyo. Tôi để nguyên xích cửa, chỉ mở hé một khe nhỏ và hỏi ông ta cần gì.

“Kiểm tra định kỳ đường ống khí đốt”, ông ta nói.

“Đợi chút”, tôi nói và lấy con dao trên bàn phòng ngủ đút vào túi rồi mới mở cửa. Vừa thàng trước người ta đã kiểm tra độ kín của ống dẫn khí đốt rồi cơ mà. Thêm nữa là người đàn ông này có vẻ thiếu tự nhiên.

Tôi làm ra vẻ bất cần và xem phim tiếp. Trước tiên người đàn ông kiểm tra đường khí đốt trong nhà tắm bằng một chiếc máy trông như máy đo huyết áp, sau đó ra bếp. Cái đầu lâu vẫn nằm trên bàn bếp. Tôi để ti vi chạy tiếp và rón rén đi ra bếp; đúng như tôi nghĩ, gã đang đút cái đầu lâu vào một túi nylon đen. Tôi

bật dao, nhảy một bước vào bếp, vòng tay kẹp cổ và chặn lưỡi dao đúng mũi gã đàn ông. Gã cuống cuồng thả rơi túi nylon xuống bàn.

“Tôi không có ý xấu”, gã run rẩy thanh minh. “Tôi nhìn thấy cái ấy và muốn lấy. Tôi chợt nổi máu tham. Tha lỗi cho tôi!”

“Quên đi!”, tôi cười khẩy. Một người của công ty khí đốt nhìn thấy cái đầu lâu trên bàn, nổi máu tham, muốn lấy – đã ai nghe thấy chuyện vô lý như thế chưa? “Khai thật ra, hay tao cắt cổ mày!”, tôi nói. Một câu nói đối trắng trợn, chỉ riêng gã là không ý thức được.

“Được rồi, được rồi, đừng làm gì tôi, tôi khai hết”, gã rên rỉ. “Người ta đã trả tiền để tôi đến đây ăn cắp nó. Hai người bắt chuyện với tôi ngoài phố, hỏi tôi có muốn kiếm ít tiền không, và cho tôi năm chục nghìn yên. Khi nào nộp cái đầu lâu thì tôi sẽ được thêm năm chục nghìn nữa. Tôi không muốn tí nào, nhưng một trong hai đứa trông như người khổng lồ. Thật đấy. Xin ông đừng giết tôi. Tôi có hai đứa con gái học trung học.”

“Cả hai học trung học?”

“Vâng. Lớp Mười và Mười hai.”

“Thật hả”, tôi hỏi. “Trường nào?”

“Đứa lớn học trường Shimura của thành phố, đứa nhỏ học trường Futaba ở Yotsuya”, gã nói. Sự kết hợp này cộc cạch đến nỗi chỉ có thể là sự thật. Tôi thấy tin gã được.

Cẩn thận chặn tiếp dao vào cổ gã, tôi nhón ví của gã từ túi quần sau ra xem. 67.000 yên, trong đó 50.000 yên là tiền mười nghìn mới cứng. Thẻ nhân viên của công ty khí đốt Tokyo, và một tấm hình màu chụp gia đình. Hai đứa con gái mặc kimono đại lễ. Cũng chẳng thuộc loại xinh đẹp gì. Do vóc người hai đứa như nhau nên khó nói đứa nào học trường Shimura và đứa nào học Futaba. Ngoài ra trong ví còn tấm vé tháng tuyến Sugamo-Shinanomachi. Gã đàn ông trông cũng không nguy hiểm nên tôi gập dao lại và thả hất ra.

“Thôi, rút khỏi đây ngay!”, tôi nói và trả hất ví.

“Cảm ơn ông”, gã nói. “Nhưng bây giờ thì sao? Tôi đã cầm tiền rồi, mà lại quay về tay trắng.”

Tôi cũng không rõ, tôi nói. Bọn ký hiệu sư – tôi đoán chúng là bọn ký hiệu sư – tùy tình thế mà có thể làm mọi trò. Và chúng ra tay rất có ý thức, để không ai dễ nhận ra thói quen hoạt động của chúng. Có thể chúng sẽ chọc mù mắt gã đàn ông. Cũng có thể chúng cảm ơn gã đã cố gắng và đưa nốt năm chục nghìn yên còn lại. Không ai đoán được.

“Một đứa trông như người khổng lồ, phải không?”, tôi hỏi.

“Vâng, to như voi. Còn đứa kia lùn tịt. Chưa tới mét rưỡi. Ăn mặc bảnh. Nói chung là một cặp đôi đáng sợ.”

Tôi chỉ cho gã cách đi từ bãi đỗ xe ra cửa sau. Cửa sau nhà này là một lối đi hẹp, từ ngoài khó nhìn thấy. Nếu gã gặp may thì không bị hay đứa kia phát hiện.

“Tôi rất biết ơn ông”, gã đàn ông thở phào. “Tôi được phép tin là ông sẽ không báo cho công ty tôi biết chứ?”

Tôi gật đầu. Rồi tổng gã ra cửa, khóa lại và móc xích vào. Sau đó tôi ngồi vào bàn bếp, đặt con dao đã gập lưỡi lên bàn và lấy đầu lâu ra khỏi túi nylon. Ít nhất thì đã rõ một chuyện: bọn ký hiệu sư rình kiếm chiếc đầu lâu này, nghĩa là nó phải có ý nghĩa nào đó đối với chúng.

Hiện tại tôi và các ký hiệu sư đang ngang sức. Tôi có cái đầu lâu nhưng không biết ý nghĩa của nó. Bọn ký hiệu sư thì biết ý nghĩa – hoặc đoán được – nhưng lại không có đầu lâu. Một điều. Giờ thì tôi có thể lựa chọn giữa hai cách tiến hành. Cách thứ nhất là bắt liên lạc với Hệ thống, giải thích cho họ rõ vấn đề và yêu cầu được bảo vệ chống bọn ký hiệu sư hoặc chuyển đầu lâu vào nơi an toàn. Cách thứ hai: tôi liên hệ với cô gái mũm mĩm và bảo cô cho tôi biết ý nghĩa của cái đầu lâu. Trong hoàn cảnh hiện tại mà lối Hệ thống vào cuộc thì tôi thấy không ổn. Hầu như chắc chắn người ta sẽ có ý định tiến hành kiểm tra tôi, rất phiền. Đơn giản là tôi không ưa các tổ chức công kênh. Họ không linh hoạt, bất cứ việc gì cũng tốn thì giờ và công sức. Đơn giản là trên đời này khá đông kẻ ngu xuẩn.

Tuy nhiên cũng không thể liên hệ với cô gái béo: tôi không biết số điện thoại ở văn phòng cô. Tôi có thể tìm thẳng đến cô, nhưng bây giờ ra khỏi nhà thì khá nguy hiểm, vả lại dễ đoán là người ta không đơn giản để tôi bước vào tòa nhà văn phòng canh gác cẩn mật nọ.

Vậy là tôi quyết định không làm gì cả.

Tôi cầm kẹp gấp than inox gõ nhẹ lên đầu lâu lần nữa. Vẫn tiếng động như ban nãy. Nghe buồn bã thế nào ấy. Tựa như con thú lạ này còn sống. Nó còn sống và thở dài.

Vì sao đầu lâu phát ra tiếng động kỳ lạ này? Tôi cầm nó lên ngắm thật kỹ. Rồi tôi lấy kẹp gõ nhẹ lên lần nữa. Vẫn tiếng động cũ, nhưng nếu nghe thật chăm chú thì tôi cảm thấy âm thanh ấy dường như chỉ phát ra từ một điểm nhất định.

Tôi gõ đến lúc khoanh vùng được điểm đó. Tiếng động đến từ một vết lõm trên trán, đường kính khoảng hai phân. Tôi dùng một ngón tay khê sờ lên. Vết lõm nhám hơn xương xung quanh. Tựa như có gì bị bẻ ra khỏi vị trí này. Gì đó – cái sừng chẳng hạn...

Một cái sừng?

Nếu đúng thế thì tôi đang có đầu lâu một con thú một sừng trong tay. Tôi gỡ lại quyển Tranh và ảnh động vật có vú và tìm các động vật chỉ có một sừng. Không có, kiểm mãi cũng không thấy. Cùng lắm là có con tê giác, nhưng cả kích thước lẫn hình hộp sọ đều không đúng.

Tôi lấy đá trong tủ lạnh và pha một cốc Old Crow – tôi phải uống một chút. Đã sắp hết ngày, tôi thấy một cốc whiskey là hợp lý. Sau đó tôi ăn măng tây đóng hộp. Tôi rất khoái măng tây trắng. Xong món măng tây rồi ăn hai lát bánh mì gối kẹp hào xông khói. Sau đó lại một cốc whiskey.

Quyết định thực dụng của tôi: cái đầu lâu này ngày xưa thuộc về một con kỳ lân. Ngoài ra thì tôi cũng tắc tị.

Tôi có một cái đầu kỳ lân trong tay.

Được đấy, tôi nghĩ, được đấy chứ. Vì sao lại liên tục xảy ra những chuyện kỳ quái thế này? Và tại sao xảy ra với chính tôi? Tôi là một toán sư có tính thực tế và công tác độc lập, không hơn không kém. Tôi không nhiều kỳ vọng quá mức mà cũng chẳng tham lam. Tôi không có gia đình, không có bạn bè, không có người yêu.

Tôi là một người cố dành dụm càng nhiều càng tốt và sau quãng đời toán sư sẽ sống một cảnh hưu trí bình lặng, học đàn vi ô lông xen chẳng hạn, hoặc tiếng Hy Lạp. Vì sao chính tôi lại bị dây dưa với những trò ngớ ngẩn như kỳ lân và tắt âm thanh?

Tôi uống hết cốc whiskey thứ hai, vào phòng ngủ, tìm trong danh bạ số điện thoại của thư viện thành phố, quay số và xin gặp quầy thông tin. Mười giây sau, cô gái tóc dài cầm máy.

“Tranh và ảnh động vật có vú”, tôi nói.

“Cảm ơn anh mua kem”, cô nói.

“Chuyện nhỏ ấy mà”, tôi nói. “À, tôi có một nguyện vọng nữa, được không?”

“Tùy xem nguyện vọng gì đã”, cô nói.

“Cô có thể tìm hộ tôi xem có tài liệu gì về kỳ lân không?”

“Thú-một-sừng?”, cô lặp lại.

“Đòi hỏi quá nhiều chẳng?”

Im lặng. Có lẽ cô gái đang cắn lên môi dưới.

“Anh muốn biết gì về thú một sừng?”

“Tất cả”, tôi nói.

“Anh nghe đây, bây giờ là năm giờ kém mười, thư viện sắp đóng cửa và có rất nhiều việc phải làm. Bây giờ tôi không làm được. Vì sao anh không tới đây sáng mai, khi thư viện vừa mở cửa? Anh có thể tìm bao nhiêu tài liệu cũng được, về một sừng một siếc gì đó thì tùy.”

“Việc này cực kỳ khẩn cấp và cực kỳ quan trọng.”

“Ra thế, quan trọng đến mức nào?”

“Quá trình tiến hóa phụ thuộc vào nó.”

“Quá-trình-tiến-hóa?”, cô nhắc lại, giờ đã có vẻ giật mình. “Anh không định nói đến quá trình tiến hóa diễn ra trong hơn cả một triệu năm đấy chứ? Xin lỗi, nếu tôi hiểu nhầm, nhưng tôi không rõ tại sao lại khẩn cấp đến mức không đợi thêm được một ngày.”

“Có quá trình tiến hóa cần một triệu năm và có quá trình tiến hóa diễn ra trong ba tiếng đồng hồ. Tôi không giải thích qua điện thoại được. Cô hãy tin tôi. Việc này cực kỳ quan trọng. Bước phát triển tiếp theo của nhân loại phụ thuộc vào nó.”

“Như trong phim 2010: A Space Odyssey?”

“Chính xác”, tôi nói. Tôi đã xem phim này trên video không nhớ bao lần.

Cô không nói gì một hồi lâu.

“Cô đang phân vân liệu tôi có phải là một kẻ kỳ quặc hay thiếu năng, đúng không?”

“Anh đã hiểu đúng ý tôi”, cô nói.

“Tôi không điên”, tôi nói. “Có thể không ít thì nhiều tôi là một người lập dị và ngang ngạnh. Cũng có người ghét tôi, nhưng chưa ai bảo là tôi điên.”

“Được rồi, được rồi, anh nói không như một người điên. Có vẻ anh cũng không hẳn là một người xấu, ngoài ra anh còn mua kem cho tôi nữa. Thôi được. Sáu rưỡi. Ta gặp nhau trong tiệm cà phê cạnh thư viện. Tôi sẽ đem sách theo. Thế được chưa?”

“Tiếc rằng sự việc lại không đơn giản thế. Tôi không thể đi vào chi tiết, nhưng bây giờ tôi không thể ra khỏi nhà. Xin lỗi cô, nhưng...”

“Ý anh là...”, cô ngập ngừng. Tôi nghe cô lấy móng tay gõ lên răng cửa. “Anh đòi tôi đem sách đến nhà anh chứ gì. Bây giờ thì anh điên thật rồi.”

“Một ý tưởng vĩ đại”, tôi ngượng ngập nói. “Tuy vậy, tất nhiên, tôi không đòi, tôi chỉ hỏi thôi.”

“Anh hơi hơi quá quắt đấy.”

“Tôi biết, tôi biết. Nhưng cô không thể tin được chuyện gì đang xảy ra đâu.”

Lại im lặng một hồi lâu. Cô im lặng chứ không phải âm thanh bị tắt đi, có thể nhận ra điều đó qua tiếng nhạc văng vẳng phía sau. Giai điệu Annie Lowly thông báo thư viện đã đến giờ đóng cửa.

“Tôi làm việc ở thư viện này đã năm năm rồi, nhưng tôi chưa gặp một khách mượn sách nào trơ tráo như anh”, cô nói. “Đòi mang sách đến tận nhà. Ngay lần đầu! Anh có thấy như thế là quá quắt không?”

“Có, tôi cũng thấy thế. Tôi rất áy náy. Tôi biết đây là một ngoại lệ lớn, nhưng tôi không có sự lựa chọn nào khác.”

“Tôi không rõ tại sao mình lại nhận làm việc này nữa. Đi đường nào đến nhà anh đây?”

nP : ; i.

“Mà là...?”

“Chuối ngẫu nhiên, anh bạn trẻ ạ. Tôi nói đến chuối ngẫu nhiên. Tôi muốn anh rửa số và sắp xếp lại theo dạng tình cờ. Vì vậy tôi mới gọi anh. Chỉ rửa số thôi thì gọi người khác cũng được.”

“Ông đánh đổ tôi”, tôi nói và vắt chân chữ ngũ. “Ông lấy thông tin này từ đâu ra? Chuỗi số ngẫu nhiên là chuyện tối mật, người ngoài không ai biết cả.”

“Nhưng tôi biết. Tôi có quan hệ với các nhân vật cấp cao trong hệ thống.”

“Thế thì ông hãy dùng đường dây ấy để hỏi lại xem: phương pháp chuỗi số ngẫu nhiên đã bị đình chỉ. Tôi không biết tại sao. Chỉ biết là cấm không được sử dụng nữa. Nếu lộ ra người nào sử dụng thì rút giấy phép là nhẹ nhất.”

Ông già lại chìa cặp tài liệu đựng giấy ủy thác ra. “Anh đọc trang cuối đi. Trong đó nhất định có cả giấy phép sử dụng phương pháp chuỗi số ngẫu nhiên đấy.”

Theo lời ông, tôi lật trang cuối ra đọc kỹ. Được phép sử dụng hệ thống chuỗi số ngẫu nhiên, không nghi ngờ gì cả. Tôi đọc đi đọc lại. Chính xác. Năm chữ ký. Có trời mà biết mấy vị trên kia có những trò ngầm ngầm gì. Bảo người ta đào hố rồi lại lấp đi. Lấp xong rồi lại đào lại. Chỉ khổ mấy quân tốt đen.

“Ông cho tôi tất cả các giấy tờ giao nhiệm vụ một bản màu. Nếu xảy ra chuyện gì mà không giải trình được thì tôi sẽ bị rắc rối to.”

“Không thành vấn đề”, ông già nói. Anh sẽ được nhận bản sao. Anh không phải lo lắng gì cả. Giấy tờ nghiêm chỉnh và chặt chẽ đến từng dấu phẩy. Thù lao của anh hôm nay tôi trả một nửa, nửa kia trả khi nộp dữ liệu. Được chứ?”

“Rất tốt. Rửa số thì tôi làm ngay ở đây. Số đã rửa rồi thì tôi sẽ đem về để sắp xếp theo dạng ngẫu nhiên ở nhà. Việc này cần mấy bước chuẩn bị. Sau khi hoàn thành các dữ liệu thì tôi lại đem qua đây.”

“Nhưng chậm nhất là ba ngày nữa, vào giữa trưa tôi cần chúng...”

“Đủ thời gian”, tôi nói.

“Nhưng anh không được phép trễ vì bất cứ lý do gì”, ông già nhấn mạnh. “Nếu anh đến chậm thì hậu quả sẽ rất kinh khủng.”

“Gì cơ? Thế giới sẽ sụp đổ hay sao?”, tôi hỏi đùa.

“Xét về mặt nào đó thì đúng đấy”, ông già nói đầy ẩn ý.

“Ông đừng sợ. Tôi chưa trễ hẹn một lần nào hết”, tôi nói. “Nếu được thì cho xin một phích cà phê đen nóng, và nước đá. Và một bữa ăn tối nhẹ để vừa làm vừa ăn. Tôi có cảm giác là sẽ lâu đấy.”

Quả thật công việc kéo dài khá lâu. Sắp xếp con số theo thứ tự là một việc tương đối đơn giản, nhưng có nhiều giá trị bậc gần liền với trường hợp cụ thể, khiến việc tính toán trở nên mệt hơn tôi nghĩ khi mới ngó qua. Trong khi tính toán, tôi đưa các số vào bán cầu não phải, sau khi chuyển chúng thành ký hiệu khác hẳn thì lại đưa sang bán cầu não trái là nơi tôi biến các ký hiệu nhận được của bán cầu não phải một lần nữa thành các số khác hẳn, trước khi tôi đánh máy viết chúng ra giấy. Việc này gọi là rửa số - cách miêu tả ở trên đã được đơn giản hóa nhiều. Mỗi toán sư có một mật mã riêng. Nó khác dãy số tự nhiên hỗn loạn ở tính chất biểu đồ. Bí quyết nằm trong đường biên hình răng cưa giữa nửa phải và nửa trái của não (tất nhiên đây chỉ là cách phân chia cho dễ giải thích, chứ thực tế không có phân chia phải trái). Vẽ ra biểu đồ trông như sau:

Nói cách khác, nếu hai mảnh răng cưa không khớp nhau hoàn toàn thì không thể biến những con số đã biến chuyển trở lại thành dữ kiện nguyên thủy được. Tuy nhiên giới ký hiệu sư vẫn cố nhận dạng các dữ liệu đánh cấp được bằng cách bắc cầu tạm: chúng tái tạo các giá trị số đã được phân tích thành dạng biểu đồ răng cưa ba chiều. Lúc được, lúc không. Chúng tôi cải tiến kỹ thuật của mình tinh vi hơn thì chúng cũng chế vũ khí chống lại tinh vi hơn. Chúng tôi bảo vệ dữ liệu, bọn chúng đánh cắp dữ liệu. Trò cảnh sát và kẻ cướp kinh điển.

Bọn ký hiệu sư chủ yếu tung các dữ liệu đánh cấp được ra chợ đen và đạt lợi nhuận khổng lồ. Trường hợp tệ nhất là chúng giữ lại các dữ liệu quan trọng nhất, đem sử dụng trong tổ chức riêng của mình để sinh lợi.

Tổ chức chúng tôi được gọi là Hệ thống, tổ chức của ký hiệu sư là Nhà máy. Ban đầu, Hệ thống là tổ hợp của vô số hãng tư nhân, dần dần họ phát triển về tầm cỡ và mang bản chất nửa nhà nước. Về cơ cấu, không

khác mấy so với công ty điện thoại Bell Company của Mỹ. Các toán sư hoạt động độc lập trên cơ sở tự quản, giống như cố vấn tài chính hay luật sư. Nhưng họ phải có giấy phép hành nghề do nhà nước cấp và chỉ được nhận đặt hàng của Hệ thống hay các đại lý có chứng chỉ. Đó là một biện pháp bảo vệ để chống bị Nhà máy lạm dụng, ai vi phạm sẽ bị kỷ luật hay rút giấy phép hành nghề. Tôi e là không phải trong trường hợp nào biện pháp này cũng thích hợp. Các toán sư mất giấy phép thường được Nhà máy chiêu mộ, nghĩa là họ biến thành ký hiệu sư hoạt động bí mật.

Tôi không rõ cơ cấu của Nhà máy. Nó khởi nguồn từ một doanh nghiệp công nghiệp nhỏ và bành trướng nhanh đến chóng mặt. Có người gọi Nhà máy là “mafia dữ liệu”, và quả thực cũng có sự tương đồng với mafia là Nhà máy chỉ duy nhất buôn bán dữ liệu. Nhà máy giám sát có chủ ý các máy tính để đột nhập vào.

Tôi rửa số; trong khi làm tôi uống hết ấm cà phê. Làm một tiếng, nghỉ nửa tiếng – đúng quy định. Làm khác đi thì nửa phải và nửa trái của óc không ráp khớp nhau, và giá trị số sẽ bị nhiễu loạn.

Trong các lần nghỉ nửa tiếng tôi nói chuyện với ông già về đủ mọi chuyện trời đất. Nói chuyện, bắt kể về đề tài gì, là phương pháp tốt nhất để bộ não mệt mỏi tái tạo sức lao động.

“Những số này là gì vậy?”, tôi hỏi.

“Số đo trong thí nghiệm”, ông già nói. “Kết quả của một năm nghiên cứu. Hình ba chiều thể hiện thể tích của xương sọ và khẩu cái được số hóa liên kết với phân tích ba nhân tố của các âm thanh phát ra. Tôi đã kể bạn này là tôi mất ba chục năm để nghe được các âm thanh do xương sọ phát ra: nếu tính toán xong xuôi thì chúng ta sẽ đạt trình độ không chỉ thu được âm thanh một cách thụ động, mà còn biết được cơ sở lý thuyết của chúng nữa.”

“Và điều khiển được chúng?”

“Đúng thế”, ông già nói.

“Điều khiển chúng sẽ có ích lợi gì?”

Ông già liếm môi trên và im lặng hồi lâu. “Sẽ có đủ kiểu lợi ích trên đời. Tôi không thể cho anh biết được, nhưng đó là những khả năng mà anh nằm mơ cũng không thấy nổi.”

“Tắt âm thanh đi chẳng hạn?”, tôi hỏi.

“Trúng đích, chính xác, hô hô hô.” Ông già cười khoái trá. “Có thể kết hợp vào tín hiệu vốn có của xương sọ người và tắt âm thanh đi hay chỉnh to lên. Hình dáng hộp sọ mọi người rất khác nhau nên không thể tắt hẳn âm thanh được, nhưng có thể chỉnh cho khẽ hẳn đi. Nói đơn giản là làm cho các sóng âm thanh và sóng phản âm thanh cộng hưởng với nhau. Việc tắt âm thanh là một trong những kết quả nghiên cứu vô hại nhất của tôi.”

Nếu đó là chuyện vô hại thì tôi có thể tưởng tượng ra các kết quả còn lại sẽ kinh khủng đến chừng nào. Nghĩ đến việc ai cũng có thể tắt hoặc tăng âm thanh là tôi sờn hết cả gai ốc.

“m thanh có thể tắt theo hai chiều, chiều nói và chiều nghe”, ông già nói. “Chiều nghe là ví dụ như tiếng nước réo ban này, đồng thời ta cũng có thể tắt cả chiều nói. Nói thuộc về hành vi của cá nhân, có thể tắt đến một trăm phần trăm được.”

“Ông có muốn công khai các kết quả ấy không?”

“Có mà dờ hơi mới làm thế. Không”, ông già phẩy tay. “Một chuyện thú vị như vậy không khi nào tôi lại đưa cho người lạ. Tôi chỉ làm để tự giải trí thôi.” Ông lại cười hô hô. Tôi cũng cười.

Tôi chỉ định đăng thành quả nghiên cứu của mình lên tạp chí chuyên ngành, mà chẳng có ai hứng thú với âm thanh học cả, ông nói. “Còn lữ học giả bình thường thì quá ngu để có thể hiểu luận thuyết của tôi. Thêm nữa là giới hàn lâm có thèm dèm xỉa đến tôi đâu.”

“Giới ký hiệu sư cũng không ngu đâu. Về mặt giải mã thì bọn họ là những thiên tài. Họ đọc các kết quả của ông như đọc một cuốn sách mở ấy chứ.”

“Tôi đã phòng xa rồi. Tôi đăng bài hoàn toàn ở dạng giả thuyết, không kèm dữ liệu, không mô tả tiến trình. Bọn nó sẽ không bao giờ hiểu nổi đâu. Giới khoa học không để ý đến tôi, nhưng có hề gì! Một trăm năm nữa luận thuyết của tôi sẽ được chứng tỏ là đúng, với tôi thế là đủ.”

“Hừm”, tôi thốt lên.

“Vì vậy anh hãy rửa và đảo số đi.”

“Vâng”, tôi nói, “thưa ông.”

Trong giờ tiếp theo tôi tập trung tinh thần tính toán. Rồi đến giờ nghỉ.

“Xin hỏi một câu nữa”, tôi nói.

“Anh hỏi đi”, ông già đáp.

“Về cô gái ở cửa. Đậm người, vận đồ màu hồng...”

“Đó là cháu tôi”, ông già nói. “Con bé rất có năng khiếu, tuy còn trẻ nhưng đã giúp tôi nhiều việc nghiên cứu.”

“Câu hỏi của tôi là: cô ấy bị câm, hay chỉ nói theo cách mà ông đã tắt tiếng đi?”

“Thôi chết”, ông già đập tay lên đầu gối. “Tôi quên bém đi mất! Xong thí nghiệm rồi mà không chỉnh lại bình thường... Chết chết, tôi phải ra làm ngay.”

“Vâng”, tôi nói.

8. Chương 08

Ông Đại Tá

“Tôi sợ là cậu không lấy lại cái bóng của mình được đâu”, ông đại tá vừa nói vừa nhâm nhi cà phê. Như đa số những người quen ra lệnh cho người khác bao năm trời, ông nói trong tư thế cứng nhắc, cằm vươn ra. Nhưng ông không phải người hãnh tiến hoặc nhiều sự. Duy chỉ thời gian phục vụ trong quân đội đã đem lại cho ông tư thế cứng nhắc, cuộc sống theo quy chế và vô vàn kỷ niệm. Ông là hàng xóm lý tưởng của tôi. Thân thiện, rất trầm lặng và chơi cờ giỏi.

“Ông gác cổng nói đúng đấy”, ông đại tá già nói tiếp. “Cả về lý thuyết lẫn thực tế hiện nay không có cách nào để cậu nhận lại bóng mình đâu. Chừng nào cậu ở đây thì không được phép có bóng, và cậu chẳng bao giờ được phép rời khỏi thành phố nữa. Nói theo thuật ngữ quân sự thì đây là một ổ phục kích. Người ta có thể đặt chân vào, nhưng không bước ra được nữa. Chừng nào bức tường còn bao quanh thành phố.”

“Nhưng tôi đâu có nghĩ rằng bị mất bóng vĩnh viễn. Tôi tưởng đó chỉ là một biện pháp nhất thời. Và cũng chẳng ai chỉ dẫn cho tôi biết!”

“Ở đây không ai chỉ dẫn cho ai về bất cứ việc gì”, ông đại tá nói. “Thành phố này có những quy định chỉ riêng nó có, không quan tâm đến ai biết gì hoặc không biết gì. Đáng tiếc, nhưng không thể khác.”

“Thế bây giờ bóng tôi ra sao?”

“Chả sao cả. Nó cứ tồn tại thôi. Cho đến chết. Từ hôm ấy cậu đã thấy nó chưa?”

“Không. Tôi đến đó mấy lần nhưng ông gác cổng không cho, ông nói là vì lý do an ninh.”

“Chà, thế thì đành chịu thôi”, ông đại tá lắc đầu. “Ông gác cổng phụ trách canh giữ bóng và một mình chịu trách nhiệm đó. Tôi không làm gì giúp cậu được. Như cậu biết đấy, ông gác cổng là một người khó tính và ngịch ngảnh, không chịu nghe ai bao giờ. Cậu chỉ có thể kiên nhẫn đợi đến khi ông ấy đổi ý.”

“Tôi đang làm thế đấy”, tôi nói. “Nhưng ông ấy có gì phải lo ngại cơ chứ?”

Ông đại tá uống cạn cốc cà phê, đặt cốc lên đĩa và rút khăn tay ra lau miệng. Chiếc khăn cũng sờn nát như bộ đồ ông mặc trên người, nhưng chần chu và sạch sẽ không chê được.

“Ông ấy ngại cậu và bóng của cậu nhập làm một. Và nếu thế thì ông ấy lại phải làm thủ tục này lại từ đầu.” Nói đoạn ông quay về với bàn cờ của mình. Xét về quân cờ và nước đi thì bàn cờ ở đây hơi khác những gì tôi vẫn quen, do đó hầu như ván nào ông đại tá cũng thắng.

“Rất tiếc là khi của tôi thịt thầy tế của cậu.”

“Không sao”, tôi nói và đẩy quân tướng thành không cho quân khi lùi. Thế cờ đã rõ ràng, hầu như chắc chắn là ông được, nhưng ông không lấy làm đắc thắng và vung gươm hạ thủ tôi, mà vẫn thận trọng đi từng nước. Ông không kỳ vọng thắng người khác mà chỉ sát hạch khả năng của mình.

“Tách khỏi bóng của mình và để nó chết, quả cũng cay đắng”, ông nói và đẩy kỵ sĩ sang cạnh, khéo léo chen giữa tướng thành và Vua. Thực tế là Vua của tôi hở. Ba nước nữa là tôi bị chiếu bí. “Cay đắng cho bất kỳ ai, tôi ngày xưa cũng thế. Và nó khác với khi một đứa trẻ bị mất bóng và để nó chết, vì đứa trẻ chưa biết gì và chưa quen bóng của mình lắm, nhưng khi người ta đã có tuổi thì không đơn giản, tôi nói cho cậu biết. Bóng của tôi chết khi tôi 65. Ở tuổi ấy người ta có biết bao kỷ niệm chung.”

“Sau khi bị tách ra, bóng sống được bao lâu nữa?”

“Phụ thuộc vào bóng”, ông nói. “Có bóng khỏe và bóng không khỏe lắm. Nhưng bóng tách ra không thọ lâu ở thành phố này. Khí hậu ở đây không hợp. Mùa đông dài và lạnh. Có lẽ không bóng nào sống đến mùa xuân năm sau.”

Tôi ngấm tình thế trên bàn cờ một lát và chịu thua.

“Cậu còn có thể đi năm nước để thoát thế bị chiếu”, ông đại tá nói. “Không bỏ công hay sao? Trong năm nước ấy người ta có quyền hy vọng đối thủ mắc sai lầm. Nước cuối cùng mới quyết định thua hay được.”

“Để tôi thử.”

Trong lúc tôi ngẫm nghĩ, ông ra cửa sổ, lấy ngón tay vạch tấm màn nặng ra và nhòm qua khe hẹp ấy.

“Mấy tuần này sẽ là thời gian khốn khó nhất của cậu ở đây. Như việc mọc răng vậy. Răng sữa rụng rồi, răng mới thì chưa mọc. Cậu hiểu ý tôi nói gì chứ?”

“Ý ông là bóng tôi tuy đã bị tách ra nhưng chưa chết?”

“Chính xác”, ông nói và gật đầu. “Tôi còn nhớ rõ. Người ta chưa tìm thấy được sự cân bằng giữa cái đã qua và cái chưa đến. Do đó người ta không đồng thuận với chính mình. Nhưng khi răng mới đã nhú ra thì người ta quên rằng cũ thôi.”

“Nghĩa là khi tâm hồn biến mất?”

Ông đại tá không trả lời câu này.

“Xin lỗi vì tôi hỏi nhiều như vậy”, tôi nói. “Nhưng tôi hầu như chẳng biết gì về thành phố cả. Mọi thứ ở đây đều làm tôi rối trí. Thành phố được tổ chức ra sao, tại sao cần tường thành cao thế, lý do gì ngày nào cũng thả súc vật ra rồi lại dồn vào, những giấc mơ xưa là gì – muôn vàn câu đố kỳ bí. Và ông là người duy nhất để tôi hỏi!”

“Không phải cái gì tôi cũng biết cận kề”, ông khẽ nói. “Ngoài ra, có những chuyện mà tôi không giải thích đơn giản cho cậu hiểu được, và có những chuyện tôi không được phép cho cậu biết. Nhưng thực sự là cậu không cần phải lo lắng. Về khía cạnh nào đó thì thành phố này công bằng. Những gì cậu nhất thiết phải có và phải biết thì người ta sẽ trao cho cậu, đúng tuần tự. Và cậu là người có trách nhiệm học hỏi kỹ lưỡng mọi thứ. Đây là một thành phố hoàn hảo, cậu hiểu chưa? Hoàn hảo nghĩa là cái gì cũng có. Nhưng chừng nào người ta không thực sự thấu thị thì cũng chẳng có gì cả. Hư vô hoàn hảo. Cậu hãy ghi lòng tạc dạ! Những gì người khác dạy cậu thì vẫn là của người khác – chỉ cái gì cậu tự học hỏi được mới đọng lại trong tâm trí cậu. Chỉ có thế cậu mới tiến được. Vậy thì mở mắt ra, đồng tai lên, bắt đầu óc hoạt động và cố hiểu ý nghĩa những gì ở thành phố này trao cho cậu. Và nếu cậu có tâm hồn – hãy sử dụng nó chừng nào cậu còn có nó. Đó là tất cả những gì tôi có thể khuyên cậu.”

Khi ánh huy hoàng đã tàn tạ của khu công nhân, nơi cô thủ thư sống, chìm vào bóng tối thì khu công chức ở mạn tây nam thành phố cũng chuẩn bị vĩnh viễn mất nốt màu sắc của nó trong ánh nắng khô rang – do

mưa xuân tẩy bột màu, nắng hè nung đốt và gió đông cứa như dao. Dọc triển dốc thoải thoải bát ngát được gọi là “Đồi Tây”, từng dãy nhà trắng hai tầng liền kề nhau. Đó là các ngôi nhà công vụ, khởi thủy dành cho ba gia đình chung một nhà, tuy nhiên chỉ có phần cửa ra vào xây nhô ra là chung nhau. Tất cả quét màu trắng: lớp ván ốp ngoài bằng gỗ tuyết tùng, cửa đi, cửa sổ, hàng hiên – nhìn đâu cũng chỉ thấy một màu trắng. Đồi Tây hiện ra trong mọi cấp độ của màu trắng, từ màu trắng mới quét sáng lóa thiếu tự nhiên và trắng ố vàng do bị nắng thiêu hàng ngày cho đến một thứ trắng không đáng được gọi tên ấy vì đã bị gió mưa làm cho tàn tạ – tất cả mọi sắc độ trắng ấy có mặt dọc theo những đường rải sỏi chạy quanh đồi. Nhà ở đây không có hàng rào. Chỉ thấy các luống hoa chạy dài trước hiên rộng chừng một thước được chăm chút chu đáo. Hoa nghệ tây, hoa păng xê và cúc vạn thọ nở vào tiết xuân, cúc tây vào mùa thu. Tới mùa hoa nở, các ngôi nhà trông giống nhà hoang một cách kỳ lạ.

Nghe nói ngày xưa đây từng là một khu “cao cấp” xứng với cái tên ấy. Vì hôm nay, nếu lang thang đi qua khu này ta vẫn cảm thấy hồn phách của một thời đã qua. Cứ như vẫn có trẻ nô đùa ngoài phố, có tiếng dương cầm và mùi thơm của bữa tối lãng đãng trong không khí. Tôi cảm thấy có thể sờ tận tay được vào những ký ức đó, dường như bước xuyên được nhiều cánh cửa trong suốt dẫn đến quá khứ.

Như tên của khu này cho thấy, ngày xưa các công chức sống ở đây. Không phải công chức cao cấp, cũng chẳng phải loại lệt đệt, mà là tầm trung, những người phải có chút cố gắng mới giữ được mức sống giản dị của mình.

Nhưng giờ đây không ai trong số họ còn ở đây nữa. Tôi không rõ họ biến đi đâu.

Thế chỗ họ là đám quân nhân đã về hưu. Họ bỏ lại bóng và sống cuộc đời cô đơn của mình trên Đồi Tây – ai lo phận nấy, như những vỏ kén rỗng dính trên tường nhà. Họ chẳng có gì để chăm chút trong cuộc đời này nữa. Cứ mỗi nhà có sáu đến chín người già ở.

Ông gác cổng phân cho tôi một trong những căn hộ công vụ ấy làm nơi trú ngụ. Trong nhà ấy, ngoài ông đại tá còn có hai thiếu tá, hai thượng úy và một hạ sĩ. Viên hạ sĩ làm bếp và mọi việc vặt khác cho tất cả. Như vẫn trong quân đội. Mấy ông già này không gia đình; giữa những công tác chuẩn bị chiến tranh, đánh nhau và tái thiết, giữa phong trào cách mạng và phản cách mạng không còn thì giờ nào nữa mà lập gia đình.

Họ dậy sớm và ăn sáng vội vã theo thói quen để rồi sau đó lao vào các việc thường nhật, tuy chẳng ai ra lệnh. Người thì lấy bay cạo sơn cũ trên đoạn tường nhà nào đó, người thì nhổ cỏ dại ngoài vườn, người khác sửa đồ gỗ hoặc đẩy xe cút kít xuống chân đồi linh khẩu phần thực phẩm cho cả nhà. Sau khi xong việc buổi sáng, các ông già tụ họp trong ánh nắng chiều và phiêu diêu với kỷ niệm.

Tôi được phân một phòng hướng đông ở tầng hai. Tầm nhìn ra ngoài không tốt vì bị một quả đồi chắn phía trước, tuy vậy tôi vẫn còn thấy được một khúc sông và tháp đồng hồ.

Hình như căn phòng bị bỏ không từ lâu, tường đầy những vết ố sẫm màu, cửa sổ bám đầy bụi. Rèm cửa dày có mùi ẩm mốc. Ván sàn đôi chỗ nứt sọc và nghiêng cọt kẹt theo mỗi bước đi.

Sáng sớm, ông đại tá vào ăn sáng chung với tôi. Buổi chiều hai người ngồi trong căn phòng kéo rèm lên lút đánh cờ. Chiều nắng rực rỡ mà ngồi đánh cờ thì rõ là chẳng cách nào cho tiêu hết thời gian.

“Trời đẹp mà thanh niên như cậu phải ngồi trong một phòng cấm nắng thì ngán nhỉ”, ông đại tá nói.

“Tôi cũng thấy thế.”

“Tôi thì lại thấy tuyệt vời, rốt cuộc tôi đã có một bạn chơi cờ. Vì những người kia không thích nữa.”

“Vì sao ông bỏ bóng mình đi?”

Ông già dầm dầm ngó xuống các ngón tay mình tắm trong ánh nắng xiên qua kẽ cửa sổ mở hé, nhưng rồi cũng rời ngay cửa sổ để quay về ngồi bên bàn đối diện tôi. “Hừm”, ông nói. “Có lẽ vì tôi đã bảo vệ thành phố này rất lâu. Chắc tôi nghĩ, nếu tôi rời bỏ thành phố thì đời tôi cũng mất ý nghĩa. Cho đến giờ thì tôi không bận tâm gì nữa, tuy vậy...”

“Đã có lần nào ông hối hận đã bỏ bóng mình đi không?”

“Không. Tôi không bao giờ hối hận bất cứ gì”, ông già nói và lắc đầu quảy quảy. “Không một lần duy nhất nào. Tôi cũng chẳng biết hối hận bao giờ.”

Tôi ăn quân khỉ của ông và có chỗ cho Vua di chuyển.

“Nước ấy khá lắm”, ông già nói. “Cậu để tường thành chắn hết, và Vua lại có chỗ. Nhưng bây giờ kỵ sĩ của tôi cũng di chuyển được.”

Trong lúc ông ngẫm nghĩ nước tiếp theo, tôi đi đun nước pha cà phê. Sẽ còn vô số những buổi chiều như thế này, tôi tự nghĩ. Ở thành phố này, giữa những bức tường cao vợi vợi, mi sẽ không còn lựa chọn nào nữa.

9. Chương 09

9

Ngon Miệng, Thất Vọng,

Leningrad

Trong khi đợi cô gái, tôi chuẩn bị một bữa tối đơn giản. Tôi nghiền mớ muối làm nước xốt chua ngọt trộn gỏi, chiên cá mòi, đậu phụ và khoai lang, luộc thịt bò thái lát với củ cần tây. Còn chút thì giờ, tôi luộc đậu với gừng để ăn với nước xốt gừng. Kết quả không để nổi nào. Trong khi nấu tôi uống một lon bia, rồi tôi lăn ra giường nghe đĩa và nhìn lên trần nhà.

Quá bảy giờ và bên ngoài đã tối, nhưng cô gái vẫn chưa thấy đâu. Có thể cô đã nghĩ lại. Thậm chí tôi cũng chẳng dám trách cô. Cô đến mới lạ.

Đang tìm một đĩa nhạc mới thì tôi nghe tiếng chuông. Tôi nhòm qua lỗ quan sát: cô gái ở thư viện đứng trước cửa, tay cầm sách. Tôi hé cửa, để nguyên xích chằng và hỏi cô có còn thấy ai ở ngoài hành lang không.

“Không, không có ai”, cô nói.

Tôi gỡ xích và mời cô vào nhà, đóng ngay cửa lại và xoay chìa khóa.

“Thơm quá”, cô nói và hít hà. “Tôi có được phép vào bếp không?”

“Cứ tự nhiên, xin mời. Cô có thấy ai đáng chú ý ở trước nhà không, công nhân xây dựng chẳng hạn? Hoặc có người nào ngồi trong xe đang đỗ?”

“Không, không có ai”, cô nói và đặt hai cuốn sách cô đem đến xuống bàn, ra bếp mở hết các vung ra. “Anh đã nấu tất cả các món này à?”

“Dĩ nhiên”, tôi nói. “Nếu cô đói thì xin mời cùng ăn. Cũng chẳng có gì đặc biệt đâu.”

“Sao anh nói thế? Mấy món này tôi thích lắm.”

Tôi dọn thức ăn ra bàn và hài lòng ngắm cô ăn hết món nọ đến món kia. Thấy người ta ăn say sưa như thế thì cũng bỏ công nấu. Tôi rán đậu phụ to lửa và rắc cải cay lên để nhắm với whiskey. Cô gái không nói một lời khi ăn. Tôi mời rượu, nhưng cô từ chối.

“Cho tôi xin ít đậu phụ được không?”, cô nói. Tôi đẩy chỗ đậu phụ còn lại sang cho cô và chỉ uống chày whiskey.

“Hãy còn cơm và mớ muối đấy, xúp miso nấu cũng chóng thôi”, tôi nói đề phòng cô ăn không được thoải mái.

“Thế thì tuyệt quá”, cô nói.

Tôi nhanh tay đun ngược xuyết, cho rong biển, hành lá vào làm một nồi súp miso, bưng ra cùng với cơm và mớ muối. Trong nháy mắt cô làm hết trơn. Cuối cùng trên bàn chỉ còn chõng chờ mấy hạt mớ. Cô thốt lên mãn nguyện: “Cảm ơn anh, ngon quá!”

Chưa bao giờ tôi chứng kiến một cô gái thon thả và xinh xắn như cô mà lại có một sức ăn đáng nể như vậy. Quả là một thành tích lớn. Sau khi cô ăn xong, tôi chỉ ngồi đó nhìn cô một lúc lâu, nửa vì khâm phục, nửa cũng vì sững sốt không biết nói gì.

“Lúc nào cô cũng ăn nhiều thế à?”, tôi hỏi thẳng thừng.

“Tất nhiên. Đại khái như hôm nay”, cô nói, không đổi nét mặt.

“Và cô không bị béo?”

“Tôi bị giãn bao tử”, cô nói. “Ăn mấy cũng được, không bao giờ lên cân.”

“Nhưng sẽ tốn tiền đi chợ chứ?”, tôi hỏi. Chẳng gì thì mình cô đã đánh sạch bữa tối và cả suất trưa mai của tôi nữa.

“Chứ sao nữa!”, cô nói. “Gần như toàn bộ lương tháng của tôi chỉ để mua thức ăn đấy.”

Tôi mời cô rượu lần nữa. Cô xin một lon bia. Tôi lấy bia từ tủ lạnh và cẩn thận ném thêm hai nắm xúc xích vào chảo rán. Bụng bảo dạ, chắc nàng cũng đầu hàng thôi. Nhưng tôi chưa kịp ăn hai cái, chỗ còn lại cô ăn tất. Sự ngon miệng của cô quét sạch mọi thực phẩm như một khẩu đại liên phạt phẳng bụi cây. Trước mắt tôi, khoản dự trữ ột tuần bay veo.

Tôi bưng tiếp cho cô salad khoai tây làm sẵn mà tôi đã cho thêm rong biển và cá thu. Món này cô chiêu xuống với lon bia thứ hai.

“Giờ thì tôi ổn rồi!”, cô nói. Tôi mới chỉ nhấp ly whiskey thứ ba và hầu như chưa chạm đĩa. Mãi say mê ngắm cô ăn, tôi hầu như quên cả đói.

“Tôi còn một bánh kem sô cô la để tráng miệng nữa”, tôi nói. Dĩ nhiên là cô không lắc đầu. Tôi thích nấu, nhưng ăn thì như mèo. Chỉ nhìn đồ ăn là tôi đã thấy lợm giọng.

Có lẽ đó là lý do khiến tôi không cương lên được. Từ 1964 là năm Nhật Bản đăng cai tổ chức Thế vận hội Olympic, chưa bao giờ xảy ra chuyện đến phút quyết định mà tôi không cương lên được.

“Anh đừng bận tâm, thực sự là không có gì ghê gớm đâu”, cô an ủi tôi. Sau món tráng miệng chúng tôi uống whiskey và bia, nghe vài đĩa nhạc rồi chui vào giường. Tôi đã ngủ với rất nhiều phụ nữ, nhưng trong số đó không có cô nào làm thủ thư. Tôi đoán cô lên giường với tôi vì được tôi thết đãi tử tế. Tuy nhiên, như đã nói, anh bạn nhỏ của tôi không chiến đấu được. Nghĩ đến lượng thực phẩm mà cô nhồi vào bao tử và hiện đang được nghiền bóp là đoạn dưới của tôi cứ thế ngộp ngất.

Cô rúc tấm thân trần truồng vào người tôi và lấy ngón tay giữa miết lên miết xuống chừng mười phân trên mỗ ác tôi. “Ai cũng có lần bị, anh không việc gì phải bận tâm nhiều.”

Nhưng cô càng xoa dịu tôi bao nhiêu thì đầu óc tôi càng quay cuồng bấy nhiêu quanh thực tế là dương vật tôi không cương lên được. Tôi đã có lần đọc ở đâu đó là dương vật trong trạng thái bình thường trông thẩm mỹ hơn lúc cương, nhưng đó chỉ là một an ủi yếu ớt.

“Anh ngủ với phụ nữ lần cuối là khi nào?”

Tôi lọ mọ lục lọi trong trí nhớ một hồi. “Gượng đã, ờ, cách đây hai tuần”, tôi nói.

“Và lần đó ổn chứ?”

“Dĩ nhiên”, tôi nói. Đạo này dường như ai cũng quan tâm đến đời sống tình dục của tôi. Có lẽ đây là một mối chẳng.

“Cô ấy là bạn gái anh?”

“Gái gọi. Gọi điện đến.”

“Mỗi lần anh ngủ với cô gái loại ấy... anh có cảm giác mình làm một điều gì xấu xa không?”

“Hừm... không.”

“Từ tối ấy đến giờ anh có thủ dâm không?”

“Không”, tôi nói. Trong mười bốn ngày qua tôi bận bù đầu, đến tận hôm nay mới có thì giờ để lấy cái áo vest đắt tiền từ hiệu giặt là về. Đào đâu ra thì giờ mà thủ dâm?

Cô lắng nghe tôi kể và gật đầu đầy thuyết phục. “Có lẽ vì thế đấy?”

“Vì anh không thủ dâm?”

“Vớ vẩn, đồ ngốc ạ”, cô nói. “Tất nhiên là vì công việc! Anh đã tối tăm mặt mũi vì công việc, đúng không?”

“Ừ, hôm kia anh đã không ngủ hăm sáu tiếng liền.”

“Anh làm việc gì?”

“Ngành máy tính”, tôi nói. Tôi toàn trả lời như thế khi bị hỏi về nghề nghiệp. Thứ nhất là cũng chẳng sai, và thứ hai là hầu hết mọi người chẳng hiểu mấy về máy tính để hỏi tiếp.

“Anh bị ức chế vì làm việc trí não trong một quãng thời gian dài, vì vậy tạm thời bị trục trặc. Hoàn toàn bình thường.”

“Ra thế”, tôi nói. Có lẽ cô có lý. Tình trạng kiệt sức của tôi cộng với tất cả các sự kiện bất thường trong hai ngày vừa qua, và mới rồi là sự ngong miêng khủng khiếp đến sờn tóc gáy của cô mà tôi buộc phải mục sở thị đã khiến tôi tạm thời liệt dương. Có thể lắm.

“Anh áp tai vào bụng em mà xem”, cô nói. Và lật chăn ra.

Cô có một cơ thể đẹp, nhẵn nhụi, thon thả, không đầu ra một gam mỡ thừa. Ngực cô cũng không quá to. Nghe lời cô, tôi áp tai lên phần bụng phẳng lì giữa vú và rốn cô. Như một phép lạ, bụng cô chứa nhiều thức ăn như vậy mà vẫn chẳng vòng lên tẹo nào. Da cô mỏng, mềm và ẩm.

“Anh nghe thấy gì không?”, cô hỏi.

Tôi nín thở lắng nghe. Nhưng ngoài tiếng mạch máu đập khe khẽ thì tôi chẳng nghe thấy gì. Chỉ có cảm tưởng như khi nằm trong một khu rừng im ắng và lắng nghe tiếng riu rít gỗ xa xăm.

“Chẳng nghe thấy gì cả”, tôi nói.

“Anh không nghe dạ dày làm việc à?”, cô nói. “Nó đang tiêu hóa đấy.”

“Anh cũng không biết tường tận, nhưng anh nghĩ là quá trình tiêu hóa không gây ra tiếng động lớn. Dịch vị có tác dụng phân hủy, thế thôi. Tất nhiên có cả một ít nhu động nữa, nhưng chắc chắn không ầm ĩ lên đâu.”

“Có thể, nhưng cảm giác của em thì rất rõ là dạ dày đang làm việc cật lực. Anh nghe kỹ lần nữa đi.”

Tôi vừa tập trung cao độ vào bên tai áp trên bụng cô vừa ngấm phần bụng dưới và đám lông mu xoắn ngược lên. Nhưng không hề thấy tiếng gì từ dạ dày. Chỉ có tiếng mạch đập sau những khoảng cách đều đặn. Trong The Enemy Below cũng có một cảnh như thế. Bí mật như chiếc tàu ngầm do Curd Furgens chỉ huy, dạ dày khổng lồ của cô tiến hành tiêu hóa dưới vành tai tôi đang chăm chú theo dõi.

Tôi thôi nghe, nhấc đầu khỏi bụng cô, ngả ra gối và quàng tay ôm cô. Tóc cô thơm ngát.

“Anh có nước tonic không?”, cô hỏi.

“Trong tủ lạnh”, tôi nói.

“Em muốn uống vodka pha tonic, được không?”

“Tất nhiên.”

“Anh có muốn uống gì không?”

“Giống em.”

Cô trèo khỏi giường và khỏa thân đi vào bếp. Trong khi cô pha hai cốc vodka với tonic, tôi đi chọn ca sĩ ưa thích nhất, Johnny Mathis, đĩa Teach Me Toninght. Rồi ư ử ngân theo trên đường về giường. Tôi và dương vật dặt dẹo của tôi và Johnny Mathis.

“Anh bao nhiêu tuổi?”, cô hỏi khi mang đồ uống về giường.

“Ba lăm”, tôi nói. “Độc thân. Ngày xưa lăm rồi đã từng có gia đình. Không con cái. Không người yêu.”

“Em hăm chín. Năm tháng nữa thì tròn ba mươi.”

Tôi nhìn cô lần nữa. Chắc không bao giờ tôi nghĩ rằng cô suýt soát ba mươi.

“Trông em trẻ hơn, nhưng em đúng hăm chín thật!”, cô nói. “Này anh, có phải thật ra anh là cầu thủ bóng chày không?”

Tôi giật mình suýt làm sổng cả cốc vodka tonic vừa đặt lên môi. “Bóng chày?”, tôi nói. “Anh bỏ chơi bóng chày mười lăm năm nay rồi. Sao em nghĩ thế?”

“Em cứ nghĩ là đã có lần thấy anh trong ti vi. Mà em thì chỉ xem chương trình bóng chày và thời sự thôi. Hay anh có việc gì bên thời sự?”

“Anh chưa có mặt trong bản tin thời sự bao giờ.”

“Quảng cáo?”

“Không”, tôi nói.

“Thế thì phải có ai đó trông giống anh... ít nhất thì trông anh cũng không như thợ máy tính”, cô nói. “Tiến hóa, kỳ lân, và những chuyện tương tự, cũng không sao, nhưng trong túi quần có dao bấm!”

Cô chỉ vào quần tôi vút dưới sàn nhà. Một đầu dao ló ra khỏi túi quần.

“Việc của anh liên quan đến xử lý dữ liệu sinh học, công nghệ sinh học. Liên quan đến lợi nhuận công nghiệp. Đạo này người ta chuyên đi ăn cắp dữ liệu của nhau, vì vậy anh phải cẩn trọng.”

“Ra thế”, cô nói, nhưng vẻ mặt không hoàn toàn thuyết phục. “Ta bỏ qua đi. Nói chuyện thú một sừng thì hơn. Đó là lý do chính để anh gọi em, phải không?”

Tôi gạt đầu, đặt hai cốc đã uống cạn xuống đất. Cô nhặt hai quyển sách ở đầu giường. Một quyển mang đầu đề Khảo cổ động vật của tác giả Burtland Cooper, quyển kia là Về những sinh thể ảo của Jorge Luis Borges.

“Trước khi đến đây em đã đọc lướt qua cả hai quyển. Tóm gọn lại, quyển này (cô cầm Về những sinh thể ảo lên) nói về thú một sừng như một sản phẩm của trí tưởng tượng, đại khái như con rồng hay nàng tiên cá, trong khi quyển này (cô giở Khảo cổ động vật lên) đại diện ột khía cạnh khoa học, lấy xuất phát điểm là không ai dám bảo thú một sừng chưa bao giờ tồn tại. Về chính con kỳ lân thì tiếc là cả hai quyển đều không nói được gì nhiều. Thậm chí quá ít, nếu so với các mô tả về rồng và các chú lùn. Nguyên nhân theo em có thể thú một sừng là một sinh vật rất trầm lặng... Thư viện chúng em không còn tài liệu gì hơn, thật tiếc.”

“Thế là hoàn toàn đủ rồi. Quan trọng là anh đã nắm được đại ý. Rất cảm ơn em!”

Cô đưa tôi cả hai quyển.

“Em có thể tóm tắt cho anh những gì viết trong đó không?”, tôi nói. “Truyền miệng dễ nắm tổng quát hơn.”

Cô gạt đầu, giở ngay quyển Về những sinh thể ảo ra. “Nói về ý nghĩa của rồng thì ta cũng mù mờ như về ý nghĩa của vũ trụ vậy”, cô đọc. “Đó là lời tựa.”

“Không tồi”, tôi nói.

Cô lật một trang gần cuối đã được đánh dấu trước. “Điểm đầu tiên người ta phải nhớ là có hai giống kỳ lân. Giống thứ nhất là giống châu u, bắt nguồn từ Hy Lạp, giống thứ hai từ Trung Hoa. Chúng khác nhau ở bề ngoài, và cũng được con người ghi nhận trên hai phương cách hoàn toàn khác nhau. Chẳng hạn người Hy Lạp miêu tả kỳ lân như sau:

‘Mình ngựa, đầu hươu, chân voi, đuôi giống lợn đực. Tiếng hí của kỳ lân trầm, trán mọc một cái sừng đen, dài khoảng chín chục phân. Truyền rằng không thể bắt được con thú này.’

Ngược lại, kỳ lân Trung Hoa được miêu tả như sau:

‘Thân hươu, đuôi bò, móng ngựa. Sừng mọc ở trán, khá ngắn, và bằng thịt. Lông trên lưng có năm màu, còn bụng chỉ có màu nâu hoặc vàng.’

Khá khác biệt, anh có thấy thế không?”

“Đúng đấy”, tôi nói.

“Không chỉ bề ngoài, mà về bản chất của thú một sừng và ý nghĩa người ta gán cho nó cũng khác nhau hoàn toàn giữa phương Đông và phương Tây. Ở phương Tây người ta thú một sừng là một con vật rất dữ và hiếu chiến. Chẳng gì thì nó cũng có sừng dài đến chín chục phân, nghĩa là suýt soát một thước. Theo Leonardo da Vinci, chỉ có một cách để bắt được nó, đó là phải biết lợi dụng khoái cảm nồng nàn của nó. Người ta đặt một trinh nữ trước mặt nó, và sự đam mê khiến nó quên tấn công để rồi gục đầu vào lòng thiếu nữ ấy; thế thì sẽ bắt được nó. Cái sừng có ý nghĩa gì, chắc anh đã hiểu?”

“Anh có thể đoán được.”

“Còn kỳ lân Trung Hoa thì lại là một con vật linh thiêng, đem lại may mắn, thuộc về bộ Tứ Linh cùng với Long, Phượng và Quy, và nó đứng hàng cao nhất trong ba trăm sáu mươi sinh vật đi bộ dưới đất. Kỳ lân là một con vật cực kỳ hiền lành, thậm chí nó còn chú ý lúc chạy để đừng giẫm lên một sinh vật bé bỏng nào, và chỉ ăn cỏ khô chứ không bao giờ đụng đến cỏ tươi. Nó sống lâu chừng một nghìn năm và sự hiện diện của nó báo hiệu một đại hiền triết chào đời. Thân mẫu của Khổng Tử chẳng hạn, bà mang thai khi nhìn thấy kỳ lân.

‘Bảy mươi năm sau, thợ săn hạ được một con kỳ lân, thấy sừng của nó còn vương một mảnh từ dải lụa mà mẹ Khổng Tử đã thắt vào. Khổng Tử ngắm con kỳ lân và khóc, vì Ngài cảm nhận được ý nghĩa trong cái chết của con vật huyền bí vô tội này, và vì quá khứ của Người nằm trong dải lụa ấy.’

Anh thấy có lý thú không? Vào thế kỷ mười ba, kỳ lân lại tái xuất hiện lần nữa trong lịch sử Trung Hoa. Quân đội Thành Cát Tư Hãn ngày đó đang lập kế hoạch đánh Ấn Độ. Một nhóm thám thính chạm trán giữa sa mạc một con kỳ lân. Nó có đầu ngựa với một sừng giữa trán, bộ lông xanh lá cây, mình hươu và nói tiếng người: ‘Đã đến lúc Đại Hãn của các người nên quay trở về đất mình.’

‘Một trong các đại thần người Hán của Thành Cát Tư Hãn được vời đến tham vấn, và ông nói, đây là “Giác thụ” – một chi đặc biệt của kỳ lân. “Từ bốn trăm năm nay, đại quân chiến đấu trên đất phương Tây”, ông nói. “Trời ghét cảnh máu rơi máu chảy nên đã đưa Giác thụ ra cảnh báo chúng ta. Hãy vì trời mà gìn giữ sơn hà; chính điều đó sẽ đem lại sung sướng vô biên.” Và Thành Cát Tư Hãn gạt bỏ mọi kế hoạch đánh chiếm.’

Phương Đông và phương Tây có quan điểm khác biệt đến thế về cùng một con vật. Đối với phương Đông nó là yên ổn và hòa bình, còn phương Tây nhìn thấy trong nó sự hung hãn và nhục cảm. Nhưng dù thế nào đi nữa, thú một sừng là một con vật hư cấu, và chính vì bản chất hư cấu ấy mà người ta gán cho nó những ý nghĩa trọng đại tùy theo ý thích.”

“Thực sự không có loại thú một sừng nào hay sao?”

“Trong giống cá heo có một loài tên là kỳ lân biển, nhưng kỳ thực nó không mang một cái sừng, mà chỉ là một cái răng hàm trên mọc trên đầu, dài chừng hai thước rưỡi, thẳng tắp và xoắn ốc quanh trục. Tuy vậy kỳ lân biển là một loài động vật có vú đặc biệt sống dưới biển, thời Trung Cổ có lẽ người ta không bao giờ nhìn thấy. Trong các giống loài vô cùng phong phú của động vật có vú từng xuất hiện và lại biến mất hồi Đại Trung sinh có không ít con trông giống kỳ lân. Ví dụ như trong đoạn này...” Cô cầm cuốn Khảo cổ động vật lên và giở tới một trang ở phần ba cuối sách. “Có hai loài nhai lại sống ở lục địa Bắc Mỹ hồi Đại Trung sinh, nghĩa là vào khoảng hai mươi triệu năm trước. Hình bên trái là con *cynartetokerus*, bên phải là con *curanokerus*, cả hai con đều có ba sừng, nhưng trong đó một sừng đứng riêng hẳn.”

Tôi cầm lấy quyển sách để xem minh họa. *Cynartetokerus* trông như lai giống giữa một con ngựa nhỏ và hươu, nó có hai sừng như bò và một sừng dài trên mõm, đầu tẽ hình chữ Y. So với nó thì hộp sọ của *curanokerus* tròn hơn, nó mang cặp sừng như hươu, nhưng còn thêm một cái sừng dài, nhọn, chìa ra phía sau, đầu uốn cong. Cả hai con thú trông khá buồn cười một cách khó tả.

“Cuối cùng thì các giống vật ấy có số sừng lẻ hầu như tuyệt chủng gần hết”, cô nói và lấy lại sách. “Động vật có một sừng hay số sừng lẻ, nếu ta xét riêng động vật có vú, một là cực hiếm, hai là ngoại lệ tiến hóa, hoặc nói ngược lại, chúng là những đứa con hoang của lịch sử phát triển. Ngoài mảng động vật có vú ra, ví dụ như loài khủng long, cũng có động vật ba sừng, nhưng đó là ngoại lệ tuyệt đối. Cái sừng, xét cho cùng, là một vũ khí lợi hại, nhưng ba cái thì thừa. Anh hãy tưởng tượng ra cái đĩa: càng nhiều răng thì chọc càng khó. Và khi một trong các sừng chạm phải vật cứng thì xét riêng về cơ học có thể không sừng nào đâm vào

đổi thủ được cả. Khi con thú ba sừng của chúng ta phải chống lại nhiều kẻ tấn công thì rất khó xuyên vào một con rồi lại rút sừng ra để quay sang con khác.”

“Trở lực lớn hơn, mất thời gian hơn”, tôi nói.

“Chính xác”, cô nói và ấn ba ngón tay vào ngực tôi. “Đó là nhược điểm của nhiều sừng. Định lý số một: một hay hai sừng sẽ hữu hiệu hơn ba sừng hoặc nhiều hơn. Giờ thì ta xét đến nhược điểm của loài một sừng. Nhưng có lẽ trước đó em cho anh thấy tại sao hai sừng lại cần thiết. Lợi thế đầu tiên là phù hợp với sự đối xứng phải-trái của cơ thể con vật. Mô hình hành vi của mọi động vật đều dựa trên sự cân bằng phải-trái, đồng nghĩa với việc chia lực sang hai nửa. Mũi và vòi có hai lỗ, và thực tế là mồm cũng hoạt động theo hai nửa đối xứng phải-trái. Rõn thì chỉ là một, song đó là một cơ quan bị thoái hóa.”

“Dương vật thì sao?”

“Dương vật và âm hộ hợp thành một đôi. Như bánh mì và xúc xích.”

“Ra thế”, tôi nói. Ra thế đấy.

“Quan trọng hàng đầu là mắt. Cả khi tấn công lẫn phòng thủ, đôi mắt là bộ chỉ huy, do vậy sừng càng gần mắt càng tốt. Ví dụ điển hình nhất là con tê giác. Về nguyên tắc, nó là thú một sừng, nhưng cận thị nặng. Nguyên nhân vì nó chỉ có một sừng. Một dạng quái thai. Dù có nhược điểm ấy nó vẫn sống sót đến hôm nay vì nó là loài ăn cỏ và có lớp giáp kiên cố. Hầu như nó không cần tự vệ. Về mặt này và cũng về hình thể, tê giác giống như khủng long ba sừng. Thú một sừng thì, như ta thấy trong ảnh, rõ ràng không thuộc vào nhóm này. Nó không có giáp bọc, nó hoàn toàn... nói thế nào nhỉ...”

“Yếm thế”, tôi nói.

“Đúng thế. Như một con nai. Nếu lại còn cận thị nữa thì cầm bằng cái chết. Khứu giác và thính giác có thể phát triển đến mức vô dụng, một khi bị cắt đường tháo chạy thì thú một sừng hết đời. Tấn công một con thú một sừng cũng dễ như dùng súng bắn tĩa siêu hạng để hạ một con vịt què. Một nhược điểm nữa của thú một sừng là, nếu sừng hỏng thì toi. Tựa như đi ô tô qua sa mạc mà không đem lốp dự trữ vậy. Anh hiểu ý em chứ?”

“Hiểu.”

“Thêm một điểm yếu nữa: khó lấy đà để húc. Anh hãy tưởng tượng ra răng cửa và răng hàm. Rất khó đập mạnh bằng răng hàm, phải không? Như em đã nhắc đến, đó là vấn đề của sự cân bằng. Người ta cần trọng lượng dồn vào tứ chi, càng bơm nhiều sức vào đó thì toàn cơ thể càng ổn định. Giờ thì anh hiểu tại sao cấu trúc thú một sừng nhiều khiếm khuyết rồi chứ?”

“Hoàn toàn rõ rồi”, tôi nói. “Em biết cách giải thích rất giỏi.”

Mặt cô rạng rỡ. Cô miết ngón tay lên ngực tôi. “Nhưng đó chưa là tất cả. Về lý thuyết, thú một sừng luôn có một tình huống rất khó thoát khỏi họa diệt chủng và tiếp tục sống sót. Đó là điểm quan trọng nhất. Tình huống nào, anh có biết không?”

“Nó không có kẻ thù tự nhiên”, tôi nói.

“Tuyệt vời”, cô nói và thưởng luôn một nụ hôn. “Được, vậy anh hãy cho em biết một điều kiện để tránh được kẻ thù tự nhiên.”

“Môi trường sống của thú một sừng phải được cách biệt, không để các loài vật khác xâm nhập vào”, tôi nói. “Ví dụ như trên một cao nguyên, như trong Thế giới đã mất của Conan Doyle, hay dưới một thung sâu. Hoặc được vách đá thật cao vây quanh, như dưới đáy của miệng núi lửa.”

“Khá lắm”, cô nói và gõ ngón tay vào vùng tim tôi. “Hiện nay có những ghi chép về việc phát hiện một chiếc đầu lâu thú một sừng, và hiện trường có các điều kiện đúng như anh nói.”

Bất giác tôi ghen cổ một cách vô thức, tôi đã tiến gần tâm điểm của sự kiện.

“Chiếc đầu lâu ấy được tìm thấy hồi 1917 ở mặt trận Nga. Vào tháng Chín. Một tháng trước khi nổ ra Cách mạng tháng Mười, trong Chiến tranh Thế giới thứ Nhất. Dưới thời nội các Kersenski. Ngay trước khi phái Bolshevik ra tay hành động. Một người lính ở mặt trận Ucraina bắt được chiếc đầu lâu trong khi đào

công sự. Anh ta cho là một cái đầu lâu bò hay tuần lộc gì đó và quăng đi. Thiếu chút nữa thì nó lại tiếp tục bị chôn vùi trong bóng đêm lịch sử, nếu không có một viên đại úy đi qua. Viên sĩ quan này chỉ huy đơn vị của anh lính nọ và là nghiên cứu sinh ngành sinh học tại Đại học Tổng hợp Petrograd. Anh ta đem đầu lâu về hầm mình để nghiên cứu kỹ lưỡng và phát hiện ra nó khác tất cả những đầu lâu động vật mà anh đã từng thấy. Anh báo tin đó ngay cho trưởng khoa Sinh học ở Đại học Tổng hợp Petrograd và xin cử một toán chuyên gia, nhưng họ không bao giờ xuất hiện. Cũng chẳng lạ: nước Nga ngày ấy đang đảo điên, mặt trận thiếu lương thực, đạn dược, thuốc men, lính tráng làm binh biến khắp nơi, quả không phải là điều kiện để một toán chuyên gia tới đó nghiên cứu. Và nếu có đến chẳng nữa thì họ cũng chẳng có đầu óc và thì giờ để nghiên cứu cẩn thận. Quân Nga đang thua liểng xiểng hết trận này đến trận khác, hỏa tuyến ngày càng bị đẩy lùi về phía sau, và quân Đức tràn tới lấp chỗ trống ngay.”

“Viên đại úy thì sao?”

“Tháng Mười một năm đó người ta treo cổ anh ta lên cột điện báo. Từ Ucraina đến Matxcova người ta trồng san sát các cột ấy để duy trì liên lạc, hầu hết các sĩ quan nguồn gốc tư sản đều bị treo cổ lên đó. Viên đại úy cũng chung số phận, mặc dù chỉ là một nghiên cứu sinh và không đáng gì đến chính trị cả.”

Tôi hình dung ra bình nguyên Nga bao la với dãy cột điện báo, dưới mỗi cột treo cổ một sĩ quan.

“Nhưng ngay trước khi phe Bolsewich giành được chính quyền, anh ta đã kịp trao đầu lâu ột người lính đáng tin cậy được chuyển về tuyến sau vì trúng thương, gợi ý sẽ thưởng cho anh ta một khoản hậu hĩnh nếu đem về nộp ột giáo sư ở Đại học Tổng hợp Petrograd. Sau khi rời bệnh xá, mãi đến tháng Hai năm sau người lính mới đến được trường, nhưng vào thời điểm ấy trường đã bị đóng cửa. Sinh viên đang hăm hở làm cách mạng, đa số giáo sư đã trốn hay bị sa thải, chẳng ai nghĩ ngôi trường sẽ được mở lại nữa. Người lính quyết sau này sẽ kiếm tiền với cái đầu lâu và gửi nhờ ở nhà anh rể là thợ may yên ngựa ở Petrograd, sau đó đi ba trăm cây số về quê. Vì những lý do mà em không biết, anh ta không bao giờ quay lại Petrograd lần thứ hai, vì vậy mọi người cũng quên luôn chiếc đầu lâu nằm trong kho của xưởng da.

Năm 1935 nó lại ra ánh sáng, khi Petrograd được đổi tên thành Leningrad. Lenin đã mất, Trotsky lưu vong, quyền hành trong tay Stalin. Trong thành phố ít ai còn đi ngựa, ông thợ bán nửa diện tích nhà xưởng đi và mở cửa hiệu bán trang bị khúc côn cầu trong phần nhà sót lại.”

“Khúc côn cầu?”, tôi hỏi. “Ở Liên Xô của thập niên ba mươi?”

“Em làm sao biết được? Trong sách nói thế. Nhưng Leningrad thời hậu cách mạng khá hiện đại, tại sao không có người chơi khúc côn cầu?”

“Thôi được”, tôi nói.

“Dù sao đi nữa, ông thợ da phải dọn kho và mở cái hộp mà ông em rể gửi lại từ năm 1918. Trên cùng là bức thư gửi cho vị giáo sư ở Đại học Tổng hợp Petrograd, trong đó nhờ thưởng xứng đáng cho người chuyển thư. Tất nhiên ông thợ da đến Đại học Tổng hợp – bấy giờ đã mang tên Đại học Tổng hợp Leningrad, tất nhiên – và xin vào gặp giáo sư. Ông này lại là người Do Thái và đã bị đày đi Siberia sau khi Trotsky bị hạ bệ. Giờ thì ông thợ da chẳng còn ai để xin trả công nữa, bụng bảo dạ, cứ giữ nó lại cho hậu thế thì cũng chẳng được xu nào, và tìm một ông giáo sư sinh học khác, kể ngọn ngành câu chuyện rồi trao lại cho trường cái đầu lâu để được vài đồng như bố thí.”

“Ít nhất thì sau mười tám năm, cái đầu lâu cũng đến được trường đại học”, tôi nói.

“Anh để em kể xong đã”, cô nói. “Ông giáo sư này xoay ngang xoay dọc và sẫm soi cái đầu lâu cho đến khi rút ra kết luận hết như viên đại úy trước đó mười tám năm – không thể xếp con vật này vào một loài đã biết hoặc ít nhất được dự đoán là đã từng tồn tại. Hình dáng đầu lâu thì tương ứng nhất với hươu, xem hàm răng thì biết nó là loài móng guốc ăn cỏ, hai má có vẻ dày hơn hươu. Khác biệt rõ nhất giữa loài này với hươu, không nghi ngờ gì, là cái sừng mọc giữa trán. Nói ngắn gọn, đó là một con thú một sừng.”

“Nghĩa là sừng còn dính trên hộp sọ?”

“Vâng, sừng vẫn còn. Tất nhiên không ở dạng ban đầu, chỉ còn một mẫu gốc thôi. Dài khoảng ba phân, phần còn lại đã gãy nhưng mẫu gốc cho phép phỏng đoán là sừng phải dài đến hai mươi phân và thẳng, như sừng linh dương. Đường kính đáy gốc sừng, anh đợi chút, là hai phân.”

“Hai phân”, tôi lặp lại. Đường kính của vết lõm trên cái đầu lâu ông già đưa tôi đo đúng hai phân.

“Petrow – tên ông giáo sư – đi ngay Ucraina với một nhóm trợ lý và nghiên cứu sinh, tổ chức khảo cứu tại địa điểm phát hiện đầu lâu. Tuy không tìm được một đầu lâu thứ hai, nhưng ông lại phát hiện ra một số thực trạng lý thú ở khu vực này. Vùng đồi núi cao trung bình này có tên gọi chung là cao nguyên Voltafil, một trong số những trọng điểm chiến lược hiểm hoi giữa các bình nguyên đơn điệu ở miền Tây Ucraina. Vì vậy trong Chiến tranh Thế giới thứ Nhất, quân Đức và Áo đã có những cuộc giao tranh dai dẳng với quân Nga để giành nhau từng tấc đất. Và trong Chiến tranh Thế giới thứ Hai bom đạn của cả hai phe tàn phá đến biến dạng các quả đồi – nhưng đó là chuyện về sau này. Điểm thu hút sự chú ý của giáo sư Petrow là xương động vật khai quật được ở đây rất khác biệt với các loài động vật địa phương. Từ đó ông lập một giả thuyết, xưa kia đây không phải là cao nguyên, mà có dạng thung lũng với núi bao quanh và là nơi có một số dạng sinh thể đặc biệt sinh sống. Cái mà anh gọi ngắn gọn là thế giới đã mất ấy.”

“Miệng núi lửa?”

“Đúng thế. Một cao nguyên nằm giữa những vách đá dốc đứng. Trải qua hàng trăm nghìn năm, đá lở xuống bồi thành những quả đồi bình thường, và chính trong quá trình ấy, xa cách mọi vận động tiến hóa và mọi kẻ thù tự nhiên, con thú một sừng đã lặng lẽ sống. Cao nguyên có nhiều nguồn nước phong phú, đất đai màu mỡ, về lý thuyết thì giả thuyết này hoàn toàn có cơ sở. Giáo sư Petrow đệ lên Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô một luận án với nhan đề ‘Nghiên cứu các hình thái sinh học ở cao nguyên Voltafil’, với sáu mươi ba minh chứng về trắc địa, sinh học và động vật học cũng như về kỳ lân. Hồi đó là tháng Tám 1936.

Kết quả thật đáng buồn. Không ai thêm quan tâm. Thêm vào đó là Đại học Tổng hợp Matxcơva đang chành chọc với Đại học Tổng hợp Leningrad giành vị trí hàn lâm đầu tàu và cánh Leningrad đang mất đất, vì vậy những công trình nghiên cứu kiểu ‘phi biện chứng’ bị quẳng vào sọt rác. Nhưng không ai dám phủ nhận sự tồn tại của thú một sừng: vì nó không phải là giả thuyết, mà hiển hiện hai năm rõ mười. Vậy là một loạt chuyên viên nghiên cứu cái đầu lâu một năm liền, cho đến khi họ buộc phải đi đến kết luận rằng đây không phải là đồ rởm, mà là sương sọ của một con thú một sừng, chuyện rõ như ban ngày. Cuối cùng thì một tiểu ban trong Viện Hàn lâm Khoa học tuyên bố, đây là đầu lâu của một con hươu có dị tật, chẳng có ý nghĩa gì về lịch sử tiến hóa, vô giá trị để trở thành đề tài nghiên cứu khoa học. Họ gửi về Đại học Tổng hợp Leningrad trả cho giáo sư Petrow. Chấm hết.

Giáo sư Petrow thì kiên tâm đợi gió xoay chiều, mong có ngày kết quả nghiên cứu khoa học của ông được công nhận, nhưng rồi hy vọng này cũng tắt ngóm với sự kiện Đức tấn công Liên Xô năm 1941. Petrow qua đời năm 1943 trong tuyệt vọng. Chiếc đầu lâu bị thất tán năm 1941 trong trận giao tranh ở Leningrad. Trường Đại học Tổng hợp bị san thành bình địa bởi đạn Đức và bom Nga, nói gì đến chuyện đi tìm một cái đầu lâu thú vật. Đó là thời điểm mà bằng chứng duy nhất về sự tồn tại của thú một sừng tan thành mây khói.”

“Nghĩa là không còn bằng chứng nào cả?”

“Không, ngoài các hình ảnh.”

“Hình ảnh?”

“Vâng, ảnh chụp đầu lâu. Giáo sư Petrow đã chụp gần một trăm bức. Một số đã thoát khỏi khói lửa chiến tranh và nghe nói là nằm trong kho lưu trữ của Đại học Tổng hợp Leningrad. Đây là một trong những bức ảnh ấy.”

Cô trao sách cho tôi, và tôi nhìn bức hình cô chỉ cho. Tương đối mờ, nhưng đủ nhận ra hình đầu lâu. Nó nằm trên mặt bàn phủ khăn trắng, cạnh một đồng hồ đeo tay để so sánh kích thước. Một khoanh tròn trắng vẽ lên giữa đầu lâu đánh dấu vị trí gốc sừng. Không nghi ngờ gì, đây là một đầu lâu cùng kiểu với đồ vật mà ông già cho tôi. Giống tuyệt đối – ngoài chuyện tiêu bản của tôi thiếu sừng. Tôi nhìn lên chiếc đầu lâu trên nóc ti vi. Nhìn từ xa, chiếc đầu lâu phủ T-Shirt trông như con mèo ngủ. Tôi suy tính có nên cho cô biết tôi đang sở hữu cái đầu lâu ấy, nhưng rút cuộc lại thôi. Một bí mật càng bí mật hơn nếu ít người biết.

“Chiếc đầu lâu ấy có thực sự bị phá hủy trong chiến tranh?”, tôi hỏi.

“Ai biết được”, cô vừa nói vừa lấy ngón tay xoắn lọn tóc trên trán. “Trong sách nói, chiến sự rất ác liệt, từng khu phố của Leningrad lần lượt bị san bằng, và khu phố của trường đại học thuộc những vị trí bị tàn

phá nặng nhất. Dĩ nhiên không thể loại trừ khả năng giáo sư Petrow đã đem nó đi giấu trước khi chiến sự nổ ra, hoặc bọn Đức lấy làm chiến lợi phẩm... Dù thế nào thì từ đó trở đi không ai nhìn thấy nó nữa.”

Tôi xem bức hình lần nữa rồi gấp sách lại, đặt ra đầu giường. Tôi suy nghĩ một hồi, liệu chiếc đầu lâu trên nóc ti vi kia có chính là tiêu bản mà người ta từng cất giữ ở Leningrad, hay của một con thú một sừng khác được khai quật ở nơi nào khác. Đơn giản nhất là hỏi trực tiếp ông già, ông đã sở hữu nó từ lâu. Và vì sao ông đem tặng tôi. Đằng nào thì tôi cũng phải đến tìm ông lần nữa để nộp các kết quả đã xáo trộn thành chuỗi số ngẫu nhiên, khi ấy tôi sẽ hỏi ông. Cho đến lúc đó thì vắt óc làm gì ệt.

Trong lúc tôi ngẫm nghĩ và nhìn lên trần nhà, cô gái đặt đầu lên ngực tôi và rúc sát vào tôi. Tôi vòng tay ôm cô. Sau khi gấp lại chương về thú một sừng, tôi thấy trong người khỏe khoắn hơn một chút, tuy rằng tâm trạng ấy không lây sang dương vật. Dường như không để ý nó cương hay không, cô vẽ bằng ngón tay cơ man những họa tiết vằn vơ lên bụng tôi.

b [

“Nhưng tôi biết. Tôi có quan hệ với các nhân vật cấp cao trong hệ thống.”

“Thế thì ông hãy dùng đường dây ấy để hỏi lại xem: phương pháp chuỗi số ngẫu nhiên đã bị đình chỉ. Tôi không biết tại sao. Chỉ biết là cấm không được sử dụng nữa. Nếu lộ ra người nào sử dụng thì rút giấy phép là nhẹ nhất.”

Ông già lại chìa cặp tài liệu đựng giấy ủy thác ra. “Anh đọc trang cuối đi. Trong đó nhất định có cả giấy phép sử dụng phương pháp chuỗi số ngẫu nhiên đấy.”

Theo lời ông, tôi lật trang cuối ra đọc kỹ. Được phép sử dụng hệ thống chuỗi số ngẫu nhiên, không nghi ngờ gì cả. Tôi đọc đi đọc lại. Chính xác. Năm chữ ký. Có trời mà biết mấy vị trên kia có những trò ngấm ngấm gì. Bảo người ta đào hố rồi lại lấp đi. Lấp xong rồi lại đào lại. Chỉ khổ mấy quân tốt đen.

“Ông cho tôi tất cả các giấy tờ giao nhiệm vụ một bản màu. Nếu xảy ra chuyện gì mà không giải trình được thì tôi sẽ bị rắc rối to.”

“Không thành vấn đề”, ông già nói. Anh sẽ được nhận bản sao. Anh không phải lo lắng gì cả. Giấy tờ nghiêm chỉnh và chặt chẽ đến từng dấu phẩy. Thù lao của anh hôm nay tôi trả một nửa, nửa kia trả khi nộp dữ liệu. Được chứ?”

“Rất tốt. Rửa số thì tôi làm ngay ở đây. Số đã rửa rồi thì tôi sẽ đem về để sắp xếp theo dạng ngẫu nhiên ở nhà. Việc này cần mấy bước chuẩn bị. Sau khi hoàn thành các dữ liệu thì tôi lại đem qua đây.”

“Nhưng chậm nhất là ba ngày nữa, vào giữa trưa tôi cần chúng...”

“Đủ thời gian”, tôi nói.

“Nhưng anh không được phép trễ vì bất cứ lý do gì”, ông già nhấn mạnh. “Nếu anh đến chậm thì hậu quả sẽ rất kinh khủng.”

“Gi cơ? Thế giới sẽ sụp đổ hay sao?”, tôi hỏi đùa.

“Xét về mặt nào đó thì đúng đấy”, ông già nói đầy ẩn ý.

“Ông đừng sợ. Tôi chưa trễ hẹn một lần nào hết”, tôi nói. “Nếu được thì cho xin một phích cà phê đen nóng, và nước đá. Và một bữa ăn tối nhẹ để vừa làm vừa ăn. Tôi có cảm giác là sẽ lâu đấy.”

Quả thật công việc kéo dài khá lâu. Sắp xếp con số theo thứ tự là một việc tương đối đơn giản, nhưng có nhiều giá trị bậc gần liền với trường hợp cụ thể, khiến việc tính toán trở nên mệt mỏi hơn tôi nghĩ khi mới nói qua. Trong khi tính toán, tôi đưa các số vào bán cầu não phải, sau khi chuyển chúng thành ký hiệu khác hẳn thì lại đưa sang bán cầu não trái là nơi tôi biến các ký hiệu nhận được của bán cầu não phải một lần nữa thành các số khác hẳn, trước khi tôi đánh máy viết chúng ra giấy. Việc này gọi là rửa số - cách miêu tả ở trên đã được đơn giản hóa nhiều. Mỗi toán sư có một mặt mã riêng. Nó khác dãy số tự nhiên hỗn loạn ở tính chất biểu đồ. Bí quyết nằm trong đường biên hình răng cưa giữa nửa phải và nửa trái của não (tất nhiên đây chỉ là cách phân chia cho dễ giải thích, chứ thực tế không có phân chia phải trái). Vẽ ra biểu đồ trông như sau:

Nói cách khác, nếu hai mảnh răng cưa không khớp nhau hoàn toàn thì không thể biến những con số đã biến chuyển trở lại thành dữ kiện nguyên thủy được. Tuy nhiên giới ký hiệu sư vẫn cố nhận dạng các dữ liệu đánh cắp được bằng cách bắc cầu tạm: chúng tái tạo các giá trị số đã được phân tích thành dạng biểu đồ răng cưa ba chiều. Lúc được, lúc không. Chúng tôi cải tiến kỹ thuật của mình tinh vi hơn thì chúng cũng chế vũ khí chống lại tinh vi hơn. Chúng tôi bảo vệ dữ liệu, bọn chúng đánh cắp dữ liệu. Trò cảnh sát và kẻ cướp kinh điển.

Bọn ký hiệu sư chủ yếu tung các dữ liệu đánh cắp được ra chợ đen và đạt lợi nhuận khổng lồ. Trường hợp tệ nhất là chúng giữ lại các dữ liệu quan trọng nhất, đem sử dụng trong tổ chức riêng của mình để sinh lợi.

Tổ chức chúng tôi được gọi là Hệ thống, tổ chức của ký hiệu sư là Nhà máy. Ban đầu, Hệ thống là tổ hợp của vô số hãng tư nhân, dần dần họ phát triển về tầm cỡ và mang bản chất nửa nhà nước. Về cơ cấu, không khác mấy so với công ty điện thoại Bell Company của Mỹ. Các toán sư hoạt động độc lập trên cơ sở tự quản, giống như cố vấn tài chính hay luật sư. Nhưng họ phải có giấy phép hành nghề do nhà nước cấp và chỉ được nhận đặt hàng của Hệ thống hay các đại lý có chứng chỉ. Đó là một biện pháp bảo vệ để chống bị Nhà máy lạm dụng, ai vi phạm sẽ bị kỷ luật hay rút giấy phép hành nghề. Tôi e là không phải trong trường hợp nào biện pháp này cũng thích hợp. Các toán sư mất giấy phép thường được Nhà máy chiêu mộ, nghĩa là họ biến thành ký hiệu sư hoạt động bí mật.

Tôi không rõ cơ cấu của Nhà máy. Nó khởi nguồn từ một doanh nghiệp công nghiệp nhỏ và bành trướng nhanh đến chóng mặt. Có người gọi Nhà máy là “mafia dữ liệu”, và quả thực cũng có sự tương đồng với mafia là Nhà máy chỉ duy nhất buôn bán dữ liệu. Nhà máy giám sát có chủ ý các máy tính để đột nhập vào.

Tôi rửa số; trong khi làm tôi uống hết ấm cà phê. Làm một tiếng, nghỉ nửa tiếng – đúng quy định. Làm khác đi thì nửa phải và nửa trái của óc không ráp khớp nhau, và giá trị số sẽ bị nhiễu loạn.

Trong các lần nghỉ nửa tiếng tôi nói chuyện với ông già về đủ mọi chuyện trời đất. Nói chuyện, bất kể về đề tài gì, là phương pháp tốt nhất để bộ não mệt mỏi tái tạo sức lao động.

“Những số này là gì vậy?”, tôi hỏi.

“Số đo trong thí nghiệm”, ông già nói. “Kết quả của một năm nghiên cứu. Hình ba chiều thể hiện thể tích của xương sọ và khẩu cái được số hóa liên kết với phân tích ba nhân tố của các âm thanh phát ra. Tôi đã kể bạn này là tôi mất ba chục năm để nghe được các âm thanh do xương sọ phát ra: nếu tính toán xong xuôi thì chúng ta sẽ đạt trình độ không chỉ thu được âm thanh một cách thụ động, mà còn biết được cơ sở lý thuyết của chúng nữa.”

“Và điều khiển được chúng?”

“Đúng thế”, ông già nói.

“Điều khiển chúng sẽ có ích lợi gì?”

Ông già liếm môi trên và im lặng hồi lâu. “Sẽ có đủ kiểu lợi ích trên đời. Tôi không thể cho anh biết được, nhưng đó là những khả năng mà anh nằm mơ cũng không thấy nổi.”

“Tắt âm thanh đi chẳng hạn?”, tôi hỏi.

“Trúng đích, chính xác, hô hô hô.” Ông già cười khoái trá. “Có thể kết hợp vào tín hiệu vốn có của xương sọ người và tắt âm thanh đi hay chỉnh to lên. Hình dáng hộp sọ mọi người rất khác nhau nên không thể tắt hẳn âm thanh được, nhưng có thể chỉnh cho khẽ hẳn đi. Nói đơn giản là làm cho các sóng âm thanh và sóng phản âm thanh cộng hưởng với nhau. Việc tắt âm thanh là một trong những kết quả nghiên cứu vô hại nhất của tôi.”

Nếu đó là chuyện vô hại thì tôi có thể mừng tượng ra các kết quả còn lại sẽ kinh khủng đến chừng nào. Nghĩ đến việc ai cũng có thể tắt hoặc tăng âm thanh là tôi sờn hết cả gai ốc.

“m thanh có thể tắt theo hai chiều, chiều nói và chiều nghe”, ông già nói. “Chiều nghe là ví dụ như tiếng nước réo ban này, đồng thời ta cũng có thể tắt cả chiều nói. Nói thuộc về hành vi của cá nhân, có thể tắt đến một trăm phần trăm được.”

“Ông có muốn công khai các kết quả ấy không?”

“Có mà dở hơi mới làm thế. Không”, ông già phẩy tay. “Một chuyện thú vị như vậy không khi nào tôi lại đưa cho người lạ. Tôi chỉ làm để tự giải trí thôi.” Ông lại cười hô hố. Tôi cũng cười.

Tôi chỉ định đăng thành quả nghiên cứu của mình lên tạp chí chuyên ngành, mà chẳng có ai hứng thú với âm thanh học cả, ông nói. “Còn lũ học giả bình thường thì quá ngu để có thể hiểu luận thuyết của tôi. Thêm nữa là giới hàn lâm có thêm đêm xỉa đến tôi đâu.”

“Giới ký hiệu sư cũng không ngu đâu. Về mặt giải mã thì bọn họ là những thiên tài. Họ đọc các kết quả của ông như đọc một cuốn sách mở ấy chứ.”

“Tôi đã phòng xa rồi. Tôi đăng bài hoàn toàn ở dạng giả thuyết, không kèm dữ liệu, không mô tả tiến trình. Bọn nó sẽ không bao giờ hiểu nổi đâu. Giới khoa học không để ý đến tôi, nhưng có hề gì! Một trăm năm nữa luận thuyết của tôi sẽ được chứng tỏ là đúng, với tôi thế là đủ.”

“Hừm”, tôi thốt lên.

“Vì vậy anh hãy rửa và đảo số đi.”

“Vâng”, tôi nói, “thưa ông.”

Trong giờ tiếp theo tôi tập trung tinh thần tính toán. Rồi đến giờ nghỉ.

“Xin hỏi một câu nữa”, tôi nói.

“Anh hỏi đi”, ông già đáp.

“Về cô gái ở cửa. Đậm người, vận đồ màu hồng...”

“Đó là cháu tôi”, ông già nói. “Con bé rất có năng khiếu, tuy còn trẻ nhưng đã giúp tôi nhiều việc nghiên cứu.”

“Câu hỏi của tôi là: cô ấy bị câm, hay chỉ nói theo cách mà ông đã tắt tiếng đi?”

“Thôi chết”, ông già đập tay lên đầu gối. “Tôi quên bém đi mất! Xong thí nghiệm rồi mà không chỉnh lại bình thường... Chết chết, tôi phải ra làm ngay.”

“Vâng”, tôi nói.

10. Chương 10

10

Tường Thành

Vào một chiều nhiều mây, khi tôi đến túp lều của ông gác cổng thì bóng tôi đang mãi giúp ông sửa chiếc xe cút kít. Họ đẩy nó ra bãi trống, tách những tấm ván cũ ở đáy và bên thành ra để thay mới. Ông gác cổng thành thạo bảo ván trong khi bóng lấy búa đóng đinh. Có lẽ thể trạng của nó không thay đổi mấy từ khi chúng tôi tách khỏi nhau. Ít nhất là về cơ bắp thì không, nhưng các cử động của nó có vẻ hơi gượng, và quanh mắt xuất hiện những nếp nhăn phiền não.

Khi tôi lại gần, cả hai dừng tay ngừng lên.

“Có chuyện gì?”, ông gác cổng hỏi.

“Tôi muốn nói chuyện một phút với ông”, tôi nói.

“Tôi sắp xong rồi, cứ vào nhà đi, tôi vào ngay”, ông gác cổng nói, mắt vẫn nhìn xuống tấm ván đang bào. Bóng nhìn thoáng về phía tôi rồi lập tức quay lại làm việc. Hình như nó giận tôi lắm.

Tôi đi vào nhà, ngồi ở bàn đợi ông gác cổng. Mặt bàn bừa bộn như mọi khi. Ông gác cổng chỉ dọn dẹp khi sắp mài dao. Chén đĩa bẩn, tẩu thuốc, bột cà phê và vỏ bào – mọi thứ ngổn ngang bừa bãi. Chỉ có những con dao trên giá là thành hàng thành lối.

Mãi vẫn không thấy ông gác cổng vào. Tôi thì cùi tay vào lưng ghế và ngán ngẩm ngó lên trần. Ở thành phố này người ta luôn có quá nhiều thì giờ. Nhiều phát điên lên được. Và người ta tự động nghĩ ra nhiều cách đặc biệt để giết thời gian.

Bên ngoài vẫn vang tiếng bào và đóng đinh.

Rồi thì cửa cũng mở ra – nhưng người đi vào không phải là ông gác cổng, mà là bóng tôi.

“Tôi không có nhiều thì giờ”, bóng nói khi đi ngang mặt tôi, “tôi chỉ vào kho lấy đinh.”

Bóng biến sau cánh cửa cuối phòng, lấy hộp đinh ra.

“Nghe này”, bóng nói trong khi kiểm tra độ dài của đinh trong hộp. “Thứ nhất: cậu vẽ bản đồ thành phố, nhưng không theo các dữ kiện người khác đưa cho, mà cậu phải tự đi khắp nơi và vẽ những gì mắt cậu nhìn thấy lên giấy. Tất cả. Không bỏ bất cứ chi tiết nhỏ nhất nào.”

“Thế thì lâu lắm”, tôi nói.

“Cho cậu thời gian đến hết mùa thu. Rồi cậu đem đến đây cho tôi”, bóng hấp tấp nói. “Thứ hai: tôi cần chú thích đi kèm. Cậu phải ghi chép thật chính xác vị trí của tường thành, Rừng Đông, điểm chảy vào và chảy ra của sông. Xong, rõ chưa?”

Nói xong bóng đã lại biến qua cửa, không nhìn tôi lấy một lần. Khi bóng ra khỏi, tôi nhắm lại những gì bóng nói: vị trí tường thành, Rừng Đông, điểm sông chảy vào và chảy ra. Vẽ bản đồ là một sáng kiến khá hay. Tôi sẽ làm quen cả thành phố và dùng thời gian một cách có ý nghĩa. Nhưng thích nhất là tôi vẫn được bóng tin tưởng.

Một lúc sau ông gác cổng vào. Ông lấy khăn lau mồ hôi và tay bẩn rồi ngồi phịch xuống ghế đối diện.

“Nào, có chuyện gì?”

“Tôi muốn đến thăm bóng.”

Ông gác cổng gật gù vài lần, nhồi tẩu thuốc và đánh diêm châm.

“Bây giờ thì chưa được”, ông nói. “Rất tiếc vì còn sớm quá. Cậu phải đợi tới khi ngày ngắn đi. Lúc ấy thì không sao.” Trong khi nói chuyện, ông bẻ gập que diêm tàn và ném nó vào cái đĩa trên bàn. “Cũng tốt hơn cho cậu, cứ tin tôi. Cứ thân thiện với bóng nhiều quá chỉ tổ đẻ ra lăm vẩn đề. Tôi đã chứng kiến khối chuyện rồi. Tôi nói vậy là muốn tốt cho cậu thôi, hãy kiên nhẫn một ít lâu nữa.”

Tôi chỉ im lặng gật đầu. Đẳng nào ông cũng chẳng chiều tôi, và tôi thì cũng chớp nhoáng bắt liên lạc được với bóng. Giờ thì tôi có thể yên tâm đợi ông gác cổng inh một cơ hội mới.

Ông nhồm dậy đi ra bồn rửa mặt và uống liền mấy cốc sứt to đầy nước.

“Công việc vẫn ổn chứ?”

“Cũng tạm. Tôi đang làm quen dần.”

“Thấy chưa”, ông gác cổng nói. “Cái chính là phải làm việc cho tử tế. Nhân cư vi bất thiện.”

Tôi nghe tiếng bóng đóng đinh bên ngoài.

“Ta đi dạo một lát nào”, ông gác cổng nói. “Tôi chỉ cho cậu xem cái này.”

Tôi theo ông ra ngoài. Bóng của tôi ngồi trên xe và đóng đinh mấy tấm ván cuối cùng lên thành xe. Từ trục xe và bánh, cái xe bây giờ mới tinh.

Ông gác cổng đi chéo qua quảng trường, đưa tôi đến dưới một tháp canh cạnh tường thành. Trời chiều ngọt ngào, mây đen từ phía tây kéo đến. Áo ông gác cổng dính bết mồ hôi trên cơ thể hộ pháp của ông và bốc mùi chua lỏm.

“Thế này mới gọi là tường thành chứ”, ông gác cổng đập tay mấy lần lên tường như ầu yếm vỗ một con ngựa. “Cao bảy thước và bao quanh toàn thành phố. Chỉ có chim chóc mới vượt qua nổi. Không có lối nào ra vào trừ cổng thành kia. Ngày xưa còn có Cửa Đông, bây giờ xây bít lại rồi. Tường xây bằng gạch sành,

nhưng không phải gạch thường, nhìn đây này! Không ai có thể phá hỏng hay chỉ cào xước được nó. Kể cả thần công, động đất hay cuồng phong!”

Ông vừa nói vừa nhặt một thanh gỗ dưới đất và rút dao ra đẽo. Dao ăn vào gỗ như cắt giấy, chẳng mấy chốc đã hiện hình một cái chêm.

“Cậu xem đây”, ông gác cổng nói. “Không có mạch vữa giữa các viên gạch – loại gạch này không cần thứ đó, người ta đặt khít nhau đến mức không còn chỗ ột sợi tóc.” Ông lấy đầu nhọn của chêm gỗ quét dọc mạch nối, nhưng không ấn vào được lấy một li. Ông vứt nó đi, cạo mũi dao lên gạch. Không để lại một vết xước nào, chỉ có tiếng kin kít chói tai. Ông ngấm mũi dao và đút trở lại vào vổ.

“Không người nào và không thứ gì có thể để lại một vết xước trên tường thành. Cũng không ai trèo lên nổi. Vì sao? Vì đây là một tường thành hoàn hảo. Cậu hãy ghi nhớ. Không ai ra được khỏi đây. Có ý nghĩ ngu xuẩn nào trong đầu thì quẳng nó đi.”

Ông đặt bàn tay hộ pháp lên vai tôi.

“Tôi cũng biết là không đơn giản cho cậu, nhưng nói cho cùng thì ai ai cũng phải trải qua một lần. Cậu cũng thế. Nhưng sau đó đến sự siêu thoát, Không còn trần trở, không ngờ vực, không đau khổ - tất cả biến mất trong nháy mắt và trở nên vô nghĩa. Đây là chốn tận cùng thế giới. Thế giới chấm dứt ở đây, không còn đường nào đi tiếp nữa. Cả cậu cũng không đi đâu được nữa”, ông vỗ vai tôi lần nữa.

Trên đường về, khoảng đến giữa Cầu Cũ, tôi tựa lên thành cầu và ngắm dòng nước, ngắm nghĩ lời ông gác cổng.

Tận cùng thế giới.

Nhưng tại sao tôi đã quay lưng lại với quá khứ và đến chốn tận cùng thế giới này? Tôi cố hết sức mà không nhớ lại được các tình huống, ý nghĩa và mục đích. Một cái gì đó, một thế lực nào đó đã đưa tôi tới chốn này. Một thế lực vô nghĩa và hùng mạnh nào đó. Vì nó mà tôi mất bóng mình và trí nhớ của mình, và đang sắp mất cả tâm hồn.

Dưới chân tôi nước chảy róc rách. Cây liễu trên bãi cát bồi rủ cành chấm xuống nước và thanh thảo đung đưa trong dòng chảy. Nước sạch và trong vắt. Ở một quãng lặng dưới chân vách đá có thể thấy cá. Nhờ ngắm sông trôi mà tôi lấy lại được sự yên tĩnh nội tâm. Một sự cứu rỗi luôn kiến hiệu.

Có một cầu thang từ cầu xuống bãi bồi. Dưới bóng liễu là một chiếc ghế băng, cạnh đó thường có vài con vật uể oải nằm nghỉ. Tôi hay trèo xuống đó và đem cho chúng mấy mẩu bánh mì nhét trong túi quần. Thoạt tiên chúng nhát, nhưng rồi chúng lại vươn cổ ra và ăn bánh mì trên tay tôi. Cũng chỉ những con thật già và thật nhỏ mới ăn trên tay tôi.

Mùa thu càng dài, một nỗi buồn nào đó càng ngập đầy mắt chúng, những đôi mắt trông như hồ thủy. Tán lá đổi màu và cây cỏ héo khô báo cho những con vật sắp bắt đầu một thời kỳ đói nghiệt ngã lê thê. Và như ông già tiên đoán, cả tôi cũng đứng trước một thời kỳ nghiệt ngã lê thê.

11. Chương 11

11

Mặc Quần Áo, Hồn Độn

Kim đồng hồ chỉ chín rưỡi, cô gái dạy thu áo quần vương vãi trên nền nhà và chậm rãi mặc vào. Tôi nằm chống một tay lên giường và ngắm cô qua khe mắt. Không một động tác thừa và uyển chuyển như con mèo, cô mặc từng thứ một, nhẹ nhàng, im lặng. Cô kéo khóa váy lên, từ từ cài khuy áo từ trên xuống, sau đó ngồi xuống mép giường và đi tất. Rồi cô hôn lên má tôi. Nhiều phụ nữ có cách cởi quần áo vô cùng quyến rũ, nhưng phụ nữ có cách mặc quần áo cũng quyến rũ như thế thì hiếm hơn. Khi cô mặc xong và lấy tay vuốt mái tóc dài ra phía sau, không khí trong phòng như thay đổi/

“Cảm ơn anh mời ăn”, cô nói.

“Anh cảm ơn em mới phải”, tôi nói.

“Bao giờ anh cũng nấu nhiều như thế à?”, cô hỏi.

“Nếu không quá bận”, tôi nói. “Khi nào bận việc thì anh không nấu. Anh ăn những gì còn trong bếp hoặc ra nhà hàng.”

Cô ngồi xuống ghế, lấy thuốc lá trong túi ra, châm một điếu. “Em hầu như không bao giờ tự nấu ỳnh. Em không thích làm bếp. Với lại chỉ nghĩ đến lúc về nhà sau bảy giờ tối và phải nấu một đồng đồ rồi ăn sạch chỗ ấy là em đã ngán tận cổ. Lúc ấy có cảm giác là người ta chỉ sống để ăn thôi, anh có thấy thế không?”

Tôi nói, nghe cũng có lý.

Trong khi tôi mặc quần áo, cô lấy một cuốn sổ tay trong túi ra và viết gì đó bằng bút bi, xé trang sổ ra đưa tôi. “Số điện thoại của em”, cô nói. “Nếu anh muốn gặp em hay có nhiều đồ ăn hay bất cứ chuyện gì thì gọi em. Em sẽ đến.”

Khi cô đi khỏi nhà với ba quyển sách thư viện về động vật có vú, căn phòng đột nhiên im ắng lạ thường, im ắng đến khó chịu. Tôi đi ra trước ti vi, lấy T-Shirt xuống và ngắm nghía chiếc đầu lâu thú một sừng lần nữa. Và tôi có cảm tưởng rằng nó chính là chiếc đầu lâu bí ẩn mà viên đại úy bộ binh xấu số ở mặt trận Ucraina nhặt được, cho dù không hề có một minh chứng nhỏ nhoi nào. Tôi càng ngắm lâu thì càng tin chắc vào một dạng nghiệp chướng bao phủ quanh nó. Có thể do tôi vừa nghe xong câu chuyện nên tưởng tượng ra quá nhiều chẳng. Không có chủ ý rõ rệt, tôi nhấc chiếc kẹp bằng thép lên và gõ nhẹ vào cái đầu lâu.

Sau đó tôi rửa cốc chén và lau bàn bếp. Đã đến lúc lập dây số ngẫu nhiên. Để không bị quấy rầy, tôi bật máy trả lời điện thoại, cắt chuông cửa và tắt hết ánh sáng trong nhà, chỉ bật mỗi đèn cây trong bếp. Công việc này đòi hỏi phải tập trung cao độ ít nhất hai tiếng liền.

Mã số cho danh mục ngẫu nhiên của tôi là “Tận cùng thế giới”. “Tận cùng thế giới là tiền đề của một kịch bản mang tính cá nhân sâu sắc, trên cơ sở kịch bản này, tôi tiến hành chuyển hoá các số đã được sửa sang ngôn ngữ máy tính. Tất nhiên, “kịch bản” này không giống chút nào những thứ ta vẫn thấy trên ti vi hay ở nhà hát. Mọi chuyện xảy ra hỗn độn, không theo một mạch truyện nào. Cái tên “kịch bản” chẳng có gì khác một danh hiệu đặt tạm vì lý do tiện lợi. Nội dung vở này là gì thì tôi không rõ, người ta không báo cho tôi biết. Tôi chỉ biết đầu đề là “Tận cùng thế giới”. Không biết gì hơn.

Các nhà khoa học của Hệ thống đã ấn định kịch bản này. Sau một năm học khóa dự bị và đồ kỳ sát hạch toán sư cuối cùng, người ta đã cho tôi vào máy đông lạnh hai tuần. Trong thời gian này, họ khám nghiệm các sóng não của tôi, tách ra một thứ có thể gọi là “lõi ý thức hệ” và biến nó thành vở kịch mã số để tạo ra các dữ liệu tình cờ, sau đó cấy lại vào não. Qua đó ý thức hệ của tôi hoàn toàn biến thành một cơ cấu kép. Một mặt thì tổng ý thức hệ tồn tại như một sự hỗn độn, mặt khác thì lõi ý thức hệ cấy vào đó – như hạt trong quả mơ muối – tồn tại trong dạng hỗn độn tích nén.

Nhưng người ta không cho tôi biết hạt nhân ý thức hệ mang nội dung gì.

“Anh không việc gì phải biết”, họ nói. “Khi có nhu cầu, anh có thể kích hoạt lõi đó. Vì kịch bản mã hóa ‘Tận cùng thế giới’ là chính anh. Song anh không được phép biết nội dung vở kịch. Tất cả diễn ra ngay trong một đại dương đầy hỗn độn, và anh ngoi ra khỏi đó với hai bàn tay trắng. Chính sự thiếu vắng đó của ý thức hệ là cái chúng tôi cần. Anh hiểu chứ?”

“Tôi hiểu”, tôi nói.

Sau đó họ dạy tôi cách xáo trộn dữ liệu. Việc này phải làm một mình, trong đêm, bụng không no và không đói. Nghe ba lần liền một âm tiết đã định trước. Bằng cách đó tôi có thể kích hoạt kịch bản “Tận cùng thế giới”. Khi đã kích hoạt rồi, ý thức hệ của tôi sẽ chìm vào hỗn độn. Chìm trong sự hỗn độn ấy, tôi ngoi xáo trộn dữ kiện, làm xong thì “Tận cùng thế giới” bị giải trừ và tôi lại thoát khỏi sự hỗn độn. Việc xáo dữ kiện cũng hoàn thành, và tôi cũng không nhớ gì nữa. Khi sắp xếp dữ liệu đã xáo trộn lại cho đúng tình trạng ban đầu thì đơn giản là làm mọi thứ theo chiều đảo ngược. m tiết cũng được đảo ngược.

Đó là chương trình người ta đã cấy vào tôi. Tôi chỉ hoạt động như một đường hầm dẫn đến cõi vô thức. Tất cả diễn biến thông qua một mình tôi. Vì vậy khi xáo dữ liệu tôi luôn có cảm giác yếm thế và phải phôi mình ọi công kích. Khác với lúc rửa số. Rửa số thì mất thì giờ và mệt, nhưng trong khi làm việc tôi có thể tự hào về mình vì việc này đòi hỏi sự tập trung sử dụng toàn bộ khả năng của tôi.

Ngược lại, công tác xáo dữ liệu hoàn toàn không dính dáng gì đến khả năng hay có gì đáng tự hào cả. Tôi bị sử dụng. Ai đó sử dụng ý thức hệ của tôi – cái ý thức hệ mà tôi không nhận biết – để xử lý một cái gì đó mà tôi cũng không nhìn thấy. Có cảm giác là khi xáo dữ liệu kỳ thực tôi không được gọi mình là toán sư nữa.

Tất nhiên tôi không có quyền ấn định phương pháp tính toán như mình muốn. Người ta cấp cho tôi hai giấy phép, một cho rửa số và một cho xáo số. Và họ ấn định cách tiến hành công việc. Nếu tôi không thích thì phải đổi nghề. Tôi đâu muốn thế. Trừ phi có vấn đề gì xích mích với Hệ thống và phải ra đi, hầu như không có nghề nào khác cho phép ta phát triển khả năng một cách tự do và độc lập như nghề này, và thu nhập cũng xứng đáng. Sau mười lăm năm có một khoản tiết kiệm đủ để sống phần đời còn lại một cách vô ưu. Vì mục đích ấy, tôi luôn đăng ký tham gia các kỳ sát hạch mà nghe tỷ lệ trượt đã thấy choáng, và đổ hết. Vì mục đích ấy, tôi đã cẩn rắng qua các khóa đào tạo nghiêm ngặt.

Trong khi xáo số, chất cồn không hại gì, thậm chí người ta còn khuyên dùng một lượng vừa phải để giảm căng thẳng. Riêng tôi thì luôn chú ý không uống một giọt nào trước khi bắt đầu. Thêm nữa là từ sau khi phương pháp này bị “đóng băng” tôi đã nghỉ hơn hai tháng không sử dụng rồi, nên cẩn thận thì hơn. Tôi tắm nước lạnh, tập mười lăm phút bài thể dục nặng, sau đó uống hai tách cà phê đen. Nói chung thế là đủ để tiêu hết lượng cồn dư trong cơ thể.

Tôi mở kết lấy ra danh sách số đánh máy và một máy ghi âm cỡ nhỏ, đặt tất cả lên bàn bếp. Sau đó tôi xếp ngay ngắn năm bút chì vót nhọn và vở ghi chép, trước khi ngồi xuống ghế.

Trước tiên tôi bật máy ghi âm. Tôi đeo ống nghe lên, để bộ đếm chạy lên số 16, rồi ngược về số 9, lại xuôi tiếp lên số 26. Sau mười giây tự chỉnh, bộ đếm tắt đi và tín hiệu được phát ra. Hễ làm khác tiến trình đó thì âm tiết thu trên băng sẽ tự động bị xóa.

Xong chu trình quy định, tôi đặt vở ghi chép qua bên phải, các số đã rửa qua bên trái. Công tác chuẩn bị thế là hoàn tất. Chấm đèn đỏ sáng lên ở những nơi có thể thâm nhập là cửa đi và cửa sổ, báo hiệu hệ thống báo động đã bật. Mọi việc đều ổn. Không có lỗi nào. Tôi vươn tay ấn nút PLAY trên máy ghi âm, tín hiệu vang lên, sự hỗn độn xuất hiện nhẹ nhàng ầm ập và hút tôi vào.

Hút vào ——— từ từ Hỗn độn ———>

12. Chương 12

12

Bản Đồ Chốn Tận Cùng Thế Giới

Sau hôm nói chuyện với bóng mình, tôi bắt tay vào lập bản đồ ngay.

Trước tiên tôi trèo lên đỉnh Đồi Tây trong ánh hoàng hôn và ngắm toàn cảnh. Nhưng ngọn đồi này không đủ cao để nhìn thấy cả thành phố và thị lực của tôi đã kém đi đáng kể; tôi không thể thấy hết tường thành chạy vòng vèo đến đâu, chỉ đoán chừng quy mô của thành phố.

Nó không lớn cũng không nhỏ. Có nghĩa là nó không lớn quá mức mà trí tưởng tượng và tầm hiểu biết của tôi có thể nắm được, song cũng chẳng nhỏ đến độ nhìn một lần là hết. Chuyển đi lên Đồi Tây không đem lại cho tôi nhận thức nào hơn. Bức tường cao vây quanh nó, con sông cắt nó làm hai nửa bắc và nam. Ánh chiều nhập nhoạng nhuộm xám mặt sông. Cuối cùng là tiếng tù và vang lên, và tiếng gõ móng của bầy thú phủ trùm lên tất cả.

Để xác định vị trí tường thành, thì tôi không còn cách nào khác là đi bộ dọc theo nó. Nhưng nói dễ hơn làm. Tôi chỉ có thể ra khỏi nhà vào những ngày nhiều mây hay vào buổi tối, và phải hết sức cẩn trọng khi đi đến những khu xa Đồi Tây. Vì rất có thể bỗng dưng quang quẻ khi tôi đang trên đường, hoặc ngược lại, đổ mưa như trút nước. Vì thế tôi đề nghị ông đại tá kiểm tra hộ tình hình thời tiết mỗi sáng. Thường là dự báo của ông chính xác.

“Tôi cũng chẳng có gì để suy nghĩ thời tiết cả”, ông đại tá nói, không giấu vẻ tự hào. “Người ta hiểu đôi chút về thời tiết, nếu ngày nào cũng theo dõi các chuyển động của mây.”

Nhưng chính ông cũng không lường trước được những thay đổi thời tiết đột ngột, những chuyến đi của tôi tới một nơi xa vắng và sẽ vẫn nguy hiểm.

Ngoài ra, bụi rậm, cây cối hay đá núi thường ngăn không cho tôi đi sát tường thành và quan sát tỉ mỉ mọi thứ. Nhà dân tập trung dọc theo bờ sông ở trung tâm, và hễ rời khỏi khu dân cư này là bắt đầu khó tìm ra đường đi. Cả những đường mòn mà tôi còn cần rằng luôn lách qua được cũng thường xuyên bị chặn đứng bởi những bụi gai rậm rạp, khiến tôi phải khó nhọc đi vòng hay quay lại lối cũ.

Tôi quyết định bắt đầu chuyến khảo cứu từ điểm chốt phía tây thành phố, đó là khu vực quanh Cửa Tây và túp lều của ông gác cổng, từ đó đi theo chiều kim đồng hồ vòng quanh thành phố. Thoạt tiên mọi sự trôi chảy, đơn giản hơn nhiều so với mong đợi. Từ cửa thành trông về hướng bắc dọc theo tường thành là đồng ruộng mênh mông bằng phẳng, cỏ mọc rậm cao đến ngang hông, đường đi xuyên qua gọn ghẽ như thêu lên vải. Nghĩa là không có trở ngại gì đáng kể. Ngoài đồng có nhiều tổ chim, trông có vẻ là chim chiến chiến. Đôi khi chúng bay vụt lên, lượn vòng kiểm thức ăn trên trời rồi lại quay về tổ. Có cả mấy con thú một sừng, nhưng không nhiều. Chỉ nhìn thấy đầu và lưng. Chúng chậm chạp di chuyển trên đồng cỏ non, trông xa như trôi trên mặt nước.

Đi được một đoạn và đến chỗ tường thành quanh phải, tôi thấy ở phía Nam có những doanh trại cũ hoang tàn. Những ngôi nhà hai tầng trần trụi và sơ sài, cứ ba chiếc một hàng. Xa một chút nữa còn thấy một khóm nhà, nhỏ hơn nhà ở khu công chức một ít – có lẽ nhà của các sĩ quan. Nhà nằm sau dãy tường đá thấp, giữa chúng có cây mọc, nhưng giờ đây thì cỏ đã mọc cao trùm lên tất cả, không một bóng người. Chắc ngày xưa các cựu binh về hưu ở khu công chức đã sống ở đây. Phải có gì đó xảy ra khiến họ chuyển tới nhà công vụ ở Đồi Tây và bỏ hoang khu doanh trại nọ. Những cánh đồng mênh mông hình như dạo ấy là bãi tập và thao trường, vì đây đó trong cỏ rậm còn thấy di tích những hầm trú ẩn và trụ đá của cột cờ.

Tôi cứ thế tiến về phía Đông, cho đến khi đồng ruộng bằng phẳng dần chuyển thành rừng. Thoạt tiên chỉ có vài lùm cây mọc đây đó giữa bãi cỏ, nhưng chẳng bao lâu chúng dần thành bụi rậm. Đa số là những cành nhỏ bện vào nhau đâm lên đến ngang vai hay đầu mới xòe tán. Mặt đất phủ kín các loại cây cỏ khác nhau, đôi chỗ thoáng hiện một vài nhánh hoa không màu. Rồi dần dần đã thấy rừng, và triển đất trở nên cần cỗi. Giữa các bụi cây là đủ loại cây khác nhau cao hàng thước. Ngoài tiếng líu lo thì thoảng vang lên của một con chim tí hon chuyển từ cành nọ sang cành kia, tôi không còn nghe thấy tiếng động nào khác.

Tôi lò dò từng bước nhỏ để vạch đường, nhưng bụi rậm ngày càng dày đặc hơn, trên đầu tôi lá cành đan chằng chịt che hết tầm nhìn, khiến tôi không thể thấy được tường thành chạy tiếp hướng nào. Tôi bỏ cuộc, lần theo một con đường mòn về hướng nam để trở lại thành phố, đi qua Cầu Cũ về nhà.

Bây giờ đã vào thu, nhưng ngoài một đường chu vi cực kỳ thô sơ tôi chưa vẽ được thêm nét nào lên giấy. Nhìn về đại thể, có thể nói thành phố này hình bầu dục, trải dài từ tây sang đông, nhô cao ở phía bắc và nam với Rừng Bắc và Đồi Nam. Sườn đông của Đồi Nam là một diện tích sỏi đá gập ghềnh chạy dài đến tận chân tường thành và chắn gọn khu đất tiếp giáp. Phía đông thành phố là một khu rừng mênh mông phủ cả hai bên bờ sông, quá u ám, rậm rịt và thù nghịch so với Rừng Bắc. Chỉ có một đường duy nhất xuyên qua, đường này chạy dọc sông ra đến Cửa Đông – ít nhất là ở đây tôi có thể quan sát dải đất dọc tường thành từ cự li gần hơn. Cửa Đông, như ông gác cổng đã nói, bị xây bịt kín, không sao qua được.

Dòng sông bắt nguồn từ dãy núi phía Bắc, với sức chảy khá mạnh, xuất hiện đột ngột dưới chân tường bên cạnh Cửa Đông, chảy tiếp thẳng về hướng tây xuyên qua trung tâm và tạo ra một số bãi cát bồi đẹp mắt gần Cầu Cũ. Ba cây cầu bắc ngang sông: Cầu Đông, Cầu Cũ và Cầu Tây. Cầu Cũ cao tuổi nhất, lớn nhất và cũng đẹp nhất. Ngay dưới chân Cầu Tây là một khúc ngoặt gấp về hướng Nam, ở đây sông từ tốn vòng vào một vòng cung lượn sát tường thành phía nam, tựa như muốn chảy ngược lại. Ngay trước tường thành, sông bào mòn một mặt Đồi Nam và xói thành một thung sâu. Nhưng sông không bỏ lại tường thành phía nam sau lưng mình, mà dồn lại thành một cái hồ, để rồi ngấm xuống các hang động đá vôi dưới đó. Vô số các mạch ngầm của nó – theo lời ông đại tá kể lại – xuyên thủng lỗ chỗ nền hoang mạc bằng đá vôi trải dài vô tận bên ngoài tường thành.

Tất nhiên công việc đọc mơ của tôi vẫn được song song tiến hành. Đúng sáu giờ tôi đẩy cổng vào thư viện, ăn tối cùng cô thủ thư rồi đọc các giấc mơ xưa.

Cho đến nay tôi đã có thể đọc được năm, sáu giấc mơ mỗi tối. Hiện tại tôi đã có khả năng lần theo mớ tia

rối rắm đến tận những nhánh rẽ nhỏ nhất, cũng như nắm bắt toàn bộ câu chuyện và những rung động rõ ràng hơn. Ý nghĩa của việc đọc mơ thì tôi vẫn chưa rõ, cũng như tôi chưa hiểu những “giấc mơ xưa” này đã hình thành theo nguyên lý nào. Tuy nhiên qua điệu bộ của cô thủ thư tôi nhận ra thành tích của mình cũng không đến nỗi nào. Bây giờ tôi có thể nhìn thẳng vào ánh sáng do đèn lư phát ra mà không bị nhức mắt nữa, và tôi cũng không bị chóng mặt nữa. Những đèn lư tôi đã đọc xong được cô thủ thư đặt lên giá. Hôm sau quay trở lại thư viện tôi sẽ không thấy chúng đâu nữa.

“Anh tiến bộ nhanh đấy!”, cô nói. “Công việc suôn sẻ hơn em nghĩ.”

“Còn bao nhiêu đèn lư nữa?”

“Nhiều vô kể. Một nghìn, hay hai nghìn cũng nên. Em chỉ cho anh xem nhé?”

Cô đưa tôi đi vòng sau quầy vào kho. Đó là một phòng rộng và sơ sài, như một phòng học, kê san sát giá tủ và nhìn vào nơi ấy cũng chỉ thấy các hộp sọ động vật trắng ớn. Hình ảnh này không hợp với một kho sách thư viện, tôi liền tưởng ngay đến nghĩa địa. Im ắng và lạnh lẽo như trong mồ.

“Tuyệt vời”, tôi nói, “vậy anh cần bao nhiêu năm để đọc hết chỗ này đây?”

“Anh không cần đọc tất cả”, cô nói. “Anh cứ đọc được bao nhiêu thì tùy. Còn lại bao nhiêu thì người đọc mơ kế nhiệm sẽ đọc. Cho đến lúc ấy, các giấc mơ xưa cứ ngủ tiếp.”

“Và em cũng hỗ trợ người đọc mơ kế nhiệm?”

“Không, em chỉ được phép giúp anh. Quy định là thế. Một thủ thư chỉ được giúp một người đọc mơ. Nghĩa là, nếu anh thôi đọc mơ thì em cũng rời khỏi thư viện.”

Tôi gật. Tôi không biết vì sao, nhưng tôi thấy như thế là hoàn toàn tất yếu, không thể khác được. Chúng tôi đứng dựa vào tường và ngắm những dãy đèn lư trắng trên giá một hồi lâu.

“Em đã đến bờ hồ phía nam thành phố lần nào chưa?”, tôi hỏi bằng giọng.

“Đã có lần em tới đó, nhưng lâu lắm rồi. Hồi còn nhỏ em được mẹ dắt đến. Những người bình thường thì không được phép. Nhưng mẹ em khác. Sao anh hỏi?”

“Anh muốn đến đó xem.”

Cô lắc đầu. “Hồ ấy rất nguy hiểm, nguy hiểm hơn anh tưởng. Mà anh cũng không được phép đến đó đâu. Cũng chẳng có lý do gì, vì hồ rất chán. Tại sao anh muốn ra đó?”

“Anh muốn tìm hiểu làm quen nơi này một chút. Từ đầu này đến đầu kia. Nếu em không muốn đưa anh đi thì anh đi một mình vậy.”

Cô nhìn tôi một lát, rồi thở dài nhượng bộ: “Thôi được. Có vẻ như đằng nào anh cũng không nghe lời người khác nói với anh, còn em thì không thể để anh đi một mình. Nhưng anh hãy nhớ kỹ một điều: em sợ cái hồ ấy lắm, thực ra em không bao giờ muốn tới đó lần nữa. Có gì đó trái tự nhiên, chắc chắn là thế.”

“Sẽ không xảy ra chuyện gì đâu”, tôi nói. “Hai chúng ta cùng đi, và sẽ cẩn trọng. Em không việc gì phải sợ cả.”

Cô lắc đầu. “Anh không biết đâu, vì anh chưa từng ở đó. Nguy hiểm lắm. Nước trong hồ không bình thường, nó dụ dỗ người ta xuống chỗ sâu. Không đùa đâu, em nói tuyệt đối nghiêm túc đấy!”

“Anh sẽ chú ý để ta không lại gần quá”, tôi hứa và nắm tay cô. “Anh chỉ muốn nhìn một lần. Từ xa cũng được.”

Vào một ngày tháng Mười mặt trời xầm xỉ, sau bữa trưa chúng tôi đi về phía Nam. Dưới thung lũng sâu mà con sông tạo ra nhờ xói vào sườn tây của Đồi Nam, đường đi bị các bụi cây dày đặc mọc kín, vì vậy chúng tôi bắt buộc phải đi vòng qua phía đông của Đồi Nam. Mặt đất phủ kín lá rụng kêu lép nhép dưới chân chúng tôi vì sáng sớm nay có mưa. Trên đường đi chúng tôi chạm trán hai con thú một sừng đi ngược lại. Chúng lảng lảng đi qua, không chú ý đến chúng tôi, đầu phủ lông vàng nhẹ nhàng lúc lắc qua phải qua trái.

“Thức ăn không đủ nữa”, cô nói. “Mùa đông sắp đến, chúng vất vả đi tìm quả và hạt. Vì vậy chúng liêu mạng mò vào tận đây.”

Sườn dốc của Đồi Nam đã ở sau lưng chúng tôi; kể từ đây sẽ không thấy thú một sừng nữa, cũng chẳng có đường mà đi. Chúng tôi bay qua những cánh đồng cỏ quanh khô cằn và những khu nhà bị bỏ hoang, đi tiếp về hướng tây; dần dần có tiếng động từ hồ vọng đến tai, ngày càng to.

m thanh khác hẳn với những gì tôi từng nghe trong đời. Không phải tiếng thác nước, không phải tiếng gió hú, cũng không phải tiếng gầm gào dưới lòng đất. Nó giống tiếng thở dài mãnh liệt từ một cổ họng hùng vĩ hơn. Đôi khi chỉ là tiếng rên nhẹ nhẹ, nhưng rồi lại là tiếng than van, thỉnh thoảng khựng lại hay ằng ặc như bị chẹn cổ.

“Nghe cứ như hồ nước định hét lên điều gì đó với ta”, tôi nói.

Cô chỉ im lặng quay sang nhìn tôi. Rồi cô lại dùng tay đeo găng gạt bụi rậm ra lấy đường đi tiếp. “Đường xấu hơn ngày xưa nhiều”, cô nói. “Lần cuối cùng không khó đi như hôm nay. Ta quay về thì hơn.”

“Mình đã đến được đây rồi. Nào, ta cứ đi tiếp đi, đến khi nào không đi được nữa thì thôi.”

Đường khắp khểnh dốc lên dốc xuống, giữa những bụi rậm chúng tôi định hướng theo tiếng thở dài của hồ nước và tiến thêm được mười phút nữa thì đột ngột bụi rậm tẽ ra. Trước mắt chúng tôi một đồng cỏ bằng phẳng trải dài đến tận mép nước. Phía tay phải là thung lũng sâu do dòng sông bào mòn. Ở nơi thung lũng mở ra, lòng sông tỏa rộng, nước chảy qua bụi rậm và qua cả đồng cỏ nơi chúng tôi đang đứng. Ở vị trí đồng cỏ bắt đầu và sông vào khúc quanh, dòng chảy đột ngột khựng lại, nước dần dần đổi màu sang sắc lam đậm tiềm ẩn tai ương rồi phồng ra, như một con rắn vừa nuốt con mồi, thành một cái hồ bát ngát. Tôi đi dọc bờ tới hồ.

“Đừng đến gần!”, cô nói và khê kéo tay tôi. “Tuy người ta không thấy sóng và mặt hồ nom rất thanh bình lặng lẽ, nhưng dưới bề mặt ấy là những vùng xoáy rất xiết, đã túm được anh thì chúng sẽ kéo anh xuống và không bao giờ nhả ra nữa.”

“Không rõ sâu chừng nào nhỉ?”

“Anh không thể tưởng tượng ra nó sâu đến mức nào. Xoáy nước ngày càng nạo sâu xuống lòng đất, như một mũi khoan phá, khiến hồ ngày một sâu hơn. Người ta kể rằng ngày xưa bọn tà giáo và tội nhân bị ném xuống đó...”

“Sao nữa?”

“Chúng không bao giờ nổi lên nữa. Chắc anh đã nghe kể về những hang động dưới đáy hồ rồi chứ? Một khi đã bị hút xuống cái hòng ấy thì người ta sẽ vĩnh viễn phải loanh quanh trong bóng đêm của hang động.”

Cả vùng đất nằm ngột ngạt dưới tiếng thở nặng nề do hồ phun lên tựa những làn hơi nước. Nghe như có tiếng than van và rên rỉ của vô số sinh linh vọng lên từ đáy hồ.

Cô nhặt một miếng gỗ to bằng bàn tay lên, nhắm vào giữa hồ và ném. Miếng gỗ bập bênh đúng năm giây trên bề mặt, chợt rung lên bần bật và biến mất tắp, tựa như bị bàn tay từ bên dưới túm lấy và lôi tuột xuống nước. Không thấy nó nổi lên.

“Thấy chưa, em nói rồi mà – bây giờ anh đã tin là dưới đó có xoáy nước chưa?”

Chúng tôi ngồi xuống cỏ, cách mép nước chừng mười thước, ăn bánh mì tôi mang theo trong túi. Nhìn từ xa, phong cảnh xung quanh không đem lại gì khác ngoài sự tĩnh lặng hiền hòa. Hoa thu lấm tắp sắc sỡ trên nền cỏ, lá cây đổ rục – và giữa phong cảnh ấy là mặt hồ phẳng như gương, không một gợn sóng nhỏ. Phía bên kia hồ là vách đá vôi vút cao, đội bức tường thành đen bằng gạch. Ngoài tiếng thở của hồ, tất cả đều im phăng phắc. Thậm chí cây cối cũng không rì rào.

“Tại sao anh muốn có một tấm bản đồ bằng được?”, cô hỏi. “Anh sẽ không thể rời khỏi thành phố được nữa, có bản đồ hay không có cũng thế.” Cô phúi vụn bánh trên lòng và nhìn ra hồ. “Anh muốn đi khỏi đây à?”

Tôi im lặng gặt đầu. Thế có nghĩa là “không” hay nghĩa là tôi chưa quyết định được, tự tôi cũng không biết. Cả điều này tôi cũng không biết!

Tôi nói: “Anh không biết. Anh chỉ muốn tìm hiểu thành phố. Muốn biết diện mạo nó, lịch sử hình thành của nó, và mọi người sống như thế nào. Muốn biết cái gì điều khiển anh. Sau đó là gì nữa thì anh cũng

không biết.”

Cô chậm chậm lắc đầu, sang trái, sang phải, rồi nhìn sâu vào mắt tôi. “Không có cái gì gọi là ‘sau đó’ đâu”, cô nói. “Anh không biết à? Đây đích thực là chốn tận cùng thế giới. Chúng ta sẽ vĩnh viễn ở lại đây.”

Tôi nằm xuống cỏ và nhìn lên trời. Bầu trời mà tôi nhìn lên được thì luôn luôn phủ mây. Sáng sớm nay trời mưa, cỏ còn ướt và lạnh, mặc dù vậy hương thơm ấm áp của đất vẫn tràn quanh tôi.

Có tiếng vỗ cánh – mấy con chim mùa đông bay lên từ bụi rậm và biến mất sau bức tường thành. Chỉ có chim mới vượt nổi tường thành. Mây dày nặng trĩu chẳng thấp, báo hiệu một mùa đông khắc nghiệt đã đợi trước cửa.

13. Chương 13

13

Frankfurt, Cửa,

Một Tổ Chức Độc Lập

Như mọi khi, trạng thái tỉnh táo quay lại và bắt đầu từ rìa ngoài của tầm nhìn. Trước tiên là cánh cửa nhà tắm phía rìa bên phải, sau đó đến chiếc đèn cây ở rìa bên trái ấn định chỗ của chúng trong ý thức của tôi đang dần dần tụ vào giữa như lớp băng phủ trên mặt hồ. Tâm điểm tầm nhìn là chiếc đồng hồ báo thức, kim chỉ 11 giờ 26. Chiếc đồng hồ báo thức này tôi được tặng khi đến dự một đám cưới. Để tắt chuông, người ta phải đồng thời bấm nút đỏ bên trái và nút đen bên phải, đó là cách duy nhất để chấm dứt chế độ báo thức – một cơ cấu độc đáo khá dễ tránh một hành động thường gặp là người ta còn lơ mơ ngủ và vươn tay tắt chuông để gà gât tiếp. Quả thật là nếu muốn ấn cùng lúc cả hai nút tôi phải nhồm dậy và đặt đồng hồ lên đùi, nghĩa là không tránh được chủ động tiến một, hai bước chân vào thế giới của sự tỉnh táo. Chiếc đồng hồ báo thức này, tôi nhắc lại lần nữa, người ta tặng tôi ở một đám cưới nào đó. Đám cưới ai thì tôi không nhớ nữa. Hồi đó tôi chưa đến ba mươi và còn bạn bè, cho dù cũng không nhiều, có khi đi dự mấy đám cưới liền trong năm, và vào một dịp nào đó tôi được tặng chiếc đồng hồ này. Tự nguyện thì chắc tôi chẳng bao giờ đi mua cái đồ nhiều như thế ấy, vì muốn tắt thì phải bấm hai nút cùng một lúc. Bình thường ra, tôi tỉnh dậy không mấy khó khăn.

Khi tầm nhìn của tôi bắt đầu quy tụ vào chiếc đồng hồ báo thức, tôi bất giác đặt nó lên đùi và ấn cả hai tay lên nút đỏ và nút đen. Làm xong tôi mới nhận thấy đồng hồ không đổ chuông. Tôi không nằm trên giường, vậy thì cũng không đặt báo thức, mà chỉ để nó ở bàn bếp như thỉnh thoảng vẫn làm. Tôi đã xáo dữ liệu. Không có lý do gì để phải đặt chuông báo thức.

Tôi đặt nó lên bàn và ngó quanh. Không có gì biến chuyển trong phòng. Các chấm đèn sáng đỏ cho thấy hệ thống báo động đang ở trạng thái bật, đầu kia mặt bàn là tách cà phê đã cạn. Trên đĩa lót mà cô thủ thư dùng làm gạt tàn còn cắm đầu mẩu của điếu cuối cùng cô hút trước khi ra đi. Một điếu Marlboro Light. Không dính son môi. Nếu tôi không nhầm thì cô không son phấn gì cả.

Sau đó tôi ngấm cuốn vở ghi chép và bút chì nằm ngay trước mặt. Trong năm cây bút chì độ cứng F vót nhọn thì hai bị gãy ngò, hai viết mòn vẹt, chỉ còn một cây vẫn nhọn như cũ. Ngón giữa tay phải hơi tê vì viết quá nhiều. Việc xáo dữ liệu đã hoàn tất. Mười sáu trang vở đặc kín những hàng số.

Theo đúng quy định, tôi đo số lượng dữ liệu với các cột số đã xáo và đốt danh mục ban đầu trong bồn rửa tay. Tôi nhét quyển sổ vào hộp an toàn rồi cất túi cùng máy ghi âm vào két sắt. Sau đó tôi ra ngồi ngoài sofa phòng khách và thở dài. Tôi đã xong nửa nhiệm vụ, và bây giờ tôi thiếu sẽ có cả một ngày rảnh.

Tôi rót hai đốt ngón tay whiskey vào cốc, nhắm mắt và uống thành hai hớp. Rượu trôi vào họng nóng cháy, qua thực quản xuống dạ dày. Rồi máu chuyển hơi nóng đi khắp cơ thể. Trước tiên nó làm nóng ngực và má lên, sau đó đến hai bàn tay và cuối cùng xuống chân. Tôi vào phòng tắm đánh răng, uống hai cốc nước và đi tiểu, sau đó tôi ra bếp vót nhọn bút chì và xếp chúng ngay ngắn cạnh nhau trên bàn. Tôi đặt đồng hồ báo thức vào đầu giường và tắt máy trả lời điện thoại. Đồng hồ chỉ 11 giờ 57. Ngày mai tôi không phải làm gì cả ngày. Tôi vội cởi quần áo, chui vào đồ ngủ, nằm lên giường, kéo chăn lên tận cằm và tắt đèn. Giờ thì được ngủ mười hai tiếng liền nhé, tôi nghĩ. Ngủ mười hai tiếng liền không bị quấy rầy. Kệ cho chim chóc

hót ca, ọi người lên tàu tới chỗ làm việc, ở một xó nào đó trên thế giới núi lửa phun trào, một đơn vị vũ trang Israel triệt hạ một làng ở Trung Đông – tôi cứ phải ngủ cái đã.

Sau đó tôi ngẫm nghĩ xem mình sẽ sống một cuộc đời như thế nào sau khi không làm toán sư nữa. Tôi đã tiết kiệm đủ tiền, cộng thêm lương hưu nữa là đủ sống một cuộc đời yên ổn. Tôi sẽ học tiếng Hy Lạp và học đàn vi ô lông xen. Tôi sẽ phóng ô tô lên núi, đặt chiếc đàn vi ô lông xen ở băng sau, và tha hồ tập đàn trên núi.

Nếu may mắn một chút thì thậm chí tôi có thể mua một ngôi nhà nho nhỏ trên núi. Một túp lều xinh xắn có bếp tử tế. Ở đó tôi sẽ đọc sách, nghe nhạc, xem các băng video cũ và nấu ăn. Nghĩ đến nấu ăn là tôi lại nhớ tới cô gái tóc dài ở quầy thông tin thư viện. Kể ra cũng hay nếu cô ta cùng ở đó, trong túp lều sơn cước của tôi. Tôi nấu, và cô ăn.

Trong khi nghĩ về bếp núc, tôi thiếp đi. Đột ngột như trời sập. Chiếc vi ô lông xen, túp lều, bếp – tất cả vỡ tung và tan biến vào hư không. Chỉ còn lại mình tôi, mê mết như chết.

Ai đó khoan một lỗ vào đầu tôi và lấy một cái que bằng giấy xoắn lại cứng ngắc thọc vào gáy lộn lên. Cái que giấy dài ngoằng thọc vào đầu tôi ngày càng sâu. Tôi vùng tay gạt nó đi nhưng chẳng được, nó ngoáy vào mỗi lúc một sâu hơn.

Tôi ngồi bật dậy và ép hai tay vào đầu, nhưng làm gì có que nào. Cũng không có lỗ. Chuông reo. Chuông reo liên tục. Tôi lần mò tìm đồng hồ báo thức, đặt nó lên đùi và ấn cả hai tay lên nút đỏ và nút vàng. Chuông vẫn tiếp tục reo. Chuông điện thoại. Đồng hồ chỉ 4 giờ 18 phút. Bên ngoài vẫn tối. 4 giờ 18 rạng sáng.

Tôi trèo khỏi giường, đi vào bếp và nhấc máy. Mỗi lần điện thoại réo chuông giữa đêm là tôi lại hạ quyết tâm trước khi đi ngủ sẽ đem nó vào phòng ngủ, vậy mà hôm nào cũng quên. Để rồi lại vấp ống đồng vào chân bàn hay bếp lò hay đầu đó.

“A lô?”, tôi nói.

Đầu dây bên kia lặng ngắt. Im lặng tuyệt đối, tựa như điện thoại nằm lấp dưới một đồng cát.

“A lô!!!”, tôi hét lên. Nhưng nó vẫn im lặng như một nắm mồ. Không có tiếng thở hay tiếng lệt xệt. Sự im lặng đặc sệt như muốn hút tôi vào trong ống nghe. Tôi tức mình đập máy xuống, đi lấy một cốc sữa ở tủ lạnh, nốc một hơi cạn rồi chui vào giường.

Hồi chuông tiếp theo vang lên lúc 4 giờ 46. Tôi lại leo khỏi giường, đi đúng đoạn đường lúc nãy và nhấc máy. “A lô?”, tôi nói.

“A lô”, một giọng phụ nữ. Tôi không nhận ra giọng ai. “Xin lỗi chuyện vừa rồi. Trường âm thanh bị nhiễu. Đôi khi mất hẳn âm thanh.”

“Mất hẳn âm thanh?”

“Vâng, đúng thế”, người phụ nữ nói. “Trường âm thanh vừa đột ngột bị nhiễu. Nhất định có chuyện gì xảy ra với ông tôi. A lô, ông có nghe tôi nói không?”

“Nghe rất rõ”, tôi nói. Cô cháu gái của ông già kỳ cục đã tặng tôi chiếc đầu lâu thú một sừng. Cô gái mồm mĩm trong bộ y phục màu hồng.

“Ông tôi không lên đây lần nào. Và đột nhiên trường âm thanh bị nhiễu. Nhất định có chuyện rồi. Tôi đã thử gọi ông tôi nhưng ông không bắt máy... Chắc chắn bọn ma đen đã tấn công ông, có trời mà biết chúng nó đã làm gì với ông tôi rồi!”

“Cô có chắc không? Có thể ông cô đang vui đầu vào nghiên cứu nên không lên. Chẳng phải là hôm vừa rồi ông để cô mất tiếng cả tuần mà không nhận ra đó sao? Ông cô thuộc kiểu người quên hết mọi thứ nếu đã chú tâm vào một chuyện gì.”

“Không, không, lần này khác. Tôi biết chứ. Ông tôi và tôi có linh cảm khi một trong hai người bị xảy ra chuyện gì. Và đã có chuyện xảy ra với ông tôi, một chuyện khủng khiếp. Ngoài ra rào âm thanh cũng bị xuyên thủng, chắc chắn là thế. Vì vậy trường âm thanh dưới đất cũng bị nhiễu.”

“Gì cơ?”

“Rào âm thanh. Đó là một thiết bị phóng ra tín hiệu đặc biệt để chặn bọn ma đen. Khi rào âm thanh bị vũ lực phá hỏng thì mức độ âm thanh ở đó bị mất kiểm soát. Bọn ma đen đã tấn công ông tôi, nhất định thế!”

“Để làm gì?”

“Ai cũng rình rập kết quả nghiên cứu của ông tôi, ma đen, ký hiệu sư, ai cũng thế. Bọn chúng cố cướp của ông tôi những thành quả đó. Bọn chúng đã đưa một đề nghị đổi chác, ông tôi từ chối và giận phát điên lên. Ông phải đến đây nhanh lên, tôi xin ông! Sẽ có chuyện rất tồi tệ, xin ông hãy giúp tôi với!”

Tôi chỉ tưởng tượng ra cảnh đối mặt với bọn ma đen lẫn quất ở đoạn đường âm u dưới đất mà đã thấy sờn gáy.

“Cô nghe này, tôi rất lấy làm tiếc, nhưng nghề của tôi là tính toán. Mọi công việc khác không có trong hợp đồng, và tôi cũng chẳng có thể làm nổi gì hơn. Tôi sẵn sàng giúp cô bất cứ việc gì và lúc nào, nhưng đánh lộn với bọn ma đen để giải cứu ông cô thì tôi không thể. Việc ấy là của cảnh sát hoặc lực lượng chuyên nghiệp của Hệ thống được đào tạo đặc biệt cho những trường hợp tương tự.”

“Cảnh sát thì không được. Vì như vậy tất cả sẽ bị lộ ra hết và hậu quả là một thảm họa. Công trình nghiên cứu của ông tôi mà lộ ra thì thế giới sẽ diệt vong.”

“Thế giới diệt vong?”

“Tôi xin ông!”, cô gái nói. “Ông đến đây càng nhanh càng tốt và hãy giúp tôi! Nếu không sẽ xảy ra những chuyện không sao cứu vãn nổi. Sau ông tôi thì sẽ đến lượt ông!”

“Có lý do gì để người ta theo đuổi tôi? Có thể cô biết đến công trình nghiên cứu của ông cô, chứ tôi thì hoàn toàn mù tịt.”

“Ông là chìa khóa. Không có chìa khóa thì không mở được cửa.”

“Tôi không hiểu cô định nói gì.”

“Tôi không có thì giờ giải thích cho ông qua điện thoại. Đây là vấn đề cực kỳ nghiêm trọng, ông hãy tin tôi. Quan trọng hơn ông có thể tưởng tượng ra nhiều. Quan trọng đối với ông. Nếu chúng ta không hành động khi còn hành động được thì tất cả sẽ quá muộn. Đó là sự thật, xin ông tin tôi!”

“Thôi được”, tôi nói và xem đồng hồ. “Bây giờ cô tìm cách rời khỏi nhà. Nếu những gì cô kể là đúng thì ở đó quá nguy hiểm.”

“Tôi phải đi đâu?”

Tôi đề nghị cô đến một siêu thị ở Aoyama mở cửa suốt 24/24 và tả đường đi. “Đợi tôi bên trong tiệm cà phê. Chậm nhất là năm rưỡi tôi có mặt.”

“Tôi sợ lắm. Có gì...”

m thanh lại mất. Tôi hét lên mấy lần vào ống nghe nhưng không nghe trả lời. Im lặng phả ra từ ống nghe như khối đầu nòng súng lục. Trường âm thanh bị nhiễu. Tôi cúp máy, nhanh chóng trút đồ ngủ, mặc áo thun và quần vải bông. Sau đó tôi vào nhà tắm, khăn trương cạo râu khô, vẩy nước lên mặt và vuốt tóc cho thẳng. Mặt tôi bì lên như cái bánh bao vì thiếu ngủ. Tôi chỉ muốn ngủ cho đã. Ngủ đầy giấc, khỏe khoắn và sống cuộc đời bình thường nhặt nhèo. Tại sao người ta không để tôi yên? Thú một sừng, ma đen – đáng gì đến tôi cơ chứ?

Tôi khoác một chiếc áo gió ra ngoài, đút ví, tiền lẻ và dao vào túi. Lượm lượm một lát, rồi tôi quần đầu lâu thú một sừng vào hai khăn tắm và nhét nó cùng kẹp gấp than vào một cái túi du lịch, ném tiếp vào đó cái hộp bảo hiểm đựng các dữ liệu đã xáo. Căn hộ này dĩ nhiên là không an toàn nữa rồi. Để mở cửa và kết sắt, dân chuyên nghiệp chỉ cần một thời gian bằng để hút một điều thuốc.

Tôi xỏ chân vào đôi giày tennis mới cọ rửa được một chiếc, vác túi du lịch đi khỏi nhà. Ngoài hành lang không có ai. Tôi bỏ thang máy, chạy bộ xuống. Trời còn chưa hửng, trong nhà im lặng như tờ. Dưới hầm để xe cũng vắng ngắt.

Có gì đó không ổn. Quá im lặng. Nếu người ta muốn rình chiếm cái đầu lâu đến thế thì ắt phải cử một người canh chừng ở đây chứ. Nhưng không có động tĩnh gì. Không một bóng người. Tựa hồ chúng đã quên tôi.

Tôi mở khóa ô tô, ném túi lên ghế phụ lái và mở máy. Sắp đến năm giờ, vừa cẩn trọng nhìn quanh tôi vừa đi khỏi nhà xe, về hướng Aoyama. Hầu như không có xe cộ trên đường ngoài những chiếc taxi hối hả đổi ca và xe tải chạy đêm. Thỉnh thoảng tôi quan sát kính chiếu hậu, nhưng không ai bám đuôi tôi.

Mọi việc suôn sẻ đến không ngờ. Tôi biết kiểu bọn ký hiệu sư hành sự. Nếu đã xác định được mục tiêu là chúng bám riết không cần nhìn phải trái. Nhờ một tay thợ đường ống khí đốt hậu đậu, không rình rập giám sát mục tiêu – không bao giờ chúng làm những việc nửa vời như thế. Ký hiệu sư luôn quyết định phương pháp chóng vánh nhất, chính xác nhất và thi hành không khoan nhượng. Cách đây hai năm, có lần chúng chụp được năm toán sư và lấy cửa máy cửa sập ra. Chúng lấy óc để lọc ra các dữ liệu còn mới. Công việc không thành, và rốt cuộc người ta tìm thấy năm xác đàn ông không óc và không nắp hộp sọ trôi lềnh bềnh ngoài vịnh Tokyo. Bọn ký hiệu sư làm việc như thế đấy.

Khi tôi đỗ xe tại bãi đỗ của siêu thị thì đồng hồ chỉ 5 giờ 28, sát giờ hẹn. Trời Tokyo đã hửng lên một chút. Tôi xách túi du lịch vào siêu thị. Trong phòng bán hàng mênh mông hầu như không thấy ai, một nhân viên mặc đồ kẻ sọc ngồi ở quầy thu ngân và đọc tờ tuần san đang bày bán. Một phụ nữ khó đoán tuổi và nghề nghiệp đẩy xe chất cao ngất đồ hộp và thực phẩm ăn liền dọc lối đi. Qua khu bán rượu tôi rẽ vào tiệm cà phê.

Mười hai chiếc ghế đứng trợ trợ trước quầy bar. Tôi ngồi lên ghế cuối dãy, gọi sữa lạnh và bánh kẹp. Sữa lạnh đến nỗi không cảm thấy vị gì, còn bánh kẹp thuộc loại làm sẵn hàng loạt hàn vào nylon, ướt át và dai ngoách. Tôi ăn thật chậm, nhai kỹ từng miếng và chiêu theo từng ngụm sữa nhỏ. Tôi giết thì giờ một hồi lâu bằng cách ngắm nhìn tấm áp phích quảng cáo cho du lịch Frankfurt. Tranh tả mùa thu, cây cối và bụi rậm ven sông nhuộm đỏ, một ông già mặc măng tô đen đội mũ len cho thiên nga ăn cạnh mép nước. Một chiếc cầu đá cổ tuyệt đẹp, ở hậu cảnh là tháp chuông của nhà thờ xứ vút cao. Nhiều người ngồi trên ghế băng cạnh sông, ai cũng mặc măng tô, phụ nữ quàng khăn kín cổ. Một bức tranh đẹp, nhưng chỉ nhìn đã thấy ớn lạnh. Có thể một phần vì hình như mùa thu ở Frankfurt rất lạnh, nhưng tôi luôn luôn ớn lạnh khi ngắm những tháp chuông cao nhọn hoắt.

Sau đó tôi xem tranh quảng cáo thuốc lá treo ở bức tường đối diện. Một người đàn ông mặt mày nhẵn nhụi, ngón tay kẹp điếu thuốc đang cháy, ngó chéo ra trước về hướng xa xăm. Không hiểu những người mẫu quảng cáo thuốc lá làm sao có được ánh mắt không-nhìn-gì-không-nghĩ-gì ấy?

Tôi ngắm những tranh khác nhau trong siêu thị theo kiểu ấy cho đến sáu giờ. Cháu ông giáo sư vẫn không xuất hiện. Tôi không hiểu tại sao cô ta trễ giờ đến mức ấy. Chẳng gì thì chính cô là người hối thúc tôi đến càng sớm càng tốt. Song đây không phải là một câu hỏi để trả lời bằng lý trí. Tôi đã đến sớm như có thể. Mọi việc còn lại là vấn đề của cô ta. Một vấn đề mà nói cho cùng thì chẳng liên quan gì đến tôi cả.

Tôi gọi một tách cà phê, uống chậm rãi, không pha thêm sữa và đường.

Sau sáu giờ lượng khách hàng dần dần đông lên. Các bà nội trợ mua bánh mì và sữa cho bữa sáng, sinh viên thức đêm học bài kiểm đồ điểm tâm, một cô gái trẻ mua giấy vệ sinh, một nhân viên văn phòng lấy ba tờ báo, hai ông trung niên khoác túi đồ đánh golf mua nhiều chai rượu dẹt con con.

Tôi đợi đến sáu rưỡi, nhưng cô bé vẫn mất tăm. Tôi rời siêu thị, lên xe đi về ga Shinjuku. Tôi đỗ xe dưới hầm, ra quầy giữ hành lý để gửi cái túi du lịch. Tôi dặn họ cẩn thận vì trong túi có thứ dễ vỡ; nhân viên ở quầy gắn một miếng bìa nhỏ màu đỏ in hình ly rượu và chữ ĐỂ VỠ. Tôi đợi xem cái túi xanh hiệu Nike được đặt nghiêm chỉnh lên giá và nhận phiếu gửi hàng. Sau đó tôi ra ki-ốt mua một chiếc phong bì và tem loại 2650 yên, cho phiếu gửi hàng vào dán lại và dán tem, đề địa chỉ hòm thư mang danh một công ty trá hình do tôi đặt ra và ném vào thùng thư. Như vậy là hiện tại các thứ trong túi đã được an toàn, trừ phi có điều gì cực kỳ bất thường xảy ra. Thỉnh thoảng tôi vẫn sử dụng biện pháp an ninh này.

Ném thư vào thùng bưu điện xong, tôi đánh xe về nhà. Người tôi nhẹ hẫng đi khi biết là không còn gì nữa để bị mất cắp. Tôi đỗ xe dưới hầm xe, đi thang bộ lên nhà, tắm, đi lên giường và ngủ thiếp đi như không có chuyện gì xảy ra.

Bọn chúng đến lúc mười một giờ. Tôi không ngạc nhiên lắm, vì sau những sự kiện đã xảy ra thì tôi nghĩ bụng là đã đến lúc ai đó xuất đầu lộ diện. Nhưng người ấy không bấm chuông, mà xô cửa xông vào nhà. Và cái kiểu xông vào ấy thực ra không thể gọi là xô cửa thông thường: sàn nhà rung lên như động đất hoặc như có chiếc xe lu đâm vào cửa. Kinh khủng quá. Ai có nhiều sức như vậy, người ấy hoàn toàn có thể lột chìa khóa vạn năng từ tay quản lý nhà, và cũng đỡ hẳn cho tôi chi phí sửa cửa. Và tiếng ầm này có lẽ sẽ là lý do khiến người ta cắt hợp đồng thuê nhà.

Trong khi người kia đang đập bung cửa ra, tôi mặc quần và áo thun vào, giấu dao vào thắt lưng và đi giày. Để phòng xa, tôi mở két sắt, bật chế độ tự hủy ở máy ghi âm. Lúc cuộn băng đã bị phá xong, tôi lấy trong tủ lạnh ra một lon bia và tô salad khoai tây thay bữa trưa. Từ bao giờ có một cầu thang cứu hỏa dẫn xuống dưới, tôi hoàn toàn có thể chạy trốn được, nhưng tôi quá mệt mỏi và thấy chạy trốn là việc quá nhọc nhằn. Mà có trốn cũng không giải quyết được vấn đề nào trong những vấn đề mà tôi đang phải đối đầu. Tôi đang đối đầu với những vấn đề cực kỳ phiền toái – hay nói đúng hơn là bị lôi vào những vấn đề ấy – đó là những khó khăn mà tôi không tự lực giải quyết được. Tôi cần ai đó để bàn luận nghiêm chỉnh.

Tôi đã đến phòng thí nghiệm dưới đất của một nhà khoa học do ông ta yêu cầu xử lý dữ liệu ở đó. Nhân dịp này, tôi được tặng một cái đầu lâu động vật, hình như của thú một sừng, và đem về nhà. Không lâu sau, một thợ khí đốt được ký hiệu sự mua chuộc toan ăn cắp nó. Sáng hôm sau, tôi nhận điện thoại của cháu gái người giao việc, báo cho biết là ông cô bị bọn ma đen tấn công và cô cần tôi trợ giúp. Tôi vội đến điểm hẹn đã thống nhất, nhưng cô gái không xuất hiện. Rõ ràng tôi đang sở hữu hai thứ giá trị. Thứ nhất là chiếc đầu lâu. Thứ hai là các con số đã xáo trộn. Cả hai đã được tôi gửi vào quầy giữ hành lý ở ga Shinjuku.

Phi lý nối tiếp phi lý. Tôi cần có một lời khuyên, từ ai cũng được. Không thì tôi sẽ chạy trốn suốt đời với cái đầu lâu cặp nách mà không rõ thực hư ra sao.

Tôi uống xong bia, ăn hết salad khoai tây và nghỉ được một giây thì đúng lúc cánh cửa sắt đổ vào trong như tiếng bom, và một gã hộ pháp – như tôi cả đời chưa hề thấy – tiến vào. Hắn vận một chiếc sơ mi chim cò sặc sỡ, quần nhà binh màu ka ki vấy dầu mỡ, và giày tennis to như chân nhái của thợ lặn. Tóc hắn húi ngắn, mũi bự thịt, và cổ chắc nịch như cổ trâu. Mí mắt hắn nặng nề xám xịt như chì đúc, cặp mắt lơ đãng ngái ngủ lóe trắng khó chịu, trông tưởng như mắt giả nhưng nhìn kỹ thì thấy lòng đen đôi khi thoáng xê dịch, vậy đích thị là mắt thật. Hắn phải cao đến một thước chín nhăm, vai rộng, sơ mi chim cò to bằng nửa tấm khăn trải giường kéo căng trên ngực, hàng khuy lúc nào cũng chực đứt tung ra.

Hộ pháp thoáng nhìn cánh cửa vừa bị hắn phá hủy, như tôi ngấm nút chai vang vừa bật ra, rồi tiến lại. Đường như không có cảm xúc gì sâu xa hơn khi ra trước mặt tôi, hắn nhìn tôi như cái bàn cái ghế trong nhà. Và tôi cũng ước gì được là cái bàn cái ghế.

Khi tên hộ pháp tránh qua bên, tôi nhìn thấy một thân hình nhỏ thó. Gã này nhất định dưới một thước rưỡi, gầy gò, nét mặt cân đối. Gã mang áo thun xanh hiệu Lacoste, quần lanh màu be và giày da nâu nhạt. Có lẽ gã mua mấy thứ này ở cửa hàng cao cấp cho con nít. Cổ tay gã lẩy lánh chiếc đồng hồ Rolex vàng, trông to quá khổ như máy bộ đàm trong những phim khoa học viễn tưởng kiểu Star Trek. Làm gì có Rolex cho trẻ con! Gã trông trên dưới bốn chục. Nếu cao thêm độ hai chục phân nữa thì gã có đáng đắp một diễn viên truyền hình hạng hai rồi.

Hộ pháp không bận tâm cởi giày mà sầm sầm vào bếp, đi quanh bàn và kéo chiếc ghế đầu đối diện tôi ra, lập tức gã còi lảng đàng tiến lại ngồi. Hộ pháp dựa vào bồn rửa bát, khoanh đôi tay lực lưỡng như đùi người thường trước ngực và găm ánh mắt lì lợm vào lưng tôi, đoạn ngang eo. Lẽ ra tôi nên trốn qua thang cứu hỏa thì hơn. Khả năng dự đoán của tôi thế là hỏng rồi, không hiểu có cửa hiệu nào chữa được không.

Còn không nhìn thẳng vào mặt tôi và cũng không chào hỏi gì cả. Gã rút một bao thuốc và bật lửa trong túi ra, đặt lên bàn. Thuốc Benson & Hedges, bật lửa vàng Dupont. Quy định hạn chế nhập khẩu chắc là do nước ngoài bịa ra thôi. Gã kẹp bật lửa vào hai ngón tay và xoay đi lộn lại rất khéo. Một màn xiếc, diễn tại gia, mặc dù tất nhiên tôi không nhớ đã mời đoàn xiếc nào về nhà.

Tôi sờ tay lên nóc tủ lạnh tìm gạt tàn Budweiser của một hiệu đồ uống tặng kỷ niệm, lấy tay chùi bụi và đặt trước mặt Còi. Gã châm một điếu, bật lửa xạch một tiếng gọn êm tai, nheo mắt thổi khói ra. Cái dáng nhỏ thó của gã đàn ông này thật đáng chú ý. Khuôn mặt, cánh tay, bàn tay và chân gã, tất cả đều nhỏ một cách cân đối về tỷ lệ. Một thân hình như được thu nhỏ đều trên máy photocopy. So với khổ người ấy, điều

Benson & Hedges trông dài như cây bút chì chưa gọt.

Không nói một câu, Còi chăm chăm nhìn xuống điểm cháy của điều thuốc. Có lẽ nên gọi đây là phim của Luc Godard với phụ đề Gã nhìn chăm chăm điều thuốc cháy, nhưng phim của Luc Godard đã lâu không còn tính thời thượng nữa – bất kể thế là may hay không may. Khi tàn thuốc đủ dài, gã gẩy cho rơi xuống bàn, không thèm nhận ra chiếc gạt tàn nằm đó.

“Phá cửa là việc cần thiết”, Còi cất giọng cao và đanh. “Vì vậy chúng tôi đã phá cửa. Dĩ nhiên chúng tôi có thể dễ dàng mở khóa, nhưng đơn giản đó là việc chẳng đúng. Không nên để bụng trách chúng tôi làm gì.”

“Tôi không có gì trong nhà cả. Các anh có thể lục soát mọi chỗ”, tôi nói.

“Lục soát?”, Còi làm bộ sững sốt. “Lục soát?” Điều thuốc trên môi, gã gãi sồn sột vào lòng bàn tay. “Chúng tôi lục soát gì mới được chứ?”

“Tôi cũng không biết, nhưng nếu không thì các anh tới đây làm gì? Và phá cửa làm gì?”

“Tôi tuyệt đối không nắm được ý anh”, gã đàn ông nói. “Anh hiểu sai hết cả. Chúng tôi không muốn gì hết. Ngoài chuyện trò với anh. Thế thôi. Chúng tôi không tìm gì, không muốn gì. Nhưng một ngụm Coca thì cũng không chối. Anh có Coca đó không?”

Tôi mở tủ lạnh, lấy hai lon đã mua để pha whiskey ra, đặt xuống bàn cùng hai cốc thủy tinh. Sau đó tôi lấy ỉnh một lon bia Ebisu.

“Anh kia chắc cũng muốn uống chút gì”, tôi nói và chỉ vào Hộ pháp sau lưng mình.

Còi ngoắc tay ra hiệu cho Hộ pháp, hắn ta lập tức lướt tới không một tiếng động và cầm một lon Coca trên bàn. So với thân hình khổng lồ thì hắn di chuyển quá ư nhanh nhẹn.

“Uống đi, xong thì cho xem mục biểu diễn nghệ thuật”, Còi nói với Hộ pháp. “Tiết mục nhỏ ngoài lề thôi”, gã nói với tôi.

Tôi xoay lại xem Hộ pháp làm đúng một ngụm hết lon. Để chắc chắn không còn đọng lại một giọt nào, hắn lật úp lon, sau đó kẹp ngang giữa hai lòng bàn tay mà ấn, không đổi nét mặt. Phạch một tiếng như tờ báo bị gió thổi bay lên, và cái lon đỏ giờ chỉ còn là một đồng xèng bẹp dí.

“Thế thì ai cũng làm được thôi”, Còi nói. Ai cũng làm được. Có thể ai đó, chứ tôi thì nhất định không.

Hộ pháp nhón đầu ngón tay cầm đồng xèng và xé thành hai nửa gọn ghẽ. Lần này thì khóe miệng hắn hơi nháy, tuy rất ít. Tôi đã có lần chứng kiến một người xé cuốn danh bạ điện thoại, nhưng xé lon Coca? Tôi chưa thử bao giờ, song chắc không đơn giản.

“Anh ta còn bẻ cong được cả đồng xu 100 yên. Ít người làm được lắm”, Còi nói.

Tôi gật đầu. Không nghi ngờ gì.

“Và vật đứt cả tai nữa.”

Tôi gật đầu. Không nghi ngờ gì.

“Cho đến cách đây ba năm, anh ta là dân đầu vật chuyên nghiệp”, Còi nói. “Khá xuất sắc là đằng khác. Trẻ, khỏe và nhanh hơn người ngoài tưởng. Nhưng đầu gối như thế thì chịu bó tay. Đầu vật chuyên nghiệp cần tốc độ cao.”

Đúng là nhìn bề ngoài không đoán được thật; tôi vội gật đầu.

“Từ đó trở đi tôi chăm sóc anh ta, chẳng gì thì cũng là anh em họ với nhau.”

“Hình như trong gia đình anh không có người tâm thước bình thường?”, tôi nói.

“Gì cơ?”, Còi hỏi, trừng trừng nhìn tôi.

“Không, không có gì”, tôi nói.

Dường như Còi lưỡng lự một thoáng không biết nên làm gì, sau đó gã vứt điều thuốc xuống đất và đi cho tắt. Tôi quyết tâm không phê phán gì nữa.

“Anh phải thanh thản nữa đi, thanh thản nữa. Hãy mở trái tim mình, hãy phóng túng. Không thì không thể chuyện trò cởi mở được”, Còi nói.

“Tôi có được phép lấy một lon bia nữa trong tủ lạnh không?”

“Dĩ nhiên rồi, cứ tự nhiên. Đây là nhà anh cơ mà, tủ lạnh của anh, bia của anh.”

“Và cửa của tôi”, tôi nói.

“Quên cái cửa đi. Nó thảm hại lắm, đúng là đồ rẻ tiền. Anh kiếm tiền khá lắm cơ mà, hãy chuyển đến nhà nào có cửa tử tế hơn.”

Tôi bỏ chuyện cửa, lấy một lon bia nữa trong tủ lạnh ra uống.

“Chúng tôi không thích để anh phải phỏng đoán lâu la, vì vậy tôi nói luôn: chúng tôi đến đây để giúp anh.”

“Bằng cách phá tan cửa nhà tôi?”

“Tôi đã nói đừng ai nhắc tôi nhớ đến chuyện cửa rả ầy đi chưa nhỉ?”, Còi bình thản nói. Và nhắc lại câu nói đó một lần nữa về phía Hộ pháp. Hắn gật đầu xác nhận. Có lẽ Còi thuộc dạng người dễ lên cơn cuồng nộ. Tôi ưa tránh những kẻ như thế.

“Chúng tôi đến đây hoàn toàn vì từ tâm”, Còi nói. “Anh đang rối trí do đó chúng tôi có mặt để giúp anh một chút. Hay là, nếu anh không ưa chữ điên đảo: anh đang vào ngõ cụt. Đúng không?”

“Đúng. Tôi đang rối trí, và tôi đang vào ngõ cụt”, tôi nói. “Tôi không có thông tin nào hết, không hiểu chuyện gì xảy ra, lại còn không có cửa nữa.”

Còi vớ chiếc bật lửa vàng và ném nó vào cửa tủ lạnh, nhưng không nhóm dậy. Một tiếng động trầm đục đầy đe dọa vang lên, và cửa tủ lạnh có một vết lõm sâu. Hộ pháp nhặt bật lửa lên và đưa lại cho chủ nhân. Mọi sự lại như cũ, trừ vết lõm trên cửa tủ lạnh. Để trấn tĩnh, Còi uống cạn lon Coca. Gặp những người dễ thịnh nộ, tôi hay bị nổi hứng muốn thử xem họ kiên nhẫn được đến đâu.

“Anh lầm nhầm gì mãi về cái cửa khốn nạn ấy? Hãy nghĩ xem tình cảnh hiện tại của anh ra sao. Tôi chưa cho nổ tung cả cái nhà này lên là may đấy. Cấm anh đã động lần nữa đến cái cửa, rõ chưa!”

Vấn đề ở đây không phải là cánh cửa rẻ tiền hay đắt. Cửa chỉ là một biểu tượng.

“Tôi không nói gì đến cánh cửa nữa, nhưng vì vụ này mà có lẽ tôi sẽ bị tổng khởi đây. Ở nhà này toàn những người lịch thiệp và tử tế”, tôi nói.

“Nếu có ai kêu ca gì hoặc định đuổi anh ra thì gọi điện ngay cho tôi. Tôi sẽ cho người bịt mõm nó ngay. Được chưa? Chúng tôi không muốn anh gặp chuyện bực mình.”

Thế thì càng lảm chuyện bực mình hơn, tôi nghĩ, nhưng không muốn chọc tức gã thêm, vì vậy tôi chỉ gạt đầu và uống một ngụm bia.

“Chúng tôi tuy không được hỏi nhưng vẫn muốn cho anh một lời khuyên: qua cái tuổi ba lăm rồi thì nên bỏ uống bia đi”, Còi nói. “Bia chỉ là thứ đồ uống cho sinh viên và thợ nề thôi. Uống bia chỉ tổ làm to bụng, và không ra phong thái gì.”

Tôi gạt và uống. Bia của tao thì động gì đến mày! Để được uống bia xả lảng, tôi thường xuyên đi bơi và chạy thể thao nữa.

“Nhưng mà tôi phê phán người khác làm gì”, Còi nói. “Mỗi người có mặt yếu của mình. Tôi thì hút thuốc và ăn đồ ngọt. Và chính đồ ngọt mới lảm chuyện. Làm hư răng, có thể sinh ra chứng tiểu đường.”

Tôi gạt đầu. Chí lý lắm.

Còi đưa mắt xuống nhìn chiếc Rolex. “Mà thôi”, gã nói. “Tôi không rảnh lắm, ta ngừng tán gẫu được rồi. Bây giờ anh đã thấy thoải mái hơn chút nào chưa?”

“Một chút”, tôi nói.

“Tốt, vậy thì vào chuyện”, Còi nói. “Mục đích tôi đến thăm hôm nay, như đã nói, là để giúp anh một chút. Nếu anh có điều gì không biết thì cứ hỏi, hỏi gì cũng được. Tôi sẽ trả lời nếu có thể.” Gã khoát tay mời mọc. “Xin mời!”

“Trước tiên tôi muốn biết các anh là ai, và các anh đã biết chuyện này đến đâu?”, tôi nói.

“Câu hỏi được đấy chứ”, Còi nói và ngó sang Hộ pháp tìm sự đồng tình, và sau khi thấy hắn gật đầu liền quay lại với tôi. “Anh là một người nhanh trí. Đừng nói lòng vòng làm gì.” Lần này gã dùng gạt tàn. “Hãy nhìn sự việc như sau: tôi ở đây để giúp anh. Chúng tôi thuộc tổ chức nào thì không quan trọng. Thứ hai: chuyện này chúng tôi biết khá tường tận. Chúng tôi biết có ông giáo sư, có cái đầu lâu, có các dữ kiện xáo trộn, nói chung gần như biết hết. Ngoài ra chúng tôi còn biết những chuyện mà anh không biết. Nào, hỏi câu tiếp theo!”

“Các anh đã dứt tiền cho tay thợ khí đốt chiều hôm qua để hắn ăn trộm cái đầu lâu?”

“Câu hỏi này tôi vừa trả lời ban nãy”, gã nói. “Chúng tôi không muốn đầu lâu. Chúng tôi không muốn gì cả.”

“Vậy thì ai dứt tiền cho tay thợ? Hay là tôi hư cấu ra hẳn?”

“Chúng tôi không biết”, Còi nói. “Chúng tôi cũng không biết nhiều thứ khác. Ta quay lại với các thí nghiệm của ông giáo sư. Chúng tôi biết mọi chi tiết của công trình nghiên cứu, chỉ không biết mục đích là gì. Đó là cái chúng tôi muốn biết.”

“Tôi cũng chẳng biết”, tôi nói. “Mà lại còn bị bao nhiêu bức mình vì việc này.”

“Chúng tôi biết rồi. Biết cả là anh chẳng biết gì. Anh chỉ là một công cụ thôi.”

“Thế thì tại sao các anh đến đây? Để làm gì?”

“Để chào anh thôi”, Còi nói và gõ bật lửa vào cạnh bàn. “Chúng tôi tin rằng nếu anh quen chúng tôi thì hơn. Nếu chúng ta cân bằng tri thức và quan điểm của nhau thì nhiều chuyện sẽ đơn giản hơn.”

“Cho phép tôi thả trí tưởng tượng bay bổng một chút nhé?”

“Cứ việc. Trí tưởng tượng tự do như chim trời và rộng như biển cả. Ai ngăn nó được?”

“Các anh không phải người của Hệ thống, cũng không phải phe Nhà máy. Người của cả hai tổ chức đều không hành xử như các anh. Có lẽ các anh là một tổ chức nhỏ độc lập đang kiểm thị phần mới. Tôi đoán đó là thị phần mà các anh muốn giành của Nhà máy.”

“Thấy chưa, tôi nói rồi mà”, Còi quay sang ông em họ Hộ pháp. “Một người nhanh trí!”

Hộ pháp gật đầu.

“Nhanh trí đến nỗi người ngoài phải ngạc nhiên tại sao anh sống trong cái túp lều thảm hại này. Nhanh trí đến nỗi người ngoài phải ngạc nhiên tại sao vợ anh bỏ đi”, Còi nói. “Đã lâu lắm tôi không được khen ngợi nhiều như vậy. Mặt tôi đỏ ửng.”

“Phỏng đoán của anh chủ yếu là đúng”, gã nói tiếp. “Với kết quả nghiên cứu của giáo sư chúng tôi sẽ thành một thế lực lớn trong cuộc chiến thông tin. Chúng tôi đã chuẩn bị bước đó và đầu tư đúng mức. Bây giờ thì chúng tôi muốn thu nạp anh và các kết quả nghiên cứu. Được như vậy chúng tôi sẽ đồng thời đục ruỗng cơ sở của Hệ thống và Nhà máy. Đó là mặt hấp dẫn của chiến tranh thông tin: rất dân chủ. Ai có trong tay hệ thống mới nhất và tốt nhất, người đó sẽ thắng. Và thắng toàn diện. Sức mạnh không đóng vai trò gì cả. Người nào nhanh trí sẽ thắng.”

“Tôi không quan tâm điều đó”, tôi nói. “Những người như tôi là bánh răng nhỏ trong guồng máy, chỉ biết gò lưng kéo cày. Tôi chỉ nghĩ đến công việc mà thôi. Nếu các anh đến đây để kéo tôi về...”

“Anh không hiểu”, Còi chặc lưỡi đầy vẻ trách móc. “Chúng tôi không có ý định lôi kéo anh về phía chúng tôi. Tôi nói rồi, chúng tôi muốn thu nạp anh. Câu hỏi tiếp theo!”

“Ma đen là ai?”

“Ma đen sống trong lòng đất, trong các hầm tàu điện ngầm và hệ thống cống ngầm. Chúng ngốn các căn bã của thành phố, uống nước thải. Ít khi chúng chạm trán với người. Vì vậy không mấy ai biết đến sự tồn tại của ma đen. Nhìn chung thì chúng không làm gì hại đến người, trừ phi có ai đó một mình lạc lối trong lòng đất. Người đó sẽ bị ma đen bắt và ăn thịt. Ở công trường xây tàu điện ngầm đôi khi vẫn thấy một công nhân mất tích, phải không?”

“Chính phủ không biết gì về chuyện này sao?”

“Tất nhiên có biết. Nhà nước cũng không ngu đến thế đâu. Họ biết cả đấy, hay ít nhất là một số nhân vật cao cấp trong số họ.”

“Tại sao người ta không cảnh báo cho người dân biết, hoặc tổ chức săn đuổi chúng?”

“Thứ nhất là”, gã nói, “báo ra một tin như thế chỉ gây hoảng loạn. Anh không tin thế sao? Mọi người sẽ lo sợ khi biết dưới chân mình lúc nhúc những sinh thể bí hiểm nào đó. Thứ hai: không diệt tận gốc chúng được. Ngay cả khi điều toàn bộ Lực lượng Phòng vệ xuống lòng đất Tokyo cũng không diệt được toàn bộ bọn ma đen, trong màn đêm dưới đó chúng chơi trên sàn nhà. Không thể tránh nổ ra chiến tranh. Và cũng phải suy tính một điểm nữa: bọn ma đen có mạng lưới rộng ngay dưới lầu đài của Thiên hoàng. Nếu có sự cố gì, đêm đến chúng sẽ đào hầm chui lên và lôi tất cả những ai trên đó xuống. Nước Nhật sẽ chìm trong hỗn mang. Anh không tin thế sao? Vì vậy chính phủ không muốn động đến bọn ma đen. Ngược lại thì ai đồng minh với ma đen sẽ có quyền lực vô biên. Bất cứ đảo chính hay một trận ác chiến, ai cùng phe với ma đen sẽ đảm bảo không thiệt thòi. Thậm chí ma đen còn sống sót qua chiến tranh nguyên tử. Tuy nhiên, hiện tại không có ai đồng minh với ma đen, vì chúng cực kỳ đa nghi, bình thường chúng tuyệt đối tránh va chạm với người.”

“Nhưng tôi lại nghe nói rằng ký hiệu sư đã bắt tay với ma đen?”, tôi nói.

“Đúng là có tin đồn như vậy. Nhưng nếu có thật thì cũng chỉ đúng với một bộ phận ma đen có lý do gì đó để tạm thời bắt tay với ký hiệu sư. Không đáng để tâm. Về lâu dài, không thể có chuyện ma đen và ký hiệu sư đồng minh với nhau. Tôi không nghĩ là ta phải bận lòng chuyện này.”

“Nhưng ông giáo sư đã bị ma đen bắt cóc!”

“Chuyện ấy cũng đã đến tai tôi. Nhưng chúng tôi không biết cụ thể hơn. Cũng phải tính đến khả năng ông giáo sư bày trò này để ngụy trang. Ba, bốn phe cánh giành một miếng mồi, có trời biết họ còn dùng mẹo gì.”

“Ông giáo sư đã làm gì?”

“Ông ấy tiến hành một dự án cực kỳ đặc biệt”, gã Còi nói trong khi ngấm cái bật lửa từ mọi góc cạnh. “Làm độc lập, không cùng Hệ thống, cũng không cùng Nhà máy. Các ký hiệu sư luôn luôn tìm mọi cách đoạt thế vượt trội trên các toán sư, còn toán sư thì tìm cách hắt cẳng ký hiệu sư. Ông giáo sư chọn đúng khe hở giữa hai phe để tiến hành một công trình nghiên cứu có thể khuynh đảo cả thế giới. Giờ thì ông ta cần anh. Không cần người toán sư trong anh, mà chính anh, chính con người anh.”

“Con người tôi”, tôi thất kinh hỏi. “Ông ta cần gì ở tôi? Tôi không có khả năng gì xuất chúng, tôi chỉ là một người hoàn toàn bình thường. Có lý do gì để chính tôi lại là người góp phần làm khuynh đảo thế giới?”

“Đó cũng là cái chúng tôi muốn biết”, Còi nói và quay đảo chiếc bật lửa giữa các ngón tay. “Chúng tôi có linh cảm, nhưng không biết gì rõ rệt. Chỉ biết anh là nhân vật trung tâm trong các nghiên cứu của giáo sư. Ông ấy đã làm việc này từ lâu, phần chuẩn bị đã hoàn tất và bây giờ đang đi vào giai đoạn chót. Mà anh thì không biết gì.”

“Và khi giai đoạn chót chấm dứt thì các anh sẽ thu nạp tôi và các kết quả, đúng không?”

“Đúng vậy”, Còi nói. “Nhưng trời đang kéo mây đen. Nhà máy nghe phong thanh vụ này và đã lao vào cuộc. Bắt buộc chúng tôi cũng phải vào cuộc. Quả là không hay lắm.”

“Hệ thống có biết gì không?”

“Không. Chắc là chưa nghĩ thấy gì. Mặc dù họ theo dõi công việc của ông giáo sư chặt chẽ gấp đôi.”

“Ông giáo sư là một người như thế nào?”

“Ông ấy đã làm việc mấy năm cho Hệ thống. Tuy nhiên không làm thuê như anh, mà ở bộ phận nghiên cứu trung tâm. Lĩnh vực chuyên môn của ông ấy là...”

“Làm cho Hệ thống?”, tôi kêu lên. Sự việc ngày càng rối rắm thêm. Còn tôi, người đứng giữa mọi mối quan tâm, lại là người duy nhất không biết gì.

“Đúng như thế. Ngày trước ông giáo sư là một dạng đồng nghiệp của anh đấy”, Còi nói, “nếu hiểu theo nghĩa là cả hai cùng làm ột tổ chức, chứ chắc là hai người chưa hề gặp nhau. Tổ chức này có chi nhánh rất rộng và phức hợp, thêm vào đó lại chú trọng công tác giữ bí mật như một đức tin vậy, do đó chỉ có một nhóm chuyên viên biết chuyện gì đang xảy ra ở đâu và như thế nào. Tóm lại là tay phải không rõ tay trái làm gì, và mắt phải nhìn các hình khác mắt trái. Quy tụ lại một điểm là đơn giản có quá nhiều thông tin để có thể xử lý được hết. Các kỹ hiệu sư tìm cách ăn cắp dữ liệu, và các toán sư tìm cách bảo vệ dữ liệu. Cả hai tổ chức ngày càng phát triển, nhưng cả hai đều không làm chủ được dòng lũ dữ kiện.

Vậy là ông giáo sư tìm một đường khác. Ông bỏ việc ở chỗ Hệ thống và chỉ nghiên cứu công trình riêng của mình. Ông ấy cực kỳ đa năng. Sinh lý học não bộ, sinh học, tâm lý học, diện mạo học - ở bất cứ lĩnh vực nào liên quan đến tâm thần và ý thức hệ con người, ông đều chiếm vị trí đỉnh cao. Một nhà khoa học thiên tài với tầm cỡ các vĩ nhân thời Phục hưng. Rất hiếm hoi trong thời buổi này.”

Tôi nóng bừng mặt mũi khi nhớ lại đã giảng giải cho ông ta về rửa số và xáo trộn dữ liệu.

“Người ta hoàn toàn được phép cả quyết rằng sự phát triển các phương pháp tính được toán sư ứng dụng hôm nay phần lớn là công lao của giáo sư. Nói cách khác, các anh là đàn kiến cần mẫn được người ta cấy vào óc các phương pháp của giáo sư nghĩ ra”, Còi nói. “Hay anh nghĩ hình ảnh đó quá rẻ rung?”

“Không, hoàn toàn không”, tôi nói.

“Vậy là ông giáo sư rút lui, và ngay lập tức giới ký hiệu sư tung lời mời mọc. Kỳ thực phần lớn toán sư bỏ nghề đều đầu quân cho Nhà máy. Nhưng giáo sư từ chối. Ông nói là chỉ mình ông theo đuổi được các công trình nghiên cứu này. Hành động, cùng một lúc ông biến giới toán sư và ký hiệu sư thành kẻ thù. Đối với các toán sư, ông là người biết quá nhiều, còn đối với giới ký hiệu sư thì ông là người của phe kia. Đối với bọn này, ai không là bạn thì là thù. Ông ta ý thức được chuyện đó, vì vậy ông lập phòng thí nghiệm ngay gần một ổ ma đen. Anh đã đến đó, đúng không?”

Tôi gật đầu.

“Một nước cờ cao. Không ai lại gần phòng thí nghiệm được. Quanh đó lúc nhúc đầy những ma đen, và cả toán sư lẫn ký hiệu sư đều yếu thế. Khi vào phòng thí nghiệm và khi rời khỏi đó, giáo sư bật các sóng âm mà lũ ma đen rất sợ. Chúng rút lui ngay. Giáo sư tiến qua khoảng trống như nhà tiên tri Moses đi qua biển: một thành trì được bảo vệ hoàn hảo. Ngoài cô cháu gái của giáo sư, hình như anh là người duy nhất từng có mặt trong phòng thí nghiệm. Chứng tỏ anh là người quan trọng. Chắc chắn giáo sư sắp chạm tay đến giải pháp; ông gọi anh đến để hoàn tất bước cuối cùng trong công trình nghiên cứu của mình.”

Thật choáng. Từ ngày cha sinh mẹ đẻ chưa ai gán cho tôi nhiều ý nghĩa trọng đại như vậy. Cảm giác là một nhân vật quan trọng rất khó tả. Tôi vẫn chưa hiểu được hết.

“Nếu giáo sư gọi tôi đến với mục đích ấy”, tôi nói, “thì những dữ liệu thí nghiệm mà tôi đã mã hóa cho ông ấy chỉ là mồi nhử, là thứ vô giá trị, đúng không?”

“Không, hoàn toàn sai”, Còi nói. Gã lại ngó xuống đồng hồ. “Những dữ liệu ấy là một chương trình được thiết kế rất tinh vi. Một kiểu bom hẹn giờ. Khi thời điểm đã đến: Bùm! Tuy nhiên, đó cũng chỉ là phỏng đoán. Chúng tôi không biết chính xác. Muốn biết phải hỏi giáo sư. Tiếc rằng chúng tôi không có nhiều thì giờ. Có lẽ chúng ta chấm dứt hàn huyên ở đây thôi nhỉ? Chúng tôi còn một việc nhỏ sắp phải làm nữa.”

“Cháu gái của ông giáo sư là người như thế nào?”

“Hừm, người như thế nào nhỉ?”, Còi ngạc nhiên. “Chúng tôi không biết. Chúng tôi không có thì giờ theo dõi mọi người mọi việc. Anh có vẻ khoái con bé?”

“Không”, tôi nói. Không, có lẽ không.

Không rời mắt khỏi tôi, Còi đứng dậy, cầm bật lửa và thuốc lá trên bàn đút vào túi quần. “Tôi nghĩ, anh đã đủ hiểu vị trí của anh và của chúng tôi. Thêm một chi tiết nhỏ nữa: chúng tôi đang theo đuổi một kế hoạch. Hiện tại các thông tin của chúng tôi chi tiết hơn của bọn ký hiệu sư, chúng tôi đang đi trước một bước. Nhưng so với Nhà máy thì tổ chức chúng tôi còn yếu. Nếu chúng nhả ga thì vượt được chúng tôi ngay – và cán bẹp chúng tôi. Vậy thì chúng tôi phải đánh lạc hướng chúng để tránh việc đó. Anh hiểu chứ?”

“Vâng”, tôi nói. Tôi hiểu quá đi chứ.

“Chúng tôi không tự lực làm được việc này, vì vậy cần có người hỗ trợ. Ở địa vị chúng tôi thì anh kiếm hỗ trợ của ai?”

“Của Hệ thống”, tôi nói.

“Thấy chưa?”, Còi nói với Hộ pháp, “nhanh trí ra phết!” Gã lại nhìn tôi. “Để làm việc này chúng tôi cần một con mồi. Không có mồi không nhử được cá. Anh sẽ là con mồi.”

“Tôi không khoái vai trò này lắm”, tôi nói.

“Không ai hỏi anh có khoái hay không”, gã nói. “Chúng tôi không có lựa chọn khác. À, phần tôi cũng có một câu hỏi: trong nhà này anh thấy thứ gì giá trị nhất?”

“Chẳng có gì”, tôi nói. “Tôi không có thứ gì giá trị. Toàn đồ rẻ tiền.”

“Tôi cũng thấy thế. Nhưng nhất định anh không muốn một, hai thứ bị đập nát chứ! Rẻ hay đắt, dù sao thì anh cũng sống ở đây.”

“Đập nát?” Tôi giật mình. “Nghĩa là gì?”

“Đập nát nghĩa là... đập nát, chứ còn gì nữa. Nhìn cánh cửa kia kìa”, Còi nói và trở vào cánh cửa cong vênh bật khỏi bản lề. “Đập nát chỉ để đập nát. Chúng tôi sẽ phá hủy mọi thứ ở đây.”

“Để làm gì?”

“Tôi không giải thích trong một câu được, mà nếu được thì cũng chẳng thay đổi việc chúng tôi phá hủy căn phòng này. Vậy thì nói đi, cái gì anh thấy quan trọng. Chúng tôi sẽ lấy nó làm định hướng.”

“Đầu video”, tôi nhượng bộ. “Và ti vi. Toàn đồ đắt tiền, tôi mới mua. Và chỗ rượu whiskey dự trữ trong tủ lạnh.”

“Gì nữa?”

“Bộ lê và áo da cổ lông, áo của phi công ném bom Mỹ đấy.”

“Gì nữa?”

Tôi nghĩ một lát xem còn đồ gì quá giá nữa. Không, chẳng còn gì nữa. Tôi không phải dạng người biến nhà mình thành một kho báu.

“Thế là hết”, tôi nói.

Còi gật đầu. Hộ pháp cũng gật.

Thoạt tiên Hộ pháp mở tủ bếp và tủ tường, lôi ra thanh ép lò xo mà đôi khi tôi vẫn tập thể thao, vòng ra sau lưng và ấn tẹt lò xo. Tôi chưa thấy ai ép được hết mức như vậy. Rất ấn tượng.

Sau đó hắn cầm thanh ép lò xo bằng cả hai tay và đi vào phòng ngủ. Tôi rướn người ra trước để xem. Hộ pháp đứng trước ti vi, lấy đà hết sức và đập vào màn hình. Thủy tinh vỡ vụn, hàng trăm tia chớp lóe lên, và chiếc ti vi 72 inch tôi vừa mua cách đây ba tháng nằm chổng chơ như một quả dưa hấu bị vỡ.

“Ồ kìa...”, tôi nói và định nhòe dầy, nhưng Còi đập tay xuống bàn chặn tôi lại.

Tiếp đó, Hộ pháp túm lấy chiếc đầu video và đập mặt có các núm nhiều lần vào cạnh sườn ti vi. Mấy núm bật bay tung tóe, dây điện chập xòe lửa, một làn khói bay lên trời như một linh hồn được cứu rỗi. Khi Hộ pháp thấy đầu máy đã nát bét, hắn ném cục sắt vụn xuống đất và rút một con dao trong túi. Lưỡi dao bật

ra. Rồi hắn mở tủ quần áo, rách nát chiếc áo da và bộ lê Brooks Brothers, cả hai cộng lại ngót hai trăm nghìn yên.

“Anh đã nói là để lại những đồ có giá trị cơ mà!”, tôi thét lên.

“Tôi không nói thế”, gã thản nhiên trả lời. “Tôi chỉ hỏi anh thứ gì đối với anh quan trọng nhất, chứ đâu nói là chúng được giữ lại. Các vật có giá trị nhất thì đập phá trước tiên. Dễ hiểu!”

Tôi lấy một lon bia từ tủ lạnh ra và ngồi nhìn Hộ pháp đập căn hộ ẩm cứng và lịch lãm của mình thành từng mảnh.

14. Chương 14

14

Rừng

Mùa thu trôi qua. Một sáng sớm tôi thức dậy, nhìn lên trời – và biết thu đã tàn. Không còn thấy bóng trong trẻo của những đám mây thu, thay vào đó là một đám mây đen dày xuất hiện trên dãy núi phía bắc như một sứ thần mang tin dữ. Mùa thu là một vị khách thân thiện và dễ chịu của thành phố, nhưng vị khách ấy mới ở lại vài bữa đã vội vã lên đường.

Tiếp theo những ngày cuối thu là một thời kỳ tạm bợ, không phải thu mà cũng chưa phải đông, một khoảng chân không im lìm khó hiểu. Lớp mền vàng của bầy thú mất dần ánh lấp lánh, ngày một trắng bột ra như bị tẩy rửa, báo cho con người biết mùa đông đến gần. Tất cả các sinh vật, mọi hiện tượng thiên nhiên chuẩn bị đương đầu với mùa lạnh bằng giá ấy: rụt cổ vào, đứng đờ như hóa đá. Mỗi linh cảm mùa đông đến gần trườn lên đường phố như một lớp màng vô hình. Tiếng gió hú, tiếng xào xạc của cây cỏ, sự im ắng của đêm, và thậm chí tiếng chân người – âm thanh nào cũng nặng nề và lạnh giá, mọi thứ có vẻ như nhắc đến mùa đông, ngay cả tiếng nước róc rách ở bãi bồi vào mùa thu còn vô về dịu dàng – giờ đây không thể an ủi tôi nữa. Vạn vật lui vào cái vỏ cứng để tự cứu mình và toát ra một vẻ tối hậu kỳ lạ. Đối với mọi người, mùa đông là một sự kiện đặc biệt, khác với mọi mùa khác. Ngay tiếng chim kêu giờ đây cũng ngắn và sắc, chỉ thỉnh thoảng tiếng vỗ cánh của chúng khuấy động khoảng thỉnh không lạnh lẽo.

“Trông có vẻ như năm nay chúng ta sẽ có một mùa đông giá buốt”, ông đại tá nói. “Nhìn những đám mây thì biết. Trông kia, bên kia kia.”

Ông già cùng tôi đến bên cửa sổ và chỉ lên đám mây đen dày phủ lên rặng núi phía Bắc. “Năm nào cũng thế, cứ vào lúc này là lại có tín hiệu của các đám mây mùa đông xuất hiện trên núi. Như một đội tiền trạm vậy. Nhìn hình những đám mây ấy là đoán trước được độ lạnh của mùa đông sắp đến. Mây dẹt và mịn nghĩa là thời tiết sẽ dễ chịu. Càng dày thì mùa đông càng lạnh. Và đáng sợ nhất là những đám mây có hình con chim đang cánh. Chúng báo hiệu mọi thứ sẽ đông cứng. Hệt như đám mây kia kia.”

Tôi nheo tịt mắt lại để quan sát bầu trời phía trên dãy núi phía Bắc. Tầm nhìn của tôi tuy mờ mịt nhưng đám mây mà ông già chỉ cho tôi thì vẫn dễ nhận ra. Nó dang dăng dọc theo triền núi, từ phải qua trái, từ đầu này đến hết đầu kia, ở giữa nhô cao dày đặc như một ngọn núi, và rõ ràng có dáng một con chim đang cánh như ông già nói. Một con ác diệu khổng lồ và xám xịt vút lên qua đỉnh núi bay về phía chúng tôi.

“Một mùa đông giá buốt như thế này năm chục, sáu chục năm chỉ xảy ra một lần. À, cậu không có măng tồ phải không?”

“Không, tôi không có”, tôi nói. Tôi chỉ có một chiếc áo khoác vải bông mỏng được người ta phát cho hôm tới thành phố.

Ông đại tá mở tủ, lấy ra một chiếc măng tồ quân phục màu xanh lam và đưa tôi. Nó nặng như cùm, và lớp len lông cừu xù xì đâm vào da đầu gối.

“Hơi nặng một chút, nhưng còn hơn không có gì. Tôi mới kiếm về cho cậu đấy. Hy vọng cậu mặc vừa.”

Tôi mặc thử. Áo hơi quá rộng ở vai và nặng khiến tôi loạng choạng vì không được làm quen dần. Nhưng nhìn chung thì cũng vừa người. Vả lại, có còn hơn không, đúng như ông già vừa nói. Tôi cảm ơn.

“Cậu vẫn vẽ bản đồ đấy à?”, ông đại tá hỏi.

“Vâng”, tôi nói. “Hãy còn mấy vùng trống, và tôi muốn làm xong càng nhanh càng tốt. Chả gì thì cũng đã mất khối thì giờ.”

“Tôi cũng không trách cậu vẽ bản đồ. Đó là chuyện của cậu, và nói cho cùng thì cậu cũng chẳng làm phiền ai. Nhưng tôi khuyên cậu chớ đi quá xa khi mùa đông đến. Lúc đó cậu tuyệt đối không được phép rời khỏi khu vực đã quen. Cẩn thận mấy cũng không thừa, nhất là khi đoán trước năm nay cái lạnh thấu xương sẽ tràn về. Thành phố này không phải là quá lớn, nhưng trong mùa đông nó tiềm ẩn nhiều mối nguy hiểm mà cậu chưa lường trước được. Chờ đến mùa xuân hãy hoàn tất tấm bản đồ!”

“Vâng ạ”, tôi nói. “Nhưng bao giờ thì mùa đông bắt đầu cơ chứ?”

“Khi tuyết rơi. Mùa đông đến với những bông tuyết đầu tiên. Và nó chấm dứt lúc tuyết trên bãi bồi tan thành nước.”

Chúng tôi tiếp tục quan sát đám mây trên rặng núi phía bắc và uống cà phê sáng.

“Còn một chuyện rất quan trọng nữa”, ông già nói. “Dù có bất cứ chuyện gì xảy ra, cậu chớ lại gần tường thành trong mùa đông. Và đừng vào rừng. Chúng vô cùng hùng mạnh trong mùa đông.”

“Có chuyện gì trong rừng?”

“Chẳng có gì”, ông già đáp sau một hồi im lặng. “Tuyệt đối không có gì. Ít nhất là không có gì để cậu hay tôi quan tâm cả. Đối với chúng ta thì rừng hoàn toàn không quan trọng.”

“Không có ai sống trong đó à?”

Ông già mở lò sưởi, gạt bụi, xếp vào đó mấy thanh củi mỏng và than.

“Có lẽ từ tối nay trở đi ta phải sưởi rồi”, ông nói. “Chỗ than và củi này từ rừng mà ra. Ở đó có nấm, trà và các đồ ăn khác. Về mặt này thì mình cần rừng. Nhưng ngoài ra thế là hết. Chẳng có gì nữa.”

“Nhưng cũng có nghĩa là phải có người sống bằng nghề đào than, nhặt củi hay tìm nấm trong rừng chứ, đúng không?”

“Ừ, tất nhiên. Có vài người sống trong đó. Họ cung cấp cho thành phố than, củi, nấm và các thứ khác, còn ta thì cho họ lúa và quần áo. Mỗi tuần có một lần trao đổi hàng hóa ở một địa điểm cố định qua những cá nhân có trách nhiệm. Ta không bắt quan hệ sâu hơn thế. Họ không vào thành phố, còn ta thì không vào rừng. Ta và họ là hai loại người khác nhau hoàn toàn.”

“Khác về điểm nào?”

“Về mọi điểm”, ông già nói. “Khác nhau ở tất cả những gì có thể nghĩ ra được. Cậu phải chú ý, họ chỉ muốn người ta chú ý đến họ. Họ nguy hiểm lắm, chỉ rình gây ảnh hưởng xấu đến cậu. Cậu là người – chà, tôi nói sao đây – chưa cứng cáp. Và chừng nào những gì cần được làm cho cứng cáp vẫn chưa cứng cáp thì cậu không nên dấn thân vào nơi nguy hiểm một cách không cần thiết. Rừng là rừng. Cậu chỉ việc viết lên bản đồ của cậu chữ ‘rừng’ là đủ. Hiểu chứ?”

“Hiểu ạ.”

“Nhưng mùa đông thì không có gì nguy hiểm hơn tường thành. Mùa đông tường thành quây bít thành phố chặt hơn mọi khi. Ta sẽ ý thức một cách rõ rệt và kiên định rằng tường thành khóa chặt ta lại. Tường thành không để lọt mất nhất cử nhất động xảy ra ở đây. Vì vậy cậu tuyệt đối đừng gây sự với nó, thậm chí chớ có bước lại gần. Tôi sẽ nhắc đi nhắc lại không biết mệt rằng cậu chưa cứng cáp đâu. Cậu còn dao động, còn nghi ngại và giằng xé, cậu hối hận và lộ ra nhược điểm. Mùa đông sẽ là mùa nguy hiểm nhất đối với cậu.”

Nhưng tôi phải tìm hiểu gì về rừng trước khi đông về, dù chỉ là chút xíu. Đã gần đến lúc phải nộp bản đồ cho bóng rọi, và nó bắt tôi phải quan tâm đến rừng. Chỉ còn thiếu rừng, xong đó là bản đồ hoàn thành.

Chậm chạp nhưng kiên quyết, đám mây trên núi xòe rộng đôi cánh và tiến về thành phố. Các tia mặt trời đã mất hẳn ánh vàng lóng lánh. Bầu trời đục ngầu và tăm tối, tựa như ai đó tung lên một lớp tro mịn cản

mọi ánh sáng. Tuy nhiên mùa này lại rất dễ chịu cho cặp mắt tổn thương của tôi. Bầu trời không hé ra nữa, báo tổ cũng không xé được mây.

Tôi đi theo con đường dọc sông để vào rừng và cố gắng đi càng sát tường thành càng tốt để tránh lạc lối. Như thế tôi vừa quan sát rừng vừa có thể chép lại vị trí của tường thành.

Nhưng đúng không phải chuyện ngon ăn. Giữa đường có những hố toang hoác, sâu đến nỗi tưởng như đất sụt, hoặc tôi vấp vào những bụi mâm xôi mọc cao vượt đầu. Đôi khi đầm lầy cắt ngang đường, những con nhện to tướng chăng mạng khắp nơi, dính chặt vào đầu, mặt và tay tôi. Thỉnh thoảng có tiếng sột soạt trong bụi. Cành lá của những cây khổng lồ đan kín trên đầu tôi và nhấn chìm khu rừng vào một màn tối đen như đáy biển. Các loại nấm lớn nhỏ đủ màu sắc bám đầy thân và rễ cây, trông như những vết ghẻ lở kinh tởm.

Nhưng lạ thay, cứ tách tường thành để đi sâu vào rừng là cả một thế giới yên bình và tĩnh lặng mở ra trước mắt tôi. Tất cả chỉ là thiên nhiên nguyên khởi và cuộc sống, hơi thở nhẹ nhàng của đất làm tôi phấn chấn. Thay vì mối nguy hiểm mà ông đại tá khẩn thiết cảnh báo, tôi chỉ thấy cây rừng, cỏ lá, những sinh vật bé xiu, và tôi cảm nhận được vòng tuần hoàn vô tận của cuộc sống và một cái gì đó như sự tiền định gắn chặt nơi mỗi hòn sỏi và mỗi nhúm đất.

Ấn tượng này còn mạnh hơn khi tôi rời xa hơn khỏi tường thành và đi sâu vào rừng. Bóng đen đe dọa biến mất, hình thù gốc cây và màu lá bỗng an bình hơn, tiếng chim hót êm tai trở lại. Cả những khoảng sáng đôi khi hiện ra giữa rừng cũng mất vẻ căng thẳng và tăm tối như tôi vẫn cảm thấy ở cạnh tường thành. Tôi không rõ những khác biệt ghê gớm ấy có thể gây tác động gì. Có thể uy lực của tường thành xâm hại không khí của rừng, cũng có thể thế chỉ là một vấn đề mang tính sinh thái.

Nhưng đi trong rừng có dễ chịu đến mấy thì tôi cũng không được phép tách hẳn khỏi tường thành. Rừng khá sâu, và nếu tôi bị lạc thì cũng chẳng tìm được các phương trời. Không có đường đi, cũng chẳng có lấy một đánh dấu chỉ hướng. Vì vậy tôi lần mò rất thận trọng, luôn vừa vịn giữ được bức tường trong khỏe mắt và chú ý giữ vững khoảng cách ấy. Không thể đơn giản đánh giá rừng là bạn hay thù – tác động vô về và dễ chịu ấy biết đâu chỉ là một mồi lừa tôi đi sâu vào rừng hơn. Dù sao chẳng nữa ở thành phố này tôi là một số phận mỏng manh, chưa cứng cáp, như ông đại tá đã nói. Cẩn thận mấy cũng không thừa.

Có thể do tôi chưa thực sự đi thật sâu vào rừng, nhưng quả thật tôi không phát hiện ra một dấu vết nào của những người được coi là sống ở đây, hoàn toàn không. Không một dấu chân, cũng chẳng hề thấy một dấu hiệu nào chứng tỏ có bàn tay người chạm vào. Tôi nửa sợ song cũng nửa hy vọng được gặp họ, nhưng tôi đã mấy ngày trên đường rồi mà vẫn không thấy một dấu hiệu nào chứng tỏ họ tồn tại. Tôi suy ra rằng họ ở sâu trong rừng hơn nữa. Hoặc đã khéo léo tránh mặt tôi.

Vào ngày thứ ba hay thứ tư của chuyến thám hiểm, đúng vào đoạn tường thành mặt đông quặt gấp về hướng nam, tôi phát hiện ra một khoảng trống nho nhỏ ở sát tường. Nó ở đúng chỗ tường rẽ, được tường che lưng và tỏa ra hình nan quạt. Rừng thăm không động chút nào tới miếng đất nhỏ xíu này, và lạ thay, ở đây không thể nhận ra không khí căng thẳng vốn có ở gần tường. Tất cả đều yên bình và tĩnh lặng như trong rừng sâu. Một tấm thảm mềm như nhung mọng cỏ tươi mát phủ kín mặt đất, trên đầu tôi mở toang một mảnh trời có hình dáng lạ mắt. Ở một góc khoảng trống chắc chắn từng có một ngôi nhà, vì còn thấy phần sót lại của móng nhà bằng đá. Tôi chăm chú ngắm những gì còn sót lại và nhận ra đó từng là một ngôi nhà tử tế, thậm chí khá rộng rãi. Ít nhất cũng không phải một túp lều tạm bợ. Tôi nhận ra ba phòng có tường ngăn, bếp, nhà tắm và tiền sảnh, và có thể tưởng tượng ra ngày xưa trông ngôi nhà ra sao. Song tôi không rõ ai đã xây một ngôi nhà ở xó xỉnh sâu trong rừng, với mục đích gì, và tại sao lại bỏ nó mà đi.

Phía sau nhà bếp có một giếng đá, nhưng đã bị lấp đầy đất và cỏ mọc um tùm. Nhất định người bỏ nhà ra đi cũng lấp luôn giếng. Ai mà biết được tại sao.

Tôi ngồi xuống, tựa lưng vào rễ tường sương gió và nhìn lên trời. Gió thổi từ dãy núi phía bắc lại, khiến cành lá đung đưa sột soạt. Mây dày mọng nước chậm chạp trôi qua. Tôi bẻ cổ áo lên và dõi mắt theo mây bay.

Sau ngôi nhà đổ là tường thành vút cao. Lần đầu tiên trong rừng tôi tiến sát tường đến thế. Quả thật nó như một sinh vật, lại gần như thấy hơi thở phập phồng. Trong lúc ngồi đó giữa một khoảng trống trong Rừng Đông, dựa vào thành giếng lắng nghe tiếng gió và ngắm bức tường, tôi tin vào lời ông gác cổng. Nếu

thực sự trên thế giới này có gì đây được coi là hoàn hảo thì đó là bức tường thành này. Có vẻ như nó đã đứng đó từ ngàn đời, như những đám mây trôi ngang trời, như cơn mưa xối vào đất thành sông.

Bức tường thành quá kỳ vĩ để có thể thu gọn lên một trang giấy, hơi thở của nó quá mãnh liệt và đường cong quá thanh tao. Cứ mỗi lần định vẽ tuyến đi của tường thành vào vở là tôi bối rối bởi một cảm giác bất lực vô biên. Nhìn từ mỗi góc, bức tường lại thay đổi hình dáng đến khó tin, đó là lý do để tôi hầu như không thể nắm bắt được nó một cách chính xác.

Tôi nhắm mắt, cố ngủ một chút. Tai tôi vẫn nghe tiếng thét gào của gió, nhưng cây và tường chắn hộ tôi cái lạnh. Trước khi thiếp đi tôi nhớ đến bóng mình. Tôi sắp phải nộp bản đồ rồi. Dĩ nhiên là các chi tiết chưa được chính xác, những vị trí của rừng cây gần như còn để trống, nhưng mùa lạnh đã tới trước cửa, và vào mùa đông thì tôi sẽ không thể có cách nào để tiếp tục chuyến khảo cứu này. Tôi đã vẽ vào vở hình dạng tương đối của thành phố, vị trí và hình ảnh các công trình trong đó và ghi chép lại tất cả những thông tin nào có thể moi ra được.

Tôi không chắc ông gác cổng có cho phép tôi gặp bóng không, nhưng dù sao thì ông cũng đã hứa là tôi được phép tới thăm bóng khi ngày ngắn đi và năng lượng của bóng mất dần. Giờ đây, khi mùa đông sắp đến, có vẻ như những điều kiện ấy đã được đáp ứng.

Rồi tôi nhắm mắt lại, nghĩ đến cô thủ thư. Song càng nghĩ đến cô thì cảm giác mất mát càng trở dậy. Tôi không tìm được nguyên cơ phát sinh và xuất hiện cảm giác ấy, nhưng tôi biết chắc chắn đó là cảm giác mất mát thuần túy. Dường như tôi liên tục mất đi một cái gì đó nơi cô, không cứu vãn nổi.

Ngày nào tôi cũng gặp cô, nhưng ngay thực tế đó cũng không lấp đầy được khoảng trống ngày càng hoác ra trong tôi. Những lúc tôi đọc mơ trong phòng thư viện thì cô luôn bên cạnh. Chúng tôi cùng ăn tối, dùng thức uống nóng và sau đó tôi tiễn cô về nhà. Dọc đường đi chúng tôi kể đủ thứ chuyện trên trời dưới bể. Cô kể cho tôi nghe về bố mình, về hai cô em gái, về cuộc sống thường nhật.

Tuy nhiên lần nào đến trước cửa nhà và chúng tôi chia tay nhau thì cảm giác mất mát của tôi lại mạnh hơn bao giờ hết. Tôi không hiểu nổi tâm trạng phi lý đó. Cái giếng quá sâu và tối, có đổ bao nhiêu đất cũng không lấp đầy được.

Tôi đoán cảm giác đó liên quan đến trí nhớ của tôi đã mất đi. Ký ức của tôi muốn tìm hiểu gì đó về cô nhưng tôi không thể tìm ra câu trả lời, và chính sự chống chọi ấy để lại trong tâm hồn tôi một khoảng trống vắng khó lấp đầy. Song hiện giờ tôi không được phép bận tâm với vấn đề này. Ngay bản thân tôi cũng còn quá yếu ớt và ngỡ ngàng.

Tôi gạt tất cả các ý nghĩ phức tạp ra khỏi đầu rồi chìm vào giấc ngủ.

Khi tôi tỉnh dậy, trời lạnh bất ngờ. Tôi run cầm cập và kéo vạt áo lại cho kín. Trời tối dần. Tôi đứng dậy phủi cổ trên người – đúng lúc bông tuyết đầu tiên sạt qua má. Ngước mắt lên trời, tôi thấy mây treo thấp hơn mọi khi nhiều, âm u và ảm đạm hơn. Những bông tuyết dày uể oải đung đưa trong gió và chập chờn gieo xuống đất. Mùa đông đến rồi.

Trước khi đi tiếp, tôi ngắm bức tường lần nữa. Những bông tuyết rơi từ bầu trời u ám khiến bức tường trông hoàn hảo hơn lúc thường. Tôi ngước lên và cảm thấy hàng nghìn cặp mắt của bức tường ngó xuống mình. Như một con thú nguyên thủy vừa thức giấc và chặn đứng trước mặt. Dường như nó hỏi tôi: Tại sao mi ở đây? Mi tìm gì?

Nhưng tôi không thể trả lời những câu hỏi ấy. Giấc ngủ ngắn trong không khí giá buốt đã rút hết hơi ấm của cơ thể. Cảm giác trong đầu như bị lấp kín bởi một chất đặc quánh, như không phải đầu của tôi. Mọi thứ nặng nề và chập chờn.

Trong khi cắt đường xuyên rừng tôi cố gắng không nhìn lên tường thành và tìm cách đến Cửa Đông thật nhanh. Đường dài, bóng tối ngày càng dày đặc hơn. Cảm giác thăng bằng cơ thể vốn mỏng manh nay đã mất hẳn. Dọc đường tôi phải nghỉ lấy hơi nhiều lần để đủ sức bước tiếp và tụ hội lại các dây thần kinh như đã bị bóc trần trụi tã tơi. Thêm nữa là cảm tưởng có gì đó lẩn quất trong hoàng hôn đè nặng lên mình. Tôi tin đã nghe thấy tiếng tù và vọng vào tận rừng – nhưng âm thanh ấy xuyên qua tôi, không chạm vào tôi.

Rốt cuộc khi đến bìa rừng và đi ra bờ sông, tôi thấy mặt đất đã đen kịt. Không trăng, không sao, chỉ có

gió tuyết và tiếng nước xiết lạnh leo tràn ngập không gian. Sau lưng tôi là cánh rừng u ám, cây cối nghiêng ngã trong gió. Tôi không nhớ đã mất bao nhiêu thì giờ để chạy lại đến thư viện. Cái duy nhất mà tôi biết rõ là tôi đã miên man đi suốt dọc bờ nước, cứ thế mà đi không nghĩ. Những nhánh liễu đu đưa trong gió, trên đầu tôi là gió gào. Con đường trải dài vô tận.

Cô thủ thư đặt tôi ngồi trước bếp lò và áp tay lên trán tôi. Tay cô lạnh như ma, đầu tôi đau buốt như bị đâm một mũi dao bằng nước đá. Bất giác tôi toan gạt tay cô ra cho hết đau, song tay tôi không nâng lên nổi, và cố gắng hết sức khiến tôi suýt nôn.

“Anh sốt cao kinh khủng”, cô nói. “Anh đi đâu lâu vậy?”

Tôi muốn đáp nhưng mọi câu chữ đã biến mất khỏi đầu. Thậm chí lời của cô tôi cũng không hiểu hết.

Cô vơ đầu đó mấy tấm mền quấn quanh người tôi và để tôi nằm ngủ trước lò sưởi. Tóc cô quét vào má tôi. Tôi không muốn mất cô, tôi nghĩ, nhưng tôi không rõ suy nghĩ đó có bắt nguồn từ ý thức hệ của mình hay chỉ đột ngột bắn ra từ một mảnh ký ức xa xưa. Tôi đã mất quá nhiều, và tôi quá kiệt quệ. Hoàn toàn bất lực, tôi nhận thấy ý thức của mình đang vượt đi một cách chậm chạp nhưng bất khả kháng. Tôi muốn trỗi dậy nhưng cơ thể níu chặt lấy. Một cảm giác bị phân thân khó tả. Tôi phó thác mình đầu đây, vào ý thức hay cơ thể? Tôi không biết.

Côi cầm tay tôi suốt buổi.

“Ngủ đi”, tôi nghe tiếng cô. Những âm thanh từ góc sâu thẳm nhất của đêm đen, lê thê mãi mới đến tai tôi.

15. Chương 15

15

Whiskey, Tra Tấn, Turgenev

Hộ pháp đập nát toàn bộ kho whiskey của tôi trong bồn rửa – không chừa lấy một chai duy nhất. Tôi đã nổi được mối thân tình với ông chủ của hàng rượu ở góc phố để mỗi khi có bán hạ giá whiskey nhập khẩu đều được cung cấp đến tận nhà, dần dần tôi có một bộ sưu tập khá hoành tráng.

Trước tiên Hộ pháp đập hai chai Wild Turkey, rồi chuyển sang chai Cutty Sark trước khi hủy hoại ba chai I. W. Harper, tiêu diệt hai chai Jack Daniel’s, vĩnh biệt chai Four Roses, cho đi đời nốt chai Haig, và cuối cùng xử tử nửa tá Chivas Regal với một nhát đập duy nhất. Tiếng chai vỡ xé tai, nhưng mùi còn tệ hơn, đó không phải là mùi whiskey bình thường: cả căn hộ xộc lên nồng nặc. Chỗ rượu này ít nhất cũng đủ dùng trong nửa năm.

“Người ta chỉ cần ngủ đã thấy say rồi, phải không?”, Còi nhận xét đầy khâm phục. Tôi đan tay sau gáy và ngán ngẩm nhìn đồng mảnh chai chất cao trong bồn. Cái gì lên thì phải xuống, rắn sẽ hóa lỏng, cát bụi lại trở về cát bụi. Lẫn trong tiếng thủy tinh vỡ là tiếng huyết sáo chói tai; âm thanh này xuất phát từ Hộ pháp, nghe như cật nửa cọ lên nhau. Tôi không biết giai điệu đó – và thật ra không phải là một giai điệu. Tiếng cật nửa cọ ở trên, ở quãng giữa, rồi ở dưới. Nó làm tôi bủn rủn thân hình và cửa vào từng sợi thần kinh. Tôi lắc mạnh đầu cho thoáng tai và dốc tuột ngum bia vào họng. Dạ dày tôi rắn đanh như da bò.

Hộ pháp vẫn tiếp tục công việc phá hoại phi lý. Có thể nó có lý đối với hai tên kia, chứ với tôi thì không. Hắn lật đổ giường, rạch nệm, quăng hết áo quần khỏi tủ, đổ các thứ trong ngăn kéo xuống sàn, giật bảng điều khiển điều hòa không khí khỏi tường, lật úp thùng rác và đập tan mọi đồ đạc tìm được trong tủ tường. Hắn làm việc nhanh và khéo.

Sau khi biến phòng ngủ thành một bãi chiến trường, hắn đi vào bếp. Còi và tôi chuyển chỗ sang phòng khách, dựng ghế sofa bị lật với phần lưng bị rạch nát dậy để lấy chỗ ngồi và quan sát Hộ pháp tàn phá phòng bếp. Quả là một sự may mắn rủi ro – diện tích ngồi và dựa lưng của sofa hầu như không bị phá hủy. Chiếc sofa này là một thứ đồ siêu hạng, ngồi rất thoải mái, một anh bạn làm nhiếp ảnh đã để lại cho tôi với giá hợp lý. Anh là một tài năng lớn chuyên chụp ảnh quảng cáo, nhưng một hôm nào đó bỗng trở chứng và chuyển nhà về vùng núi Nagano, vì vậy nhượng lại cho tôi cái ghế kê ở văn phòng của anh với giá rẻ. Tôi

thực sự phiền muộn khi biết anh lên cơn tâm thần, nhưng cũng nhờ vậy mà tôi trúng số độc đắc với chiếc sofa này, không phải mua ghế mới.

Tôi ngồi tận cùng bên phải sofa, tay giữ chặt lon bia, Còi tận cùng bên trái và dựa vào thành ghế, vắt chân chữ ngũ. Mặc cho tiếng động ì ầm, không thấy hàng xóm nào ngó vào. Ở cùng tầng này chủ yếu toàn người độc thân, do đó vào giờ làm việc chẳng có ai ở nhà nếu không có lý do gì đặc biệt. Hai tên này làm ầm ĩ như vậy vì chúng biết trước điều đó? Có thể thế lắm. Bọn chúng có gì mà không biết. Các vị khách của tôi mặc dù xử sự như những tên đồ tể nhưng rất có hệ thống và hợp lý.

Thỉnh thoảng Còi nhìn xuống chiếc Rolex như kiểm tra thời gian biểu công tác, trong khi Hộ pháp phá nát bát đúng trình tự tất cả những thứ vớ được mà không có một động tác thừa. Nhìn cái kiểu sẫm soi chu đáo này thì có lẽ tôi không giấu nổi một cây bút chì. Nhưng, như Còi đã nói ngay từ đầu, bọn chúng có ý định tìm gì đâu. Chúng chỉ đập phá thôi.

Nhưng vì sao?

Để người khác tin rằng chúng đã lục tìm gì đó.

Vậy người khác là ai?

Tôi không nghĩ tiếp nữa, uống nốt ngụm bia cuối cùng và đặt lon rỗng lên chiếc bàn con. Hộ pháp mở tủ bát đĩa, gạt hết ly cốc xuống đất và xử lý chong đèn. Hắn đập vỡ tất cả, siêu và ấm pha trà, liễn muối, hộp đường và bột, tất cả. Gạo vãi xuống sàn cùng các thức ăn đông lạnh. Một nắm tôm đông đá và thịt bắp bò cứng quèo và kem và túi nylon dài đến độ ba mươi phân đựng nước cốt cà chua mà tôi thử pha cùng váng sữa và trứng cá hồi. Tất cả rơi cồng cộc xuống nền lát nhựa, nghe như một đám thiên thạch dội xuống bê tông.

Sau đó hắn nhắc tủ lạnh lên, kéo ra phía trước rồi đẩy cho lật ngang. Một chùm lửa điện lóe lên, nhất định bộ tản nhiệt bị chập mạch. Phải giải thích với thợ điện ra sao đây? Tôi rối trí quá.

Vụ tàn phá bỗng chấm dứt đột ngột như nó bắt đầu. Không một lời giải thích hay thông báo, tất cả đột nhiên kết thúc, im ắng. Hộ pháp ngừng huyết sáo, đứng trong khung cửa giữa phòng khách và bếp, mắt lơ đãng nhìn tôi. Tôi không rõ hắn mất bao nhiêu thì giờ để biến căn hộ của tôi thành một đồng đồ nát. Khoảng từ mười lăm phút đến nửa tiếng, đại khái thế. Đánh giá qua vẻ mặt hài lòng của Còi đang ngó xuống đồng hồ Rolex thì có lẽ quãng thời gian ấy dài đúng dự tính trung bình cần thiết để hủy hoại một căn hộ hai phòng. Trên đời này cái gì cũng có một chuẩn mực thời gian và giá trị bình quân, từ việc chạy ma ra tông cho đến lượng giấy vệ sinh mỗi lần vào nhà xí.

“Dọn dẹp chắc sẽ tốn thì giờ đây”, Còi nói.

“Dĩ nhiên”, tôi nói. “Và tiền bạc nữa.”

“Tiền không đóng vai trò gì ở đây cả. Chiến tranh mà. Ai mãi đếm tiền thì thắng trận làm sao được.”

“Đây không phải là chiến tranh của tôi.”

“Chiến tranh của ai thì không quan trọng, tiền của ai cũng vậy. Chiến tranh là vậy.”

Còi rút một chiếc khăn tay trắng muốt trong túi quần, che mồm ho mấy tiếng. Rồi gã ngấm nó một lúc trước khi dứt vào túi. “Lát nữa, khi chúng tôi đi rồi, sẽ có người của Hệ thống đến. Và anh sẽ báo cáo tỉ mỉ về bọn tôi cho họ biết. Rằng chúng tôi đã tấn công anh và lục tìm gì đó trong nhà. Và chúng tôi đã hỏi anh về cái đầu lâu. Nhưng anh không biết gì về đầu lâu, hoàn toàn không biết gì hết. Rõ chưa nào? Và không biết gì thì cũng chẳng khai ra được gì. Kể cả sau khi bị tra tấn. Và chúng tôi đã tay trắng ra đi.”

“Tra tấn?”, tôi hỏi.

“Họ sẽ không nghi anh. Hiện nay chỉ có chúng tôi biết chuyện anh đã đến chỗ giáo sư. Họ thì không biết, vì vậy họ cũng chẳng động đến anh. Anh là một toán sư xuất sắc, họ sẽ tin anh. Họ sẽ đoán chúng tôi là người bên Nhà máy và sẽ có phản ứng tương thích. Tất cả theo đúng kế hoạch.”

“Tra tấn?”, tôi nói. “Tra tấn nghĩa là sao cơ?”

“Rồi anh sẽ biết, không phải vội”, Còi nói.

“Nếu tôi nói hết sự thật với người của Hệ thống thì sao?”, tôi hỏi.

“Họ sẽ giết anh”, Còi nói. “Đây không phải lời dọa suông, anh tin tôi đi. Anh đến chỗ Giáo sư mà không báo cho Hệ thống biết, và anh đã xáo trộn dữ liệu mặc dù bị cấm. Thế là đủ tệ rồi, nhưng giáo sư lại còn dùng anh làm một thí nghiệm nữa. Họ sẽ không dễ bỏ qua chuyện ấy đâu. Tình cảnh của anh hơi bi đát đấy, bi đát hơn anh có thể hình dung ra. Cho phép tôi nói toẹt ra: anh đang đi thăng bằng trên thành cầu, lại còn đi một chân nữa. Hãy tự nghĩ xem nên rơi lúc nào thì tốt nhất, kéo đã tan xương rồi thì không hồi kíp đâu.”

Chúng tôi ngồi trên sofa và nhìn nhau, tôi bên phải, gã bên trái.

“Tôi muốn biết một điều”, tôi nói. “Có lý do gì để tôi cộng tác với các anh và nói dối Hệ thống? Tôi là toán sư, một thành viên chính thức của Hệ thống, còn các anh thì tôi hoàn toàn không quen. Vậy thì tại sao tôi lại lừa lọc người phe mình và bắt tay với người lạ?”

“Quá đơn giản”, Còi nói. “Chúng tôi hiểu rõ tình cảnh của anh và để anh sống. Tổ chức của anh thì có thể nói là hiện tại không biết gì về tình cảnh của anh cả. Nếu họ biết thì có lẽ họ sẽ giết anh. Cổ phiếu của anh cao giá hơn khi ở phe chúng tôi. Quá đơn giản, phải không nào?”

“Tôi không rõ tình cảnh của mình ra sao, nhưng chẳng sớm thì muộn Hệ thống sẽ biết. Hệ thống là một tổ chức khổng lồ và không ngu ngốc gì.”

“Không, ngu thì nhất định không”, Còi nói. “Nhưng họ sẽ cần ít lâu nữa, và với một chút may mắn thì đến lúc đó chúng ta đã giải quyết xong mọi vấn đề của mình, cả vấn đề của chúng tôi lẫn của anh. Đó là cách tìm tới quyết định. Người ta chọn xác suất nào cao hơn, ngay cả khi chỉ chênh nhau một phần trăm. Như đánh cờ vậy, đối phương tấn công, còn anh rút chạy. Trong khi anh tránh thì có thể người kia đi nhằm một nước. Ai cũng có lúc phạm sai lầm, kể cả người cao thủ nhất. Thế đấy.” Còi nhìn đồng hồ, quay sang Hộ pháp và búng ngón tay. Hộ pháp hất cằm như một người máy được khởi động bởi tiếng búng ngón tay, từ từ tiến ra sofa và lù lù chặn trước mặt tôi như một cái tủ. Hay đúng hơn là một màn ảnh chiếu phim. Tôi không còn nhìn thấy gì nữa. Hộ pháp che cả đèn trần khiến tôi ngồi trong bóng tối. Tôi nhớ đến một lần nhật thực mà tôi được xem ở sân trường hồi học tiểu học. Mỗi lần chúng tôi có một tấm kính hơ đen muội nên dùng làm phim để quan sát mặt trời. Cách đây đã một phần tư thế kỷ. Cả một phần tư thế kỷ trôi qua, còn tôi đã trôi đến đâu?

“Thế đấy”, Còi lặp lại. “Rất tiếc là bây giờ anh sẽ phải trải nghiệm một điều không hay ho cho lắm. Nói đúng hơn là rất không hay ho. Cẩn rằng lại, và hãy tin rằng nó chỉ lợi cho anh thôi! Chúng tôi không vui vẻ gì khi làm việc này. Nhưng bắt buộc phải thế. Cởi quần ra!”

Tôi cởi quần. Có cường lại cũng vô ích.

“Quỳ xuống!”

Tôi đứng dậy theo lệnh và quỳ xuống. Chỉ mặc mỗi áo thun, quần lót Jockey và quỳ trên thảm – quả là một hình ảnh kỳ quái, nhưng tôi chưa kịp có thì giờ nghĩ tiếp thì Hộ pháp tiến ra sau tôi, ép hai bàn tay tôi chập vào nhau sau lưng. Hấn hành động nhanh nhẹn và thuần thục. Tôi không nhận ra sức ép gì lớn và thử cử động một chút, lập tức vai và khuỷu tay tôi đau nhói. Tôi bị kẹp cứng như con vịt nhồi vào rọ.

Còi vào bàn bếp lấy con dao của Hộ pháp ra. Gã bật lưỡi dao chùng bầy phân, lấy bật lửa trong túi quần và hơ lưỡi dao thật nóng. Con dao nhỏ gọn và không gây ấn tượng đáng sợ, nhưng có thể nhận ra ngay sự khác biệt với những con dao bán ở hàng tạp phẩm. Để rạch bụng người thì nó cũng vừa đủ to. Con người chứ không phải con gấu, da thịt mềm như quả đào. Với một lưỡi dao bầy phân đủ cứng thì có thể làm được khối chuyện.

Sát trùng lưỡi dao xong, Còi ung dung đợi nó nguội hẳn. Sau đấy gã lấy tay trái kéo chun quần lót trắng của tôi tụt xuống, hở gần hết dương vật ra.

“Bây giờ thì hơi đau một chút. Cẩn rằng lại”, gã nói.

Tôi cảm thấy một khối hơi to bằng quả bóng tennis đùn từ dạ dày lên cổ họng. Đầu mũi tôi động đậy mồ hôi. Tôi sợ. Sợ chúng lấy dao cắt vào hạ bộ. Và tôi sẽ không bao giờ cương lên được nữa.

Nhưng gã không chạm đến dương vật tôi. Dưới rốn tôi chừng năm phân gã rạch một đường dài sáu phân vào bụng dưới. Mũi dao bén ngọt còn âm ẩm xén dễ dàng vào bụng tôi và đi một đường thẳng như kẻ chỉ sang bên phải. Tôi muốn tránh ra, nhưng Hộ pháp kẹp chặt không cho động đậy. Còn Còi túm dương vật tôi bằng tay trái. Khắp người tôi tứa mồ hôi lạnh. Một chớp mắt sau, cơn đau xuyên thấu người tôi. Còi chùi máu trên lưỡi dao bằng khăn giấy, và Hộ pháp thả tôi ra khi Còi gấp lưỡi dao vào. Tôi nhìn quần lót trắng thấm đỏ máu. Hộ pháp lấy trong phòng tắm ra một chiếc khăn sạch để tôi ấn lên vết thương.

“Khâu bảy mũi là ổn trở lại thôi”, Còi nói. “Sẽ có một vết sẹo nhỏ, nhưng dưới đó ít ai nhìn thấy. Tôi thực sự lấy làm tiếc, nhưng không thể khác được.”

Tôi mở khăn ra xem vết thương. Vết cắt không sâu lắm. Nhưng đủ sâu để nhìn thấy thịt màu hồng lộ ra dưới máu.

“Khi chúng tôi đi khỏi và người của Hệ thống đến thì anh kể lại với họ rằng chúng tôi dọa sẽ cắt sâu hơn nếu anh không khai chỗ giấu đầu lâu. Anh thực sự không biết nên cũng không thể nói ra được. Sau đó chúng tôi rút lui. Tra tấn thế thôi. Nếu cần thì chúng tôi còn làm các chuyện khác nữa – tôi nói để chúng ta hiểu nhau cho chính xác. Nhưng hôm nay thế là đủ. Có thể còn có dịp để anh rõ chúng tôi có những trò gì khác nữa.”

Tôi chỉ gật đầu, ép khăn lên bụng. Tôi không rõ tại sao, nhưng có lẽ cứ xử sự theo lời bọn chúng là tốt nhất.

“Thằng cha thợ ống khí đốt được anh trả tiền chứ gì?, tôi hỏi. “Và dặn hẩn để bị bắt quả tang, sau đó tôi đem đầu lâu và các thông số bị xáo lộn đến chỗ an toàn, đúng không?”

“Thông minh ra phết”, Còi vừa nói vừa nhìn Hộ pháp. “Cứ tiếp tục làm như thế đi. Và có thể anh sẽ sống sót.”

Rồi cả hai biến khỏi. Không cần phải mở và đóng cửa. Cánh cửa sắt cong vênh bung khỏi bản lề rộng mở đón cả thế giới vào.

Tôi cởi quần lót vấy máu ném vào thùng rác và lấy gạc lau sạch máu trên vết thương. Mỗi lần cúi hay vươn người là cơn đau lại nhói thành nhịp như mạch đập. Tôi vứt nốt áo thun vì tay áo dính máu. Sau đó tôi kiếm trong đồng bừa bãi trên sàn một chiếc T-Shirt mà nếu có vết máu dính cũng khó nhận ra, mặc cùng một quần lót thật trẻ cập. Thế cũng đủ mệt.

Tôi vào bếp, uống hai cốc nước, vừa nghĩ đến chuyện này chuyện nọ vừa đợi người của Hệ thống đến.

Một nửa tiếng sau có ba người từ trung tâm xuất hiện. Một trong số họ là tay trẻ tuổi kênh kiệu ở bộ phận liên lạc vẫn hay đến lấy dữ liệu. Gã mặc bộ lễ màu sẫm như mọi khi, sơ mi trắng, cà vạt giống như nhân viên bộ phận tín dụng của nhà băng. Hai người kia đi giày thể thao và vận đồ như công nhân vận tải. Không có nghĩa là trông họ như một nhân viên nhà băng và hai công nhân, mà họ tạo ra một vẻ ngoài như vậy. Họ liên tục ngó nghiêng tứ phía, căng thẳng từng thớ thịt, sẵn sàng phản ứng với mọi hoàn cảnh và bất cứ sự công kích nào.

Và ba người này cũng không cần phải lịch sự gõ cửa hoặc cởi giày khi vào nhà. Trong khi hai công nhân lục khắp các xó xỉnh trong căn hộ, tay liên lạc viên thẩm vấn tôi về sự kiện vừa xảy ra. Gã rút một cuốn sổ tay đen từ túi trong áo khoác và ghi lại những chi tiết cơ bản bằng bút chì bấm. Tôi kể là có hai tên đến đây và lục lọi tìm một chiếc đầu lâu, sau đó tôi chỉ vết thương. Gã kênh kiệu xem rất kỹ nhưng không nói gì.

“Đầu lâu? Nghĩa là sao?”, gã hỏi.

“Sao mà biết được”, tôi nói. “Chính tôi cũng muốn biết.”

“Vậy là anh cũng chẳng biết gì cả?”, gã liên lạc viên hồ hững nói. “Anh nghĩ kỹ lại xem, vì rất quan trọng. Sau này có muốn sửa cũng muộn. Bọn ký hiệu sư không làm gì vô cơ cả. Nếu bọn chúng soát một căn hộ để tìm đầu lâu thì ắt chúng có cơ để phỏng đoán là ở đây có cái đầu lâu. Không có lửa thì làm sao có khói. Và cái đầu lâu phải có giá trị thì người ta mới tìm. Khó tin là anh không dính dáng gì đến chuyện ấy.”

“Nếu anh sáng suốt như vậy thì anh hãy cho tôi biết cái đầu lâu ấy có ý nghĩa gì.”

Gã liên lạc viên gõ gõ bút chì một hồi lâu lên cuốn sổ tay. “Chúng tôi sẽ điều tra kỹ càng vụ này. Và một khi là đã điều tra nghiêm túc thì thường là chúng tôi sẽ tìm ra. Nếu kết quả cho thấy anh giấu giếm gì thì

sẽ không hay ho lắm đâu, anh hiểu rõ điều đó chứ?”

Tôi xác nhận điều đó. Có trời biết rồi sẽ xảy ra chuyện gì. Không ai đoán được hậu vận cả.

“Chúng tôi biết bọn ký hiệu sư đang có âm mưu gì đó. Giờ thì chúng đã xuất quân. Nhưng ta vẫn chưa biết chính xác chúng theo đuổi mục đích gì. Cũng không rõ tại sao các đầu dây lại tụ lại ở chỗ anh. Và cái đầu lâu có ý nghĩa gì. Tuy nhiên, càng tập hợp nhiều dấu hiệu thì càng dễ lần ra cốt lõi thực sự của sự việc. Đó là điều chắc chắn.”

“Vậy bây giờ tôi phải làm gì?”

“Anh hãy cảnh giác. Anh hãy nghỉ xả hơi và chú ý cảnh giác. Trả lại mọi nhiệm vụ được giao đi. Và báo ngay cho chúng tôi nếu có gì xảy ra. Điện thoại ổn chứ?”

Tôi nhắc máy. Không có vấn đề gì. Nhất định hai tên kia cố ý không chạm đến điện thoại. Tôi không rõ tại sao. “Mấy tốt”, tôi nói.

“Anh nghe đây”, gã nói. “Anh phải thông báo ngay bất kỳ chuyện nhỏ nhất nào. Đừng tự ý làm gì cả. Đừng giấu giếm chuyện gì. Bọn này làm nghiêm trọng đấy. Lần tới anh sẽ không thoát thân với một vết xước cõn con thể này đâu.”

“Vết xước?”, tôi buột miệng.

Hai công nhân đã kiểm tra xong và quay vào bếp.

“Bọn nó làm kỹ lắm”, người lớn tuổi hơn nói. “Tiến hành có hệ thống và không bỏ sót vị trí nào. Rất chuyên nghiệp. Không nghi ngờ gì, đúng là bọn ký hiệu sư.”

Liên lạc viên gạt đầu và hai người kia rút lui. Hai chúng tôi ở lại một mình.

“Tại sao rách nát quần áo khi đi tìm đầu lâu?”, tôi hỏi. “Trong quần áo thì không giấu được đầu lâu, bất cứ loại nào.”

“Dân chuyên nghiệp mà. Không để sót khả năng có thể nào. Biết đâu anh gửi đầu lâu vào một tủ gửi đồ rồi giấu chìa khóa đi, và chìa khóa thì giấu đâu cũng được.”

“Đúng thế”, tôi nói. Đúng thế thật!

“Tôi muốn hỏi câu nữa: bọn ký hiệu sư không đưa ra đề nghị nào với anh à?”

“Đề nghị?”

“Chạy sang phe Nhà máy. Tiền. Danh vọng. Hoặc ngược lại: tổng tiền.”

“Chẳng có gì. Không một lời nào”, tôi nói. “Bọn nó chỉ rách bụng tôi và hỏi về đầu lâu.”

“Anh nhớ kỹ nhé”, liên lạc viên nói. “Nếu người ta đến tìm anh và định thuyết phục anh thay đổi ý kiến thì anh tuyệt đối không được nhận lời. Nếu anh gục thì chúng tôi thanh toán anh luôn, kể cả khi phải săn đuổi anh đến cùng trời cuối đất. Chúng tôi không dọa, mà hứa như vậy. Chúng tôi có nhà nước đứng sau lưng. Không có gì là chúng tôi không làm được cả.”

“Tôi sẽ ghi nhớ”, tôi nói.

Lúc mọi người đi khỏi, tôi xét lại sự việc một lần nữa, lần lượt từng điểm một. Nhưng không tìm được một kết luận nào. Vấn đề cơ bản là ông giáo sư có chủ định gì? Chừng nào chưa có câu trả lời thì mọi phỏng đoán đều vô ích. Tôi hoàn toàn không biết chuyện gì ẩn trong đầu óc của ông già.

Nhưng đã rõ một điều – tôi đã lừa dối Hệ thống, cho dù có thể nói là tôi bị tình thế đưa đẩy đến bước này. Nếu chuyện đó lộ ra – và sớm hay muộn sẽ lộ ra – thì tôi đã cho cả hai chân vào quan tài, đúng như gã liên lạc viên kênh kiệu kia đã tuyên bố. Kể cả khi họ châm chước là tôi phải nói dối trong tình trạng bị ép buộc. Họ sẽ không và không bao giờ tha lỗi cho tôi.

Trong khi những suy nghĩ ấy lướt qua óc, vết thương lại nhói lên khiến tôi phải gỡ danh bạ điện thoại tìm gọi công ty taxi gần nhà nhất để vào bệnh viện điều trị. Tay ép khăn vào vết thương, tôi mặc một chiếc quần rộng rồi xỏ giày. Để đi giày thì phải cúi xuống. Đau như xé người làm đôi. Một vết cắt cõn con chưa

đầy sáu phân, và con người ta thành một hình nhân rệu rã. Không xỏ nổi chân vào giày, không leo được cầu thang.

Tôi đi thang máy xuống nhà, ngồi vào bệ chậu cây cảnh cửa và đợi taxi. Đồng hồ chỉ một rưỡi. Mới có hai tiếng rưỡi từ khi Còi và Hộ pháp phá cửa vào phòng. Hai tiếng rưỡi lê thê, tôi thấy dài như mười tiếng.

Mấy bà nội trợ vác làn đi chợ ngang qua. Củ cải non và hành thò ra từ túi siêu thị. Tôi ghen tị đôi chút với họ. Không ai đập phá tủ lạnh của họ, và cũng chẳng rạch bụng họ. Nếu người ta chỉ phải lo chế biến củ cải và hành và chăm cho con cái khôn lớn thì cuộc đời diễn ra thật yên bình. Chẳng việc gì phải bận tâm tới đầu lâu thú một sừng, cũng không phải nát óc bởi những mật mã bí hiểm và những công tác phức tạp. Cuộc đời bình dị là như thế.

Tôi nhớ đến mấy con tôm đông lạnh đang rã đá trên sàn nhà, cả miếng bơ và xốt cà. Phải ăn trong hôm nay. Nhưng tôi không hứng gì ăn uống cả.

Ông đưa thư đi xe Cub đỏ đến và khéo léo phân phát thư từ vào các hộp thư cạnh cửa ra vào. Một số hộp thư đầy ứ, các hộp khác hầu như rỗng không. Ông không chạm vào hộp thư của tôi, thậm chí chẳng thèm nhìn.

Bên cạnh thùng thư có một cây đa búp đỏ trồng trong một chậu vương đầy que kem và đầu mẩu thuốc lá. Trồng cây đa cũng tàn tạ như tôi. Lầm người cứ thế đi tới để vứt tàn thuốc vào chậu hay ngắt một lá. Tôi không rõ nó đứng đấy từ bao giờ, nhưng nhìn bề ngoài thì có lẽ đã lâu rồi. Ngày nào tôi cũng đi ngang qua, nhưng chỉ nhận thấy nó khi ôm cái bụng bị rạch ngồi chờ taxi.

Bác sĩ nhìn vết rạch và hỏi vì sao tôi bị thương.

“Có vấn đề, vì chuyện đàn bà”, tôi nói. Không biết kể với ông ta gì khác. Có thể nhận thấy ngay là vết dao rạch.

“Trong những trường hợp ấy thì tôi có nghĩa vụ báo cho cảnh sát”, bác sĩ nói.

“Đừng báo cảnh sát”, tôi nói. “Tôi cũng không hẳn vô tội trong vụ này, cũng may là vết thương không sâu, ta có thể để yên chuyện này được không? Tôi xin ông.”

Ông bác sĩ cầu nhàu một hồi, nhưng rồi ông ra hiệu cho tôi nằm lên giường, sát trùng và tiêm vài mũi, lấy kim chỉ khéo léo khâu mấy mũi. Khi ông xong việc, một cô y tá mặt mũi hằm hằm dán một miếng gạc dày rồi quấn cả một dây chằng cao su quanh hông cho chặt. Trông tôi khá kỳ quặc.

“Hạn chế cử động mạnh hết sức”, bác sĩ nói. “Ngoài ra cấm rượu, cấm tình dục, và cấm cười to. Ông nên tránh cử động, đọc sách thì tốt. Mai quay lại.”

Tôi cảm ơn, ra trả tiền lệ phí, nhận một loại thuốc chống viêm và đi về nhà. Như bác sĩ dặn, tôi lên giường nằm và đọc Rudin của Turgenev. Thực ra tôi thích Những dòng nước mùa xuân hơn, nhưng khó tìm ra được cuốn ấy trong đồng đồ nát giữa nhà, vả lại xét cho cùng thì Những dòng nước mùa xuân cũng không hơn Rudin gì nhiều.

Bụng băng bó, tay cầm tiểu thuyết của Turgenev và nằm trên giường trước giờ hoàng hôn – bây giờ tôi bàng quan với mọi chuyện khác. Những gì xảy ra trong ba ngày vừa qua không phải do tôi thích ôm lấy. Nó ụp xuống đầu tôi, và tôi bị lôi kéo vào. Thế thôi.

Tôi vào bếp, thận trọng dọn mảnh chai chất đầy trong bồn rửa. Hầu hết chai lọ đã bị đập nát; chỉ còn một đế chai Chivas Regal là tương đối lành lặn và còn đọng chút whiskey. Tôi rót ra ly và giơ lên ánh sáng, không có mảnh chai trong đó. Tôi trở lại giường nằm, uống chỗ whiskey ấm ấm trong khi đọc tiếp. Tôi đọc Rudin lần cuối cùng khi còn là sinh viên, trước đây mười lăm năm. Hôm nay, sau mười lăm năm và bụng quần băng, tôi thấy có cảm tình với nhân vật chính hơn ngày xưa. Con người không một mình sửa các lỗi lầm được. Chậm nhất vào tuổi hai mươi lăm là nhân cách đã định hình, và từ đó trở đi về cơ bản không thay đổi gì nữa, mặc cho ta có cố gắng đến mấy. Vấn đề chỉ là thế giới xung quanh phản ứng ra sao với nhân cách ấy. Được whiskey nồng nàn làm cho phần chần, tôi cảm tình với Rudin. Các nhân vật của Dostoevsky hầu như không làm tôi quan tâm, nhưng của Turgenev thì tôi yêu mến ngay. Thậm chí tôi cũng khoái những nhân vật trong series Đồn cảnh sát số 87 của Ed McBain. Có lẽ vì tôi cũng có nhiều khiếm khuyết. Con người có xu hướng mến những người nhiều tật như mình. Nhưng nhân vật tiểu thuyết

của Dostoevsky thường có những khiếm khuyết không đáng gọi là khiếm khuyết, khiến tôi không hoàn toàn nhận ra mình trong đó. Ở Tolstoy thì các khiếm khuyết ấy lại quá bao trùm và quá cố hữu.

Đọc xong cuốn sách, tôi ném nó lên giá và lục trong bồn xem còn whiskey không. Tận dưới cùng còn thừa một tí Jack Daniel's Black Label, tôi rót ra và đem về giường cùng cuốn Đỏ và Đen của Stendhal. Hình như tôi có một thú đọc tiểu thuyết cổ hủ. Lấy đâu ra người trẻ tuổi hôm nay thích đọc Đỏ và Đen? Tôi thì khi đọc cuốn sách này rất tâm đầu ý hợp với Julien Sorel. Nhưng sai lầm của Sorel đã định hình từ hồi mười lăm tuổi, khiến tôi càng thích anh ta hơn. Thật đáng thương ột người đã thấy hình dáng đường đời còn lại của mình ở tuổi mười lăm. Chẳng khác gì đang tiến đến một nhà tù không đường đào thoát. Đi đến sự tàn lụi của mình, vây chặt trong một thế giới có đường bao quanh.

Tôi giật mình.

Tường.

Thế giới có bức tường bao quanh.

Tôi gập sách, bóc nốt ngum Jack Daniel's và hình dung ra thế giới sau bức tường. Tường tượng ra bức tường và cánh cổng thì đơn giản. Tường rất cao, cổng sừng sững. Tất cả im lìm. Và chính tôi ở bên trong. Nhưng cảm nhận về bản thân tôi cũng rất mờ ảo, tôi không thấy gì xung quanh. Toàn thành phố hiện ra rõ ràng từng chi tiết trước mắt tôi, nhưng sát xung quanh tôi mọi thứ mờ ảo. Và bên ngoài lớp màn dày đặc ấy có tiếng ai gọi tôi.

Tôi lắc đầu để rũ bỏ hình ảnh đó. Tôi mệt mỏi và kiệt sức. Tôi cho rằng nhất định bức tường là biểu tượng cho cuộc đời hạn hẹp của mình. Sự im lặng thể hiện âm thanh bị tắt đi. Màn sương mù quanh tôi có nghĩa là trí tưởng tượng của tôi đang sa vào cơn khủng hoảng sống còn. Và người đang gọi tôi ắt là cô gái màu hồng.

Sau khi phân tích giấc mơ ngắn một cách ngớ ngẩn như vậy, tôi lại mở sách ra. Nhưng tôi không sao tập trung đầu óc được nữa. Tôi nghĩ, cuộc sống của mình thật vô nghĩa, một con số không tròn trĩnh. Tôi đã tạo ra được gì? Chẳng được gì cả. Tôi có làm cho ai hạnh phúc không? Tôi chẳng làm ai hạnh phúc cả. Tôi có gì trong tay? Chẳng có gì. Không gia đình, không bè bạn, không có cả cánh cửa. Thậm chí không cương nổi lên. Và sắp tới có thể mất việc.

Và mục đích cuối cùng trong đời, niềm vui bình lặng với đàn vi ô lông xen và tiếng Hy Lạp, cũng đang lung lay. Nếu bây giờ mất việc thì mất luôn cơ sở tài chính để thực hiện giấc mơ đó. Và nếu Hệ thống theo dõi tôi đến cùng trời cuối đất thì tôi sẽ không còn thì giờ ghi nhớ các động từ Hy Lạp chia ngoài quy tắc.

Tôi không để ý thấy màn đêm sập xuống và bị quấn chặt trong màn u tối của Turgenev và Stendhal. Vết thương không đau lắm nữa, có thể vì tôi nằm nghiêng không động đậy. Đôi khi cảm giác đau không rõ rệt lan từ vết thương qua cạnh sườn, như tiếng trống bập bùng xa xa. Nhưng xong rồi thì tôi quên ngay vết thương. Đã bảy giờ hai mươi, nhưng tôi vẫn không thấy muốn ăn. Năm giờ sáng. Tôi ăn một lát bánh kẹp iu và chiêu sữa cho trôi. Một lúc sau tôi ăn chỗ salad khoai tây trong bếp. Sau đó không ăn gì nữa. Cứ nghĩ đến ăn là dạ dày lộn phèo lên. Tôi phờ phạc, thiếu ngủ, người ta rạch bụng tôi, căn hộ trông như bị trúng bom. Không muốn ăn cũng chẳng lạ.

Cách đây mấy năm tôi có đọc một truyện khoa học giả tưởng, nói về thế giới đắm chìm vào hoang tàn đổ nát; hôm nay nhà tôi trông hệt như thế. Cả sàn nhà phủ kín những thứ vô dụng – một bộ lê rách nát, đầu video bẹp rúm, ti vi cũng thế, lọ hoa tan tành, cây đèn gãy gục, đĩa nhạc bị giẫm vỡ, xốt cà chua chảy lênh láng, dây lao đứt rời... Lăn trong đó là sơ mi và quần lót có dấu giày xéo lên, dính mực và nho, có lẽ chỉ để vứt đi. Trước đó ba hôm tôi có mua nho và để đĩa nho trên mặt tủ cạnh giường. Hộ pháp đã gạt nó xuống đất và xéo nát chum nho. Những cuốn tiểu thuyết của Joseph Conrad và Thomas Hardy bị ném xuống từ trên giá đã ngấm no nước bắn của lọ hoa. Bó hoa lay ơn nằm trên chiếc áo len cashmere màu be nhạt, nom như vòng hoa đặt lên mộ tử sĩ. Một tay áo dây vết mực Pelikan màu xanh to bằng quả bóng bàn. Tất cả đã biến thành rác, một núi rác, mãi mãi là rác. Vì sinh vật đã biến thành dầu mỡ, gỗ thành than, nhưng rác trong nhà tôi chỉ là rác mà thôi. Một cái đầu video bị phá hủy có thể biến thành gì?

Tôi vào bếp và xếp lại đồng mảnh chai whiskey trong bồn rửa. Nhưng chẳng còn gì nữa, không còn lấy một giọt. Whiskey đã không chảy qua họng tôi mà chảy luôn xuống phễu thoát để biến mất dưới lòng đất, nơi

lũ ma đen ngự trị. Trong khi dọn dẹp, một mảnh chai cứa vào đầu ngón giữa tay phải. Tôi ngấm một lúc những giọt máu đỏ lên nhãn chai whiskey. Ai bị thương nặng thì chẳng đếm xỉa đến vết đứt cứa con con như vậy, chẳng chết đâu mà sợ.

Tôi để máu đỏ giọt một lát, nhưng thấy nó không cầm nên lấy khăn giấy lau đi rồi dán băng dính lên.

Bảy, tám lon bia nằm trên nền nhà bếp như các tít đạn pháo. Tôi nhặt lên, thấy âm ẩm. Nhưng bia ẩm còn hơn không có bia. Mỗi tay cầm một lon, tôi trở về phòng ngủ để vừa đọc tiếp Đỏ và Đen vừa uống bia. Tôi muốn dùng hơi men để xả bớt stress chất chồng từ ba ngày vừa qua – rồi sau đó ngủ, ngủ như chết. Trước khi những vấn đề của ngày hôm sau ụp xuống đầu mình – và rõ ràng là chúng sẽ đến – tôi muốn ngủ thật lâu, lâu bằng trái đất quay đủ một vòng quanh trục như Michael Jackson quay trên sân khấu. Rồi sau đó ngênh tiếp những vấn đề mới bằng niềm tuyệt vọng mới.

Giấc ngủ kéo dài đến lúc gần chín giờ trong căn hộ trông như bãi rác của tôi. Tôi quăng cuốn Đỏ và Đen xuống đất, tắt đèn và cuộn tròn lại như một thai nhi và thiếp đi giữa đồng hoang tàn.

Nhưng cũng chỉ được vài tiếng. Lúc mười một giờ đêm cô gái vận đồ hồng đến lay tôi dậy.

“Dậy đi! Tôi xin ông, dậy đi!”, cô gọi, “bây giờ không phải lúc để ngủ!” Cô nắm tay đầm thềm thụp lên người tôi. “Tôi xin ông hãy dậy trước lúc ngày diệt vong.”

Ngoài ? h ; P : còn biết những chuyện mà anh không biết. Nào, hỏi câu tiếp theo!”

“Các anh đã dứt tiền cho tay thợ khí đốt chiều hôm qua để hẩn ăn trộm cái đầu lâu?”

“Câu hỏi này tôi vừa trả lời ban nãy”, gã nói. “Chúng tôi không muốn đầu lâu. Chúng tôi không muốn gì cả.”

“Vậy thì ai dứt tiền cho tay thợ? Hay là tôi hư cấu ra hẩn?”

“Chúng tôi không biết”, Còi nói. “Chúng tôi cũng không biết nhiều thứ khác. Ta quay lại với các thí nghiệm của ông giáo sư. Chúng tôi biết mọi chi tiết của công trình nghiên cứu, chỉ không biết mục đích là gì. Đó là cái chúng tôi muốn biết.”

“Tôi cũng chẳng biết”, tôi nói. “Mà lại còn bị bao nhiêu bức mình vì việc này.”

“Chúng tôi biết rồi. Biết cả là anh chẳng biết gì. Anh chỉ là một công cụ thôi.”

“Thế thì tại sao các anh đến đây? Để làm gì?”

“Để chào anh thôi”, Còi nói và gõ bật lửa vào cạnh bàn. “Chúng tôi tin rằng nếu anh quen chúng tôi thì hơn. Nếu chúng ta cân bằng tri thức và quan điểm của nhau thì nhiều chuyện sẽ đơn giản hơn.”

“Cho phép tôi thả trí tưởng tượng bay bổng một chút nhé?”

“Cứ việc. Trí tưởng tượng tự do như chim trời và rộng như biển cả. Ai ngăn nó được?”

“Các anh không phải người của Hệ thống, cũng không phải phe Nhà máy. Người của cả hai tổ chức đều không hành xử như các anh. Có lẽ các anh là một tổ chức nhỏ độc lập đang kiểm thị phần mới. Tôi đoán đó là thị phần mà các anh muốn giành của Nhà máy.”

“Thấy chưa, tôi nói rồi mà”, Còi quay sang ông em họ Hộ pháp. “Một người nhanh trí!”

Hộ pháp gật đầu.

“Nhanh trí đến nỗi người ngoài phải ngạc nhiên tại sao anh sống trong cái túp lều thảm hại này. Nhanh trí đến nỗi người ngoài phải ngạc nhiên tại sao vợ anh bỏ đi”, Còi nói. Đã lâu lắm tôi không được khen ngợi nhiều như vậy. Mặt tôi đỏ ửng.

“Phỏng đoán của anh chủ yếu là trúng”, gã nói tiếp. “Với kết quả nghiên cứu của giáo sư chúng tôi sẽ thành một thế lực lớn trong cuộc chiến thông tin. Chúng tôi đã chuẩn bị bước đó và đầu tư đúng mức. Bây giờ thì chúng tôi muốn thu nạp anh và các kết quả nghiên cứu. Được như vậy chúng tôi sẽ đồng thời đục ruỗng cơ sở của Hệ thống và Nhà máy. Đó là mặt hấp dẫn của chiến tranh thông tin: rất dân chủ. Ai có trong

tay hệ thống mới nhất và tốt nhất, người đó sẽ thắng. Và thắng toàn diện. Sức mạnh không đóng vai trò gì cả. Người nào nhanh trí sẽ thắng

“Tôi không quan tâm điều đó”, tôi nói. “Những người như tôi là bánh răng nhỏ trong guồng máy, chỉ biết gò lưng kéo cày. Tôi chỉ nghĩ đến công việc mà thôi. Nếu các anh đến đây để kéo tôi về...”

“Anh không hiểu”, Còi chặc lưỡi đầy vẻ trách móc. “Chúng tôi không có ý định lôi kéo anh về phía chúng tôi. Tôi nói rồi, chúng tôi muốn thu nạp anh. Câu hỏi tiếp theo!”

“Ma đen là ai?”

“Ma đen sống trong lòng đất, trong các hầm tàu điện ngầm và hệ thống cống ngầm. Chúng ngốn các căn bã của thành phố, uống nước thải. Ít khi chúng chạm trán với người. Vì vậy không mấy ai biết đến sự tồn tại của ma đen. Nhìn chung thì chúng không làm gì hại đến người, trừ phi có ai đó một mình lạc lối trong lòng đất. Người đó sẽ bị ma đen bắt và ăn thịt. Ở công trường xây tàu điện ngầm đôi khi vẫn thấy một công nhân mất tích, phải không?”

“Chính phủ không biết gì về chuyện này sao?”

“Tất nhiên có biết. Nhà nước cũng không ngu đến thế đâu. Họ biết cả đấy, hay ít nhất là một số nhân vật cao cấp trong số họ.”

“Tại sao người ta không cảnh báo cho người dân biết, hoặc tổ chức săn đuổi chúng?”

“Thứ nhất là”, gã nói, “báo ra một tin như thế chỉ gây hoảng loạn. Anh không tin thế sao? Mọi người sẽ lo sợ khi biết dưới chân mình lúc nhúc những sinh thể bí hiểm nào đó. Thứ hai: không diệt tận gốc chúng được. Ngay cả khi điều toàn bộ Lực lượng Phòng vệ xuống lòng đất Tokyo cũng không diệt được toàn bộ bọn ma đen, trong màn đêm dưới đó chúng chơi trên sàn nhà. Không thể tránh nổ ra chiến tranh. Và cũng phải suy tính một điểm nữa: bọn ma đen có mạng lưới rộng ngay dưới lầu đài của Thiên hoàng. Nếu có sự cố gì, đêm đến chúng sẽ đào hầm chui lên và lôi tất cả những ai trên đó xuống. Nước Nhật sẽ chìm trong hỗn mang. Anh không tin thế sao? Vì vậy chính phủ không muốn động đến bọn ma đen. Ngược lại thì ai đồng minh với ma đen sẽ có quyền lực vô biên. Bất cứ đảo chính hay một trận ác chiến, ai cùng phe với ma đen sẽ đảm bảo không thiệt thòi. Thậm chí ma đen còn sống sót qua chiến tranh nguyên tử. Tuy nhiên, hiện tại không có ai đồng minh với ma đen, vì chúng cực kỳ đa nghi, bình thường chúng tuyệt đối tránh va chạm với người.”

“Nhưng tôi lại nghe nói rằng ký hiệu sư đã bắt tay với ma đen?”, tôi nói.

“Đúng là có tin đồn như vậy. Nhưng nếu có thật thì cũng chỉ đúng với một bộ phận ma đen có lý do gì đó để tạm thời bắt tay với ký hiệu sư. Không đáng để tâm. Về lâu dài, không thể có chuyện ma đen và ký hiệu sư đồng minh với nhau. Tôi không nghĩ là ta phải bận lòng chuyện này.”

“Nhưng ông giáo sư đã bị ma đen bắt cóc!”

“Chuyện ấy cũng đã đến tai tôi. Nhưng chúng tôi không biết cụ thể hơn. Cũng phải tính đến khả năng ông giáo sư bày trò này để ngụy trang. Ba, bốn phe cánh giành một miếng mồi, có trời biết họ còn dùng mẹo gì.”

“Ông giáo sư đã làm gì?”

“Ông ấy tiến hành một dự án cực kỳ đặc biệt”, gã Còi nói trong khi ngấm cái bật lửa từ mọi góc cạnh. “Làm độc lập, không cùng Hệ thống, cũng không cùng Nhà máy. Các ký hiệu sư luôn luôn tìm mọi cách đoạt thế vượt trội trên các toán sư, còn toán sư thì tìm cách hắt cẳng ký hiệu sư. Ông giáo sư chọn đúng khe hở giữa hai phe để tiến hành một công trình nghiên cứu có thể khuynh đảo cả thế giới. Giờ thì ông ta cần anh. Không cần người toán sư trong anh, mà chính anh, chính con người anh.”

“Con người tôi”, tôi thất kinh hỏi. “Ông ta cần gì ở tôi? Tôi không có khả năng gì xuất chúng, tôi chỉ là một người hoàn toàn bình thường. Có lý do gì để chính tôi lại là người góp phần làm khuynh đảo thế giới?”

“Đó cũng là cái chúng tôi muốn biết”, Còi nói và quay đảo chiếc bật lửa giữa các ngón tay. “Chúng tôi có linh cảm, nhưng không biết gì rõ rệt. Chỉ biết anh là nhân vật trung tâm trong các nghiên cứu của giáo sư.

Ông ấy đã làm việc này từ lâu, phần chuẩn bị đã hoàn tất và bây giờ đang đi vào giai đoạn chót. Mà anh thì không biết gì.”

“Và khi giai đoạn chót chấm dứt thì các anh sẽ thu nạp tôi và các kết quả, đúng không?”

“Đúng vậy”, Còi nói. “Nhưng trời đang kéo mây đen. Nhà máy nghe phong thanh vụ này và đã lao vào cuộc. Bắt buộc chúng tôi cũng phải vào cuộc. Quả là không hay lắm.”

“Hệ thống có biết gì không?”

“Không. Chắc là chưa nghĩ thấy gì. Mặc dù họ theo dõi công việc của ông giáo sư chặt chẽ gấp đôi.”

“Ông giáo sư là một người như thế nào?”

“Ông ấy đã làm việc mấy năm cho Hệ thống. Tuy nhiên không làm thuê như anh, mà ở bộ phận nghiên cứu trung tâm. Lĩnh vực chuyên môn của ông ấy là...”

“Làm cho Hệ thống?”, tôi kêu lên. Sự việc ngày càng rối rắm thêm. Còn tôi, người đứng giữa mọi mối quan tâm, lại là người duy nhất không biết gì.

“Đúng như thế. Ngày trước ông giáo sư là một dạng đồng nghiệp của anh đấy”, Còi nói, “nếu hiểu theo nghĩa là cả hai cùng làm ột tổ chức, chứ chắc là hai người chưa hề gặp nhau. Tổ chức này có chi nhánh rất rộng và phức hợp, thêm vào đó lại chú trọng công tác giữ bí mật như một đức tin vậy, do đó chỉ có một nhóm chuyên viên biết chuyện gì đang xảy ra ở đâu và như thế nào. Tóm lại là tay phải không rõ tay trái làm gì, và mắt phải nhìn các hình khác mắt trái. Quy tụ lại một điểm là đơn giản có quá nhiều thông tin để có thể xử lý được hết. Các kỹ hiệu sư tìm cách ăn cắp dữ liệu, và các toán sư tìm cách bảo vệ dữ liệu. Cả hai tổ chức ngày càng phát triển, nhưng cả hai đều không làm chủ được dòng lũ dữ kiện.

Vậy là ông giáo sư tìm một đường khác. Ông bỏ việc ở chỗ Hệ thống và chỉ nghiên cứu công trình riêng của mình. Ông ấy cực kỳ đa năng. Sinh lý học não bộ, sinh học, tâm lý học, điện mao học - ở bất cứ lĩnh vực nào liên quan đến tâm thần và ý thức hệ con người, ông đều chiếm vị trí đỉnh cao. Một nhà khoa học thiên tài với tầm cỡ các vĩ nhân thời Phục hưng. Rất hiếm hoi trong thời buổi này.”

Tôi nóng bừng mặt mũi khi nhớ lại đã giảng giải cho ông ta về rửa số và xáo trộn dữ liệu.

“Người ta hoàn toàn được phép cả quyết rằng sự phát triển các phương pháp tính được toán sư ứng dụng hôm nay phần lớn là công lao của giáo sư. Nói cách khác, các anh là đàn kiến cần mẫn được người ta cấy vào óc các phương pháp của giáo sư nghĩ ra”, Còi nói. “Hay anh nghĩ hình ảnh đó quá rẻ rung?”

“Không, hoàn toàn không”, tôi nói.

“Vậy là ông giáo sư rút lui, và ngay lập tức giới ký hiệu sư tung lời mời mọc. Kỳ thực phần lớn toán sư bỏ nghề đều đầu quân cho Nhà máy. Nhưng giáo sư từ chối. Ông nói là chỉ mình ông theo đuổi được các công trình nghiên cứu này. Hành động, cùng một lúc ông biến giới toán sư và ký hiệu sư thành kẻ thù. Đối với các toán sư, ông là người biết quá nhiều, còn đối với giới ký hiệu sư thì ông là người của phe kia. Đối với bọn này, ai không là bạn thì là thù. Ông ta ý thức được chuyện đó, vì vậy ông lập phòng thí nghiệm ngay gần một ổ ma đen. Anh đã đến đó, đúng không?”

Tôi gật đầu.

“Một nước cờ cao. Không ai lại gần phòng thí nghiệm được. Quanh đó lúc nhúc đầy những ma đen, và cả toán sư lẫn ký hiệu sư đều yếu thế. Khi vào phòng thí nghiệm và khi rời khỏi đó, giáo sư bật các sóng âm mà lũ ma đen rất sợ. Chúng rút lui ngay. Giáo sư tiến qua khoảng trống như nhà tiên tri Moses đi qua biển: một thành trì được bảo vệ hoàn hảo. Ngoài cô cháu gái của giáo sư, hình như anh là người duy nhất từng có mặt trong phòng thí nghiệm. Chứng tỏ anh là người quan trọng. Chắc chắn giáo sư sắp chạm tay đến giải pháp; ông gọi anh đến để hoàn tất bước cuối cùng trong công trình nghiên cứu của mình.”

Thật choáng. Từ ngày cha sinh mẹ đẻ chưa ai gán cho tôi nhiều ý nghĩa trọng đại như vậy. Cảm giác là một nhân vật quan trọng rất khó tả. Tôi vẫn chưa hiểu được hết.

“Nếu giáo sư gọi tôi đến với mục đích ấy”, tôi nói, “thì những dữ liệu thí nghiệm mà tôi đã mã hóa cho ông ấy chỉ là môi nhử, là thứ vô giá trị, đúng không?”

“Không, hoàn toàn sai”, Còi nói. Gã lại ngó xuống đồng hồ. “Những dữ liệu ấy là một chương trình được thiết kế rất tinh vi. Một kiểu bom hẹn giờ. Khi thời điểm đã đến: Bùm! Tuy nhiên, đó cũng chỉ là phỏng đoán. Chúng tôi không biết chính xác. Muốn biết phải hỏi giáo sư. Tiếc rằng chúng tôi không có nhiều thì giờ. Có lẽ chúng ta chấm dứt hàn huyên ở đây thôi nhỉ? Chúng tôi còn một việc nhỏ sắp phải làm nữa.”

“Cháu gái của ông giáo sư là người như thế nào?”

“Hừm, người như thế nào nhỉ?”, Còi ngạc nhiên. “Chúng tôi không biết. Chúng tôi không có thì giờ theo dõi mọi người mọi việc. Anh có vẻ khoái con bé?”

“Không”, tôi nói. Không, có lẽ không.

Không rời mắt khỏi tôi, Còi đứng dậy, cầm bật lửa và thuốc lá trên bàn đút vào túi quần. “Tôi nghĩ, anh đã đủ hiểu vị trí của anh và của chúng tôi. Thêm một chi tiết nhỏ nữa: chúng tôi đang theo đuổi một kế hoạch. Hiện tại các thông tin của chúng tôi chi tiết hơn của bọn ký hiệu sư, chúng tôi đang đi trước một bước. Nhưng so với Nhà máy thì tổ chức chúng tôi còn yếu. Nếu chúng nhấn ga thì vượt được chúng tôi ngay – và cán bẹp chúng tôi. Vậy thì chúng tôi phải đánh lạc hướng chúng để tránh việc đó. Anh hiểu chứ?”

“Vâng”, tôi nói. Tôi hiểu quá đi chứ.

“Chúng tôi không tự lực làm được việc này, vì vậy cần có người hỗ trợ. Ở địa vị chúng tôi thì anh kiếm hỗ trợ của ai?”

“Của Hệ thống”, tôi nói.

“Thấy chưa?”, Còi nói với Hộ pháp, “nhanh trí ra phết!” Gã lại nhìn tôi. “Để làm việc này chúng tôi cần một con mồi. Không có mồi không nhử được cá. Anh sẽ là con mồi.”

“Tôi không khoái vai trò này lắm”, tôi nói.

“Không ai hỏi anh có khoái hay không”, gã nói. “Chúng tôi không có lựa chọn khác. À, phần tôi cũng có một câu hỏi: trong nhà này anh thấy thứ gì giá trị nhất?”

“Chẳng có gì”, tôi nói. “Tôi không có thứ gì giá trị. Toàn đồ rẻ tiền.”

“Tôi cũng thấy thế. Nhưng nhất định anh không muốn một, hai thứ bị đập nát chứ! Rẻ hay đắt, dù sao thì anh cũng sống ở đây.”

“Đập nát?” Tôi giật mình. “Nghĩa là gì?”

“Đập nát nghĩa là... đập nát, chứ còn gì nữa. Nhìn cánh cửa kia kìa”, Còi nói và trở vào cánh cửa cong vênh bật khỏi bản lề. “Đập nát chỉ để đập nát. Chúng tôi sẽ phá hủy mọi thứ ở đây.”

“Để làm gì?”

“Tôi không giải thích trong một câu được, mà nếu được thì cũng chẳng thay đổi việc chúng tôi phá hủy căn phòng này. Vậy thì nói đi, cái gì anh thấy quan trọng. Chúng tôi sẽ lấy nó làm định hướng.”

“Đầu video”, tôi nhượng bộ. “Và ti vi. Toàn đồ đắt tiền, tôi mới mua. Và chỗ rượu whiskey dự trữ trong tủ lạnh.”

“Gì nữa?”

“Bộ lê và áo da cổ lông, áo của phi công ném bom Mỹ đấy.”

“Gì nữa?”

Tôi nghĩ một lát xem còn đồ gì quá giá nữa. Không, chẳng còn gì nữa. Tôi không phải dạng người biến nhà mình thành một kho báu.

“Thế là hết”, tôi nói.

Còi gật đầu. Hộ pháp cũng gật.

Thoạt tiên Hộ pháp mở tủ bếp và tủ tường, lôi ra thanh ép lò xo mà đôi khi tôi vẫn tập thể thao, vòng ra sau lưng và ấn tẹt lò xo. Tôi chưa thấy ai ép được hết mức như vậy. Rất ấn tượng.

Sau đó hắn cầm thanh ép lò xo bằng cả hai tay và đi vào phòng ngủ. Tôi rướn người ra trước để xem. Hộ pháp đứng trước ti vi, lấy đà hết sức và đập vào màn hình. Thủy tinh vỡ vụn, hàng trăm tia chớp lóe lên, và chiếc ti vi 72 inch tôi vừa mua cách đây ba tháng nằm chỏng chơ như một quả dưa hấu bị vỡ.

“Ồ kìa...”, tôi nói và định nhòe dấy, nhưng Còi đập tay xuống bàn chặn tôi lại.

Tiếp đó, Hộ pháp túm lấy chiếc đầu video và đập mặt có các núm nhiều lần vào cạnh sườn ti vi. Mấy núm bật bay tung tóe, dây điện chập xòe lửa, một làn khói bay lên trời như một linh hồn được cứu rỗi. Khi Hộ pháp thấy đầu máy đã nát bét, hắn ném cục sắt vụn xuống đất và rút một con dao trong túi. Lưỡi dao bật ra. Rồi hắn mở tủ quần áo, rạch nát chiếc áo da và bộ lê Brooks Brothers, cả hai cộng lại ngót hai trăm nghìn yên.

“Anh đã nói là để lại những đồ có giá trị cơ mà!”, tôi thét lên.

“Tôi không nói thế”, gã thản nhiên trả lời. “Tôi chỉ hỏi anh thứ gì đối với anh quan trọng nhất, chứ đâu nói là chúng được giữ lại. Các vật có giá trị nhất thì đập phá trước tiên. Dễ hiểu!”

Tôi lấy một lon bia từ tủ lạnh ra và ngồi nhìn Hộ pháp đập căn hộ ẩm cứng và lịch lãm của mình thành từng mảnh.

16. Chương 16

16

Mùa Đông Đến

Khi thức dậy, tôi thấy mình nằm trên giường. Có hương vị quen thuộc. Giường tôi, trong phòng tôi. Vậy mà tôi cảm thấy tất cả đều hơi khác lạ so với trước. Căn phòng như một phong cảnh tái sinh trong ký ức của tôi. Những vết ố trần nhà, mạch vữa nứt trên tường, tất cả.

Tôi nhìn ra cửa sổ. Đang mưa. Những giọt mưa mùa đông trong trẻo như băng trút xuống đất. Tôi nghe chúng ràn rạt quất lên mái nhà. Nhưng cảm giác về khoảng cách của tôi bị nhiễu loạn. Nghe như mái nhà áp sát vành tai tôi và đồng thời xa lắc xa lơ.

Ông đại tá ngồi trên ghế đầu cạnh cửa sổ và ngắm mưa trong tư thế nghiêm trang như mọi khi, im phăng phắc. Tôi không hiểu vì sao ông ngắm mưa một cách chăm chú như vậy. Mưa là mưa. Mưa rơi trên mái nhà, làm ướt mặt đất và chảy xuống sông, có gì mà phải bận tâm.

Tôi thử nâng tay sờ lên trái nhưng không làm nổi. Nhất cử nhất động đều khó khăn. Tôi muốn nói cho ông đại tá biết điều ấy nhưng không thốt ra lời. Thậm chí tôi cũng không thể đẩy hơi thở trong ngực ra. Có vẻ như mọi công năng của cơ thể từ đầu đến chân đều đã đi mất. Việc duy nhất tôi có thể làm được là giữ ắt mở để quan sát cửa sổ, trời mưa và ông già. Tôi không hề nhớ lại được cái gì đã làm tôi kiệt quệ đến mức này. Cứ định hồi tưởng là đầu tôi lại đau như bị bổ làm đôi.

“Mùa đông”, ông già nói và gõ ngón tay lên cửa kính. “Mùa đông đã đến. Giờ thì cậu đã ngộ ra là nó nguy hiểm đến mức nào rồi, đúng không?”

Tôi gật đầu, rất gượng nhẹ.

Đúng thế - bức tường thành mùa đông, chính nó đã làm tôi đau đớn thế này.

Và sau đó – tôi đã băng qua rừng, về đến thư viện. Đột ngột tôi nhớ lại cảm giác tóc cô gái vương trên má.

“Con bé ở thư viện đã đưa cậu về đây đây. Ông gác cổng cũng giúp một tay. Cậu bị sốt cao và mê sảng. Và đổ mồ hôi nữa – khiếp quá! Đây cả mấy xô. Hôm kia.”

“Hôm kia...”

“Đúng thế. Cậu ngủ li bì hai ngày”, ông già nói. “Tôi cứ tưởng là cậu không bao giờ tỉnh dậy nữa. Hình như cậu vẫn cứ vào rừng phải không?”

“Xin ông thứ lỗi”, tôi nói.

Ông già bắc nồi trên lò xoong và mức nước nghi ngút khói ra đĩa. Rồi ông đỡ tôi dậy rồi dựa vào tấm đầu giường. Nó kêu răng rắc như một bộ xương mệt mỏi.

“Trước tiên là cậu phải ăn đã”, ông già nói. “Suy nghĩ và xin lỗi thì sau này cũng được. Đói không?”

Tôi lắc đầu. Lấy hơi cũng đủ mệt.

“Nhưng thứ này cậu phải uống đi một chút. Nào, ba thìa là đủ. Ba thìa thôi, được không?”

Tôi gật.

Nước thuốc đắng đến nỗi tôi suýt ọe ra, nhưng rồi tôi cũng nuốt nổi ba thìa. Sau đó bải hoải cả người.

“Thế là tốt rồi”, ông già nói và gác thìa lên đĩa. “Nước hơi đắng một chút, nhưng nó hút mồ hôi độc ra khỏi cơ thể. Rồi cậu sẽ thấy, ngủ một giấc nữa là người khỏe hơn hẳn. Giờ thì ngủ đi. Tôi ở lại đây cho đến khi cậu tỉnh lại.”

Khi tôi thức dậy thì bên ngoài đã tối mờ. Gió thổi nước mưa ràn rạt đập vào cửa kính. Ông già ngồi ở cạnh giường.

“Thế nào? Khỏe hơn rồi chứ?”

“Ít nhất thì cũng khỏe hơn ban nãy nhiều”, tôi nói. “Mấy giờ rồi ạ?”

“Tám giờ tối.”

Tôi gượng dậy, nhưng chân cẳng còn run lảo.

“Cậu định đi đâu?”, ông già hỏi.

“Đến thư viện. Tôi phải đọc mớ”, tôi nói.

“Cậu điên rồi sao? Với thể trạng này cậu không đi nổi mười bước.”

“Nhưng tôi không thể cứ...”

Ông già lắc đầu. “Mấy giấc mơ xưa vẫn còn đó. Vả lại ông gác cổng và con bé biết là cậu hiện tại không đi lại được. Đẳng nào thì có lẽ thư viện cũng đóng cửa rồi.”

Ông thở dài, đi ra bếp lò rót trà và quay lại. Gió vẫn đập ầm ầm vào cửa sổ.

“Tôi đoán là cậu mê con bé rồi”, ông nói. “Tôi không thể bịt tai để tránh nghe cậu nói gì trong lúc mê sảng, vì tôi ngồi bên giường cậu suốt ngày. Lúc mê sảng thì người ta cứ nói thôi. Không việc gì mà phải ngượng cả. Ai trẻ mà chẳng yêu đương. Tôi nói đúng không nào?”

Tôi gật đầu, không nói gì.

“Con bé dễ thương đấy. Nó cũng rất lo lắng cho cậu”, ông vừa nói vừa húp trà. “Nhưng cậu mê nó thì không hợp với điều kiện hiện tại. Tôi cũng lấy làm tiếc khi phải nói câu đó với cậu, song suy cho cùng thì tôi có trách nhiệm cho cậu biết vài điều về xứ này.”

“Sao lại không hợp?”

“Vì nó không thể đáp lại tình cảm của cậu. Không ai có lỗi cả. Cậu không có lỗi gì, và nó cũng không. Cùng lắm là có thể nói rằng chuyện đời là vậy, và người ta không thể đảo lộn chuyện đời, giống như không thể đảo ngược dòng chảy của sông vậy.”

Tôi ngồi dậy, lấy cả hai tay xoa lên má. Có vẻ như mặt tôi hóp lại.

“Ông ám chỉ tâm hồn, phải không?”

Ông già gật đầu.

“Ông cho rằng tôi có tâm hồn, nhưng cô ấy thì không, do đó tôi yêu cô ấy đến mấy cũng vô ích – có phải thế không?”

“Đúng thế đấy”, ông già nói. “Trong việc này cậu chỉ thiệt thòi mà thôi. Đúng như cậu vừa nói: con bé ấy không có tâm hồn. Tôi cũng vậy. Chẳng ai ở đây có cả.”

“Vâng, nhưng ông rất thân thiện với tôi. Ông chăm sóc tôi, canh cả ngày lẫn đêm bên giường tôi. Không phải đó là biểu hiện của tâm hồn

sao?”

“Không, đó là chuyện khác. Thân thiện khác với tâm hồn, nó là một công năng độc lập, nói cho đúng hơn, nó là một công năng bề nổi, như một thói quen mà thôi. Tâm hồn thì khác hẳn. Nó sâu sắc và mạnh mẽ hơn nhiều. Và cũng mâu thuẫn hơn.”

Tôi nhắm mắt lại, cố tập hợp những ý nghĩ đang bị tán loạn.

“Như tôi hiểu”, tôi nói, “thì con người đánh mất tâm hồn khi bị mất bóng mình. Đúng thế không ạ?”

“Đúng, hoàn toàn chính xác.”

“Và cô ấy không thể có lại tâm hồn vì bóng cô ấy đã chết, phải không?”

Ông già gật đầu. “Tôi đã đến tòa thị chính để đọc hồ sơ về bóng của con bé. Không có gì nghi ngờ nữa. Bóng nó chết rồi, hồi ấy nó mới mười bảy; người ta đã chôn bóng nó đúng quy định ngoài rừng táo. Đã ghi vào biên bản mai tang. Nếu cậu muốn biết cụ thể hơn thì cứ hỏi nó. Những gì từ miệng nó thì chẳng nào cũng khiến cậu tin hơn là nghe tôi nói. Cũng nên nói thêm một chuyện: con bé bị tách khỏi bóng trước khi nó biết suy nghĩ. Có nghĩa là hình như chính nó cũng không biết mình ngày xưa đã từng có tâm hồn. Như vậy con bé là một người khác tôi, vì tôi là người từ bỏ bóng mình một cách tự nguyện và khi đã có tuổi. Ít nhất thì tôi cũng hiểu được cảm xúc trong cậu – còn nó thì không.”

“Nhưng cô ấy nhớ rất rõ về mẹ mình. Theo lời cô ấy kể thì mẹ cô ấy giữ tâm hồn của mình, ngay cả khi người ta đã để nó chết. Tôi cũng không biết lý do tại sao, nhưng có thể điều ấy mang lại lợi ích gì đó chẳng. Có thể cô ấy được hưởng chút gì từ tâm hồn của mẹ mình.”

Ông già lắc tách trà nguội ngắt mấy vòng rồi uống cạn.

“Cậu chớ tự mê hoặc mình!”, ông nói. “Tuồng thành không bỏ sót một mảnh vụn nào của tâm hồn! Kể cả còn sót lại một vẩy nhỏ đi nữa thì tuồng thành cũng thu lại. Và nếu không làm được tuồng sẽ tống con bé đi biệt xứ. Giống như đã từng làm với mẹ nó thì phải.”

“Vậy nghĩa là tôi đừng có hy vọng gì nữa chứ gì?”

“Tôi không muốn thấy cậu thất vọng. Thành phố hùng mạnh, cậu thì yếu. Hy vọng là cho đến giờ cậu đã ngộ ra điều đó.”

Ông già ngó đăm đăm một hồi lâu vào tách trà trên tay mình.

“Nhưng cậu có thể sở hữu nó.”

“Sở hữu?”, tôi hỏi.

“Ừ. Cậu có thể ngủ với con bé, cũng có thể chung sống với nó. Ở thành phố này cậu có thể sở hữu mọi thứ cậu thích.”

“Chỉ tâm hồn thì không?”

“Thế đấy. Tâm hồn thì không”, ông già nói. “Tâm hồn cậu cũng sắp mất rồi. Một khi nó đã biến mất thì cảm giác mất mát và tuyệt vọng cũng mất theo. Tình yêu mà không đi đến đâu cũng biến mất. Chỉ có cuộc sống ở lại. Một cuộc sống bình lặng, yên ả. Cậu thích con bé, và có thể nó cũng thích cậu. Nếu cậu muốn gì sẽ được này. Không ai tước đi của cậu cả.”

“Tôi thấy mọi việc đều khó hiểu”, tôi nói. “Tuy rằng tôi vẫn còn có tâm hồn, nhưng đôi khi tôi cũng đánh lạc mất nó. Không, ngược lại mới đúng: hiếm khi tôi không đánh lạc mất nó. Mặc dù vậy, tôi có niềm tin

mong manh rằng một lúc nào đó nó sẽ quay lại, và niềm tin ấy tồn tại, cho tôi sức mạnh. Vì lẽ ấy tôi không hình dung nổi đánh mất tâm hồn kỳ thực nghĩa là gì.”

Ông già im lặng gật gù. “Cậu là người thông minh. Và còn đủ thời gian để suy ngẫm.”

“Tôi sẽ tận dụng thời gian đó”, tôi nói.

Trong mấy ngày tiếp theo không hề có ánh mặt trời. Khi đã hạ sốt, tôi đứng dậy ra mở cửa và hít thở không khí trong lành. Nhưng hai ngày sau cơ thể tôi vẫn yếu nhược đến nỗi không thể bám chặt vào thành cầu thang hay xoay nắm đấm cửa. Tối nào ông đại tá cũng cho tôi uống nước thảo dược đắng ngắt và ăn một thứ cháo gạo. Rồi ông ngồi xuống giường tôi và kể những chuyện đánh nhau ngày xưa. Ông không dă động đến chuyện tường thành và cô thủ thư nữa, và tôi cũng ngại không dám hỏi. Nếu còn gì để chia sẻ thì tự ông đã nói ra rồi.

Ngày thứ ba thì tôi đã đi lại khá vững. Tôi mượn cây gậy chống của ông già và đi lại trong khu công chức. Trong khi đi, tôi nhận thấy mình đã sút cân khủng khiếp. Có lẽ cơn sốt làm tôi giảm cân, nhưng đó mới chỉ là một chuyện. Mùa đông đem lại cho vạn vật quanh tôi một sự nặng nề khó tả, nhưng với tôi thì không. Minh tôi được loại trừ.

Tôi có thể nhìn thấy nửa thành phố từ sườn dốc của Đồi Tây. Tôi thấy con sông, tháp đồng hồ, tường thành và Cửa Tây mờ mờ títt đằng xa. Mắt tôi quá yếu để nhìn thấy các chi tiết qua cặp kính đen, tuy nhiên tôi vẫn nhận ra không khí mùa đông làm nổi bật đường viền bóng thành phố, nổi rõ hơn hẳn mọi khi. Tựa như trận gió mùa của mùa đông từ dãy núi phía bắc đã quét sạch từ xó xỉnh và thổi hết bụi bặm bám trên lớp vôi tường bạc phếch.

Tôi chợt nhớ tấm bản đồ sắp phải nộp cho bóng. Do ốm mà tôi đã trễ hạn nộp mất gần một tuần. Nhất định tôi đã làm bóng phải lo lắng – hoặc nó cho rằng đã bị tôi bỏ mặc. Biết đâu nó đã tuyệt vọng. Tôi buồn vô cùng.

Ông đại tá đưa tôi một đôi giày lao động cũ. Tôi tách lột giày ra, gấp bản đồ thật nhỏ dút vào rồi đẩy lót giày lên. Tôi tin là bóng sẽ tháo tung đôi giày lên để tìm bản đồ. Sau đó tôi đem giày đến chỗ ông già và hỏi ông có đi thăm bóng hộ tôi và tự tay chuyển cho nó đôi giày này.

“Nếu chỉ có một đôi giày thể thao mỏng, nếu tuyết còn rơi tiếp tục sẽ buốt chân”, tôi nói. “Tôi không tin ông gác cổng. Nhưng ông thì thoải mái được gặp bóng của tôi.”

“Chuyện vặt, được thôi”, ông già nói và cầm đôi giày.

Gần tối ông quay về nói, ông đã tự tay trao đôi giày cho bóng.

“Nó lo nghĩ vì cậu lăm đấy”, ông đại tá nói.

“Nó có khỏe không ạ?”

“Có vẻ nó hơi bị rét, nhưng nói chung là khỏe. Chưa có gì đáng lo cả.”

Vào lúc gần tối ngày thứ mười từ khi hết sốt, rốt cuộc tôi thấy đủ sức lực đi xuống đồi và tới thư viện.

Tôi đẩy cửa ra. Không khí trong ngôi nhà có vẻ còn tù đọng hơn mọi khi, vô hồn và thiếu hơi người như một căn phòng lâu ngày không có ai ở. Bếp lò không đốt, ấm nước lạnh ngắt từ bao giờ. Tôi mở nắp ra – nước cà phê trắng đục. Tôi thấy trần nhà cao hơn hẳn mọi ngày. Đèn tắt, không một tiếng động, chỉ có tiếng chân tôi vang vang lạ tai trong ánh sáng nhấp nhোয় bụi bặm. Không thấy bóng cô thủ thư. Trên mặt quầy phủ một lớp bụi mỏng.

Tôi không biết làm gì hơn là ngồi xuống ghế băng gỗ đợi cô. Cổng bên ngoài không khóa, vậy thì cô không thể đi đâu lâu. Tôi cứ thế đợi, run cầm cập vì lạnh. Nhưng cô không xuất hiện. Trời dần tối. Tôi cảm thấy như thế giới đã tàn lụi, chỉ riêng tôi và thư viện không hề hấn gì. Người ta đã để tôi một mình ở lại nơi tận cùng thế giới. Tôi vươn tay ra – và không chạm được vào thứ gì cả.

Cái nặng nề của mùa đông cũng có mặt trong phòng nơi tôi đang ngồi. Mọi đồ vật như bị đóng đinh. Tôi ngồi trong bóng đêm, tay chân trở nên không trọng lượng, tách ra khỏi người tôi, tự kéo dài và thu ngắn lại. Tựa như tôi đứng trong phòng cười lát gương méo mó và làm trò với hình phản chiếu biến dạng của mình.

Tôi đứng dậy bật đèn. Rồi tôi chất đầy than vào xô, nhóm lò sưởi và quay lại ngồi ở ghế băng. Ánh sáng làm mọi thứ tối hơn, bếp lửa khiến xung quanh lạnh hơn.

Hoặc là tôi quá chìm sâu vào suy nghĩ, hoặc sự mệt mỏi trong cơ thể khiến tôi thiếp đi một lát – một lúc nào đó tôi chợt tỉnh, nhận ra cô gái đang đứng im trước mặt và cúi xuống nhìn mình. Ngọn đèn sau lưng cô tung ra một làn bụi sáng vàng thô thiển, khiến bóng cô thủ thỉ tối đen và mờ ảo. Tôi ngẩng lên nhìn một hồi lâu. Cô mặc chiếc măng tô màu lam như mọi khi, kéo đuôi tóc một bên ra phía trước và nhét vào ve áo. Người cô tỏa mùi gió lạnh.

“Anh tưởng em không quay lại nữa”, tôi nói. “Anh ngồi đây đợi em mãi.”

Cô cầm ấm nước ra bồn, đổ cà phê cũ đi, tráng ấm, lấy nước mới rồi đặt lên bếp. Sau đó cô kéo đuôi tóc dưới ve áo ra, cởi măng tô treo lên mắc.

“Tại sao anh nghĩ là em không đến nữa?”, cô hỏi.

“Anh không biết”, tôi nói. “Có cảm giác như thế.”

“Chừng nào anh còn cần em thì em còn đến. Anh vẫn cần em đấy chứ?”

Tôi gật đầu. Tôi cần cô, nhất định.

“Vâng, có thể lắm. Lúc anh hỏi rằng chúng mình có biết nhau từ trước chưa, thoát tiên em cũng nghĩ thế.”

Cô ngồi trước bếp lò và nhìn vào lửa một hồi lâu.

“Bóng của em bị tách ra và đưa ra ngoài tường thành lúc em lên bốn. Từ đó nó sống ở thế giới ngoài kia và em ở thế giới trong này. Em không biết nó làm gì. Cũng giống như nó không biết gì về em. Ngày em mười bảy tuổi, nó quay về thành phố và chết ở đây. Tất cả các bóng đều quay về đây để chết. Ông gác cổng chôn chúng ngoài rừng táo.”

“Và nhờ vậy em đã thành công dân chính thức của thành phố chứ gì?”

“Vâng. Cùng với bóng, phần sót lại của tâm hồn em cũng được chôn cất. Anh vẫn nói tâm hồn giống như ngọn gió, nhưng phải chăng chính chúng ta mới giống gió hơn? Chính chúng ta cứ đi con đường của mình mà không suy nghĩ gì. Chúng ta sẽ không già đi, không bao giờ chết.”

“Em có gặp lại bóng khi nó quay về?”

Cô lắc đầu. “Không. Nó và em không có lý do gì để gặp nhau. Đối với em, bóng là một người lạ hoặc, chẳng liên quan gì đến em cả.”

“Nhưng có khi nó lại chính là em.”

“Vâng, có thể”, cô nói. “Nhưng bây giờ chuyện đó không có ý nghĩa gì nữa. Mọi sự đã an bài.”

Ấm nước trên lò ùng ục sôi. Tôi nghe như tiếng gió hú cách đó mười dặm.

“Anh vẫn cần em chứ?”

“Có, anh cần em”, tôi đáp.

17. Chương 17

17

Tận Cùng Thế Giới, Charlie

Parker, Bom Nổ Chậm

“Tôi xin ông”, cô gái mồm mĩm gọi. “Tôi xin ông hãy dậy trước thời điểm thế giới tận cùng.”

“Càng tốt”, tôi rên lên. Vết thương của tôi đau như xé.

“Sao ông lại nói thế? Có chuyện gì vậy?”, cô bé hỏi.

Tôi hít một hơi thật sâu, lấy tay áo T-Shirt lau mồ hôi trên mặt.

“Hai thằng đàn ông ập vào đây”, tôi phì hơi ra, “và rạch bụng tôi một vết dài sáu phân.”

“Bằng dao?”

“Như mổ con lợn tiết kiệm”, tôi nói.

“Nhưng bọn nó là ai? Và muốn gì?”

“Chính tôi cũng muốn biết”, tôi nói. “Tôi đã nghĩ nát óc suốt buổi. Kết quả là con số 0. Không biết may. Cô có thể cho tôi biết tại sao mọi người giày xéo tôi như một tấm thảm chùi chân không?”

Cô gái lắc đầu.

“Tôi nghi hai thằng đó có thể là đồng bọn của cô. Hai đứa rạch bụng tôi ấy.”

Cô gái mồm mồm ngơ ngác nhìn tôi một chặp. “Tại sao ông lại nghĩ thế được?”, cô hét lên.

“Tôi không biết. Có thể tôi muốn đổ tội cho ai đó để dễ chịu đựng được chuyện này – một khi không biết điều gì hơn.”

“Nhưng cũng chẳng giải thích được gì.”

“Cũng chẳng giải thích được gì, đúng vậy”, tôi nói. “Nhưng đó đâu phải vấn đề của tôi? Tôi không gây ra chuyện gì. Ông cô đã tra dầu, bôi mỡ và bẻ lái. Có gì tôi phải quan tâm giải thích?”

Con đau lại dội lên. Tôi mím môi lại và đợi – như một nhân viên hỏa xa canh chắn đường đợi tàu đi qua.

“Ví dụ như hôm nay chẳng hạn! Chưa bảnh mắt thì cô đã gọi điện kêu cứu, vì ông cô biến mất. Tôi vội lao đi, và ai là người không đến? Cô. Tôi về nhà và leo lên giường, lập tức có hai thằng khốn nạn mò đến, đập phá nhà tôi và rạch bụng tôi ra. Sau đó là người của Hệ thống đến hỏi cung tôi. Giờ lại đến lượt cô. Mọi chuyện có vẻ như theo kế hoạch và được thống nhất. Người này chuyển bóng cho người kia. Đúng ra là cô biết gì trong vụ này?”

“Cũng không biết gì nhiều hơn ông, thú thực là vậy. Tôi chỉ giúp ông tôi một tay trong việc nghiên cứu và làm những gì ông tôi bảo. Làm việc này việc nọ, đi đây đi đó, gọi điện, viết thư. Thế thôi. Ông tôi theo đuổi mục đích nào thì tôi cũng biết ít như ông thôi.”

“Nhưng cô đã giúp ông ấy nghiên cứu.”

“Cũng đúng, nhưng chỉ toàn việc kỹ thuật, thuần túy xử lý dữ liệu. Tôi không có kiến thức chuyên môn. Giả sử có nhìn hay nghe thấy gì thì tôi cũng chẳng hiểu nổi.”

Tôi tập trung suy nghĩ, gõ đầu ngón tay lên răng cửa. Tôi cần một xuất phát điểm. Tối thiểu phải bám vào đầu đó trước khi tình thế hoàn toàn mất kiểm soát.

“Cô có nói là ta phải ra tay trước thời điểm thế giới tận cùng. Thế nghĩa là gì? Tại sao thế giới tận cùng, và bằng cách nào?”

“Tôi không biết. Ông tôi nói thế. Nếu xảy ra chuyện gì với ông tôi thì đó là thời điểm thế giới tận cùng. Ông tôi nói thế không để đùa cợt. Nếu ông tôi nói tận cùng thế giới thì nó cũng đến lúc tận cùng.”

“Tôi không hiểu”, tôi nói. “Thế giới tận cùng nghĩa là sao? Ông cô nói thế thật à? Hay nói chữ khác, ví dụ như thế giới kết thúc? Hay thế giới này thế là chấm dứt hoặc tương tự?”

“Không. Ông tôi nói thế giới tận cùng.”

Tôi lại gõ đầu ngón tay lên răng cửa. Tận cùng thế giới.

“Và... chuyện tận cùng thế giới này dính dáng gì đó đến tôi, đúng không?”

“Vâng. Ông là chìa khóa. Ông tôi nói vậy. Từ nhiều năm nay, ông tôi hoàn toàn hướng các nghiên cứu của mình vào ông.”

“Cô nghĩ lại đi, hãy nhớ lại!”, tôi nói. “Chữ ‘bom hẹn giờ’ có thể mang ý nghĩa gì?”

“Bom hẹn giờ?”

“Gã đàn ông rạch bụng tôi đã nói chữ ấy. Những dữ liệu số mà giáo sư đưa tôi xử lý là một dạng bom hẹn giờ. Khi nào đến thời điểm là: Bùm! Hẳn nói thế nghĩa là quái gì nhỉ?”

“Ông tôi – đây hoàn toàn là một lời phỏng đoán của tôi – bỏ hết thời gian để nghiên cứu tâm lý con người, từ khi phát minh ra kỹ thuật xáo dữ liệu”, cô gái nói. “Tôi tin rằng tất cả bắt đầu với hệ thống xáo trộn. Trước đó bao giờ ông tôi cũng nói chuyện với tôi về mọi thứ trên đời. Về các công trình nghiên cứu, về những việc đang làm, về kế hoạch định làm những gì. Như vừa nói, tôi hầu như không có kiến thức chuyên môn, nhưng những gì ông tôi kể đều rất dễ hiểu và thú vị. Tôi rất yêu những giờ trò chuyện như thế.”

“Sau khi phát triển hệ thống xáo trộn dữ liệu thì đột nhiên ông cô sinh kiện lời, đúng không?”

“Vâng. Ông tôi lui về phòng thí nghiệm dưới đất và không nói một lời nào có tính chuyên môn nữa với tôi. Mỗi lần tôi hỏi thì chỉ nhận được câu trả lời vu vơ.”

“Và cô cảm thấy cô đơn?”

“Cô đơn khủng khiếp.” Cô lại nhìn tôi một lát. “Cho phép tôi lên giường ông nhé? Tôi rét quá.”

“Tùy cô – nếu cô đừng chạm vào vết thương của tôi và không động dậy”, tôi nói. Dường như toàn bộ đàn bà trên thế giới này không còn việc gì hay hơn là leo lên giường với tôi!

Cô gái đi vòng quanh giường và chui vào chăn mà không cởi bộ đồ màu hồng ra. Tôi đưa cho cô một trong hai cái gối xếp chồng lên nhau. Cô đập gối cho phồng rồi gối đầu lên. Gáy cô tỏa mùi hương đưa bỏ như tôi đã nhận thấy trong lần gặp mặt đầu tiên. Tôi khó nhọc lăn nghiêng sang một bên để nhìn về phía cô. Chúng tôi nằm nhìn nhau.

“Tôi chưa bao giờ gần một người đàn ông như thế này”, cô gái nói.

“Hừm”, tôi thốt lên.

“Tôi cũng không mấy khi vào thành phố. Vì vậy tôi không thể đến chỗ hẹn sáng nay, tôi không biết đường. Ông đang chỉ đường thì âm thanh bị ngắt.”

“Sao cô không gọi taxi? Có địa chỉ là đủ.”

“Tôi không cầm đủ tiền. Tôi vội đi quá mà quên là người ta cần tiền khi ra ngoài. Vì vậy tôi phải chạy bộ.”

“Cô không còn ai thân thuộc nữa à?”, tôi hỏi.

“Bố mẹ và các em tôi bị chết vì tai nạn giao thông khi tôi lên sáu. Một chiếc xe tải tông vào từ đằng sau xe họ, bình xăng phát lửa, tất cả chết cháy.”

“Cô là người duy nhất sống sót?”

“Lúc đó tôi nằm trong bệnh viện. Cả nhà đang trên đường đến thăm tôi.”

“Ra thế”, tôi nói.

“Từ đó trở đi tôi sống với ông. Tôi không đến trường và cũng ít khi ra ngoài, không có bạn bè...”

“Cô không đến trường?”

“Không”, cô nói, tựa như đó là một chuyện đương nhiên. “Ông tôi cho là không cần thiết. Ông tự dạy cho tôi mọi thứ. Tiếng Anh, tiếng Nga, giải phẫu học. Còn bác tôi dạy nấu ăn và khâu vá.”

“Bác của cô?”

“Bà giúp việc, một phụ nữ đáng yêu sống cùng nhà. Bác chết cách đây ba năm vì ung thư. Từ đó ông cháu tôi sống một mình.”

“Vậy là cô chưa bao giờ đi học từ khi lên sáu?”

“Chưa, nhưng cũng chẳng hề hấn gì. Tôi biết đủ thứ. Tôi nói bốn ngoại ngữ, chơi dương cầm và kèn xắc xô phôn, có thể lắp điện đài, biết làm hoa tiêu, đi thăng bằng trên dây và đọc rất nhiều sách. Và món bánh kẹp của tôi cũng làm ông ngon miệng đấy chứ?”

“Tuyệt vời”, tôi nói.

“Đến trường học nghĩa là mười hai năm mài mòn trí óc, ông tôi hay nói thế. Bản thân ông cũng chỉ đi học vài hôm.”

“Đáng phục thật”, tôi nói. “Thế cô không thấy cô đơn khi không có bạn bè cùng tuổi?”

“Ồ, tôi không biết. Tôi nhiều việc lắm, chẳng có thì giờ nghĩ tới chuyện ấy. Vả lại tôi cũng khó trò chuyện được với bạn bè cùng lứa.”

“Thôi được”, tôi nói. Cô ta có lý.

“Nhưng tôi rất chú ý đến ông.”

“Vì sao?”

“Trông ông rất mệt mỏi, nhưng sự mệt mỏi ấy dường như lại là một dạng năng lượng vậy. Thật là khó hiểu”, cô thủ thỉ. “Ông có biết chơi kèn xắc xô phôn không?”

“Sao cơ?”

“Ông có đĩa nào của Charlie Parker không?”

“Tôi nghĩ là có. Nhưng tôi không có sức đâu mà tìm trong cái đồng ngổn ngang này. Vả lại giàn stereo hỏng rồi, đằng nào cũng không nghe đĩa được.”

“Ông có biết chơi nhạc cụ nào đó không?”

“Tôi không biết chơi gì cả”, tôi nói.

“Cho phép tôi sờ vào ông nhé?”

“Không!”, tôi nói. “Vết thương đau lắm.”

“Khi nào vết thương lành rồi, tôi có được sờ không?”

“Khi vết thương lành rồi, và lúc đó thế giới vẫn chưa tận cùng... Ta quay lại chuyện đang bàn lúc nãy đi. Cô nói là ông cô thay đổi tâm tính từ khi phát triển hệ thống xáo dữ liệu?”

“Vâng, đúng thế, ông tôi như biến thành một người khác, hầu như không nói một lời nào với tôi, tính tình bất thường và hay độc thoại.”

“Cô còn nhớ ông cô nói gì về hệ thống xáo dữ liệu không?”

Cô bé mồm mĩm nghĩ ngợi một hồi, tay mân mê chiếc bông tai vàng. “Ông tôi nói, hệ thống này là cửa mở tới một thế giới mới. Thoạt tiên ông phát minh ra hệ thống này như một chương trình phụ trợ để xáo trộn cơ cấu các dữ liệu máy tính, nhưng nếu sử dụng đúng cách thì, như ông nói, nó có sức mạnh đảo lộn cơ cấu cả thế giới. Như vật lý hạt nhân sinh ra bom nguyên tử vậy.”

“Vậy thì hệ thống xáo dữ liệu là cửa mở tới thế giới mới, còn tôi là chìa khóa mở cửa ấy, phải không?”

“Tôi không rõ.”

Tôi gõ đầu ngón tay vào răng cửa. Bây giờ có một cốc whiskey với đá thì nhất, nhưng trong nhà này thì bó tay.

“Liệu có thể ông cô muốn làm thế giới này tàn lụi?”

“Không, tuyệt đối không thể thế được. Ông tôi là một người thù nghịch, tính khí bất thường và ngang bướng, đúng, nhưng thực ra là một người tốt. Như ông và tôi.”

“Cảm ơn”, tôi nói. Chưa có ai nói với tôi câu ấy bao giờ.

“Ông tôi lúc nào cũng sợ kết quả nghiên cứu của mình rơi vào tay kẻ xấu và bị lạm dụng. Ông không bao giờ dùng nó ục đích độc ác cả. Ông thôi việc ở Hệ thống vì ông tin là ở đó chẳng sớm thì muộn họ cũng làm chuyện đó. Vì vậy ông lui về ẩn dật và nghiên cứu một mình.”

“Nhưng Hệ thống ở phe Thiện, chống lại phe Nhà máy là những kẻ ăn cắp dữ liệu đem bán ngoài chợ đen, và Hệ thống bảo vệ tác quyền.”

Cô bé mồm mĩm nhìn tôi một cách thăm dò rồi nhún vai. “Ông tôi không bao giờ coi đó là vấn đề Thiện và Ác, Thiện và Ác là hai đặc tính nền tảng của con người, tác quyền là một chuyện khác.”

“Cũng được, không phải là ông không có lý”, tôi nói.

“Ông tôi nghi ngờ mọi dạng thức quyền lực. Có những lúc ông làm việc với Hệ thống, nhưng chỉ vì ở đó ông được cung cấp đầy đủ tài liệu và điều kiện thí nghiệm, cũng như được sử dụng máy tính lớn để thực hiện các mô hình mô phỏng. Ông tôi thường nói là một khi hệ thống xáo dữ liệu phức hợp đã hoàn tất thì ông sẽ tiếp tục nghiên cứu một mình, vì như thế thuận tiện hơn và hiệu quả hơn. Phần còn lại là công việc của chất xám, ông không cần cơ sở hạ tầng của Hệ thống nữa.”

“Thì ra thế”, tôi nói. “Lúc từ bỏ Hệ thống ông có sao chép và lấy đi các thông số cá nhân của tôi không?”

“Tôi không biết”, cô nói. “Nhưng chuyện đó không khó với ông hồi nắm cương vị giám đốc cơ sở nghiên cứu của Hệ thống, vừa được tiếp cận mọi dữ liệu vừa có quyền sử dụng chúng.”

Có lẽ các phỏng đoán của tôi chính xác. Chắc chắn ông giáo sư đã đánh cắp các thông số cá nhân của tôi để sử dụng trong nghiên cứu của riêng mình và dùng tôi như vật thí nghiệm để phát triển lý thuyết xáo dữ liệu. Mọi chi tiết đều khớp nhau, đúng như tên Còi đã nói, ông giáo sư đã vào giai đoạn quyết định trong nghiên cứu của mình và gọi tôi đến để đưa cho tôi những thông số vô vấn khả dĩ gây ra phản ứng tâm lý trong khi xáo dữ liệu bằng một mật mã ẩn.

Nếu đúng thế, phản ứng ấy đã bắt đầu diễn ra trong ý thức – hay đúng hơn là tiềm thức – của tôi rồi. Một quả bom hẹn giờ, theo lời tên Còi. Tôi nhắm tính thật nhanh xem bao nhiêu thời gian đã trôi qua kể từ khi xáo dữ liệu. Nửa đêm hôm qua là lúc tôi xong việc, nghĩa là đã được gần hai mươi tư tiếng. Đó là điều chắc chắn.”

“Một câu hỏi nữa”, tôi nói. “Tận cùng thế giới, cô đã nói thế, đúng không?”

“Vâng, đó là lời ông tôi.”

“Ông nói câu ấy trước khi sử dụng thông số của tôi trong nghiên cứu, hay sau đó?”

“Sau đó”, cô bé nói. “Tôi nghĩ là sau đó. Mãi dạo gần đây ông tôi mới nói về tận cùng thế giới. Tại sao? Nó có ý nghĩa gì chẳng?”

“Tôi không rõ. Nhưng tôi thấy lẩn cẩn như thế nào đó. Vì mật khẩu xáo dữ liệu của tôi là Tận cùng thế giới. Khó có thể là chuyện tình cờ.”

“Chuyện gì diễn ra trong Tận cùng thế giới của ông?”

“Tôi không biết. Nó xảy ra trong đầu tôi, nhưng ở một vị trí ẩn mà tôi không tiếp cận được. Tôi chỉ biết mật khẩu là Tận cùng thế giới.”

“Có xóa được mật khẩu không?”

“Không thể”, tôi nói. “Cả một tiểu đoàn lính cũng không thể vào được kết sắt của Hệ thống. Chế độ kiểm tra rất ngặt, ngoài ra còn lắp một hệ thống bảo vệ đặc biệt.”

“Ông tôi đã lợi dụng vị thế của mình để đánh cắp thông số, đúng không?”

“Gần như chắc chắn. Tuy nhiên tôi cũng chỉ phỏng đoán thôi. Ta phải trực tiếp hỏi ông, không có cách nào khác.”

“Vậy thì ông sẽ giải cứu ông tôi khỏi tay bọn ma đen?”

Tôi ngồi dậy trên giường, tay ép vào vết thương. Đầu nhức như búa bổ.

“Tôi không có lựa chọn nào khác”, tôi nói. “Đằng nào thì tôi cũng không thể để sự việc tự nó tiến triển, kể cả khi không biết ông của cô định làm gì với Tận cùng thế giới. Tôi có cảm giác là người nào đó sắp bị một đòn sấm phạt khủng khiếp nếu ta không ngăn chặn được, dù bằng cách nào.” Và có khi chính tôi là người nào đó.

“Muốn vậy thì trước hết ông phải giải cứu ông tôi đã.”

“Vì ba chúng ta là người tốt?”

“Chính thế”, cô gái mũm mĩm nói.

18. Chương 18

18

Đọc Mơ

Vậy là tôi tiếp tục đọc các giấc mơ xưa mà không biết gì về tâm hồn mình. Ngoài trời ngày càng lạnh hơn và tôi cũng không thể chùng chình công việc của mình mãi được. Vả lại, chừng nào còn tập trung tinh thần đọc mơ thì tôi quên được cảm giác mất mát – ít nhất là trong giờ phút ấy.

Thay vào đó, càng đọc nhiều giấc mơ xưa thì một cảm xúc khác ngày càng chế ngự tôi: cảm giác bất lực sinh ra từ việc tôi không hiểu thông điệp mà giấc mơ xưa đem đến, dù tôi có đọc nhiều đến mấy. Tôi đọc chúng đã đành, nhưng không luận ra được ý nghĩa của chúng. Có lẽ kết quả cũng giống nếu tôi đọc đi đọc lại một câu hoàn toàn vô nghĩa hoặc ngày ngày quan sát dòng sông chảy. Đơn giản là tôi chẳng đạt được gì hơn. Trong kỹ thuật đọc mơ thì tôi có tiến bộ, nhưng không vì thế mà tôi giỏi hơn. Bây giờ tôi đã xử lý được một lượng lớn các giấc mơ xưa một cách thuần thục và khéo léo, nhưng qua đó sự trống rỗng của công việc này càng biểu hiện rõ hơn. Con người không ngần ngại bất cứ nỗ lực nào để đạt tiến bộ. Còn tôi cứ giẫm chân tại chỗ.

“Anh không biết các giấc mơ thực ra có ý nghĩa gì”, tôi nói với cô thủ thư. “Em đã nói, nhiệm vụ của anh là đọc các giấc mơ xưa trong đầu lâu. Nhưng chẳng có gì trong đó động lại trong anh, chúng như đi xuyên qua anh. Anh không hiểu được một giấc mơ nào trong đó, và càng đọc thì anh càng có cảm giác mình bị tận dụng, bị hao mòn.”

“Vậy mà anh cứ đọc tiếp tục như bị ma ám! Tại sao?”

“Anh không biết”, tôi nói và lắc đầu. Một mặt, nhất định tôi vui đầu vào công việc để lấp đầy hố sâu ngày càng lớn trong mình. Nhưng tôi thừa biết đó không thể là lý do duy nhất. Cô thủ thư nói có lý: tôi đọc như bị ma ám.

“Em cho là vấn đề ở chính trong anh”, cô nói.

“Trong anh?”

“Vâng. Em nghĩ là anh phải cởi mở tâm hồn hơn nữa. Tuy em chẳng hiểu gì về tâm hồn nhưng hình như tâm hồn anh bị khóa chặt. Anh nên thích đọc các giấc mơ xưa như chúng thích được anh đọc.”

“Sao em lại nghĩ thế?”

“Vì đó là bản chất việc đọc mơ. Hệt như chim chóc đến mùa là bay về phương Bắc hay phương Nam, còn người đọc mơ thì phải đọc mơ.”

Cô với tay qua bàn, đặt lên tay tôi. Và mỉm cười. Một nụ cười như ánh nắng mùa xuân dịu dàng tuôn ra giữa những làn mây.

“Hãy rộng mở tâm hồn! Anh không phải tù nhân. Anh là một cánh chim ngang trời, trên đường tới những giấc mơ.”

Kỳ thực là tôi cũng chẳng còn đường nào khác là thực sự cẩn trọng bắt tay vào từng giấc mơ. Tôi lấy trong dây đầu lâu vô tận xếp trên giá ra một chiếc và thận trọng vác nó ra bàn như một đứa trẻ con. Rồi cô thủ thư giúp tôi lau sạch bụi bẩn trên đó bằng một cái khăn ẩm, sau đó dùng khăn khô cọ cho bóng lên, nhẵn

nại và kỹ lưỡng, cho đến khi nó trắng tinh như tuyết mới rơi. Sự tương phản sáng tối khiến hai hố mắt toang hoác phía trước trông như hai cái giếng sâu không đáy.

Tôi khẽ áp tay lên đầu lâu, đợi nó thức dậy dưới hơi ấm bàn tay và lờ mờ tỏa sáng. Khi đã đạt được một nhiệt độ nhất định – không nóng bỏng, mà chỉ âm ấm như một khoảng sân dưới ánh mặt trời yếu ớt của mùa đông – chiếc đầu lâu được cọ cho bóng loáng bắt đầu kể ra những giấc mơ xa xưa tích tụ trong nó. Tôi nhắm mắt, hít thở thật sâu, mở rộng tâm hồn và lấy đầu ngón tay dò theo những câu chuyện đang được nó kể ra. Nhưng âm thanh phả ra nóng như tơ, hình ảnh hiện lên mờ ảo trong làn sương trắng như những vì sao xa xăm trên nền trời ban mai. Tôi không đọc được gì hơn vài mảnh vụn vô nghĩa, dù có hết sức cố gắng nói chúng với nhau để mong thành một hình tròn vẹn.

Tôi nhìn thấy những cảnh tượng chưa từng biết trong đời, nghe tiếng nhạc chưa bao giờ đến tai và những lời nói thì thầm không sao hiểu nổi. Tất cả xuất hiện cùng lúc và cũng đột ngột chìm vào đêm đen sâu thẳm. Giữa mảnh nọ và mảnh kia dường như không có sợi dây liên hệ. Tựa như khi ta dò sóng radio, từ kênh này nhảy qua kênh kia và chuyển ngay sang kênh tiếp theo. Tôi thử đủ cách để tập trung tinh thần mạnh hơn và đầu ngón tay nhưng cố đến mấy cũng chẳng ích gì. Rõ ràng tôi cảm nhận được rằng những giấc mơ xưa định nói với mình điều gì, nhưng đơn giản là tôi không thể đọc ra điều đó ở dạng một câu chuyện ra đầu ra đuôi.

Có thể do kiểu đọc của tôi còn khiếm khuyết. Hoặc thứ ngôn ngữ của chúng ta nhiều năm ròng đã mòn mỏi và trục trặc. Hoặc cũng có thể tồn tại nhiều khác biệt về thời gian và ngữ cảnh giữa câu chuyện của chúng và câu chuyện do tôi nghĩ ra.

Dù thế nào đi chăng nữa, tôi không còn cách nào khác ngoài việc thăm lặng dõi theo những mảnh vỡ khác nhau hiện ra rồi lại biến đi. Tất nhiên đôi lúc cũng xuất hiện vài hình ảnh hay ấn tượng mà tôi thấy quen thuộc và dễ hiểu. Ví dụ như những cảnh thường nhật của ngọn cỏ run rẩy trong gió, mây trắng trôi ngang trời hay ánh mặt trời lấp lánh trên mặt nước. Nhưng chính những hình ảnh vô hồn đó lại đè nặng tâm hồn tôi với một nỗi sầu muộn bí hiểm khó tả nổi bằng lời. Tuy nhiên, những yếu tố sinh ra nỗi sầu muộn ẩn ở đâu trong các hình ảnh đó, đối với tôi là một câu đố không có lời giải. Như những con tàu ngoài kia trôi ngang khung cửa sổ, hình ảnh hiện ra rồi mất đi, không để lại dấu vết, không một lời giải thích.

Sau khoảng mười phút, hơi ấm lùi ra xa như nước triều xuống, và trước mặt tôi lại hiện nguyên hình chiếc đầu lâu trắng ớn, lạnh tanh. Những giấc mơ xưa lại chìm vào giấc ngủ dài dằng dặc, hình ảnh trôi đi như nước lọt qua kẽ tay rơi xuống đất. Công việc của tôi, “người đọc mơ”, là như thế đấy, chỉ có đầu lâu và đầu lâu, vô tận.

Khi chiếc đầu lâu đã nguội hẳn, tôi trả lại nó cho cô thủ thư và cô đặt nó lên giá cạnh những chiếc khác. Trong lúc đợi, tôi đặt tay lên bàn, vung vẩy tay chân cho đỡ tê và thư giãn. Mỗi tối tôi đọc được tối đa năm, sáu giấc mơ. Quá số đó là tôi mất tập trung, đầu ngón tay tôi cố lắm cũng chỉ có thể nhận ra một điểm nhỏ bùng nhùng. Khi kim đồng hồ chỉ mười một giờ, thường là tôi mệt bã người, kiệt sức đến mức không muốn đứng dậy nữa.

Những lúc ấy cô thủ thư luôn đun một ấm cà phê mới, đôi khi cô còn mang bánh quy hay bánh mì hoa quả mới nướng từ nhà đến. Chúng tôi ngồi đối diện nhau, không nói gì trong khi ăn. Thường là tôi quá mệt để có hứng chuyện trò. Cô hiểu và im lặng đồng cảm.

“Có thể vì lỗi của em mà anh không cởi mở tâm hồn?”, cô hỏi. “Có thể tâm hồn anh bị khóa chặt vì em không biết cách đáp lại xúc cảm của anh?”

Như mọi khi, chúng tôi ngồi ở bậc thang từ đoạn giữa Cầu Cũ dẫn xuống bãi cát bồi và nhìn xuống sông. Vầng trăng vỡ thành muôn mảnh nhỏ màu trắng lạnh ngắt trên mặt nước. Con thuyền gỗ nhỏ mà ai đó đã buộc vào cọc cạnh mép bãi bồi làm đổi âm điệu của nước. Do chúng tôi ngồi bên nhau trên bậc thang hẹp, vai tôi suốt buổi nhận được hơi ấm từ người cô. Lại thật, tôi nghĩ. Con người đánh đồng tâm hồn với hơi ấm. Nhưng hơi ấm xác thịt và hơi ấm tâm hồn chẳng giống gì nhau.

“Không, không”, tôi nói. “Tâm hồn không cởi mở là vấn đề của riêng anh. Em không có lỗi gì cả. Anh không nắm bắt được tâm hồn mình, vì thế anh bối rối.”

“Nghĩa là anh cũng không hiểu nổi tâm hồn mình?”

“Cũng tùy”, tôi nói. “Đôi khi một thời gian sau người ta mới hiểu chuyện gì đã xảy ra, và thường là quá muộn. Nhưng trong đa số các trường hợp thì thực tế ta phải ra quyết định, dù không thể hiểu tâm hồn mình, lúc đó thì ai cũng thấy lúng túng.”

“Có vẻ như tâm hồn là một thứ gì tương đối kém hoàn hảo”, cô mỉm cười.

Tôi rút tay khỏi túi và ngắm nhìn, chúng trắng bệch như vôi dưới ánh trăng, như hai tượng điêu khắc hoàn chỉnh không còn chỗ trên thế giới này.

“Ừ, anh cũng có cảm tưởng như thế. Rất kém hoàn hảo”, tôi nói. “Nhưng nó để lại dấu vết. Và ta có thể lần theo dấu vết ấy như theo dấu chân hằn lên tuyết.”

“Và chúng đưa đến đâu?”

“Đến với chính mình”, tôi đáp. “Tâm hồn là thế đấy. Thiếu nó thì không có một định hướng nào.”

Tôi ngược nhìn lên trời. Trăng mùa đông treo trên thành phố có tường bao quanh và tỏa sáng quá mức. “Không, em chẳng có lỗi gì cả”, tôi nói.

19. Chương 19

19

Hamburger, Skyline, Thời Hạn

Trước tiên chúng tôi dự định đi ăn chút gì đó. Tôi không hứng thú ăn uống, nhưng có trời mà biết được khi nào có dịp ăn bữa tối; cứ ăn trước một bữa nghe chừng là ý tưởng hay. Một bánh hamburger và một cốc bia thì chắc tôi cũng cố nuốt được. Cô gái nói rằng cô đang đói run người vì buổi trưa mới chỉ ăn một thanh sô cô la. Cô không đủ tiền mua gì thêm.

Thận trọng để khỏi đau, tôi mặc quần bò, mặc một sơ mi thể thao lên trên T-Shirt và khoác thêm một áo len mỏng. Tôi cẩn thận lấy trong tủ ra chiếc áo khoác leo núi, một bluson bằng nylon. Bộ đồ màu hồng của cô gái thì chắc chắn không phù hợp với cuộc truy tìm dưới lòng đất, nhưng tiếc là trong tủ quần áo của tôi không có quần và sơ mi nào vừa khổ người cô. Tôi cao hơn cô mười phân và nhất định nhẹ hơn cô mười cân. Có lẽ tốt nhất là mua cho cô một bộ đồ thoải mái, nhưng vào giờ nửa đêm các cửa hàng đều đóng cửa. Tôi đưa cô một áo khoác quân phục của lính Mỹ thả ra mà tôi hay mặc ngày xưa, nó tương đối vừa với cô. Đôi giày cao gót quả là bất tiện nhưng cô nói là ở văn phòng sẽ có giày thể thao và ủng cao su.

“Giày thể thao hồng và ủng cao su hồng”, cô nói.

“Màu hồng là màu cô thích nhất phải không?”

“Ông tôi thích nhất. Ông nói là tôi hợp màu hồng.”

“Đúng thế”, tôi nói. Không nói dối. Cô gái hợp màu hồng thật. Phụ nữ béo mà mặc màu hồng thì trông như cái bánh dâu tây khổng lồ, nhưng trên người cô thì màu này rất hài hòa.

“Và ông cô cũng thích các cô gái đầy đặn một chút, phải không?”, tôi bồi thêm luôn.

“Tất nhiên”, cô bé màu hồng đáp. “Vì vậy tôi luôn chú ý giữ cân cho thật béo. Tôi ăn nhiều bơ và váng sữa, nếu thiếu là sụt cân ngay.”

“Thế à”, tôi nói.

Tôi mở tủ tường lấy ba lô ra, kiểm tra chắc chắn là nó không bị hỏng và nhét hai chiếc áo khoác của chúng tôi vào, cất thêm đèn pin, la bàn, găng tay, khăn tay, một con dao to, bật lửa, dây dù và còi khô. Sau đó tôi vào bếp nhét dưới đất hai gói bánh mì và vài đồ hộp đựng thịt bò, đào, xúc xích, buổi, và nhét tất cả vào ba lô. Tôi đổ đầy một phích nước. Cuối cùng tôi rút toàn bộ tiền mặt hiện có trong nhà vào túi quần.

“Giống đi picnic quá”, cô bé nói.

“Giống đi picnic”, tôi nói.

Trước khi xuất hành, tôi ngo qua nhà lần nữa. Căn hộ trông như một bãi đổ rác. Trên đời này mọi việc đều thế cả. Xây thì lâu chứ phá thì nhanh lắm. Tôi đã sống trong căn hộ hai phòng kèm bếp này, đôi khi mệt mỏi và kiệt quệ, nhưng hài lòng theo kiểu riêng mình. Tất cả đã tan biến như sương sớm, với tốc độ bằng một người uống xong hai lon bia. Công việc của tôi, whiskey của tôi, không gian yên tĩnh của tôi, sự cô đơn của tôi, bộ sưu tập đĩa John Ford của tôi – tất cả, tất cả đã biến thành rác rưởi.

Cỏ hoa xanh thắm, ruộng đồng ngát hương. Tôi ngâm nga trong đầu. Rồi tôi mở tủ điện cạnh cửa và đập cầu chì tổng xuống để ngắt điện.

Vết thương quá đau không cho phép tôi suy nghĩ tử tế, thêm vào đó là tôi quá mệt mỏi, vì vậy tôi quyết định không nghĩ ngợi gì nữa. Thà như thế còn hay hơn những suy tính không đến đâu đến đâu. Vậy là tôi hiên ngang đi thang máy xuống tầng hầm để xe, mở khóa ô tô và quăng mọi thứ lên ghế sau. Nếu có ai đứng rình ở đó thì, xin mời, cứ cho hắn đứng rình. Và nếu hắn muốn bám đuôi chúng tôi thì tôi cho hắn bám đuôi. Tôi sợ toẹt tất cả. Tôi việc gì phải sợ ai cơ chứ? Sợ ký hiệu sư? Sợ Nhà máy? Sợ hai thằng vác dao hôm nọ? Xổ mũi ba đối thủ cùng một lúc thì không nhất thiết là quá khó, nhưng trong tình trạng của tôi lúc này thì quá dễ. Đương đầu với lũ ma đen trong lòng đất tăm tối trong khi có vết rạch dài sáu phân ở bụng, cơ thể thiếu ngủ và cô gái mồm mồm vướng vào cẳng đã là đủ lắm rồi. Nếu bọn kia định tấn công thì xin mời, cứ tấn công đi.

Vì không nhất thiết muốn cầm lái, tôi hỏi cô gái có biết lái xe không. Cô lắc đầu.

“Rất tiếc. Tôi chỉ biết cưỡi ngựa.”

“Không sao”, tôi nói. “Có thể rồi sẽ đến lúc cần cưỡi ngựa.”

Nhìn vào đồng hồ xăng thấy kim ở mức gần đầy, tôi đánh xe ra khỏi hầm. Sau khi đi qua các ngõ khúc khuỷu trong quận đến một đường lớn. Mặc dù đã muộn nhưng đường khá đông xe. Một nửa số ô tô là taxi, nửa kia là xe con và xe tải. Tôi không hiểu vì sao giờ này còn có nhiều người ra đường. Vì sao người ta không về nhà khi tan việc vào sáu giờ, tắt đèn và lên giường ngủ lúc mười giờ?

Thôi thì tất nhiên đó không phải là vấn đề của tôi. Thế giới này quay vòng theo các nguyên tắc khác, không theo các nguyên tắc mà tôi cho là đúng. Không cần biết đến tôi, người Ả Rập vẫn tiếp tục khoan giếng dầu, mọi người mua dầu nhằm chế ra điện và xăng để rượt theo những giấc mộng của mình khi màn đêm buông xuống thành phố. Thì dính dáng gì đến tôi? Bây giờ tôi phải giải quyết vấn đề riêng của mình.

Chúng tôi dừng trước đèn đỏ. Tôi vịn hay tay lên vô lăng và ngáp trợn hàm.

Trước xe tôi có một xe tải đỗ, chở đầy đến mái toàn các bó giấy. Chếch bên phải là một đôi trai gái trẻ ngồi trong xe Skyline trắng. Họ trên đường về nhà hay vừa ra khỏi nhà để đến chỗ ăn chơi, tôi không biết, nhưng cả hai mang vẻ mặt chán nản. Cô gái thông tay trái đeo hai lắc bạc ra ngoài cửa sổ xe, thoáng nhìn về phía tôi. Không phải vì cô ta chú ý đặc biệt gì đến tôi, mà vì chẳng còn gì khác để nhìn. Biển giao thông, đèn quảng cáo nhà hàng Denny’s hay khuôn mặt tôi thì có gì khác biệt đâu? Tôi nhìn lại. Cô ta đẹp. Đẹp như hàng triệu cô gái khác thôi. Một cô gái như kiểu diễn viên thủ vai bạn gái của nhân vật chính trên tivi và hỏi cô ta khi đang ngồi trong tiệm cà phê: “Cậu làm sao thế? Trông cậu dạo này có vẻ nhiều lo lắng!” Loại vẻ đẹp được lên phim có một lần và rời khỏi màn hình là người ta quên bẵng.

Đèn chuyển sang xanh, và trong khi xe tải trước mặt tôi nặng nề chuyển bánh thì chiếc Skyline trắng rồ máy lên và phóng vụt đi với tiếng nhạc của Duran Duran.

“Cô có thể chú ý quan sát những chiếc xe đi sau được không?”, tôi đề nghị với cô gái mồm mồm. “Nếu có xe nào bám dai thì cho tôi biết.”

Cô gái gật đầu và ngoái lại xem. “Ông nghĩ là có người theo mình à?”

“Tôi không biết”, tôi nói. “Cẩn thận vẫn hơn. Mình ăn một cái hamburger nhé? Đỡ phải đợi lâu.”

“Cũng được.”

Tôi rẽ vào tiệm hamburger phục vụ lái xe đầu tiên. Một cô gái mặc váy liền đồ khá ngắn liền xếp chồng khay lên cửa cạnh và nhận đặt đồ ăn.

“Một hamburger pho mát đúp, khoai tây chiên và ca cao nóng”, cô bé gọi.

“Một hamburger bình thường và một bia”, tôi nói.

“Xin lỗi, chúng tôi không bán bia”, phục vụ viên nói.

“Một hamburger bình thường và một Coca”, tôi nói. Làm sao tôi có thể nghĩ rằng một tiệm phục vụ lái xe lại bán bia?

Trong khi ngồi đợi thức ăn, chúng tôi chú ý quan sát các xe rẽ vào sau nhưng không thấy xe nào. Tuy nhiên một kẻ theo dõi chuyên nghiệp thì ắt sẽ không rẽ vào một tiệm phục vụ xe đi qua mà đỗ ở một chỗ kín đáo đợi chúng tôi đi ra. Tôi không quan sát nữa và uể oải ăn chiếc hamburger, khoai tây chiên, lá xà lách to bằng tấm vé tàu điện ngầm và uống Coca. Cô bé khoan thai hơn, cô khoái trá tận hưởng chiếc hamburger pho mát, nhún khoai tây trong túi ra và húp ca cao.

“Ông có muốn ăn chút khoai tây chiên không?”, cô hỏi tôi.

“Không, cảm ơn”, tôi nói.

Sau khi ăn xong và uống hết ca cao, cô liếm sốt cà và mù tạc dính ở ngón tay, lau tay và miệng bằng khăn giấy. Có vẻ bữa ăn rất ngon miệng.

“Giờ đến chuyện ông cô”, tôi nói. “Trước tiên ta hãy xem trong phòng thí nghiệm.”

“Tôi cũng nghĩ thế. Có thể ta sẽ tìm được một gợi ý nào chăng. Tôi sẽ giúp ông.”

“Cô có nghĩ là mình đi qua được ổ ma đen? Thiết bị để xua lũ khốn nạn này bị hỏng rồi, phải không?”

“Không thành vấn đề. Còn một máy phụ nhỏ hơn. Không hiệu nghiệm lắm, nhưng nếu đeo vào người thì bọn ma đen sẽ tránh ra.”

“Tốt quá.” Tôi thấy yên tâm.

“Tiếc rằng mọi chuyện không hẳn đơn giản như vậy”, cô gái nói. “Máy di động lắp pin và chỉ đủ chạy ba mươi phút liền. Sau đó lại phải nạp điện.”

“Hừm, nạp mất bao lâu?”, tôi hỏi.

“Mười lăm phút. Chạy ba mươi phút, nghỉ mười lăm phút, đủ cho chặng đường từ văn phòng đến phòng thí nghiệm, vì vậy ông tôi không làm máy to hơn.”

Tôi không nói thêm câu nào. Có máy này còn hơn không, và chúng tôi phải chấp nhận thứ gì sẵn có.

Chúng tôi rời tiệm ăn. Dọc đường tôi phát hiện ra một siêu thị mở 24/24. Tôi mua hai lon bia và một chai whiskey. Sau đó tôi thấy trong người khá hơn một chút và đưa cho cô gái cất vào ba lô.

“Tại sao ông uống nhiều thế?”, cô bé hỏi.

“Vì tôi sợ”, tôi nói.

“Tôi cũng sợ”, cô gái nói. “Nhưng tôi không uống.”

“Nỗi sợ của cô khác của tôi.”

“Nghĩa là sao?”, cô hỏi.

“Nếu người ta lớn tuổi thì sẽ có thêm nhiều điều không thể sửa chữa được nữa.”

“Và người ta sẽ chóng mặt hơn?”

“Chính xác”, tôi nói. “Người ta cũng chóng mặt hơn.”

Cô quay sang và đưa tay sờ lên tai tôi. “Ông đừng lo. Mọi việc sẽ ổn thôi. Tôi không rời ông đâu”, cô nói.

“Cảm ơn”, tôi nói.

Tôi đỗ xe ở bãi đỗ của tòa nhà mà giáo sư chọn làm văn phòng, ra khỏi xe và khoác ba lô lên. Chốc chốc vết thương lại đau cuộn, tựa như một máy kéo trở cổ đi xông xộc ngang bụng. Chỉ là một cơn đau thôi, tôi nghĩ vậy và cố không nghĩ đến nó, một cơn đau bề nổi thôi, không liên quan gì đến nội tâm sâu thẳm cả.

Như mưa bóng mây chóng qua. Tôi cố tập trung chút tự trọng còn sót lại, gạt mọi suy nghĩ về vết thương và cố theo kịp cô gái.

Một nhân viên bảo vệ trẻ và cao lớn muốn xem thẻ thông hành của cư dân trong nhà. Cô gái lấy một thẻ nhựa trong túi ra đưa. Anh ta cắm thẻ vào máy tính trên bàn, kiểm tra tên và số phòng hiện trên màn hình và bấm nút mở cửa cho chúng tôi vào.

“Đây là một ngôi nhà rất đặc biệt”, cô bé giải thích cho tôi trong khi đi qua tiền sảnh rộng bát ngát. “Tất cả những ai ở đây đều có một bí mật nào đó cần bảo vệ, vì vậy người ta đã lập một hệ thống canh gác riêng. Người ta có những công trình nghiên cứu nhạy cảm, hoặc tổ chức các buổi họp bí mật, đại khái như vậy. Ở cửa ra vào, người ta kiểm tra nhân thân của khách như vừa thấy, sau đó theo dõi qua camera để yên tâm là người nào cũng chỉ được đến nơi mình được phép. Giả sử có ai đó theo gót chúng tôi chẳng nữa – không bao giờ người đó lọt vào nổi tòa nhà này.”

“Người ta biết rằng ông cô đào một cái hầm đi xuống lòng đất ngay trong tòa nhà chứ?”

“Không rõ. Có lẽ không ai biết đâu. Khi xây tòa nhà này, ông tôi cũng đã sai thiết kế một cái hầm đi thẳng từ văn phòng xuống dưới đất, nhưng chỉ một vài người biết thôi. Nói đúng là chỉ có chủ sở hữu ngôi nhà và kiến trúc sư biết. Họ bảo với công nhân xây dựng đó là đường thoát nước, và chỉnh sửa ra sao đó trong bản vẽ trước khi nộp cho phòng xây dựng.”

“Chắc là tốn rất nhiều tiền!”

“Nhất định rồi. Nhưng ông tôi thừa tiền”, cô bé nói. “Tôi cũng thế. Tôi giàu lắm. Chúng tôi đã trúng cổ phiếu mua bằng tiền thừa kế của bố mẹ tôi và tiền bảo hiểm.”

Cô rút chìa khóa trong túi và mở cửa thang máy. Chúng tôi đi vào khoang thang máy thênh thang kỳ quái.

“Trúng cổ phiếu?”, tôi hỏi.

“Vâng. Ông tôi đã chỉ cho tôi cách làm. Phải chú ý các dữ kiện nào, đánh giá tình hình thị trường ra sao, cách thức lập thuế, chuyển tiền ra nước ngoài, vân vân. Cổ phiếu rất thú vị. Ông đã mua cổ phiếu bao giờ chưa?”

“Tiếc là chưa”, tôi nói. Thậm chí tôi còn không biết cách gửi tiền có kỳ hạn.

“Ngày xưa ông tôi làm mối mai buôn cổ phiếu, đó là nghề kiếm được quá nhiều tiền nên ông trở thành nhà khoa học. Buồn cười nhỉ?”

“Buồn cười thật”, tôi nói.

“Ông tôi bắt tay vào việc gì cũng vào hạng kiệt xuất”, cô bé nói.

Như hôm đầu tiên, tốc độ chuyển động làm người ta không biết thang máy đi lên hay đi xuống. Mãi vẫn chưa đến. Và cảm giác bị camera theo dõi suốt buổi khiến tôi bức xúc.

“Giáo dục ở nhà trường quá kém hiệu quả, không đào tạo được nhân tài kiệt xuất, ông tôi nói thế. Ông nghĩ sao?”

“Có thể thế. Có lẽ ông cô nói đúng”, tôi nói. “Tôi học mười sáu năm trời ở phổ thông và đại học, nhưng kết quả thu được không ghê gớm lắm. Tôi không biết ngoại ngữ, không chơi nhạc cụ, không hiểu gì về cổ phiếu, và cười ngửa cũng không biết nốt.”

“Sao ông không bỏ học? Lúc nào cũng có thể bỏ học cơ mà!”

“Đúng thế”, tôi nói và ngẫm nghĩ một lát. “Ngày xưa tôi không hề nghĩ đến khả năng đó. Gia đình tôi khác gia đình cô, cực kỳ tầm tầm bậc trung. Có nằm mơ tôi cũng không nghĩ ra rằng mình có thể leo lên đến hàng kiệt xuất.”

“Đó là một sai lầm”, cô nói. “Con người ta ai cũng có tiềm năng để trở nên kiệt xuất ở lĩnh vực nào đó, nhưng đa số không thực hiện được chỉ vì có những người chuyên vùi dập tiềm năng đó, thay vì thúc đẩy nó.”

“Như tôi”, tôi nói.

“Không, ông khác. Tôi có cảm tưởng ông là một người đặc biệt. Vô cảm xúc của ông cứng như đá, nhưng bên dưới có nhiều thứ còn chưa chín và tinh khôi như xưa.”

“Vô cảm xúc của tôi?”

“Đúng thế. Vì vậy chưa phải quá muộn. Khi nào làm xong vụ này, chúng mình sẽ chung sống với nhau nhé? Mình sẽ đi Hy Lạp, đi Romania hay Phần Lan, đến đâu mà mọi thứ hiền hòa, và cùng nhau cưỡi ngựa, hát hò. Tôi có đủ tiền mà. Và dần dần ông sẽ thành người kiệt xuất.”

“Tôi không biết”, tôi nói.

Khi ra khỏi thang máy, cô gái rảo bước đi trước như hôm đầu và gót giày cô khua lách cách. Trước mắt tôi, vòng móng tuyệt đẹp của cô đung đưa, và đôi bông tai sáng lấp lánh.

“Nhưng, giả sử chúng ta sẽ làm như thế”, tôi nói từ phía sau, “thì tôi sẽ được nhận mọi thứ từ cô, chứ cô chẳng được tôi cho gì cả. Tôi thấy thế tương đối bất công và không hợp lẽ.”

Cô chậm bước để tôi tiến lên ngang hàng. “Nhất định sẽ có gì đó mà ông có thể cho tôi”, cô nói.

“Ví dụ?”, tôi hỏi.

“Ví dụ - cái vô cảm xúc của ông. Tôi muốn làm quen nó kỹ hơn. Nó làm bằng gì, hoạt động ra sao, vân vân. Cho đến nay tôi chưa hề biết đến những thứ tương tự, và tôi nóng lòng muốn biết.”

“Chẳng có gì cao xa lắm đâu”, tôi nói. “Ai cũng giấu cái cảm xúc của mình dưới một lớp vỏ mỏng hay dày. Cô không thấu thị được tâm hồn rất bình thường của một người rất bình thường, chỉ vì cô chưa biết gì về thế giới bên ngoài.”

“Đúng là ông chẳng hiểu gì cả”, cô gái mỉm mỉm nói. “Ông biết xáo dữ liệu, đúng không nào?”

“Đúng thôi, nhưng đó là một khả năng học được. Đại loại như biết dùng bàn tính hay chơi dương cầm thôi.”

“Không thể nói thế được”, cô gái nói. “Nhất định là ban đầu ai cũng nghĩ thế. Nếu được học hành tử tế thì bất cứ ai – nghĩa là những người đã qua kỳ sát hạch – cũng học được cách xáo dữ liệu. Ông tôi cũng tưởng thế. Thực tế là hai mươi lăm người thử việc khác được giải phẫu giống hệt như ông, học khóa huấn luyện giống hệt về xáo dữ liệu. Cho đến lúc đó mọi sự trôi chảy. Vấn đề về sau này mới phát sinh.”

“Đây là lần đầu tiên tôi được nghe chuyện này”, tôi nói. “Tôi được nghe người ta nói là tất cả diễn ra đúng kế hoạch...”

“Đó là cách giải thích công khai. Sự thật thì khác. Hai mươi lăm trong số hai mươi sáu ứng viên học xong khóa xáo dữ liệu đã chết, một năm hay một năm rưỡi sau khi kết thúc chương trình huấn luyện. Ông là người duy nhất còn sống sau hơn ba năm và vẫn xáo dữ liệu một cách thoải mái không vấn đề gì. Ông có còn tin mình là một người rất bình thường nữa không? Bây giờ ông là một người rất quan trọng!”

Tôi im lặng đi một hồi dọc hành lang, tay rút túi quần. Việc này đã vượt xa tầm cá nhân tôi và lan rộng nữa. Không thể lường được nó còn tiến triển đến đâu.

“Vì sao mọi người chết cả?”, tôi hỏi cô gái.

“Tôi không biết. Nguyên nhân không rõ. Người ta biết có một công năng trong não trực trặc, nhưng không tìm được nguyên nhân.”

“Nhưng nhất định phải có một phỏng đoán chứ!”

“Ông tôi cho rằng hình như một người bình thường không chịu nổi tia chớp trong trung tâm ý thức hệ, vì vậy các mô não cổ sinh ra một dạng kháng thể. Nhưng phản ứng này diễn ra quá nhanh và quá mạnh, dẫn đến cái chết. Thực tế thì quá trình đó phức tạp hơn, nhưng đó là lời giải thích có tính đại cương.”

“Vì lý do gì mà tôi sống sót?”

“Hình như ở ông các kháng thể đã tồn tại bẩm sinh. Đó là cái mà tôi gọi là vô cảm xúc của ông. Chúng đã có sẵn trong não ông, vì vậy ông đã sống sót. Để bảo vệ bộ óc, ông tôi đã thử tạo ra một vỏ nhân tạo; nhưng, như ông tôi kể lại, nó tỏ ra quá mỏng.”

Tôi suy nghĩ một hồi về chuyện này. “Có phải cái vỏ hay sinh các kháng thể hay cái gì đại loại như thế đã có từ khi sinh ra?”

“Có thể một phần bẩm sinh, một phần sau này được tạo ra, tôi nghĩ thế. Nhưng ông tôi không hé một lời nào nữa. Biết quá nhiều sẽ nguy hiểm cho tôi. Theo tính toán dựa trên giả thuyết của ông tôi thì trong số một triệu hay một triệu rưỡi người chỉ có một người sở hữu kháng thể ấy, và chỉ có thể phát hiện ra những người ấy khi huấn luyện cho họ khả năng xáo dữ liệu.”

“Nếu cho rằng giả thuyết của ông cô là đúng thì việc tôi nằm trong số hai mươi sáu người là một tình cờ vô cùng hy hữu?”

“Vì thế ông là một người khảo sát quan trọng, là chìa khóa để mở cửa.”

“Thực sự ông cô định làm gì với tôi? Những dữ liệu mà ông bảo tôi xáo trộn và cái đầu lâu thú một sừng có ý nghĩa gì?”

“Nếu tôi biết được thì chúng tôi có thể đưa ông tôi ra khỏi vòng nguy hiểm ngay lập tức rồi”, cô gái nói.

“Đưa tôi và thế giới”, tôi nói.

Văn phòng tương đối bề bộn, tuy không đến nỗi lộn phèo như nhà tôi. Giấy tờ vương vãi trên nền nhà, bàn giấy lật nhào, ngăn kéo văng ra ngoài giá, trên sofa bị rạch nát là đồng quần áo lộn xộn lòi trong tủ ra của giáo sư và cô gái. Đồ của cô quả thực toàn màu hồng. Đủ mọi sắc hồng đậm nhạt, từ phơn phớt đến hồng tím.

“Khủng khiếp quá”, cô lắc đầu. “Chắc bọn từ dưới đất lên đây.”

“Cô nghĩ là bọn ma đen?”

“Không, ma đen không lên mặt đất, và nếu chúng ở đây thì sẽ có mùi.”

“Có mùi?”

“Mùi cá và mùi bùn, rất khó ngửi. Không, không phải ma đen đâu. Có vẻ giống như bọn đập phá nhà ông hơn.”

“Có thể lắm”, tôi nói và ngó quanh. Trước cái bàn lật nghiêng, một nắm ghim giấy lỏng lách trong ánh đèn nê ông. Những cái ghim giấy này trước đó đã gọi tôi nhớ đến một cái gì; tôi làm bộ tìm kiếm trên sàn và ột nhúm vào túi quần.

“Ở đây có cất đồ đặc quan trọng nào không?”

“Không. Toàn những thứ lặt vặt. Sổ sách kinh doanh, hóa đơn, tài liệu nghiên cứu ít quan trọng và những đồ tương tự. Không có gì đáng giá cả.”

“Hy vọng cái máy ngăn ma đen còn hoạt động.”

Trong đồng bừa bãi trước cửa tủ - đèn pin, radio, máy thu băng cát xét, đồng hồ báo thức, cuộn băng dính, một hộp kẹo ho - cô gái lôi ra một vật trông như máy đo hiệu điện thế và bật tắt vài lần.

“Tốt. Vẫn chạy. Nhất định bọn nó cho là đồ vứt đi. Vả lại cũng là kỹ thuật đơn giản, không dễ hỏng được”, cô nói.

Cô đi vào góc phòng, ngồi thụp xuống, lật nắp một ổ cắm và bật công tắc. Rồi cô đứng dậy, kê áp bàn tay lên một chỗ trên tường. Một ô cửa sổ to bằng một cuốn danh bạ điện thoại mở ra, bên trong có một kết sắt.

“Nguy trang giỏi đấy chứ?” cô tự hào nói. Cô mở kết sắt bằng mật mã bốn số. “Nhờ ông lấy hộ mấy thứ này ra bàn.”

Tôi nghiêng rằng dựng cái bàn giấy bị đổ lên rồi dọn các thứ trong kết sắt ra. Đó là một chồng dày năm phân toàn sổ tiết kiệm, tín phiếu và giấy tờ, chẳng dây cao su, chừng năm triệu yên tiền mặt, một túi vải nặng, một cuốn sổ tay bọc da đen, một phong bì nâu. Cô gái dốc phong bì ra bàn, một đồng hồ Omega cũ và một nhẫn vàng. Đồng hồ đen sạm, mặt kính bị vỡ.

“Của bố tôi đấy”, cô nói. “Nhẫn là của mẹ tôi. Còn thì cháy hết.”

Tôi gật đầu. Cô gái cho đồng hồ và nhấn vào phong bì, cầm một xấp tiền đút vào túi áo. “Tôi quên mất là ở đây có tiền mặt.” Rồi cô mở túi vải ra, lôi một bọc gói trong cái áo lót cũ ra mở cho tôi xem. Một khẩu súng lục tự động nhỏ. Trông cổ kính, nhưng nhất định không phải một đồ chơi mà là một vũ khí bắn được đạn thật. Hình như một khẩu Browning hay Berreta, mặc dù tôi không thạo súng lục lắm. Tôi biết loại súng này do xem phim. Ngoài ra còn một hộp đạn và một băng dự trữ.

“Ông bắn giỏi không?”, cô bé hỏi.

“Cô đùa đấy à?”, tôi giật mình đáp. “Tôi chưa bao giờ cầm một khẩu súng lục trong tay.”

“Tôi bắn giỏi. Tập tành mấy năm rồi. Mỗi lần về nhà nghỉ ở Hokkaido là tôi tập bắn một mình trên núi. Cách mười thước tôi có thể bắn trúng một tấm danh thiếp. Khá đấy chứ?”

“Khá”, tôi nói. “Vũ khí kiếm đâu ra vậy?”

“Ông dốt thật”, cô ngán ngẩm nói. “Có tiền là có hết. Ông không biết thế sao? Ông không biết bắn thì tôi giữ súng vậy. Được không?”

“Cứ việc. Nhưng lúc trời tối thì cẩn thận đừng nhờ tay bắn vào tôi nhé. Sức tôi không chịu được thêm một vết thương nữa đâu.”

“Không lo. Tôi là người rất cẩn thận”, cô nói và đút súng lục vào túi áo bên phải. Khó hiểu tại sao túi áo không cộm lên, mặc dù cô nhét đủ thứ vào, mà cũng chẳng kéo lệch áo. Có mẹo nào đó chăng. Cũng có thể thợ may giỏi.

Tiếp theo cô mở sổ tay ở khoảng giữa, chăm chú và nghiêm nghị đọc một lúc lâu. Tôi thoáng nhìn vào nhưng chỉ thấy những hàng số và chữ cái khó hiểu, không rõ chúng có ý nghĩa trực tiếp nào.

“Sổ tay này của ông tôi”, cô bé nói. “Viết bằng một thứ mật mã chỉ riêng ông tôi và tôi hiểu. Trong này nói đến những gì ông tôi dự định làm trong ngày và những gì xảy ra. Ông tôi vẫn nói là nếu có gì xảy ra với ông thì cháu hãy đọc trong này. Hừm, gớm đã, ông rửa số hôm 29 tháng Chín phải không?”

“Chính xác”, tôi nói.

“Ở đó viết số 1. Có lẽ là bước thứ nhất. Tối khuya ngày 30 hay rạng ngày 31 ông xáo xong dữ liệu. Đúng không ạ?”

“Đúng.”

“Số 2. Bước thứ hai. Sau đó, đợi đã, ngày 2 tháng Mười. Mười hai giờ trưa. Số 3. Ở đây ghi ‘xóa chương trình’.”

“12 giờ trưa ngày 2 tháng Mười tôi phải đến chỗ ông. Có thể ông định xóa chương trình đặc biệt đã cấy vào người tôi. Để thế giới không bị diệt vong. Nhưng tình hình đã thay đổi. Có lẽ giáo sư đã bị giết hoặc bắt cóc đến một nơi nào đó. Đó là vấn đề quan trọng nhất trong lúc này.”

“Đợi một chút. Tôi xem thêm các ngày sau đó. Ông tôi đã mã hóa khá nhiều.”

Trong lúc cô gái đọc, tôi dọn các thứ trong ba lô và thay pin đèn. Áo mưa và ủng cao su quăng lung tung trên nền nhà, nhưng may mà không bị phá hỏng đến mức không dùng được. Qua thác mà không có áo mưa thì có lẽ ướt như chuột lột và chết cóng mất. Chưa kể là vết thương lúc đó lại bắt đầu hành hạ dữ hơn. Tôi nhét cả một đôi giày chạy màu hồng của cô gái vào ba lô. Đồng hồ của tôi chuẩn bị nhảy lên số 12 giờ trưa. Tính đến thời hạn để xóa chương trình như vậy chỉ còn đúng mười hai tiếng nữa.

“Nhiều con tính phức hợp quá. Thể tích dòng chảy. Tốc độ tan băng. Các giá trị sức bền và lỗi, toàn những thứ tôi không hiểu.”

“Bỏ qua những thứ cô không hiểu đi. Ta không có nhiều thì giờ nữa đâu”, tôi nói. “Đọc những gì cô có thể giải mã được.”

“Có gì để giải mã đâu?”

“Tại sao?”

Cô đưa tôi cuốn sổ và chỉ vào chỗ cần đọc. Ở đó không có mật mã, chỉ có một chữ X to tướng và ngày giờ. Sự chênh lệch về độ lớn giữa chữ X to quá khổ và hàng chữ số còn lại hầu như không đọc nổi nếu thiếu kính lúp làm tăng thêm ấn tượng kỳ quái.

“Ý nghĩa của nó là thời điểm tận cùng thế giới, tôi đoán vậy”, cô bé nói.

“Có thể là, và đúng hơn là: bước thứ tư. Nếu bước ba là xóa chương trình thì X không diễn ra. Nếu vì bất cứ lý do nào đó mà không thể xóa được thì chương trình sẽ chạy tiếp – cho đến khi có X.”

“Vậy thì bằng bất cứ lý do nào tôi và ông phải tìm được ông tôi, chậm nhất vào 12 giờ trưa ngày 2 tháng Mười, đúng không ạ?”

“Đúng thế, nếu phỏng đoán của tôi có lý.”

“Ông đoán đúng không?”

“Có lẽ đúng”, tôi khẽ nói.

“Ta còn bao nhiêu tiếng nữa”, cô hỏi, “đến thời điểm tận cùng thế giới hay đến vụ nổ Big Bang chẳng hạn?”

“Ba mươi sáu tiếng”, tôi nói. Không cần nhìn đồng hồ. Thời gian để trái đất quay một vòng rưỡi. Thời gian để phát hai số báo buổi sáng và một số báo buổi chiều. Thời gian để hai lần đồng hồ báo thức réo, hai lần cạo râu. Ba mươi sáu tiếng. Nếu một người sống 70 tuổi thì đó là 1 phần 7.033 cuộc đời. Khi ba mươi sáu tiếng đó trôi qua thì – có lẽ – thế giới sẽ lụi tàn.

“Bây giờ ta làm gì?”, cô bé hỏi.

Tôi lấy trong hộp thuốc rơi trước cửa tủ một viên thuốc giảm đau, chiêu ngụm nước trong phích rồi khoác ba lô lên.

“Trèo xuống thôi – chứ còn làm gì nữa?”, tôi nói.

20. Chương 20 + 21

20

Cái Đích Của Những Con Thú

Đã có vài con trong đàn chết rồi. Buổi sáng sau trận tuyết lớn đầu tiên, thân hình mấy con thú già lông vàng điểm trắng nằm dưới một lớp tuyết dày năm phân. Ánh nắng ban mai xuyên thủng màn mây, khiến phong cảnh buốt giá cứng đờ sáng rực hẳn lên. Hơi thở trắng của bầy thú hơn một nghìn con phất phơ trong nắng.

Tôi bừng mắt trước khi trời sáng rõ và nhìn thấy thành phố trong bộ áo dài tuyết trắng. Một hình ảnh choáng ngợp. Tháp đồng hồ đen trời lên trên nền phong cảnh trắng, chéch bên dưới là dòng sông uốn khúc. Mặt trời chưa lên, bầu trời còn giăng kín mây. Tôi khoác măng tồ, xỏ găng tay, đi xuống thành phố qua những phố ngõ không một bóng người. Nhát định tuyết rơi không gây tiếng động trong khi tôi ngủ. Chưa thấy một vết chân nào giẫm lên. Tôi vốc một nắm tuyết. Tuyết mềm và xốp như đường mịn. Mấy vũng nước tù đọng sông đã đông cứng, đây đó tuyết rải trên lớp băng mỏng.

Ngoài hơi thở trắng của tôi, không có gì động đậy trong thành phố này. Không có gió thổi. Thậm chí không thấy lấy một con chim. Chỉ có tiếng chân tôi vọng lại từ tường nhà, nghe ồn ồn một cách thiếu tự nhiên như qua tầng âm.

Tôi gặp ông gác cổng trên quảng trường trước cổng thành. Ông nằm dưới chiếc xe đẩy mà ông và bóng của tôi đã cùng nhau sửa, đang tra mỡ vào trục. Trên xe chở các bình gốm dùng để đựng dầu cải. Người ta đã lấy thùng cột chúng vào thành xe cho khỏi đổ. Tôi không hiểu ông gác cổng cần nhiều dầu như vậy để làm gì.

Ông ngó dưới gầm xe ra và giơ tay chào. Trông có vẻ đang vui.

“Hôm nay cậu dậy sớm thế. Con gió lành nào đưa cậu tới đây vậy?”

“Tôi muốn ngắm phong cảnh ở đây khi có tuyết”, tôi nói. “Từ trên đồi nhìn xuống thấy gì cũng đẹp.”

Ông gác cổng cười phá lên và đặt bàn tay hộ pháp lên vai tôi như mọi khi. Tay ông không đeo găng.

“Cậu cũng lạ thật! Leo xuống tận đây để ngắm phong cảnh tuyết, trong khi từ giờ trở đi tha hồ mà ngắm tuyết cho đến khi phát ớn thì thôi.” Ông ngoảnh về phía cổng thành một hồi, thở hơi trắng xóa như đầu tàu hơi nước. “Nhưng cậu đến cũng vừa vặn! Trèo lên tháp canh đi, ở ngoài kia sắp có rất nhiều thứ để xem. Lần đầu tiên trong mùa đông năm nay. Chú ý xem khi tôi thổi tù và nhé!”

“Lần đầu tiên?”

“Rồi cậu sẽ thấy.”

Không biết chuyện gì, tôi cứ thế leo lên tháp canh cạnh cổng thành và ngắm thế giới bên ngoài. Trên các ngọn cây táo phủ nhiều tuyết, trông như mây đọng. Cả rặng núi phía nam và phía bắc đều trắng toát, và rêu đá không bị tuyết phủ hiện lên như vết sẹo trên sườn núi.

Như mọi khi, bầy thú ngủ ngay dưới chân tháp canh. Chúng nằm trên mặt đất, vó thu vào, sừng thẳng tắp trắng như tuyết chìa về phía trước. Đường như giấc ngủ quá mê mết để chúng nhận ra lưng phủ đầy tuyết.

Mây trên đầu tôi đang dần giãn mỏng đi, mặt trời bắt đầu hé ra và sưởi ấm mặt đất. Mặc dù vậy tôi vẫn cố bám lại trên tháp canh với đôi mắt nhạy cảm của mình để ngắm phong cảnh. Mới chỉ có vài tia mặt trời đơn lẻ như tia đèn pha nhỏ, mà tôi thì muốn xem “rất nhiều thứ” như lời ông gác cổng đã khuyên.

Rốt cuộc ông cũng mở cổng thành và thổi tù và như mọi hồi, một hồi dài và ba hồi ngắn. Bầy thú thức dậy sau âm thanh đầu tiên và quay về hướng tiếng tù và vọng đến. Nhìn những đám hơi trắng chúng thở ra có thể nhận ra là cơ thể chúng đang dồn năng lượng ột ngày mới. Trong khi ngủ, chúng chỉ cần một phần rất nhỏ của lượng khí thở ấy.

Khi bầy thú biến mất qua cổng thành, tôi hiểu ông gác cổng định chỉ cho tôi xem gì. Một vài con thú vẫn nằm lại như ngủ quên. Giờ thì tôi nhận ra chúng đã chết cứng. Nhưng trông chúng không như chết rồi, mà còn đang chăm chú ngẫm nghĩ về những vấn đề lớn lao. Song chúng không tìm được giải pháp nào nữa. Từ mõm và mũi chúng không còn tỏa ra hơi thở trắng. Chúng đã ngừng mọi cử động, ý thức của chúng đã chìm đắm vào đêm đen mịt mù.

Những con khác đi qua cổng thành và bỏ lại các xác chết như những khối u nhọt của mặt đất, phủ tấm liệm bằng tuyết trắng. Chỉ có những cái sừng là vẫn chìa lên một cách sinh động khó tả. Khi đi ngang qua, đa số các con thú còn sống sót cúi đầu thật thấp hoặc dũi mõm xuống đất. Chúng buồn bã vì cái chết của đồng loại.

Tôi dọt mặt trời lên cao hơn, đẩy gần hết bóng tường thành và lặng lẽ tỏa hơi ấm cho tuyết trên mặt đất dần tan. Suốt buổi tôi quan sát những xác chết im lìm. Tôi đợi ánh nắng sớm mai cũng làm tan chúng như tan đám tuyết, để chúng vùng dậy từ cõi chết và bắt đầu chuyến du hành mỗi sáng, tựa như chẳng có gì xảy ra.

Nhưng chúng không thức dậy. Chỉ lớp lông vàng ướt nhoẹt của chúng đón lấy tia nắng và tỏa sáng mãi mãi. Cũng là lúc mắt tôi bắt đầu thấy đau.

Tôi trèo khỏi tháp canh, đi qua sông, leo lên Đồi Tây trở về nhà. Bây giờ tôi biết là mặt trời sáng sớm làm hại mắt hơn tôi tưởng. Tôi nhắm mắt lại; nước mắt đầm đìa tuôn thành dòng, không sao kìm nổi. Tôi vấp và khụy xuống. Tôi rửa mắt bằng nước lạnh – vô ích. Tôi kéo tấm rèm nặng che cửa sổ và ngó đăm đăm hàng vài tiếng đồng hồ vào những đường nét và hình bóng kỳ quái ẩn hiện trong bóng tối, trong khi vẫn nhắm mắt và không hề có cảm giác gì về khoảng cách.

Ông đại tá già gõ cửa lúc mười giờ và bưng khay cà phê vào. Thấy tôi nằm sấp trên giường, ông lấy một cái khăn ướt lạnh day mi mắt tôi. Tôi thấy đau nhói sau tai, nhưng hình như nước mắt bớt tiết ra.

“Cậu lại làm cái trò quỷ gì vậy hả?”, ông già hỏi. “Mặt trời sáng sớm chói hơn cậu tưởng. Nhất là khi có tuyết. Cậu thừa biết là mắt ‘người đọc mơ’ không chịu được ánh sáng chói, vậy tại sao còn ra ngoài làm gì?”

“Tôi ra chỗ bầy thú”, tôi nói. “Những con thú chết. Tám, chín con. Không, nhiều hơn.”

“Và sẽ còn nhiều nữa. Sau mỗi lần tuyết rơi.”

Tôi lật người lên, kéo chăn khỏi mặt và hỏi ông già: “Tại sao chúng dễ chết vậy?”

“Chúng yếu nhược vì lạnh và đói. Xưa nay vẫn thế.”

“Thế chúng có tuyết chùng không?”

Ông già lắc đầu. “Chúng đã sống hàng bao nghìn năm ở đất này, và sẽ chẳng có gì thay đổi cả. Cứ mùa đông thì nhiều con chết, nhưng lại nhiều con sinh ra trong mùa xuân. Con già nhường chỗ cho con trẻ, chẳng có gì lạ. Số súc vật sống ở đây có hạn chế vì chúng chỉ có một lượng thức ăn nhất định do thành phố đem lại, đó là các loại cây cỏ mọc ở đây.”

“Tại sao chúng không chuyển đi nơi khác? Trong rừng có vô số cây cối, và nếu xuống miền Nam ít tuyết hơn thì ở đấy cũng bớt lạnh hơn. Chúng có bị trời lại ở đây đâu!”

“Tôi cũng không giải thích được điều ấy”, ông già nói. “Chỉ biết là bầy thú không thể rời khỏi thành phố. Chúng thuộc về đất này, bị cầm tù ở đây. Giống như tôi và cậu. Linh tính của chúng cho biết rằng chúng không thể rời bỏ thành phố, chúng biết, con nào cũng biết. Cũng có thể chúng không ăn được các loại cây cỏ khác với những loại mọc ở đây. Hoặc chúng không vượt qua nổi sườn đá vôi trải dài về phía Nam. Dù vì có gì chẳng nữa, chúng hoàn toàn không thể đi khỏi chốn này.”

“Các xác chết thì sao?”

“Ông gác cổng sẽ đốt”, ông già đáp, sưởi ấm bàn tay to và xù xì của mình bên chén cà phê. “Thậm chí từ giờ trở đi đó sẽ là công việc chính của ông ấy. Trước tiên ông ấy cắt đầu những con chết, nạo óc và mắt ra rồi nấu đầu lâu trong một cái nồi lớn cho đến khi róc hết xương. Phần xác còn lại ông ấy sẽ chất đống, tưới dầu cải lên để thiêu.”

“Sau đó đầu lâu sẽ chứa các giấc mơ xưa và đặt trong kho thư viện, đúng không ạ?”, tôi hỏi ông già, mắt vẫn nhắm tịt. “Tại sao, tại sao lại dùng đầu lâu?”

Ông già không đáp. Tôi chỉ nghe tiếng ván sàn kêu kệt dưới bước chân ông. Ông chậm chạp đi xa giường và im lặng đứng đầu đó gần cửa sổ. Một hồi lâu, tất cả im phăng phắc.

“Cậu sẽ hiểu, nếu cậu hiểu các giấc mơ xưa là gì”, ông già nói. “Tôi định nói là tại sao những giấc mơ ấy được bảo quản trong đầu lâu thì tôi không giải thích cho cậu được. Cậu là người đọc mơ cơ mà. Cậu phải tự tìm câu trả lời.”

Tôi lấy khăn lau nước mắt và mở mắt ra. Hình ông già nhoèn nhoẹt bên cửa sổ.

“Trong mùa đông cậu sẽ hiểu rõ nhiều chuyện hơn”, ông già tiếp lời. “Cậu yêu hay ghét thì tùy cậu, song đó là tiến trình của muôn vật. Trời sẽ tiếp tục có tuyết và bọn thú sẽ tiếp tục chết. Không ai thay đổi được. Chiều nay cậu sẽ thấy cột khói bay lên từ đống xác thiêu. Suốt cả mùa đông, ngày nào cũng thế. Tuyết trắng và khói đen.”

Chương 21

Lắc Bạc, Ben Johnson, Con Quỷ

Sau tử tưởng là bóng tối tràn ngập như tôi đã chứng kiến buổi đầu, tuy nhiên lần này – có thể vì tôi đã biết đến sự tồn tại của ma đen – bóng tối dày đặc và lạnh giá hơn gấp bội. Không thể có đêm đen nào hoàn hảo hơn. Trước khi con người xua được bóng tối khỏi mặt đất bằng cách thắp sáng những con đường đô thị, lấp đèn nê ông quảng cáo và chiếu sáng ô kính bày hàng, có lẽ thế giới đầy những khoảng tăm tối như thế này.

Cô gái leo xuống thang trước tôi. Với chiếc máy đuổi ma đen cất rất sâu trong túi áo mưa và dây đeo đèn pin lớn vắt chéo vai, cô nhanh nhẹn trèo thang một mình vào bóng tối, để ủng cao su của cô kêu kin kít. Một lát sau, tiếng cô vọng từ dưới lên xuyên qua tiếng nước chảy: “Được rồi, ông xuống đi!” Rồi cô hoa ánh đèn vàng lên. Hang hôm nay có vẻ sâu hơn so với ký ức của tôi. Tôi cất đèn pin đi và bắt đầu trèo xuống. Các bậc thang vẫn ướt như lần trước, phải chú ý để khỏi trượt chân. Vừa trèo xuống tôi vừa nhớ đến đôi trai gái trong chiếc Nissan Skyline và nghe nhạc của Duran Duran. Họ chẳng biết gì. Không thể hình dung ra tôi đang trèo xuống hang động tối đen với một chiếc đèn pin và dao găm, một tay ép lên vết thương. Họ

chỉ biết đến đồng hồ tốc độ và những bản nhạc Pop vô hại đang leo lên hay tụt xuống trong bảng xếp hạng, và nghĩ đến lần làm tình sắp tới, nhớ lại lần làm tình vừa xong. Không phải là tôi định phê phán họ. Đơn giản là họ chẳng biết gì.

Giả sử chính tôi cũng chẳng biết gì thì tôi cũng đỡ phải làm việc này. Tôi tưởng tượng ra mình ngồi sau tay lái chiếc Skyline, cạnh cô gái, và phóng xe qua thành phố đêm trong tiếng nhạc của Duran Duran. Liệu cô gái khi làm tình có cởi hai lắc bạc ra không nhỉ? Hy vọng là không, tôi nghĩ bụng. Sau khi cô cởi quần áo, hai lắc bạc này phải ôm lấy khớp tay trái như một phần cơ thể cô vậy.

Nhưng có lẽ cô sẽ trút đôi lắc ra. Khi tắm thì phụ nữ trút mọi thứ trên mình xuống. Vậy thì tôi phải ngủ với cô ta trước khi tắm. Hoặc dặn cô đừng bỏ chúng ra. Tôi không rõ trong hai khả năng này nên làm gì hơn, nhưng nhất định tôi sẽ thuyết phục cô cứ giữ lắc trên tay. Rất quan trọng.

Tôi tưởng tượng ra mình sẽ ngủ với cô gái đeo lắc bạc. Do không thể nào nhớ ra mặt cô nên tôi tắt đèn trong phòng. Rất tối, khó nhận ra mặt cô ta. Sau khi tôi cởi chiếc áo lót óng ánh tím hay xanh hay trắng của cô ra, đôi lắc bạc là thứ duy nhất còn trên người cô. Chúng lấp lánh trong bóng tối, ngân lên một âm thanh rất trong trẻo và dễ chịu trên vải trải giường.

Trong khi leo xuống thang với những ý nghĩ đó trong đầu, tôi cảm thấy dương vật mình cộm lên dưới áo mưa. Sượng nẻ, tôi thầm nghĩ. Tại sao lại vào đúng lúc này, trên cái thang khốn nạn này? Tại sao không vào lúc mình nằm trên giường cạnh cô thủ thư – cô gái bị giãn bao tử? Thật không ngờ hai cái lắc bạc vớ vẩn lại công hiệu như vậy. Và lại đúng vào thời điểm thế giới chuẩn bị đến bước tận cùng.

Khi tôi xuống đến chân thang và đi ra phiên đá phẳng, cô gái chiếu đèn ra xung quanh.

“Bọn ma đen đang lẫn quất đâu đây”, cô nói. “Nghe chắc chắn có tiếng chúng.”

“Nghe tiếng chúng?”

“Có tiếng nhem nhép rất khê, tựa như tiếng mang cá đóng mở. Khê thôi, nhưng nếu thật chú ý thì ta vẫn nghe được. Cộng thêm không khí xung quanh có mùi nữa.”

Tôi đóng tai lên và hít hít nhưng không nghe và ngửi thấy gì.

“Phải quen rồi mới biết”, cô gái nói. “Khi ấy thậm chí người ta có thể nghe thấy chúng chuyện trò với nhau. Đúng hơn là nghe thấy sóng âm, như của loài dơi. Nhưng khác với dơi ở chỗ một phần tần số âm thanh ấy nằm trong khoảng nghe được đối với tai người. Bọn ma đen có thể chuyện trò với nhau thực sự.”

“Làm sao các ký hiệu sư có thể bắt liên lạc với ma đen? Cần phải có một ngôn ngữ chứ?”

“Chế ra một cái máy thì sẽ làm được. Máy này chuyển sóng âm của ma đen thành giọng nói và giọng người thành sóng âm. Chắc là bọn ký hiệu sư đã chế được một cái máy như thế. Kể cũng là một việc đơn giản đối với ông tôi, nhưng ông tôi không thích.”

“Tại sao vậy?”

“Vì ông tôi không muốn nói chuyện với bọn chúng. Ma đen là bọn xấu xa. Những gì chúng nói ra cũng xấu xa. Bọn chúng ăn xác thối và xác mục rữa và uống nước thải. Ngày xưa chúng sống dưới các nghĩa địa và ăn thịt người chết, cho đến khi người ta chuyển sang hỏa táng.”

“Nghĩa là chúng không ăn người sống?”

“Nếu chúng bắt được ai thì chúng ngâm vào nước và ăn những chỗ nào đã rữa ra.”

“Thú vị thật”, tôi thở dài. “Bây giờ tôi chỉ muốn quay lại thôi, muốn ra sao thì ra!”

Nhưng chúng tôi vẫn tiếp tục tiến lên dọc suốt. Cô gái đi trước, tôi bám sau. Mỗi lần tôi hướng đèn pin vào lưng cô là bóng tai to bằng cái tem thư của cô lại lóe sáng.

“Đôi bông tai này to thế, cô không thấy nặng à?”, tôi nói từ phía sau.

“Tôi quen rồi”, cô đáp. “Giống như chim của đàn ông ấy mà. Đã bao giờ ông thấy chim mình nặng quá không?”

“Tôi không thấy thế. Không.”

“Thấy chưa.”

Chúng tôi im lặng hồi nhau. Cô gái đi nhanh như thuộc đường và chiếu sáng cho tôi. Tôi chiếu đèn vào từng chỗ đặt chân lên và theo sau cô một cách vất vả.

“Này, mỗi khi đi tắm cô có tháo bông tai ra không?”, tôi hỏi để khỏi bị bỏ rơi. Cô gái chỉ đi chậm lại khi nói chuyện.

“Không”, cô nói. “Tôi không tháo ra. Hoàn toàn khóa thân, chỉ có bông tai thôi. Thế mới gọi cảm chứ?”

“Đúng”, tôi vội nói. “Tôi nghĩ thế.”

“Ông toàn làm từ phía trước? Mặt đối mặt?”

“Nói chung là thế.”

“Nhưng thỉnh thoảng cũng từ phía sau?”

“Đôi khi.”

“Còn có rất nhiều tư thế nữa, phải không? Làm ngồi, đàn ông ở dưới, ngồi trên ghế...”

“Thị hiếu vốn khác nhau, cơ hội cũng khác nhau.”

“Tôi không hiểu gì về tình dục”, cô nói. “Tôi chưa thấy bao giờ, và cũng chưa làm bao giờ. Không ai dạy tôi cả.”

“Tình dục không học được. Người ta phải tự khám phá”, tôi nói. “Nếu cô tìm được bạn trai và ngủ với anh ta thì mọi việc sẽ tự đến.”

“Tôi không thích thế”, cô nói. “Nói thế nào nhỉ... tôi thích quyền lực và sức mạnh. Tôi thích bị chế ngự, bị đè bẹp. Không thích việc sẽ tự đến.”

“Cô ở quá lâu bên cạnh một ông già, một người thiên tài và đầy quyền lực. Nhưng thế giới này không chỉ có những người như vậy. Đa số mọi người ở hạng trung bình, sống qua ngày đoạn tháng, ngơ ngác tìm đường. Như tôi chẳng hạn.”

“Ông không thế. Với ông thì được. Tôi đã nói hôm đầu tiên rồi, đúng không?”

Tôi quyết định gạt mọi ý nghĩ về tình dục ra khỏi đầu. Của tôi vẫn cương cứng, nhưng có ích gì đâu trong bóng tối đen thui dưới lòng đất này? Đã thế lại còn vướng víu trong khi đi. Tôi đổi đề tài. “Cái máy này phát ra sóng âm khó chịu đối với ma đen, phải không?”

“Đúng thế. Chừng nào ta phát sóng thì chúng nó không dám lại gần quá mười lăm thước. Ông đừng đi cách xa tôi quá mười lăm thước nhé. Không thì chúng sẽ tóm ông, dìm xuống giếng và ăn dần từ những chỗ bị thối rữa. Chắc là ông rửa trước tiên ở phần bụng, chỗ có vết thương. Bọn này có móng và răng cực kỳ sắc. Như một hàng lưỡi khoan vậy.”

Tôi vội tiến lên sát cô.

“Vết thương còn đau không?”, cô hỏi.

“Uống thuốc giảm đau rồi thì cũng đỡ một chút. Cử động mạnh lại nhói lên, nhưng nhìn chung cũng ổn”, tôi trả lời.

“Nếu mình tìm được ông tôi thì ông sẽ tắt cơn đau đi.”

“Ông có? Làm thế nào?”

“Dễ thôi. Ông tôi hay làm với tôi. Ví dụ như khi tôi bị đau đầu kinh khủng. Ông phát một tín hiệu vào ý thức hệ để tắt cơn đau. Cảm giác đau là một thông điệp rất quan trọng đối với cơ thể, không nên bị tắt thường xuyên, nhưng lần này là trường hợp khẩn cấp mà.”

“Nếu được thì tôi rất hoan nghênh”, tôi nói.

“Tất nhiên là trước tiên phải tìm được ông tôi đã”, cô gái nói và vừa lia luồng đèn sáng quắc sang hai bên vừa vung chân tiến lên ngược suối. Hai bên vách đá toác ra nhiều kẽ nứt để lộ những con đường rẽ và vô số hang động kỳ bí. Nước rỉ ra từ những kẽ đá, tụ lại thành dòng lắt nhắt chảy dần xuống suối. Hai bên bờ phủ đầy rêu ướt nhoét như bùn, có màu xanh đến khó hiểu. Tôi không thể đoán ra vì sao lớp rêu lại có nổi màu sắc ấy khi quá trình quang hợp không thể diễn ra. Rõ ràng lòng đất có quy luật riêng của nó.

“Cô có nghĩ rằng bọn ma đen biết chúng ta đang đi ở đây không?”

“Dĩ nhiên”, cô gái mỉm mỉm thần nhiên nói. “Ở đây là nhà chúng mà lại. Không có gì xảy ra trong lòng đất mà chúng không biết cả. Chúng ở khắp nơi và quan sát chúng ta, tôi nghe tiếng chúng khắp nơi.”

Tôi rọi đèn pin lên vách đá xung quanh nhưng không thấy gì ngoài những mỗm đá xù xì hình thù kỳ quái và rêu.

“Bọn nó nấp trong hang động và sau những khúc rẽ, nơi ánh sáng không xuyên tới được”, cô nói. “Chắc là cả ở phía sau mình.”

“Máy phát tín hiệu chạy bao lâu rồi?”, tôi hỏi.

“Mười phút”, cô nhìn đồng hồ và nói. “Mười phút hai mươi giây. Không lo, năm phút nữa là mình đến nơi.”

Đúng năm phút sau chúng tôi đến trước thác nước. Như lần trước, hầu như nó không gây ra tiếng động nào. Máy tắt âm thanh có lẽ vẫn hoạt động. Chúng tôi trèo lên đầu, thắt chặt dây dưới cằm, đeo kính bảo hộ và đi xuyên qua thác nước không tiếng ồn.

“Lạ thật”, cô gái nói. “Máy tắt âm thanh vẫn chạy, như vậy phòng thí nghiệm không hề bị phá. Giả sử bọn ma đen đột nhập vào đây thì chúng đã đập bét nhè mọi thứ. Bọn nó cấm thù phòng thí nghiệm này lắm.”

Như để xác nhận lời phỏng đoán ấy, cửa phòng thí nghiệm vẫn khóa chặt. Nếu bọn ma đen lọt được vào trong thì khó có thể chúng đóng cửa lại cẩn thận khi ra khỏi. Không – nhất định ai khác đã bắt nạt tấn công vào đây.

Cô gái thận trọng xoay ổ khóa số trên cửa rồi mở ra bằng một chìa khóa điện. Trong phòng tối om và lạnh lẽo, có mùi cà phê. Cô nhanh tay đóng cửa, cài then và bật đèn sau khi chắc chắn là cửa đã khóa chặt.

Phòng thí nghiệm ở trạng thái bừa bộn hệt như văn phòng bên trên và nhà tôi. Giấy tờ bay lộn xộn trên sàn, đồ gỗ lật nhào, bát đĩa tan tành, thậm bị lật lên, và ai đó đổ cả một xô đầy cà phê lên trên. Không rõ vì sao giáo sư nấu nhiều cà phê như vậy.

Có một sự khác biệt căn bản với văn phòng bên trên và nhà tôi: người ta đã phân biệt rạch ròi những gì cần phá và những gì không. Những gì cần phá thì đúng là nát như tương, phần còn lại thì không hề chạm tay. Máy tính, điện thoại, fax, máy tắt âm và máy phát điện thì không hề suy suyễn, bật lên là chạy ngay. Chỉ có máy phát sóng âm loại lớn để đuổi ma đen là bị tháo mất vài phụ tùng, nhưng trông có vẻ dễ sửa.

Phòng đằng sau cũng tương tự: thoát trông thì cực kỳ hỗn độn, nhưng có tính toán cẩn thận. Dây đầu lâu súc vật vẫn nằm nguyên trên giá, tất cả máy đo quan trọng cũng vậy. Riêng các dụng cụ và vật liệu thí nghiệm rẻ tiền và dễ thay thế là bị phá hủy tàn bạo.

Cô bé kiểm tra két sắt. Cửa két không khóa. Cô lấy cả hai tay bới ra những gì còn sót lại từ đồng giấy tờ - một nắm tro trắng - và tung hết xuống đất.

“Chắc là bộ phận tự hủy đã hoạt động”, tôi nói. “Bọn chúng không lấy được gì đi cả.”

“Ông nghĩ bọn chúng là ai?”

“Đó là bàn tay người”, tôi nói. “Bọn ký hiệu sư hay bọn nào đó đã hợp lực với ma đen đến đây mở cửa; nhưng cái đồng hỗn loạn này là do bàn tay con người làm ra. Chỉ có người lọt vào đây thôi. Để dùng phòng thí nghiệm theo ý của mình – tôi đoán chúng định làm tiếp các thí nghiệm của giáo sư – chúng không phá các máy móc quan trọng. Sau đó khóa cửa lại để bọn ma đen không vào phá phách.”

“Tôi nghĩ là bọn chúng không lấy được gì quan trọng cả, phải không?”

“Có lẽ đúng thế”, tôi nói và nhìn khắp lượt phòng. “Trừ ông cô ra. Và chính ông mới là thứ quan trọng nhất. Giờ thì ta không còn khả năng tìm ra giáo sư đã cấy gì vào người tôi. Vào ngõ cụt rồi.”

“Không”, cô gái mồm mĩm đáp, “bọn chúng không bắt được ông tôi đâu. Không sợ. Phòng thí nghiệm có một lối thoát bí mật. Nhất định ông tôi đã thoát ra đường đó và đem theo một máy phát sóng đuổi ma đen như chúng ta đã dùng.”

“Sao cô biết?”

“Tôi không chứng minh được nhưng tôi biết. Ông tôi là người vô cùng cẩn trọng, không dễ gì để lọt vào tay bọn chúng. Nhất định khi nghe có ai mở cửa là ông tôi đã chạy qua cửa thoát đó.”

“Nghĩa là bây giờ ông ở ngoài kia – trên mặt đất?”

“Không”, cô nói. “Sự việc cũng lại không đơn giản như vậy. Đường thoát hiểm lắt léo như ma trận và đi qua ổ ma đen, ra đến ngoài thì nhanh nhất cũng cần tối thiểu năm tiếng. Máy phát sóng chạy được nửa tiếng, vậy thì ông tôi vẫn đang ở đâu đó trên đường.”

“Trừ phi ông đã bị bọn ma đen bắt.”

“Tôi không tin lắm. Ông tôi đã dự phòng trường hợp xấu nhất và xây một hầm boong ke tuyệt đối an toàn trước bọn ma đen. Có lẽ ông tôi đang trú ở đó và đợi ta đến.”

“Thế mới đúng là cẩn trọng”, tôi nói. “Và cô biết boong ke này ở đâu chứ?”

“Tôi nghĩ là có biết. Ông tôi đã giải thích rất kỹ đường đến đó. Ngoài ra trong sổ tay này cũng có một sơ đồ, kèm chỉ dẫn các vị trí nguy hiểm.”

“Ví dụ như...”

“Tôi nghĩ ông không nên biết thì hơn”, cô nói. “Có những người đâm ra hoảng hốt khi biết chuyện.”

Tôi thở dài và thôi không hỏi về những mối nguy hiểm ấy nữa. Ngay bây giờ tôi cũng đã hoảng lắm rồi.

“Đi mất bao lâu thì đến được chỗ bọn ma đen không vào được?”

“Hăm lăm, ba mươi phút. Từ đó trở đi còn khoảng một tiếng hay một tiếng rưỡi nữa thì đến chỗ ông tôi ẩn náu. Đoạn đường này thì an toàn. Vấn đề là đi đến đó ra sao. Ta phải thật khẩn trương, chừng nào còn đủ pin.”

“Nếu giữa đường hết pin thì sao?”

“Thì chỉ còn cách cần xin may mắn nữa thôi”, cô gái nói. “Phải vừa khua đèn pin để bọn khốn khiếp ấy không dám lại gần vừa chạy thật nhanh. Bọn chúng sợ ánh sáng gắt. Nhưng chỉ cần vòng sáng bị gián đoạn là chúng tung nanh vuốt tóm được ông. Hoặc tôi.”

“Nghe được đấy”, tôi chán nản nói. “Pin nạp đủ chưa?”

Cô kiểm tra vạch hiển thị trên máy phát sóng và nhìn đồng hồ. “Còn năm phút nữa.”

“Thế thì nhanh chân lên”, tôi nói. “Theo phỏng đoán của tôi thì bọn ma đen sẽ báo cho các ký hiệu sư là ta đang ở đây, và lập tức chúng sẽ quay lại ngay.”

Cô gái trút bỏ áo mưa và ủng, mặc áo khoác dã chiến và giày thể thao mà tôi đã đem theo. “Ông cũng nên thay đồ đi. Bây giờ ta phải gọn nhẹ thì mới thoát được.”

Tôi cũng cởi áo mưa, khoác áo gió ra ngoài áo len rồi kéo khóa lên sát cổ. Sau đó tôi khoác ba lô lên và thay ủng cao su bằng giày chạy. Đã gần mười hai giờ rồi.

Cô bé vào phòng sau, ném tất cả các mắc áo trên tủ tường xuống đất, nắm cả hai tay vào thanh sắt treo mắc áo để vịn. Có tiếng nghiêng kèn kẹt như bánh răng bập vào nhau. Vịn thêm một vòng nữa cùng chiều thì phía dưới vách hậu hiện ra một lỗ hồng vuông, cạnh dài chừng bảy mươi phân. Bóng tôi trong lỗ đặc kịt như có thể chạm tay vào được. Mùi ẩm mốc lạnh lẽo phả vào phòng.

“Có mẹo không?”, cô bé nói với tôi, tay vẫn bám thanh sắt.

“Rất mẹo ấy chứ”, tôi nói. “Không ai ngờ có một đường thoát ở vị trí này.”

Cô đi đến bên tôi, vươn người lên và hôn vào dưới tai tôi. Người tôi bỗng ấm lên, vết đau cũng đỡ hẳn. Chắc là cô đã chạm vào một chỗ đặc biệt. Hoặc đã quá lâu tôi không được một cô gái mười bảy tuổi nào hôn.

“Ta phải tin là mọi sự trôi chảy thì chẳng có gì trên thế giới này làm ta sợ nữa cả”, cô nói.

“Khi lớn tuổi rồi thì những niềm tin kiểu ấy cũng giảm sút”, tôi nói. “Giống như hàm răng vậy. Không nhất thiết người ta trở nên do dự hoặc trở lè, nhưng niềm tin cứ thế giảm sút.”

“Ông sợ à?”

“Phải”, tôi nói. Rồi tôi khom người nhìn xuống vào lỗ hổng lần nữa. “Tôi luôn có vấn đề trong bóng tối và những chỗ chật hẹp.”

“Quay lại thì không được rồi. Ta phải chui vào thôi, đúng không?”

“Nhìn một cách logic thì đúng thế”, tôi nói. Có cảm giác như cơ thể đang rời khỏi tôi. Hồi đi học, đôi lần khi chơi bóng rổ tôi đã có cảm giác đó. Khi tôi cố chỉnh chuyển động của mình theo đường bóng chữ chi thì đầu óc không theo kịp.

Cô nhìn chăm chăm vạch pin trên máy phát sóng.

“Ta đi thôi”, rốt cuộc cô nói. Pin đã nạp đầy.

Như ban nãy, cô đi trước và tôi bám theo. Trong khung cửa, cô quay lại ấn một cần gạt để đóng cửa. Ô vuông sáng càng lúc càng nhỏ đi, chỉ còn một rãnh hẹp rồi biến hẳn. Tôi đứng trong một bóng đêm hoàn hảo hơn bất cứ sự tăm tối nào từng biết trong đời. Một bóng đêm mà đèn pin trở nên bất lực, họa chăng chỉ khoan được một lỗ sáng tí xíu run rẩy.

“Tôi không hiểu một điều”, tôi nói. “Vì sao ông cô lại chọn đường thoát hiểm xuyên qua giữa ổ ma đen?”

“Vì đó là đường chắc chắn nhất”, cô gái nói và chiếu đèn vào tôi. “Ổ giữa ổ, bọn ma đen có khu thánh địa, chúng không được phép bước vào.”

“Một dạng tôn giáo?”

“Tôi nghĩ thế. Ông tôi cũng nói vậy. Nhưng bản thân tôi chưa tới đó bao giờ. Nhưng người ta không thể gọi đó là tín ngưỡng, vì nó quá thô thiển, nhưng nhất định là một dạng tôn giáo. Chúa của chúng là một con cá. Một con cá khổng lồ không mắt.” Cô chiếu đèn pin về phía trước. “Nhưng ta đi tiếp thôi, không còn nhiều thì giờ nữa.”

Trần hang hạ thấp đến nỗi tôi phải đi lom khom. Phần lớn vách đá trơn nhẵn, chỉ có vài cạnh sắc, mặc dù vậy tôi bị va đầu vào mấy lần đau điếng. Không có thì giờ để thấy đau nữa. Tôi hướng đèn pin vào lưng cô gái và đi tiếp, cố không bị lạc cô khỏi tầm mắt. Dù đáng người mập mạp, cô nhanh nhẹn và có vẻ như cực kỳ dai sức. Bản thân tôi khá có sức chịu đựng nhưng chạy trong tư thế lom khom khiến vết thương đau như xé. Tựa như có ai đó thọc mũi dùi băng vào bụng dưới. Áo tôi ẩm mồ hôi, dính chặt vào người. Nhưng thả đau còn hơn mất dấu cô và tụt lại trong bóng đêm này.

Với mỗi bước chân, cảm giác thân thể không hẳn thuộc về mình càng tăng lên. Có lẽ nguyên nhân là tôi không nhìn thấy chính mình. Thậm chí đưa tay lên trước mắt cũng không thấy.

Không nhìn thấy chính mình là một điều kỳ quặc. Một lát sau người ta sẽ tự hỏi thân thể mình phải chăng là một dạng giả định. Cột đầu vào trần đá thì dĩ nhiên tôi vẫn đau, và vết thương ở bụng cũng không ngừng nhói lên. Vẫn cảm thấy nền đất dưới chân. Nhưng đó là cái đau thuần túy, là xúc giác thuần túy. Nó là những khái niệm bắt nguồn từ cái giả định được gọi là “thân thể”. Hoàn toàn có thể là thân thể đã chết rồi và các khái niệm vẫn tồn tại. Tương tự như trường hợp một người sau khi bị phẫu thuật cưa chân mà vẫn cảm thấy ngứa ở ngón chân đã mất.

Vài lần tôi toan chiếu đèn pin vào mình để chắc chắn thân thể mình vẫn còn đó, nhưng rồi lại thôi vì sợ mất bóng cô gái. Thân thể mi vẫn còn đó mà, đồ ngốc – tôi tự nhủ. Giả sử nếu nó đã chết rồi thì chỉ còn lại cái mà tôi có thể gọi là linh hồn thì chắc là tôi khỏe khoắn hơn mới phải. Làm gì có sự giải thoát, nếu

tâm hồn cứ đeo đẳng mãi vết thương ở bụng, loét dạ dày và viêm trĩ? Nếu linh hồn không thoát được khỏi xác thì có lý do gì để nó được tồn tại?

Với những ý nghĩ đó trong đầu, tôi bám chân cô gái mũm mĩm, theo chiếc áo khoác dã chiến xanh lá cây ôm khít thân hình, chiếc váy hồng ló ra bên dưới và đôi giày chạy màu hồng. Đôi bông tai tòng teng lấp lánh trong ánh đèn pin như một đôi đom đóm chập chờn bay quanh đầu cô.

Cô gái vẫn đi tiếp, không quay lại nhìn tôi lấy một lần và không nói một câu. Tựa như quên rằng là tôi có mặt. Cô cứ đi, thoăn thoắt lia đèn pin vào các khúc rẽ và hang động.

Đến một ngã ba cô dừng bước, rút sơ đồ từ túi ngực ra và chiếu đèn vào hướng đi tiếp. Nhân dịp đó tôi tiến lên ngang hàng.

“Ổn cả chứ? Mình vẫn đi đúng đường chứ?”, tôi hỏi.

“Ổn cả. Ít nhất là cho đến lúc này. Mình đi đúng đường”, giọng cô tự tin.

“Sao cô tin chắc vậy?”

“Vì mình đi đúng đường”, cô nói và chìa đèn chiếu xuống đất. “Đây này, ông nhìn xem!”

Tôi ngồi thụp xuống và nhìn chăm chăm vào vòng tròn sáng. Trong những khe lõm trên nền đá có những chỗ lấp lánh ánh bạc. Tôi cầm một mảnh lấp lánh đó lên – một chiếc ghim giấy.

“Thấy chưa!”, cô nói. “Ông tôi đi đường này. Ông biết là mình sẽ đến và đánh dấu đường đi đấy.”

“À!”, tôi nói.

“Được mười lăm phút rồi. Ta đi tiếp nào.”

Qua mấy ngã ba nữa, chỗ nào cũng có ghim giấy chỉ hướng, nhờ vậy chúng tôi không lạc hướng và ngoài ra không mất thì giờ quý báu.

Thỉnh thoảng trên đường có những hố sâu. Chúng được đánh dấu trên sơ đồ bằng bút dạ đỏ; cứ đến gần là chúng tôi đi chậm lại và lấy đèn soi kỹ nền đất. Những hố này có đường kính chừng năm, bảy chục phân, dễ dàng đi vòng tránh hoặc nhảy qua. Một lần tôi thử gạt hòn đá to bằng nắm tay ở miệng hố rơi vào, nhưng mãi lâu sau không nghe tiếng gì. Đường như nó rơi tạt sang Brazil hay Argentina. Dạ dày tôi co thắt lại khi hình dung ra mình trượt chân rơi vào một hố như vậy.

Đường đi ngoằn ngoèo rắn lượn, thỉnh thoảng có lối rẽ, toàn thoải thoải xuống. Tuy không dốc hẳn nhưng liên tục giảm độ cao. Tôi có cảm tưởng cứ sau mỗi bước chân là mình lại bị cướp mất một chút thể giới ban ngày sáng sủa trên kia.

Một lần chúng tôi ôm nhau. Đột ngột cô gái dừng chân, quay lại, tắt đèn pin và choàng hai tay ôm tôi. Rồi cô lần tay tìm môi tôi để hôn lên. Tôi cũng ôm cô và khê siết vòng tay. Thật lạ lùng khi người ta ôm nhau trong màn đêm đen như mực. Tôi nhớ Stendhal từng viết về chuyện ôm nhau trong đêm. Đúng, sách của Stendhal. Nhưng tôi quên khuấy đầu đề. Tôi cố vắt óc nhưng không sao nhớ ra. Liệu Stendhal có bao giờ ôm một phụ nữ trong đêm chưa nhỉ? Tôi tự nhủ, nếu sau vụ này tôi còn sống sót và thể giới chưa tàn lụi thì tôi nhất định sẽ tìm cuốn đó của Stendhal.

Hương đưa bờ tỏa ra từ gáy cô gái đã bay mất. Cổ cô thơm mùi đặc trưng của một cô bé mười bảy. Thấp hơn chút nữa có mùi hôi. Mùi tôi và mùi cuộc đời tôi ngấm vào chiếc áo dã chiến. Mùi những món ăn tôi đã nấu, mùi cà phê bị dây lên, mùi mồ hôi tôi toát ra. Tất cả đã quyện chặt vào áo. Trong bóng đen dưới lòng đất sâu thẳm này, với cô bé mười bảy tuổi trong vòng tay, cuộc đời ấy như ảo ảnh, mơ hồ và vĩnh viễn trôi đi. Tôi có thể nhớ rằng nó đã từng diễn ra. Nhưng tôi không bao giờ có dịp sống lại nó lần nữa.

Chúng tôi đứng như thế rất lâu. Thời gian trôi đi vùn vụt, nhưng tôi không lấy thế làm lo ngại. Chúng tôi chia sẻ nỗi sợ bằng vòng tay ôm. Đó là điều duy nhất có ý nghĩa.

Cuối cùng cô áp chặt vú vào người tôi, môi cô hé mở, lưỡi cô mềm mại và hơi thở của cô ngập tràn miệng tôi. Lưỡi cô liếm lấy lưỡi tôi. Ngón tay cô luồn vào tóc tôi. Mười giây sau hay lâu hơn, tất cả chấm dứt, cô đột ngột tách khỏi tôi. Một sự tuyệt vọng vô bờ ụp xuống người tôi, đem lại cảm giác như một nhà du hành vũ trụ bị bỏ rơi trong vũ trụ mênh mang.

Tôi bật đèn pin. Cô gái đứng đó. Cô cũng bật đèn của mình. “Đi thôi”, cô nói. Rồi cô quay lại và đi tiếp như lúc nãy. Tôi còn cảm thấy môi cô áp trên miệng mình. Và nhịp tim cô đập trên ngực mình.

“Tôi hôn giỏi đấy chứ?”, cô nói, không quay lại nhìn.

“Thậm chí rất giỏi”, tôi nói.

“Nhưng thiếu một cái gì đó, phải không?”

“Đúng”, tôi nói. “Có gì đó thiếu.”

“Gì vậy?”

“Tôi không rõ”, tôi nói.

Sau năm phút trên con đường thoai thoải chúng tôi đến một bãi rộng trống trải. Ở đây có mùi lạ, và tiếng chân vang lên cũng khác. Khi vỗ tay, tiếng vang tựa như méo mó hình bầu dục và lồi lên ở khoảng giữa.

Trong lúc cô xem sơ đồ, tôi quết đèn xem xét xung quanh. Trần hang như một mái vòm, bãi trống có hình tròn làm đế. Một hình tròn hoàn hảo, rõ ràng là nhân tạo. Vách nhẵn nhụi, không hề có góc cạnh hay lỗi lồi lõm nào. Đứng giữa bãi trống có một vết lõm nông, đường kính khoảng một thước và chứa đầy chất lỏng sền sệt lạ mắt. Trong không khí có mùi hôi, không gắt lăm, nhưng khó chịu như hơi thở chua chua trong miệng người.

“Có vẻ như đây là cửa vào thánh địa”, cô bé nói. “Ở đây là mình an toàn cái đã. Ma đen không vào sâu hơn được.”

“Thế là tốt rồi. Nhưng mình có quay ra được không?”

“Chuyện ấy cứ để ông tôi lo. Thế nào ông tôi cũng có giải pháp. Ngoài ra mình còn hai máy phát sóng, đủ để xua bọn khốn nạn một thời gian. Trong lúc dùng một máy thì lại nạp pin ấy kia, nghĩa là chẳng có gì phải lo. Và cũng không có áp lực thời gian nữa.”

“Ra thế”, tôi nói.

“Ông không thấy lạc quan hơn à?”

“Có, có một chút”, tôi nói.

Ở lối vào thánh địa, hai bên vách đá được tạc thành bức phù điêu tinh tế. Mỗi bên là một con cá khổng lồ vượn mình, miệng con này đớp đuôi con kia. Những con cá kỳ bí. Đầu vòng lên như khoang lái của phi cơ ném bom. Ở vị trí của hai mắt là hai chùm xúc tu mạnh mẽ. So với thân hình thì miệng chúng quá lớn, vạch một đường thẳng đến tận bờ mang. Dưới đó, sát bụng là một bộ phận chia ra, giống như phần gốc của một sinh vật bị cưa chân. Thoạt tiên tôi tưởng đó là bộ phận hút bám, nhưng nhìn kỹ thì ra ở đầu có ba móng sắc. Chưa bao giờ tôi thấy cá có móng vuốt cả. Vây lưng có hình thù cổ quái, còn vây bụng đứng như gai.

“Đây có phải là các linh vật không? Hay chúng có thật?”, tôi hỏi người đồng hành.

“Ai mà biết được”, cô nói là lại cúi xuống nhặt mấy ghim giấy lên. “Ít nhất thì ta cũng không lạc đường. Giờ thì kiểm đường vào đi.”

Tôi đi theo cô, không cưỡng nổi chiếu đèn lên những bức phù điêu cá lần nữa. Tôi hơi bị choáng khi thấy bọn ma đen tạc được những phù điêu tinh xảo đến như vậy trong bóng đêm dày đặc. Và thực tế chúng nhìn được trong đêm không hề làm giảm nổi ngạc nhiên của tôi khi ngắm tác phẩm. Có lẽ lúc này chúng cũng đang theo dõi nhất cử nhất động của chúng tôi.

Trong thánh địa, đường đi hơi dốc lên, và vòm hang ngày càng cao hơn cho đến khi không nhìn thấy nữa trong ánh đèn pin chiếu lên.

“Bắt đầu đến núi”, cô nói. “Ông có kinh nghiệm leo núi không?”

“Ngày xưa tuần nào tôi cũng đi leo núi, nhưng chưa bao giờ leo trong đêm cả.”

“Hình như cũng không dốc lắm”, cô bé nói và cất sơ đồ vào túi ngực. “Không nên gọi là núi, mà là một quả đồi thì đúng hơn. Đối với bọn ma đen thì đây là Núi Thiêng. Ông tôi kể thế. Ngọn núi duy nhất trong lòng đất.”

“Ta sẽ làm vậy bản nó với sự hiện diện ở đây?”

“Hoàn toàn ngược lại. Ngọn núi này mới chính là bản. Ở đây tập trung mọi thứ bản thủy. Có thể nói đây là chiếc hộp của Pandora dưới lớp vỏ đất khô cứng. Và ta sẽ đi xuyên qua.”

“Nghe có vẻ như khó lòng sống sót quay trở ra.”

“Ông hãy can đảm lên. Khi đã có lòng tin thì chẳng có gì trên thế giới này làm ta sợ nữa cả, tôi đã nói với ông rồi đó. Ông hãy đánh thức những ký ức tươi đẹp, nhớ đến những người mà ông yêu mến, nghĩ lại những lúc ông đã khóc, hồi tưởng thời thơ ấu và các dự định tương lai, những bài hát mà ông thích, cái gì cũng được. Rồi mọi sợ hãi sẽ tan biến.”

“Ben Johnson có được không?”

“Ben Johnson là ai?”

“Là diễn viên trong nhiều phim ngày xưa của John Ford, một kỵ sĩ tài ba. Ông ta cưỡi ngựa như thánh.”

Cô cười khúc khích. “Ông là người tuyệt vời. Tôi thật sự thích ông rồi đấy.”

“Tôi quá lớn tuổi đối với cô”, tôi nói. “Với lại tôi chẳng biết chơi nhạc cụ nào.”

“Sau này thoát khỏi đây tôi sẽ dạy ông cưỡi ngựa.”

“Cảm ơn”, tôi nói. “Bây giờ cô đang nghĩ gì?”

“Tôi nghĩ về nụ hôn lúc nãy”, cô nói. “Vì vậy mà tôi hôn ông đấy. Ông không biết sao?”

“Không.”

“Ông biết ở đây ông tôi nghĩ gì không?”

“Không.”

“Chẳng nghĩ gì cả. Ông tôi có thể dọn cho đầu óc trống rỗng. Những thiên tài đều có khả năng đó. Nếu đầu óc trống rỗng thì cái Ác không lọt vào được.”

“Thế à”, tôi nói.

Như cô gái nói, đường ngày càng dốc dựng, rốt cuộc chúng tôi phải chống cả hai tay để leo lên. Suốt buổi tôi nghĩ đến Ben Johnson. Ben Johnson trên lưng ngựa. Tôi nghĩ đến tất cả các cảnh phi ngựa. Ben Johnson trong phim Fort Defiance và She Wore a Yellow Ribbon và Wagonmaster và Rio Grande. Ben Johnson trên thảo nguyên cháy nắng, mây trên trời trắng tinh như vẽ. Dưới thung lũng là những đàn trâu. Phụ nữ đi ra cửa và chùi tay vào yếm trắng. Một dòng sông. Ánh sáng run rẩy trong gió. Và Ben Johnson phi như bay qua cảnh đó. Ông kính di động lướt theo cùng, bắt hình kỵ sĩ dũng mãnh.

Vận cả tứ chi bám vào vách đá, tôi nhớ lại Ben Johnson và ngựa của ông. Lại thay, vết thương hết đau hẳn – không rõ có phải vì Ben Johnson, và tôi leo tiếp mà không phải luôn nghĩ đến tình trạng thương tật của mình. Nói như thế thì lý luận của cô bé về chuyện bản một tín hiệu đặc biệt vào ý thức hệ để giảm bớt đau đớn trong cơ thể không phải là không có lý.

Về kỹ thuật leo núi thì chuyển leo này không có gì khó khăn. Chân có đủ chỗ đặt, vách đá không dốc quá, và tay luôn bám được vào những chỗ lõm nào đó. Theo cách đánh giá trên mặt đất thì chúng tôi đang trong khóa vỡ lòng, và chuyển leo này hoàn toàn dành cho học sinh tiểu học một mình leo vào Chủ Nhật mà không sợ gặp nguy hiểm. Tuy nhiên trong bóng đêm dưới lòng đất thì có khác. Giơ tay lên trước mắt cũng không thấy! Người ta không nhận ra bên trên sắp có gì, còn phải leo bao lâu nữa, hiện đang đứng ở vị trí nào, phía dưới trông ra sao, và liệu có đi đúng hướng không. Tóm lại là mù tịt. Tôi không hề biết là mắt không thấy gì thì người ta sinh ra bối rối và sợ hãi đến như vậy. Ở hoàn cảnh nhất định, điều đó cướp đi của ta toàn bộ nền tảng về giá trị, kể cả cảm giác tự tin và lòng dũng cảm. Khi định đạt được mục tiêu gì, thường là người ta tự đặt ba câu hỏi bất di bất dịch: Ta đã làm được gì? Hiện nay ta đang ở đâu? Còn

phải làm gì nữa để đạt mục tiêu? Khi bị cướp đi cả ba móc đánh dấu đường đi ấy thì chỉ còn sót lại sự bối rối, sợ hãi và mệt mỏi. Vấn đề không phải mức độ khó khăn hay đơn giản về kỹ thuật, mà là người ta biết làm chủ mình được đến mức nào.

Chúng tôi tiếp tục trèo lên ngọn núi tối tăm. Do không thể vừa giữ đèn pin vừa tìm chỗ bám tay, tôi đút đèn pin vào túi quần. Cô gái mũm mĩm đeo dây buộc đèn qua vai, chiếc đèn lúc lắc trên lưng cô và uống công rọi vào vũ trụ đen như mực. Tuyệt đối không nhìn thấy gì. Tôi im lặng leo theo hướng tia sáng vung vẫy.

Thỉnh thoảng cô lại gọi tôi để chắc chắn rằng tôi không bị tụt hậu. “Ổn cả chứ?”, cô nói, hoặc: “Sắp đến nơi rồi.”

Một lát sau cô hỏi: “Ông có muốn hát không?”

“Hát gì cơ”, tôi hỏi.

“Gì cũng được. Một bài nào đó. Ông hát đi!”

“Tôi chỉ hát khi ở một mình.”

“Thôi mà. Ông hát đi!”

Biết làm sao bây giờ? Tôi hát bài dân ca Nga về bếp lò đã học ở tiểu học.

Tuyết rơi, rơi suốt đêm dài,

Cháu lên đi pechka[2]!

Lửa cháy đến tận sáng mai,

Cháu lên đi pechka!

Giấc mơ ngàn xưa thành bài hát của ai,

Cháu lên đi pechka!

Các đoạn sau tôi quên mất, vì vậy tôi bịa ra mà hát. Tất cả ngồi quanh bếp lò, có tiếng gõ cửa. Ông bố đứng dậy ra mở. Một con tuần lộc tuyệt đẹp đứng bên ngoài mà khóc: “Tôi đói quá! Có gì cho tôi ăn với!” Mọi người mở một hộp đào cho nó ăn. Rồi tất cả quây quần trong lò và cùng nhau hát.

“Ông hát hay đấy chứ!”, cô bé khen. “Tiếc là tôi không rảnh tay để vỗ. Nhưng bài hát hay quá!”

Chúng tôi vượt qua một vách dốc, nghỉ lấy hơi trên một bãi phẳng và rọi đèn ra xung quanh. Phiến đá này khá rộng và phẳng như mặt bàn cà phê, nhìn ngút tầm mắt. Cô bé cũng ngồi xuống và nhặt lên nửa tá ghim giấy.

“Ông cô còn đi đâu nữa đây?”, tôi hỏi.

“Chắc không xa nữa đâu. Ông tôi hay kể về phiến đá này. Tôi nghĩ là tôi biết ông tôi ở đâu.”

“Nghĩa là ông cô hay tới đây?”

“Tất nhiên. Để vẽ sơ đồ, ông tôi đã mò đi khắp nơi, biết từng viên đá ở đây.”

“Ông làm một mình?”

“Tất nhiên”, cô bé nói. “Ông tôi thích làm việc một mình nhất. Chẳng phải là vì ông là người khó gần hoặc không tin ai, mà đơn giản là không ai theo kịp ông.”

“Tôi có thể hiểu điều đó”, tôi nói. “Nhưng phiến đá này có ý nghĩa gì?”

“Tổ tiên của ma đen từng sống trên núi, trong các hang động tự khai phá. Bãi phẳng mình đang đứng này là nơi bọn chúng cử hành những nghi lễ tôn giáo. Chúa của chúng trị vì ở đây. Các giáo sĩ hay thầy mo cầu Chúa của đêm đen và dâng lễ vật sống.”

“Con cá khủng khiếp có nanh vuốt ấy à?”

“Đúng thế. Ma đen tin rằng con cá ấy cai trị vương quốc đêm đen, quyết định về sự sống ở đây, hệ thống logic và giá trị, tất cả. Theo truyền thuyết, con cá đã chỉ cho tổ tiên ma đen đường đến đây.” Cô gái chiếu đèn xuống đất và chỉ vào một vết sâu khoảng mười phân và rộng một thước, trông như một rãnh đào, chạy thẳng tắp từ phiến đá cho đến khi mất hút. “Đi theo rãnh này sẽ đến điện thờ của ma đen. Có thể ông tôi đang trú ở đó. Điện thờ là nơi linh thiêng nhất của thánh địa, không ai dám đến: đó là nơi trú ẩn tuyệt đối an toàn.”

Chúng tôi tiếp tục tiên theo dấu vết thẳng như kẻ chỉ. Chẳng mấy chốc đường đi bắt đầu dốc xuống, và vách đá hai bên ngày càng vút cao. Tôi có cảm giác là chúng ngày càng ép sát lại và sắp nghiền chúng tôi trong giây lát, nhưng thực ra xung quanh tất cả đều trơn trượt, vẫn im lìm như dưới đáy giếng. Chỉ có tiếng nhóc nhách dưới đế giày cao su tạo ra tiếng vang nhịp nhàng lạ lẫm. Đôi lần tôi bất giác ngó lên trên. Ai đi trong bóng đêm cũng tìm bóng trăng sao một cách vô thức.

Song tất nhiên là cả trăng lẫn sao đều không tỏa sáng trên đầu chúng tôi, mà ngược lại, bóng tối còn đè xuống nặng hơn. Thậm chí, sự tồn tại của mình cũng nặng nề. Tôi thấy tất cả nặng như chì, như chưa bao giờ được biết. Hơi thở, tiếng đế giày nghiền nhóc nhách, cử động tay chân – tất cả đều bị hút xuống đất, trĩu nặng. Có cảm tưởng như không phải mình ở dưới lòng đất mà trên một hành tinh xa lạ trong vũ trụ. Trọng lực, độ đậm đặc của không khí và cảm giác thời gian, tất cả, tất cả đều khác với những gì tôi từng biết.

Tôi giơ tay trái lên, bật sáng mặt đồng hồ điện tử. 2 giờ 11. Vậy là mặc dù mới đi được khoảng hai tiếng trong bóng tối – vì chúng tôi xuất phát đúng nửa đêm – tôi có cảm tưởng là đã sống qua một phần tư cuộc đời trong bóng đêm này. Thậm chí ánh sáng mờ mờ của mặt đồng hồ cũng làm mắt nhói đau nếu tôi nhìn lâu. Rõ ràng thị lực đã quen dần với bóng tối. Cả ánh đèn pin cũng làm chói mắt. Ai ở lâu trong bóng tối cũng thấy thực ra nó là bình thường, và cho rằng ánh sáng là điều gì đó kỳ lạ và phản tự nhiên.

Chúng tôi im lặng tiến bước vào trong đường hào hẹp đổ dốc. Do đường thẳng và không ngại bị va đầu vào trần đá, tôi tắt đèn và chỉ đi theo tiếng đế ủng cao su nhóc nhách của cô gái. Chẳng bao lâu tôi cũng không phân biệt được mình đang nhắm hay mở mắt. Đàng nào cũng tối như hũ nút. Đôi lúc tôi nhắm mắt đi tiếp, rồi lại mở mắt, chỉ để không thấy sự khác biệt nào.

Điều duy nhất mà tôi cảm nhận được là tiếng nhóc nhách từ đế giày của cô gái vang lên trong tai. Một tiếng vang thật lạ, có thể vì tính chất nền đất, hay vì không khí, vì bóng tối? Tôi thử dịch tiếng động đó sang ngôn ngữ châu Phi hay Ả Rập mà tôi không biết. Đơn giản là nó không chịu phù hợp với âm tương ứng trong tiếng Nhật. Biết đâu có thể so với tiếng Pháp, tiếng Đức hay tiếng Anh? Thoạt tiên tôi cố nghe ra là

Even-through-be-shopped-degreed-well

Nhưng lúc đánh vần lên thì tiếng vang đó khác hẳn. Kể ra khá giống với

Efgvén-gthrouv-bge-shpèvg-égvele-wgevl

Khá giống tiếng Phần Lan, tiếc rằng tôi không biết gì về ngôn ngữ này. Đơn thuần về ngữ nghĩa thì phải là “ông nông dân gặp con quỷ cạnh đường”, nhưng đó chỉ là ấn tượng của tôi vậy thôi, không giải thích được.

Sau đó tôi thử biến âm thanh ấy thành đủ mọi ngôn ngữ. Và hình dung ra đôi giày thể thao màu hồng của cô gái nhả lên nền đất ra sao. Gót giày chạm đất trước tiên, trọng lượng cơ thể chuyển dồn lên ngón chân, sau đó, trước khi chân nhấc khỏi mặt đất là gót trái đặt xuống. Liên tục. Thời gian trôi đi chậm hơn. Tựa như giày cốt bị đứt, hay kim đồng hồ không nhúc nhích nữa. Trong đầu tôi, đôi giày thể thao hồng chậm chạp chuyển động về phía trước, về phía sau. Tiếng óc ách vang lên:

Efgvén-gthrouv-bge-shpèvg-égvele-wgevl

Efgvén-gthrouv-bge-shpèvg-égvele-wgevl

Efgvén-gthrouv-bge...

Con quỷ già ngồi trên hòn đá bên bờ ruộng Phần Lan. Nó đã mười nghìn tuổi, hay hai mươi nghìn, trông kiệt quệ, áo quần và giày nó bê bết bụi. Cả bộ râu cũng rụng lê thê. “Đi đâu mà vội thế ông?”, con quỷ hỏi người nông dân. “Cái cuộc của tôi bị gãy, tôi phải đem đi sửa”, người nông dân đáp. “Thế thì việc gì mà

vội”, con quỳ nói. “Mặt trời còn đứng bóng, ông vội gì ệt người! Ngồi lại đây, ta kể cho nghe chuyện của ta.” Người nông dân nghi ngại nhìn con quỳ. Ông biết là đánh đu với quỳ chắc chẳng hay ho gì, nhưng trông nó thảm hại và mệt mỏi, vì vậy ông...

Mặt tôi đập phải gì đó, mềm, phẳng. Gì đó mềm, phẳng, nhỏ nhắn, khá quen thuộc. Gì vậy nhỉ? Trong khi tôi còn đang suy nghĩ thì nó đập vào mặt lần nữa. Tôi muốn lấy tay phải gạt nó đi nhưng không xong. Cứ đập thứ ba. Ánh sáng chói mắt lóa lên khó chịu. Tôi mở bừng mắt. Cho đến lúc đó tôi không ý thức được là mình nhắm mắt. Thì ra mắt tôi không mở suốt buổi. Ngay trước mắt tôi là ánh đèn pin của người đồng hành, và cái mà tôi va phải là bàn tay cô.

“Thôi đi!”, tôi hét lên. “Chói quá, đau quá!”

“Ông không thể ngủ thiếp đi ở đây được! Dậy, dậy đi!”, cô gái nói.

“Dậy à?”, tôi bật đèn pin và ngó quanh. Tôi đang ngồi dưới đất, tựa lưng vào vách đá. Mơ mơ màng màng. Có lẽ tôi đã thiếp đi lúc nào không rõ. Nền đất và vách đá ướt rượt.

Tôi lồm cồm đứng dậy. “Sao thế nhỉ? Tôi ngủ quên à? Tôi không nhớ đã ngồi xuống lúc nào, và cũng không nhớ là mình buồn ngủ.”

“Bọn nó đấy”, cô nói. “Bọn nó toan ru ngủ mình, ngay tại chỗ này.”

“Bọn nào?”

“Bọn ở núi này, thần thánh hay ma quỷ, ai mà biết được, đại khái là bọn nào đó. Bọn nó định cản bước mình.”

Tôi lắc người cho tỉnh táo một chút.

“Tôi thấy người thiu thiu, và sau đó là không biết vừa đi vừa mở mắt hay nhắm mắt nữa. Và giày cô phát ra tiếng kêu kỳ lạ...”

“Giày tôi?”

Tôi kể cho cô nghe tiếng giày nhóc nhách đã dẫn tôi đến chỗ con quỳ già ra sao.

“Mẹo đấy”, cô nói. “Một dạng thôi miên. Nếu tôi không kịp nhận ra thì ông đã nằm đấy đến khi quá muộn.”

“Quá muộn?”

“Đúng thế. Cho đến khi quá muộn”, cô nói nhưng không giải thích thêm. “Ông có đem theo sợi thừng không?”

“Ngắn thôi. Chừng năm mét.”

“Ông lấy ra đi!”

Tôi hạ ba lô, lôi sợi dây dù giữa các đồ hộp, chai whiskey và bi đông ra đưa cho cô. Cô buộc một đầu vào thắt lưng tôi, thắt đầu kia quanh eo mình. Sau đó chúng tôi cùng kéo xem có chắc không.

“Thế là được”, cô nói. “Giờ thì mình không lạc nhau được nữa.”

“Trừ phi cả hai cùng ngủ gật”, tôi nói. “Cô cũng thiêu ngủ, đúng không?”

“Ông đừng vẽ chuyện nát nhau. Ta đi thôi. Không còn nhiều thì giờ đâu.”

Chúng tôi lại lên đường, nối với nhau bởi dây dù. Tôi cố lờ đi tiếng óc ách từ giày cô. Tôi hướng ánh đèn vào lưng cô và ngắm chiếc áo dã chiến màu xanh. Tôi còn nhớ nó đã mua nó hồi 1971, ngày đó Việt Nam vẫn còn chiến tranh, và tổng thống Hợp Chúng Quốc là một gã có khuôn mặt xấu trai – Richard Nixon. Ngày đó ai cũng để tóc dài, đi xăng đan bẩn thỉu, nghe nhạc Rock trong cơn mê, mặc áo khoác lính Mỹ thả ra với biểu tượng hòa bình vẽ trên lưng và thấy mình như Peter Fonda phi trên xa lộ với chiếc mô tô trong phim Born to Be Wild lơ mơ chuyển cảnh sang I Heard It through the Grapevine. Có thể vì hai bộ phim có cảnh đầu giống nhau.

“Ông đang nghĩ gì?”, cô gái mồm mồm hỏi.

“Không có gì đặc biệt”, tôi nói.

“Ông hát bài gì đi!”

“Có nhất thiết phải hát không?”

“Thế thì ông đề nghị gì khác vậy?”

“Ta nói chuyện với nhau nhé.”

“Chuyện gì bây giờ?”

“Chuyện mưa chẳng hạn.”

“Được đấy.”

“Cô nhớ gì khi nói đến mưa?”

“Buổi tối hôm cả gia đình tôi chết, trời cũng mưa.”

“Kể chuyện gì vui vẻ hơn được không?”

“Không, cứ kệ tôi, tôi muốn kể”, cô nói. “Vả lại tôi cũng chẳng có ai để kể chuyện ấy... Tất nhiên, nếu ông không muốn nghe...”

“Nếu có muốn thì cứ kể đi”, tôi nói.

“Hôm ấy trời mưa phùn rất nhẹ, người ta không rõ có mưa hay không. Sáng sớm đã bắt đầu, và kéo dài cả ngày. Bầu trời phủ kín một màu xám đục không đổi. Tôi đang nằm viện và nhìn suốt buổi lên trời. Vừa bắt đầu tháng Mười một, bên ngoài phòng bệnh có một cây long não. Cây rất to. Lá đã rụng đến một nửa. Nhìn qua tán cành có thể thấy trời. Ông có thích ngắm cây không?”

“Tôi không biết”, tôi nói. “Không phải tôi không thích cây cối, nhưng chưa bao giờ tôi chăm chú ngắm cây nào cả.”

Thú thực là tôi cũng không thể phân biệt một cây long não với cây dẻ.

“Tôi thích ngắm cây lắm, từ lúc bé đã thế. Cứ có thì giờ là tôi ngồi dưới gốc cây, sờ lớp vỏ, nhìn lên tán lá. Hàng giờ liền không chán. Cây long não trong vườn bệnh viện là một cây khá hoành tráng. Tôi nằm nghiêng trên giường và nhìn trời suốt ngày xuyên qua cành cây. Cuối cùng tôi thuộc từng cành đơn lẻ một. Giống như người mê tàu hỏa thuộc lòng những tuyến đường và nhà ga ấy, ông hiểu không? Thường là trên cây có nhiều chim làm tổ. Đủ các loại chim. Sáo sậu, sẻ, bách thanh, và nhiều loại chim đẹp khác. Đôi khi cả bồ câu nữa. Chim bay đến, nghỉ trên cành một lát rồi lại bay đi. Chim rất nhạy cảm khi sắp mưa, ông có biết không?”

“Không”, tôi nói.

“Khi trời mưa hay mây đen kéo đến là chúng biến mất. Nhưng khi mưa tạnh thì chúng lại về và thi nhau hót. Tựa như chúng vui mừng thấy hết mưa vậy. Tôi cũng không rõ lý do. Có thể là mưa xong thì giun chui lên mặt đất. Cũng có thể vì chim không thích mưa. Gì thì gì, tôi luôn đoán được thời tiết. Không có chim đến là sắp mưa, chim bay về và hót là mưa tạnh.”

“Cô nằm viện lâu không?”

“Khoảng một tháng gì đó. Tôi bị lỗi van tim và phải mổ. Đó là một phẫu thuật rất phức tạp, cả gia đình đã mất nửa hy vọng. Thế có kỳ không cơ chứ. Tôi sống sót và khỏe như vâm, những người khác thì chết.”

Cô lầm lũi đi tiếp. Tôi tưởng tượng ra quả tim của cô, cây long não và lũ chim.

“Ngày hôm gia đình tôi chết cũng là một ngày gian nan cho lũ chim. Chúng không yên lấy một phút. Như đã nói, mưa phùn lớt phớt, không rõ còn mưa hay đã tạnh, và lũ chim cũng ngơ ngác, hết bay đi lại bay về. Một ngày lạnh tê tái trước khi vào đông. Trong phòng bệnh có lò sưởi, vì vậy cửa kính luôn bị đọng mờ hơi nước và tôi cứ phải lau đi. Tôi ra khỏi phòng, lấy khăn lau kính rồi chui trở lại vào chăn. Thực ra tôi không được phép đứng dậy, nhưng tôi phải nhìn cây, lũ chim và trời mưa bằng được. Khi ta phải nằm lâu trong bệnh viện, những thứ ấy hiện ra như chính cuộc sống vậy. Ông đã nằm viện bao giờ chưa?”

“Chưa”, tôi nói. Bình thường tôi không biết ốm đau là gì.

“Có loại chim lông đỏ, đầu đen, đi thành đôi. Sáo thì ngược lại, chúng khá khiêm nhường, như nhân viên nhà băng vậy. Chỉ khi hết mưa thì chúng giống nhau, tất cả đậu trên cành và líu lo hót.

Hồi ấy tôi nghĩ, thế giới này kể cũng lạ. Trên trái đất mọc hàng triệu, hàng tỉ cây long não – tất nhiên cũng không nhất thiết phải là cây long não – chúng đón ánh nắng hay nước mưa, và hàng triệu hàng tỉ chim bay đến đậu lên cành rồi lại bay đi. Nghĩ thế là tôi lại buồn nẫu ruột.”

“Tại sao vậy?”

“Tôi nghĩ là trên thế giới có vô số cây, vô số chim chóc, vô số cơn mưa, vậy mà tôi không thể hiểu được lấy một cây long não và một cơn mưa duy nhất. Tôi sẽ không bao giờ hiểu nổi. Tôi sẽ già đi và chết mà chưa hiểu ra được một cây long não và một cơn mưa duy nhất. Tôi thấy mình cô đơn quá và bật khóc. Ước gì có ai ôm tôi vào lòng. Nhưng tôi làm gì có ai. Tôi nằm suốt ngày trên giường và khóc.

Rồi mặt trời lặn, trời tối, tôi không nhìn thấy lũ chim nữa. Vì vậy tôi cũng không biết trời còn mưa hay không. Tối hôm đó cả gia đình tôi tử nạn. Nhưng mãi về sau người ta mới nói cho tôi biết.”

“Kinh khủng quá.”

“Tôi không nhớ rõ nữa. Tôi tin là tôi không cảm thấy gì. Tôi chỉ còn biết chính xác là buổi tối mùa thu ướt át hôm đó không ai ôm tôi vào lòng. Đó là... đối với tôi đó là ngày tận cùng của thế giới. Khi trời tối và ta cô đơn khủng khiếp và không còn ước muốn nào hơn là được một người ôm vào lòng, nhưng không có ai ở đó để an ủi ta. Ông có hiểu không?”

“Tôi nghĩ là có”, tôi nói.

“Ông đã bao giờ mất một người yêu quý chưa?”

“Đã vài lần.”

“Vì vậy bây giờ ông sống một mình?”

“Không”, tôi nói và đưa ngón tay sờ lên dây dù buộc vào thắt lưng. “Trên thế giới này không ai sống một mình được cả. Tất cả liên quan thế nào đó với nhau. Trời mưa. Chim hót. Người ta bị rạch bụng. Và có thể xảy ra chuyện được một cô gái trẻ hôn trong đêm đen.”

“Nhưng thiếu tình yêu thì thế giới này thực ra là con số 0”, cô gái mồm mồm nói. “Thiếu tình yêu thì thế giới như một ngọn gió thổi ngoài cửa sổ. Ta không cảm thấy nó, không ngửi thấy nó. Ông có thể kiếm một cô gái gọi, bất cứ lúc nào, có thể lên giường với nhiều bạn gái như ông muốn, nhưng nó không thật. Trong số ấy, không ai ôm ông thật lòng cả.”

“Tôi cũng không hay gọi gái gọi, không lên giường với bất cứ phụ nữ nào”, tôi phản đối.

“Không có gì khác cả”, cô nói.

Ừ, cô có lý. Trong số ấy không ai ôm tôi thật lòng. Tôi già đi, già đi trong cô đơn, như một con hải sâm bám chặt lấy vách đá dưới đáy biển.

Tôi đi tiếp, chìm sâu trong suy tư nên không nhận ra cô đã dừng chân và va phải tấm lưng mềm của cô.

“Xin lỗi”, tôi nói.

“Suyt”, cô nắm vai tôi. “Có tiếng động. Ông nghe thấy không?”

Chúng tôi đứng im và đồng tai nghe có tiếng gì lẫn lại gần từ bóng đêm xa xăm. Nó đến từ rất xa phía trước, trên đoạn đường chúng tôi đang đi, và khẽ đến nỗi dễ bị bỏ qua. Tiếng ào ào yếu ớt, nhưng đồng thời nghe như những tảng kim loại lớn xô vào nhau. Bất kể âm thanh đó từ đâu ra, nó vang rền không nghỉ và ngày càng to dần. Nghe như một con côn trùng to tướng, lạnh lẽo và kinh tởm bò dọc lên sống lưng ta. Một tiếng run trầm, vừa vắn lợt vào quãng cảm nhận được của tai người.

Cả không khí cũng rung lên. Một luồng gió đặc sệt thổi qua trên đầu chúng tôi, nặng như cơn lũ bùn lợ. Một luồng gió ẩm lạnh. Báo trước một sự kiện.

“Liệu có phải động đất?”, tôi nói.

“Không, không phải động đất”, bạn đồng hành của tôi nói. “Mà khủng khiếp hơn nhiều.”

21. Chương 22

22

Khói Xám

Đúng như ông già nói trước, giờ đây ngày nào cũng xuất hiện một cột khói xám. Khói bốc lên từ một điểm nào đó trong rừng táo và bị một đám mây dày u ám trên trời nuốt chửng ngay. Càng nhìn lâu tôi càng tin rằng rừng táo là nơi sản xuất ra tất cả mây trên thế giới này. Chiều đến, đúng ba giờ thì bắt đầu có khói, và thời điểm kết thúc phụ thuộc vào số súc vật chết. Cứ sau một trận bão tuyết hoặc một đêm giá buốt thì cột khói kéo dài hàng giờ, trông như một trận cháy rừng.

Tôi không hiểu vì sao người ta không nghĩ ra cách gì để cứu những con thú đó.

“Tại sao mọi người không xây chuồng trại chẳng hạn?”, tôi hỏi ông già trong khi chơi cờ. “Vì sao mọi người không bảo vệ chúng chống lại giá lạnh, tuyết và gió? Không nhất thiết phải nhiều nhận gì. Một mái nhà và vài cọc rào xung quanh là đủ cứu sống được nhiều con vật!”

“Không ăn thua gì đâu”, ông già nói, mắt vẫn không rời bàn cờ. “Cậu nghĩ xem, ta làm chuồng, nhưng bọn chúng không chịu vào. Từ ngàn đời nay chúng ngủ ngoài trời. Kể cả khi vì thế mà bỏ mạng. Giá lạnh và gió tuyết là bạn đồng hành của chúng mà!”

Ông đại tá đẩy quân thầy tế chắn trực diện vua của tôi, và xây một chiến lũy kín bưng: kèm hai bên là hai con xe, tạo nên một hỏa tuyến. Giờ thì ông đợi tôi tấn công.

“Nghe cứ như những con vật ấy tự tìm lấy cái chết vậy!”, tôi nói.

“Về một khía cạnh nào đó thì đúng thế thật. Nhưng đối với chúng thì giá lạnh và đau đớn là chuyện thường tình, thậm chí có thể là sự giải thoát.”

Ông im lặng. Tôi đẩy quân khỉ lại gần tường thành, khiêu khích chúng dẫn ra. Thiếu chút nữa thì ông đại tá cũng mắc mưu, nhưng đến sát nút thì ông cũng nhận ra và kéo quân kỵ sĩ lùi lại một nước, khiến hàng phòng thủ bây giờ trở nên kín mít.

“Dần dần cậu cũng ranh ma ra đấy!”, ông già cười.

“Nhưng vẫn chưa thể độ nổi ông!”, tôi cũng cười. “Nhưng quay về chuyện lúc này. Ông nói ‘giải thoát’ nghĩa là sao?”

“Nghĩa là có thể chúng được cái chết giải thoát chứ sao. Tất nhiên chúng chết đi, nhưng cuộc sống mới sẽ bùng dậy vào mùa xuân. Với những con mới đẻ.”

“Và những con mới đẻ sẽ lớn lên và chịu đau khổ hết như vậy cho đến chết, đúng không? Vì sao chúng phải khổ như vậy?”

“Vì đó là quy định”, ông già nói. “Cậu đến lượt. Cậu phải ăn con thầy tế của tôi, vì cậu không còn lựa chọn nào khác nếu muốn thắng.”

Sau ba ngày tuyết rơi với vài lần gián đoạn nho nhỏ, thời tiết chuyển sang nắng rực rỡ: đường sá ngập tuyết trắng xóa đột nhiên sáng rực dưới ánh mặt trời, chẳng mấy chốc đã róc rách tiếng tuyết tan. Khắp nơi sáng lấp lánh, và chỗ nào cũng nghe tiếng các đụn tuyết rơi ào ào trên cành cây xuống. Tôi kéo tấm rèm nặng che kín mít cửa sổ và trốn kỹ trong phòng để tránh ánh sáng. Nhưng chẳng ích gì – trốn đi đâu cho thoát. Thành phố làm từ băng tuyết tựa như một viên kim cương khổng lồ được mài sắc cạnh, phản chiếu ánh mặt trời vào tận từng ngõ ngách, bắn thẳng nó vào phòng tôi và mắt tôi một cách hiểm hóc.

Cả buổi chiều, tôi nằm sấp trên giường, vùi đầu xuống dưới gối và lắng nghe chim hót – những loài chim khác nhau với tiếng hót cũng khác nhau. Chúng thoáng đậu bên bậu cửa sổ bên cạnh, vì chúng biết rõ là

những ông già ở khu công chức luôn rải ruột bánh mì ra đó cho chúng. Tôi cũng nghe tiếng mấy người già ngồi sưởi nắng và tán gẫu trước nhà. Chỉ mình tôi tránh xa ánh mặt trời ấm áp.

Tôi bò dậy khi trời đã tối, vĩa nước lạnh lên cặp mắt sưng vù, đeo kính đen và rời đỉnh đồi tuyết phủ đi xuống thư viện. Hôm nay tôi sẽ không đọc được nhiều giấc mơ, cũng là chuyện thường sau những ngày nắng gắt làm tổn hại mắt. Tôi làm xong một, hai đầu lâu thì con người tôi bắt đầu đau nhói tựa như kim châm bởi luồng tia phát ra từ những giấc mơ xưa. Thêm vào đó hốc mắt nặng trĩu như đổ đầy cát, đầu ngón tay bì ra và vô cảm.

Thường thì những hôm như thế cô thủ thư chườm mắt tôi bằng một chiếc khăn ướt lạnh và đun cho tôi một bát xúp loãng hoặc sữa. Thoạt tiên tôi thấy cả hai thứ đều khó nuốt, như có sạn cát, thiếu vị dịu dịu, nhưng dần dần tôi cũng quen vị đó và thậm chí còn thấy ngon miệng.

Tôi nói cho cô biết, và cô mỉm cười mãn nguyện.

“Nghĩa là anh đã dần quen với cuộc sống ở thành phố này rồi đấy”, cô nói. “Tất cả những gì mình ăn uống ở đây đều có vị hơi khác so với mọi nơi. Ta chỉ dùng rất ít các nguyên liệu cơ bản. Trông như thịt nhưng không phải thịt, trứng không phải trứng, và cà phê cũng không phải cà phê. Chỉ có vẻ ngoài vậy thôi, toàn là làm nhái cả. Nhưng xúp này rất tốt, nó làm anh ấm người và đỡ nhức đầu hơn, đúng không?”

“Đúng”, tôi nói.

Quả thế thật, món xúp làm tôi khỏe lên, và đầu tôi cũng không còn vằng vặc như ban nãy. Tôi cảm ơn cô rồi nhắm mắt lại để quên hết mọi sự quanh mình.

“Anh còn cần gì nữa không?”, cô hỏi tôi.

“Em hỏi thế là sao?”

“Ồ, em cũng không rõ, chỉ có linh cảm như vậy. Ý em là nếu anh cần gì đó để thư giãn tâm hồn anh bị cứng lạnh trong mùa đông?”

“Cái mà anh cần là ánh mặt trời”, tôi nói và hạ cặp kính đen xuống lau rồi lại đeo lên. “Nhưng lại không được. Vì mắt anh không chịu được nắng.”

“Không, em ám chỉ thứ đơn giản hơn nhiều. Một thứ gì vật vãnh thôi, cốt xoa dịu tâm hồn. Như vừa nãy em day mắt anh chẳng hạn. Nhất định có thứ gì tương tự cho tâm hồn chứ? Một cách nào đó để tâm hồn thanh thoi, anh không nhớ ra sao? Người như anh đã làm gì trong thế giới ngoài kia của mình khi tâm hồn xơ cứng?”

Tôi cần nhiều thời gian để lật đi lật lại từng mảnh vụn ký ức còn đọng lại trong óc, nhưng không thể nhớ ra chi tiết nào tương thích với hình dung của cô.

“Anh không nhớ nữa, anh chịu đấy. Có lẽ anh đã đánh mất gần hết trí nhớ của mình rồi.”

“Dù là một chuyện cón con nào chẳng nữa, nếu nhớ ra thì anh cứ nói ngay nhé, được không? Nào, ta hãy cùng nhau nghĩ lại đi. Em muốn giúp anh, dù chỉ là một chút xíu.”

Tôi gật đầu và hết sức cố gắng tập trung tinh thần để quay lại với những ký ức về thế giới ngày xưa đã bị vùi lấp. Sau những tảng đá sừng sững chắn ngang đường đi, bắt di bắt dịch – chúng không động đậy một li, mặc cho tôi mồm môi mồm lợi đẩy. Đầu tôi lại bắt đầu nhức. Ngày tôi chia tay với bóng của mình có lẽ cũng là ngày tôi đánh mất hẳn nhân thân của mình. Trong tôi chỉ còn lại duy nhất là tâm hồn, một tâm hồn bơ vơ ngác và vô nghĩa. Và bây giờ, khi mùa đông đến, nó lại còn cứng đờ và khóa chặt!

Cô áp tay lên thái dương tôi.

“Không sao, không sao mà. Ta sẽ nghĩ tiếp vào một dịp khác. Biết đâu anh sẽ tình cờ nghĩ ra điều gì.”

“Ừ, bây giờ anh đọc thêm một giấc mơ nữa”, tôi nói.

“Nhưng trông anh mệt mỏi lắm. Có lẽ tốt hơn là mai làm tiếp. Anh không nên cố gắng quá sức. Những giấc mơ xưa có mất đi đâu mà sợ?”

“Không, đọc mơ còn hơn là chẳng làm gì. Ít nhất thì anh cũng đỡ phải suy nghĩ.”

Cô nhìn tôi một chập rồi gật đầu, đứng dậy đi vào kho. Tôi ngồi lại bên bàn, chống đầu lên tay, nhắm mắt lại để chìm vào đêm tối. Liệu mùa đông còn lâu nữa không? Ông già có nói đến một mùa đông lê thê và khắc nghiệt. Và nó mới chỉ bắt đầu! Liệu bóng tôi có qua nổi thời gian này không? Và tôi nữa, tôi và tâm hồn xáo động ngơ ngác – liệu chính tôi có qua nổi mùa đông này không?

Cô đặt đầu lâu lên bàn, lấy một chiếc khăn ẩm lau sạch bụi như mọi khi và đánh bóng lên bằng một chiếc khăn khô. Đột nhiên cô ngẩng đầu lên: “Thật là em không thể làm gì được cho anh?”

“Em làm rất nhiều cho anh rồi mà!”, tôi đáp.

Cô ngừng tay lau, ngồi xuống ghế và nhìn tôi chằm chằm. “Em không ám chỉ công việc ở đây. Mà là chuyện khác. Có thể anh muốn ngủ với em chẳng hạn?”

Tôi lắc đầu. “Không, anh không muốn ngủ với em. Như tất nhiên anh rất hân hạnh khi được hỏi như vậy.”

“Nhưng sao lại không? Anh cần em cơ mà, không đúng sao?”

“Anh cần em, đúng vậy. Nhưng anh không thể ngủ với em, ít nhất là bây giờ thì chưa. Đây không phải là chuyện cần hay không cần, vấn đề hoàn toàn khác hẳn.”

Cô ngồi chờ ra một lúc, miên man suy nghĩ. Nhưng rồi cô lại tiếp tục đánh bóng chiếc đầu lâu. Trong lúc đó tôi ngả đầu ra sau và nhìn đăm đăm lên trần nhà cao và bóng đèn vàng treo trên đó. Tôi không thể ngủ với cô ở đây và lúc này – kể cho tâm hồn sơ cứng và mùa đông hành hạ. Việc ấy chỉ làm cho tâm hồn tôi thêm rối rắm và gia tăng cảm giác mất mát. Ngoài ra, tôi linh cảm thấy thành phố này muốn tôi ngủ với cô để dễ dàng tiếp cận tâm hồn tôi hơn.

Cô đặt chiếc đầu lâu được lau bóng trước mặt tôi, nhưng tôi không áp tay lên đó mà quan sát đôi tay cô đặt trên bàn, dường như có thể đọc ra một ẩn ý nào đấy. Nhưng vô ích. Đơn giản đó chỉ là mười ngón tay thon mảnh, chẳng nói lên điều gì.

“Em kể cho anh nghe thêm về mẹ em đi!”

“Kể gì cơ?”

“Gì cũng được.”

“Ồ...”, cô nói và chạm tay vào đầu lâu trên bàn. “Em tin là em cảm nhận về mẹ em khác hẳn so với mọi người. Tất nhiên ngày đó đã xa rồi, và ký ức của em không còn chính xác nữa, nhưng dù sao em vẫn biết rằng tình cảm đối với mẹ khác hẳn so với tình cảm đối với bố hay em gái. Tuy nhiên em không hiểu rõ tại sao.”

“Tâm hồn là thế đấy. Nó không hoạt động một cách đều đều. Nó như một con sông, luôn đổi dòng cùng cảnh trí nơi nó chảy qua.”

Cô mỉm cười. “Nghe có vẻ không đúng.”

“Nhưng sự thật là thế”, tôi nói. “Vả lại, em vẫn yêu mẹ đến tận bây giờ, phải không?”

“Làm sao em biết được?”

Cô xoay trở chiếc đầu lâu trên bàn mấy lần và nhìn nó chằm chằm.

“Em thấy câu hỏi không rõ ràng phải không?”

“Vâng, có thể, có lẽ thế thật.”

“Được, thế thì anh hỏi ngược lại: em còn nhớ mẹ em thích gì không?”

“Có, cái đó thì em biết rõ. Mặt trời, dạo chơi, nghịch nước trong mùa hè, vâng, và mẹ em cũng thích chơi với bọn thú một sừng. Những hôm trời ẩm, em và mẹ em hay đi dạo rất lâu. Mọi người ở đây thường không làm thế. Anh cũng thích đi dạo, phải không?”

“Đúng, rất thích”, tôi nói. “Anh cũng yêu mặt trời và nước. Em không nhớ thêm gì nữa à?”

“Có chứ. Ở nhà mẹ hay độc thoại. Nhưng em không biết có nên gọi đó là một sở thích hay không – nhưng đúng là mẹ em hay nói chuyện một mình.”

“Nói về gì?”

“Em không nhớ nữa. Nhưng đó không phải là những cuộc độc thoại theo nghĩa thông thường. Em không thể giải thích tại sao, nhưng đối với mẹ em nhất định nó có một ý nghĩa đặc biệt nào đó.”

“Một ý nghĩa đặc biệt?”

“Vâng, mẹ em luôn có một kiểu nhún mạnh rất buồn cười, kéo dài các từ cuối rồi lại phát âm chúng thật nhanh, hoặc đôi khi nói với giọng cao và đôi khi trầm – nghe như tiếng gió thổi.”

Tôi đắm đắm nhìn vào chiếc đầu lâu trong tay cô và lội qua biển sương mù của ký ức một lần nữa. Và lần này tôi đã nhớ ra.

“Một bài hát! Mẹ em đã hát!”, tôi nói.

“Anh cũng biết nói như thế à?”

“Bài hát không phải để nói, mà để hát.”

“Anh hát xem nào”, cô nói.

Tôi hít một hơi sâu và định hát một câu, nhưng không thể nhớ ra điều gì. Mọi bài hát đã trôi tuột khỏi lồng ngực. Tôi nhắm mắt thở dài.

“Chịu thôi. Anh không nhớ ra bài nào cả”, tôi nói.

“Anh cần gì để có thể nhớ ra một bài?”

“Ước gì anh có một cái máy quay đĩa và một bài hát... Không, thế thì phức tạp quá. Một nhạc cụ nào đó cũng được. Nếu để anh nghịch chơi một nhạc cụ nào đó thì có thể anh sẽ nhớ ra một bài hát.”

“Cái mà anh gọi là ‘nhạc cụ’ trông ra sao?”

“Không thể diễn tả bằng một câu được, có hàng trăm loại nhạc cụ. Cách chơi cũng hoàn toàn khác nhau. Và âm thanh của chúng cũng khác nhau, tùy thuộc vào từng loại nhạc cụ, chưa kể đến hình dáng và kích cỡ. Có những nhạc cụ lớn đến nỗi bốn người mới khiêng nổi, nhưng loại khác lại để vừa vào lòng bàn tay.”

Vừa nói xong câu ấy thì tôi cũng nhận ra rằng chút xíu ký ức mà tôi đang theo đuổi đang dần dần trở nên mạch lạc hơn. Có thể mọi việc sẽ từ từ phát triển theo chiều hướng tốt.

“Có thể ta tìm được gì tương tự trong kho lưu trữ của thư viện. Gọi là ‘kho lưu trữ’ thì hơi quá, thật ra nó chỉ là một căn phòng chất đầy những đồ vật vụn. Chính em cũng không biết trong đó có gì, vì em mới chỉ liếc qua một lần. Minh vào đó xem nhé?”

“Được”, tôi nói. “Hôm nay chẳng nào anh cũng không đọc mơ được nữa.”

Chúng tôi đi xuyên qua kho lớn với những giá đặt đầu lâu, qua một hành lang mà tôi chưa biết để đến một tấm cửa kính mờ giống như cửa ra vào thư viện. Nắm nắm cửa bằng đồng thau phủ một lớp bụi mỏng, cửa không khóa. Cô thủ thư bật đèn. Trong ánh sáng vàng vọt bụi bặm hiện ra một căn phòng hẹp và dài, chất đầy một núi đồ đạc hắt bóng lên tường trắng.

“Hầu hết đồ vật ở đây là va li và túi. Đây đó tôi nhìn thấy một hộp đựng máy chữ hay túi vợt tennis, nhưng đó chỉ là trường hợp cá biệt. Phần lớn đồ vật ở đây toàn là va li và túi xách đủ kích cỡ. Có lẽ đến một trăm chiếc, tất cả phủ một lớp bụi trông đến phát kinh. Không thể nhận ra xuất xứ của chúng, nhưng có thể tiên liệu sẽ mất bao nhiêu thì giờ để mở hết ra.

Việc đầu tiên là tôi ngồi thụp xuống và mở một hộp đựng máy chữ. Bụi chảy xuống ào ào và bay tung như bão tuyết. Một chiếc máy chữ kiểu cổ lộ ra, với những phím to hình tròn như máy tính tiền. Có vẻ như nó đã được dùng nhiều, vì lớp sơn bị tróc ra ở nhiều điểm.

“Em có biết cái gì đây không?”

“Không”, cô vừa nói vừa tiến ra đứng cạnh tôi, khoanh tay trước ngực. “Em chưa thấy thứ này bao giờ. Đây là nhạc cụ à?”

“Không, đây là một cái máy chữ. Có thể in ra chữ cái. Máy này cũ lắm rồi.”

Tôi đóng nắp hộp lại, cất máy về chỗ cũ và quay sang một chiếc rương bằng mây đan. Trong đó có một bộ đồ ăn picnic. Tất cả dao, đĩa, đĩa và chén buộc cẩn thận, giấy ăn đã ngả vàng khè, chắc ngày xưa màu trắng. Cũng là một di vật của ngày xa xưa. Hôm nay người ta chỉ dùng đĩa giấy bạc và cốc giấy, không ai khuôn máy đồ này đi xa nữa.

Trong một túi du lịch to bằng da lợn toàn là quần áo. Com lê, sơ mi, cà vạt, tất, đồ lót – hầu hết đã bị mối cắn nát, không nhận ra nữa. Lẫn trong đó là túi đồ vệ sinh cá nhân và một chai rượu dẹt. Lòng chổi cạo râu và cước bàn chải răng đã cứng quèo. Tôi mở chai rượu và ngửi, từ trong chai không có lấy một thoáng hơi cồn thoát ra. Ngoài ra chẳng có gì trong túi nữa. Không có một quyển sách, sổ tay hay lịch bỏ túi.

Tôi mở thêm mấy va li và túi xách nữa, nhưng các đồ vật trong đó hầu như không khác nhau nhiều. Quần áo và những thứ lặt vặt – tựa như được ai đó vội vã và vô tâm quẳng vào. Những hành lý này thiếu một thứ gì đó mà người ta luôn mang theo khi đi xa, và chính điều đó cho thấy một sự trái tự nhiên. Chẳng ai ra khỏi nhà chỉ với vài bộ quần áo và đồ vệ sinh! Nói chung tôi không thể phát hiện ra chi tiết nào về cuộc sống và nhân thân của chủ sở hữu trong đó.

Những bộ quần áo có thể nói là thuộc loại tầm tầm, không có thứ nào đặc biệt quý giá hay quá tồi tàn. Tôi chỉ có thể phân biệt ra một thời nào và dùng ủa nào cũng như các khác biệt về giới tính và thể hệ, ngoài ra không thể nhận ra một ấn tượng đặc biệt nào. Thậm chí chúng cũng có mùi giống nhau, hầu hết bị mối xông nát bét. Không thấy tên tuổi ai. Dường như đã có người cẩn thận kiểm tra từng đồ vật và xóa đi tên tuổi cũng như những gì riêng tư. Giờ chỉ sót lại những miếng vải mẫu vô danh từ các thời đại khác nhau.

Sau năm, sáu túi thì tôi bỏ cuộc, không thèm chạm vào đồ đạc ấy nữa. Bụi bay ngạt thở, mà tôi tin chắc là khó có thể tìm ra một nhạc cụ trong đó. Nếu ở thành phố này có một nhạc cụ nào đó thì chắc chắn không phải ở đây.

“Ta đi thôi”, tôi nói. “Bụi quá, anh cay hết cả mắt.”

“Anh có thất vọng vì không tìm thấy nhạc cụ nào không?”

“Có, nhưng biết đâu mình sẽ tìm ra ở nơi khác”, tôi nói.

Khi tôi chia tay cô và một mình trèo lên Đồi Tây, chợt gió mùa nổi lên âm âm, nó quét rào rào trên sườn dốc sau lưng tựa như có chủ ý đuổi theo tôi. Cánh rừng hú lên lạnh lạnh xé tai. Tôi quay lại, thấy nửa vầng trăng treo trên đỉnh tháp đồng hồ, cô đơn và lạnh lùng. Những đám mây dày trôi qua quàng sáng. Dòng sông óng ánh như mực dưới ánh trăng.

Bỗng dưng tôi nhớ ra một chiếc khăn len quàng cổ trong một va li ở kho lưu trữ. Nó đã bị mối cắn thủng mấy chỗ nhưng quấn vài vòng quanh cổ thì sẽ ấm lắm. Tôi sẽ hỏi ông gác cổng, và chắc chắn sẽ được thông tin về chủ nhân của đồ đạc ở đó và liệu tôi có được phép sử dụng không. Không có khăn, tai tôi đau nhức trong gió lạnh như bị dao cắt. Ngày mai, việc đầu tiên là tôi sẽ đến chỗ ông gác cổng. Ngoài ra tôi cũng phải biết bóng mình ra sao.

Tôi quay lưng lại với thành phố và theo con đường đóng băng leo lên khu công chức trên đồi.

22. Chương 23

23

Hố, Vất, Tháp

“Không, không phải động đất”, cô bạn đồng hành mồm mồm nói. “Mà khủng khiếp hơn nhiều.”

“Giống cái gì?”

Cô lấy hơi để nói, nhưng lập tức tắc đầu: “Bây giờ thì không có thì giờ giải thích. Chạy nhanh lên, nhanh hết mức có thể, cứ nhằm thẳng hướng mà chạy. Đó là lối thoát duy nhất. Bụng anh sẽ đau đấy, nhưng còn hơn là chết!”

Chúng tôi chạy đứt hơi, vẫn nói với nhau bằng sợi thừng. Cây đèn trong tay cô gái hắt lên hắt xuống như điên và vẽ những đường dích dắc trên vách đá cao. Đồ đạc trong ba lô tôi nảy sòng sọc. Đồ hộp, bi đông, chai whiskey. Tôi ước gì được vứt bớt chúng đi và chỉ giữ lại những gì cần thiết nhất, song không dám dừng lại lấy một giây. Tôi nghiêng rằng bám sát gót cô gái, thậm chí không còn tâm trí nào nghĩ đến vết đau. Sợi dây nối hai người không cho phép tôi chậm chân hơn. Hơi thở dồn dập của cô và tiếng ba lô tôi nảy lộc xọc vang lên thành nhịp trong bóng đêm, nhưng rồi cuộc vẫn bị chìm đi trong tiếng gầm gào của lòng đất ngày càng to hơn.

Một mặt, tiếng gầm ngày càng to hơn vì chúng tôi chạy thẳng đến hướng đó, mặt khác ngay chính nó cũng liên tục to lên. Vừa còn nghe như một tiếng sấm trong lòng đất sâu, giờ nó đã như một tiếng khò khè dữ dội. Một tiếng động như không khí ép lại trong hai lá phổi khổng lồ muốn tạo thành ngôn ngữ sâu tận cuống họng. Sau đó đến tiếng rào rào như đá đổ và lòng đất bắt đầu rục rịch. Dưới chân chúng tôi, một cái gì như định mệnh bắt đầu chuyển động; tôi không biết nó là gì, nhưng có lẽ nó sắp nuốt chửng chúng tôi.

Nghĩ đến việc đang chạy thẳng vào tâm điểm tiếng gầm thì quả là không phấn khích cho lắm, nhưng cô gái đã nhắm hướng này và tôi không còn sự lựa chọn nào khác. Tôi phải chạy, chừng nào còn chạy được.

May mà trên đường đi thẳng tuột này không những không có trở ngại nào, mà lại còn bằng phẳng như đường lăn bóng bowling nên chúng tôi chạy được dễ dàng.

Tiếng khò khè ngày càng dồn dập. Có vẻ như nó vừa làm rung chuyển bóng đêm trong lòng đất vừa hướng đến một điểm đáng sợ nhất định. Đôi lúc nghe có tiếng nghiêng rào rào như những hòn đá khổng lồ dồn vào nhau, dường như mọi sức mạnh bị giam nhốt trong đêm đen đang tuyệt vọng vùng lên giải thoát mình khỏi dây trói.

Một lát sau, tiếng đá nghiêng đột ngột chấm dứt. Giây lát im lặng, rồi một tiếng gió hút kỳ quái vang lên như hàng nghìn ông già hít hơi qua kẽ răng. Chỉ có thể thôi. Không có tiếng gầm gào, khò khè của vách đá. Chỉ có tiếng gió hút ù tai ngập đầy bóng tối. Đó là tiếng hồng học lấy hơi hối hả của bầy thú dữ chuẩn bị nhảy tới vồ mồi, tiếng soàn soạt của một tỉ con giun thoăn thoắt co gập cái đầu ghê tởm của chúng khi đánh hơi thấy gì. Nhưng dù tiếng động này từ đâu sinh ra – tôi chưa hề nghe thấy âm thanh nào ghê rợn và thâm hiểm như vậy trong đời.

Nó đáng sợ ở chỗ hình như cuốn hút chúng tôi. Chủ nhân của tiếng động đó biết là chúng tôi đang lại gần và hẳn vui mừng đắc ý trong tâm hồn đen tối của mình. Nỗi sợ hãi khiến tôi tê cứng đầu óc trong khi chạy. Không, không phải động đất, cô gái nói đúng. Mà khủng khiếp hơn nhiều. Chỉ không thể biết nó là gì. Toàn bộ tình cảnh đã vượt quá sức tưởng tượng của tôi từ lâu, hay nói một cách khác là tôi đã tiệm cận được giới hạn của ý thức. Đã hết sức để hình dung. Chỉ có cơ thể tôi chuyển động hết khả năng sót lại của cơ bắp, nó nhảy qua những vực sâu toang hoác nối nhau giữa sức tưởng tượng và hiện thực. Ít nhất thì cũng còn hơn không làm được gì.

Tôi không thể nói bao lâu, nhưng có vẻ như chúng tôi chạy một đoạn dài. Ba, bốn phút gì đó. Hay cũng có thể ba mươi, bốn mươi phút. Nỗi sợ và bấn loạn vì sợ đã làm tê liệt cảm giác thời gian. Tôi không nhận ra sức lực đã kiệt, thậm chí tín hiệu báo đau ở bụng cũng không lên được đến não. Chỉ có hai cùi tay có vẻ như cứng đờ ra một cách khó hiểu, ngoài ra tôi không cảm nhận được cơ thể mình trong khi chạy. Nói đúng ra là tôi cũng không cảm thấy mình đang chạy. Chân tôi cứ thế liên tục vung về phía trước. Tựa như một cái bóng khí khổng lồ cứ thế đẩy tôi đi, liên tục, không nghĩ.

Cảm giác cùi tay cứng đờ đến từ tai, tôi nghĩ vậy, cho dù trong khi chạy không chắc chắn chút nào. Để không bị cuốn hút bởi tiếng gió rít khủng khiếp, trong khi chạy tôi đã vô thức làm cứng hai tai, do đó hai tai bị đờ ra và từ đó lan xuống cùi tay. Tôi chỉ nhận ra điều đó khi xô ngã cô gái và trong khi ngã còn cố gắng băng qua người cô để chạy tiếp. Hầu như tôi không nghe được tiếng cô hét lên. Nó lọt đến tai tôi, dĩ nhiên, song vì tôi chủ tâm ngăn không cho tín hiệu hữu thể - giọng nói của cô – chuyển hóa thành nhận thức nên không nhận ra tiếng cảnh báo là cảnh báo.

Ý nghĩ đó bùng trong óc tôi khi tôi ngã đập đầu xuống nền đá. Tôi đã vô tình điều tiết thính giác của mình.

Phải chăng đó là một dạng “cắt âm thanh”? Trong tình thế cực đoan, con người phát triển những khả năng kỳ diệu. Biết đâu tôi đã leo thêm được một bậc trên thang tiến hóa.

Sau đó – nói chính xác hơn là đồng thời – thái dương tôi đau như xé, Màn đêm trước mắt tôi nổ tung, thời gian khựng lại, tôi nghĩ và mình quay vun vút trong khi rơi thụt vào một khoảng chân không. Đau kinh khủng. Có lẽ tôi đã rạn xương sọ. Nhất định đỉnh đầu tôi bị lõm hẳn vào và óc bắn tung đến đâu không rõ. Nghĩa là tôi đã chết, chỉ còn vài mảnh vụn ý thức vẫn giãy giụa như cái đuôi con thằn lằn bị giẫm nát.

Tuy nhiên sau giây lát đó thì tôi biết là mình vẫn sống, mình còn thở. Vì tôi thấy đau khủng khiếp. Nước mắt trào ra và chảy đầy mặt, chảy vào miệng, rỏ xuống nền đá cứng. Chưa bao giờ tôi bị va mạnh vào đầu như vậy.

Tôi nghĩ mình sẽ ngắt ngay, nhưng có gì đó giữ chặt tôi lại trên thế giới của đau đớn và tăm tối này – một tia ký ức, nhắc nhở rằng tôi đang trên đường đến một đích nào đó. Đúng rồi, tôi đang định làm một việc gì. Tôi đã chạy và vấp ngã. Tôi đang bị săn đuổi. Tôi không được phép ngủ thiếp đi ở đây. Chỉ là một tia ký ức nhỏ nhoi thấm hại, nhưng tôi nghiêng răng bám ghì lấy nó.

Thực sự là tôi bám ghì lấy nó, theo đúng nghĩa đen của chữ này. Nhưng khi ý thức dần dần hồi phục thì tôi nhận ra đó không phải một tia ký ức mà tôi đang bám vào, mà là sợi dây dù. Trong một chớp mắt, tôi inh là một tấm chắn bị gió thổi phất phật tơi tả. Tôi cưỡng lại sức gió, cưỡng lại lực trọng trường, cưỡng lại mọi thế lực đè lên và toan quật tôi xuống đất, tôi nhất định quyết hoàn thành sứ mệnh tấm chắn của mình. Cũng chẳng rõ vì sao tôi nghĩ lẩn thẩn như vậy. Có thể đó là một thói quen của tôi hay suy các hoàn cảnh và tình trạng hình ảnh thực dụng.

Cảm nhận tiếp theo cả tôi là nửa trên và nửa dưới cơ thể tôi ở hai trạng thái rất khác nhau. Nói chính xác là nửa dưới người tôi hoàn toàn điếc đặc. Cảm giác ở nửa trên vẫn bình thường: đầu đau, mặt úp xuống nền đá lạnh, hai tay bám sợi dây dù, dạ dày chồn lên đến dưới cằm, một vật nhọn chọc vào ngực. Vẫn bình thường. Nhưng tôi không rõ có gì xảy ra với nửa người bên dưới.

Có thể nó không còn nữa, tôi nghĩ bụng. Cú đập ngã đã cắt người tôi thành hai nửa, đầu đó ở ngang vết thương, và quãng đi đầu đó nửa bên dưới. Hai cẳng, ngón chân, bụng, dương vật, bìu dái... không, không thể thể được, tôi nghĩ bụng, nếu mất đi nửa dưới cơ thể thì tôi phải thấy đau hơn nhiều chứ.

Tôi thử đánh giá tình hình một cách tỉnh táo. Nửa dưới người tôi còn đấy. Nó vẫn tồn tại, song ở một trạng thái mà tôi không cảm thấy. Tôi nhắm mắt, lái những làn sóng đau vẫn cuộn cuộn tràn đến chạy lệch qua người mình và tập trung mọi mẫn cảm vào nửa thân bên dưới. Sự cố gắng này giống như cố cưỡng một dương vật ỉu xiu chỉ bằng tập trung tinh thần. Tôi bơm sức lực vào một khoảng trống.

Tôi thấy nửa dưới người mình đang ở trong tình trạng nửa có nửa không. Một kiểu lơ lửng... đúng vậy! Nó treo lơ lửng trong khoảng trống phía bên kia núi đá, còn nửa trên thì còn cố bám giữ được nó. Vì thế mà tay tôi cứ bám chặt lấy sợi dây dù!

Khi mở mắt ra, một luồng ánh sáng làm tôi chói lóa. Cô gái mũm mĩm chiếu đèn vào mặt tôi.

Tôi bám chặt hơn vào dây dù và cố du người lên phiến đá.

“Nhanh lên!”, cô gái nói. “Nhanh lên, không thì cả hai cùng mất mạng!”

Tôi định vung hai chân lên phiến đá nhưng không xong. Mà cũng không đặt chân được vào đâu. Tôi liều mạng thả dây ra, chống mạnh hai cùi tay và rướn lên. Người tôi nặng như bao cát, còn nền đất thì trơn nhầy như dính máu. Nhưng tôi không còn thì giờ để suy nghĩ thêm. Tôi trườn bụng vượt qua bờ đá, một cơn đau nhói lên, tựa như bụng bị rạch thêm lần nữa. Có cảm giác như ai đó đi ủng đập tôi ngã xuống đất, nát như gan ruột, nát cả thân thể, cả cuộc sống, cả con người tôi.

Mặc dù vậy tôi vẫn rướn được người lên từng phân một. Thắt lưng tôi vướng vào cạnh đá, đồng thời dây dù móc ở đó bị kéo lên. Nhưng nó chẳng giúp gì, ngược lại chỉ làm tôi tập trung hơn vào vết đau trên bụng.

“Thả dây ra!”, tôi hét về phía ánh sáng. “Đừng kéo! Tôi tự leo được!”

“Được không?”

“Phải được.”

Kệ cho khóa thắt lưng kẹt vào cạnh đá, tôi lấy hết sức bình sinh vung một chân lên phiến đá và cuối cùng cũng leo lên được khỏi cái hố đen khổng lồ. Khi chắc chắn là tôi không còn lơ lửng trên miệng hố, cô gái chạy tới sờ khắp người xem tôi có bị thương chỗ nào không.

“Tôi không kéo ông lên được, xin lỗi”, cô nói. “Tôi cũng phải bám chặt vào vách đá để khỏi rơi xuống cái hố này.”

“Không sao. Nhưng sao cô không nói trước là ở đây có hố?”

“Không có thì giờ. Nhưng tôi có hét ‘Dừng lại!’ mà.”

“Tôi không nghe thấy”, tôi nói.

“Dù thế nào thì ta cũng phải rời khỏi đây tấp lự”, cô nói. “Ở đây có rất nhiều loại hố này, ta phải cẩn thận đi vòng. Không xa nữa đâu. Nhưng nếu mình không nhanh chân thì chúng sẽ hút sạch máu, và mình sẽ thiếp đi cho đến chết.”

“Chúng nó? Máu?”

Cô chìa ánh đèn vào cái hố mà tôi vừa may thoát ra được. Miệng hố tròn xoe như vạch bằng pa, có đường kính chừng một thước. Cô lia đèn: mặt đất xung quanh chỉ chít những hố tương tự cho đến ngút tầm mắt. Tựa như một tổ ong khổng lồ.

Vách đá dựng đứng viền hai bên đường đi đã biến mất, trước mắt chúng tôi là bình nguyên trải rộng với vô số hố giếng. Các vệt đường đi giữa các miệng hố rộng nhất là một thước, đoạn hẹp nhất chỉ khoảng ba chục phân, tuy nhiên có thể vượt qua được nếu chú ý nhìn đường.

Vấn đề chỉ là mặt đất có vẻ như chuyển động. Trông rất kỳ dị. Nền đất lờ ra phải cứng như đá, song nó bập bênh như cát bồi. Thoạt tiên tôi cho rằng do ngã nên thần kinh thị giác bị tổn hại, do đó tôi chiếu đèn pin lên lòng bàn tay. Song nó không run rẩy hay nhòe nhoẹt đi. Vẫn là bàn tay quen thuộc xưa nay. Vậy là mắt tôi còn tốt. Chỉ có mặt đất là đang chuyển động.

“Vất”, cô nói. “Chúng chui hàng đàn từ dưới hố lên. Nếu mình không đi khỏi thì chúng sẽ hút kiệt mình cho đến khi chỉ còn da bọc xương.”

“Đó là mối nguy hiểm mà lúc nãy cô đã nhắc tới?”, tôi hỏi.

“Không. Vất mới chỉ là tốp tiên phong, chưa phải là cái tề nhất đâu. Nhanh lên!”

Vẫn nói nhau bởi sợi dây dù, chúng tôi vạch đường đi qua bình nguyên đá đầy vất. Vô số những con bị xéo nát dưới đế cao su của đôi giày tennis khiến tôi có cảm giác như đi trên bùn, một cảm giác tởm lợm truyền từ chân lên đến lưng.

“Ông cẩn thận khi đặt chân xuống, nếu rơi vào hố là đi đời! Dưới đó là cả một biển vất đấy!”, cô gái nói.

Cô ngoắc tay vào khuỷu tay tôi, còn tôi nắm vào gấu áo khoác của cô. Dò dẫm trên vệt đường rộng ba chục phân trơn nhầy trong bóng đêm quả không phải dễ dàng gì. Những con vất bị xéo nát dính vào đế giày như keo, chân giẫm không có cảm giác bám. Mấy con vất bám vào quần áo tôi lúc ngã bây giờ hút máu ở cổ và tai, tôi cảm thấy rõ rệt nhưng không gạt chúng ra được. Vì tôi bận cả hai tay: tay trái cầm đèn pin, tay phải nắm gấu áo khoác của cô gái. Tôi dùng đèn chiếu sáng đường đi và muốn hay không vẫn cứ phải nhìn những con vất. Chúng nhiều đến nỗi nhìn cũng phát buồn nôn, và ngày càng đông hơn từ các hố đen lúc nhúc bò lên.

“Nhất định bọn ma đen ngày xưa vút nạn nhân của chúng vào những hố này”, tôi nói.

“Giỏi”, cô gái nói. “Ông là một người rất thông minh đấy. Lũ ma đen cho rằng bọn vất được con cá phái đến với các thần dân của nó. Vì vậy chúng cũng dâng lễ vật cho vất như cho cá. Đó là các nạn nhân còn tươi, có اللحم thịt và máu. Đa số là những người mà chúng chop được ở đâu đó và lôi về đây.”

“Tục lệ này hôm nay không còn nữa, đúng không?”

“Tôi cũng nghĩ thế. Bọn ma đen thích tự ngôn thịt người hơn. Cùng lắm là chúng đem dâng cho vất và cả những cái đầu bị cắt ra, như một kiểu lễ vật tượng trưng, ông tôi nói vậy. Dù sao, từ ngày nơi này trở thành thánh địa thì ít ai đến.”

Chúng tôi đi vòng tránh từng hố một và xéo nát có lẽ đến vài chục nghìn con vất. Đã mấy lần tôi hoặc cô gái suýt nữa trượt ngã nhưng rồi cũng bám được vào nhau.

Tiếng rít không khộc tởm lợm trong không khí rõ ràng từ dưới hố vọng lên. Như những bụi cây đen trong đêm vươn vòi ra bám vào chúng tôi. Nghe kỹ thì như tiếng rống của những sinh vật bị chặt đầu đang phát ra tiếng oán thán từ cổ họng lộ thiên.

“Nước đang lên”, cô gái nói. “Vất chỉ xuất hiện trước đó. Khi chúng biến mất thì nước dâng lên từ các hố, tất cả chỗ này sẽ hóa thành một đầm lầy. Bọn vất biết thế nên chúng bò ra. Ta phải tìm cách đi đến điện thờ trước khi nước đến.”

“Cô biết mọi chuyện?”, tôi nói. “Sao cô không cho tôi biết trước?”

“Tôi cũng không biết chính xác. Không phải hôm nào cũng có nước, chỉ hai, ba lần trong tháng thông. Làm sao tôi biết được chính hôm nay xảy ra?”

“Họa vô đơn chí mà”, tôi bật ra ý nghĩ vẫn lờn vờn trong đầu từ sáng sớm hôm nay.

Chúng tôi thận trọng dò từng bước đi tiếp từ hố này đến hố sau. Đi mãi vẫn không hết đường. Có lẽ những hố này nối nhau đến tận cùng thế giới. Dưới đế giày dính nhiều vất đến nỗi không cảm thấy nền đất nữa. Mãi tập trung vào mỗi bước chân khiến chúng tôi lảo đảo khó giữ thăng bằng. Trong những tình thế cực đoan, nhiều khi người ta khỏe vượt lên chính mình, nhưng khả năng tập trung tinh thần thì bị giới hạn nhiều hơn vẫn tưởng. Ở một trạng thái kéo dài lê thê, bất kể đó là trạng thái gì, nó giảm đi không cường nổi. Sự nhạy bén khi đánh giá nguy hiểm và sức tưởng tượng cùn hẵn đi, đầu óc ngày càng trống rỗng.

“Mấy bước nữa thôi”, cô gái nói với tôi. “Mấy bước nữa là ta đến chỗ an toàn.”

Tôi không thoát ra lấy một lời, đành chỉ gật đầu. Một lát sau tôi mới nộ ra là gật đầu trong đêm tối chẳng có ý nghĩa gì.

“Ông có nghe tôi nói không? Ổn cả chứ?”

“Ổn cả. Tôi chỉ lợm giọng quá”, tôi đáp lại.

Suốt buổi tôi đã thấy buồn nôn. Đám vất lúc nhúc, mùi hôi hám và lớp nhầy của chúng, tiếng rú rít kinh tởm, đêm đen, tình trạng kiệt sức muốn lăn quay ra ngủ - tất cả cộng lại thắt chặt lấy dạ dày tôi như một đai sắt. Lưỡi tôi đã thấy vị lờm lợm của dịch tiêu hóa. Tôi đã hết sức để tập trung tinh thần. Tôi cảm thấy mình như một chiếc dương cầm không được chỉnh dây từ năm năm nay và chỉ có đủ phím cho ba quãng tám. Tôi quờ quạng đi được bao nhiêu tiếng trong đêm đen này rồi? Ở thế giới trên kia mấy giờ rồi? Trời đã sáng chưa? Người ta đã đưa báo đến nhà chưa?

Thậm chí tôi không thấy mặt đồng hồ, vì còn bận chiếu đèn xuống đất và dò dẫm từng bước chân. Ước gì tôi được thấy bầu trời ban mai hừng dần lên, được uống một ngụm sữa nóng, được ngủ thấy cây cỏ lúc sáng sớm và gỡ từng trang báo. Tôi ngán tận cổ bóng đêm và lũ vất hút máu, những hố sâu và bọn ma đen. Từng sợi cơ và mạch máu trong người tôi khao khát đón ánh sáng. Chỉ cần một tia là đủ. Một tia của ánh sáng thực, không phải ánh đèn pin, một tia nhỏ xíu tội nghiệp mà thôi.

Nghĩ đến ánh sáng mà dạ dày tôi quặn lên như bị bóp trong một nắm đấm, miệng tôi ứ lên vị chua lôm, tanh loét như mùi cơm thiêu.

“Ra khỏi đây rồi thì ông muốn nôn bao nhiêu cũng được. Cố lên chút nữa thôi nào!”, cô gái nói. Và cô bóp chặt cùi tay tôi.

“Tôi không nôn đâu!”, tôi nói.

“Hãy tin tôi”, cô nói. “Sắp qua rồi. Có thể là họa vô đơn chí, nhưng chuyện này rồi cũng có lúc kết thúc”, giọng cô tràn đầy lạc quan.

Nhưng có vẻ như các hố đen không bao giờ hết. Tựa như chúng tôi chạy vòng quanh một chỗ. Tôi buộc phải nhớ đến tờ báo mới in. Mới đến nỗi mực in còn dây ra ngón tay. Kẹp trong báo là một tập dày quảng cáo. Trong báo có đủ chuyện, về mọi sự buồn vui trên thế giới. Thủ tướng thức dậy lúc mấy giờ, tình hình thị trường chứng khoán, cả một gia đình tự tử, cách nấu món ăn tối nay, một váy dạo này ngắn đến đâu, bình luận đĩa hát, quảng cáo mới mai bắt động sản, vân vân.

Vấn đề ở chỗ: tôi không đặt báo dài hạn. Từ khoảng ba năm nay tôi không đọc báo. Tôi cũng không rõ vì sao ngừng đọc báo, chỉ biết là tôi không đọc nữa. Có thể vì báo và ti vi không còn chỗ trong cuộc đời tôi nữa. Sợi dây liên lạc duy nhất giữa tôi và thế giới là những con số được chuyển đến mà tôi sẽ biến hóa chúng trong đầu thành dạng khác, trong thì giờ rảnh rỗi tôi đọc tiểu thuyết cũ, hoặc vừa xem các phim sến của Hollywood trên băng video vừa uống bia và whiskey. Không đếm xỉa đến báo và tạp chí.

Nhưng ở cái thế giới không còn ánh sáng này, trong bóng đêm đen phi lý này, giữa vô vàn hố sâu và hàng tỉ con vết thì tôi không có khát khao nào lớn hơn là được cầm một tờ báo. Để được lặn ra một chỗ ấm áp và đọc từ dòng đầu đến dòng cuối, từng chữ cái một, như một con mèo liếm từng giọt sữa trên đĩa. Tôi sẽ mút từng giọt lấp lánh của cuộc sống dưới ánh mặt trời cho nó thấm vào từng đường gân thớ thịt.

“Điện thờ phía trước kia à”, cô gái nói.

Thiếu một chút nữa thì tôi trượt chân, vì vậy tôi không ngược lên nhìn được. Tuy nhiên đằng nào chúng tôi phải đến tận sát nơi mới thấy được hình dáng và màu sắc của điện thờ. Tôi cố tập trung tinh thần dần bước đi tiếp.

“Chỉ độ mười thước nữa thôi”, cô gái nói.

Như ra lệnh, tiếng rít hỗn hển dưới đó đột ngột chấm dứt. Quá đột ngột và dị thường, như một ai đó dưới lòng đất sâu dùng một chiếc rìu khổng lồ để chặt một nhát đứt phăng nguồn âm thanh. Không cảnh báo trước, không một tiếng vọng sót lại, tiếng động ù tai từ lòng đất trào lên ngập tràn không trung bỗng im phắc trong nháy mắt, khiến người ta tưởng rằng không phải tiếng động mà chính không gian vang vang của nó đã biến mất. Nó biến mất một cách đột ngột đến nỗi tôi loạng choạng mất thăng bằng một thoáng và suýt trượt ngã.

Vây quanh chúng tôi là sự im lặng gần như đông đặc, một sự im lặng đột ngột xuất hiện trong bóng đêm, tệ hại hơn bất cứ âm thanh ghê sợ nào. Người ta có thể quen với bất cứ tiếng động nào. Nhưng im lặng là chân không, là hư vô. Nó không hiện hữu, nhưng vẫn bao bọc quanh ta. Một áp suất đè lên màng nhĩ tôi, dường như khí quyển bị nén chặt lại. Tại tôi không rõ phải phản ứng ra sao trước sự im lặng đột ngột ấy và nỗ lực hết mức để cố nghe ra một tín hiệu nào trong đó.

Song đây là một sự im lặng hoàn hảo. Tiếng rú đã chấm dứt và không tái diễn. Chúng tôi sững lại lắng nghe. Để bớt sức ép trong tai, tôi nuốt nước bọt nhưng không đỡ mấy; chỉ nghe có tiếng soàn soạt rất to và dị thường, như tiếng kim máy quay đĩa chạm lên đĩa quay.

“Nước đã rút chưa?”, tôi hỏi.

“Không, bây giờ mới lên”, cô nói. “Tiếng lục đục là do không khí dồn nén trong các khúc quanh của nước bị ép bắn ra. Giờ thì không còn gì cản được nước nữa.”

Cô nắm tay tôi, và chúng tôi đi vòng qua mấy hố cuối cùng. Dưới đất đã thấy ít vết bám hơn. Sau năm, sáu hố thì chúng tôi đặt chân lên nền đá phẳng phiu. Không còn hố nào, cũng hết cả vết. Chắc chúng đã rút đi theo hướng ngược lại. Tôi đã vượt qua đoạn gian khó nhất. Thà chết đuối còn hơn sặc sụa dưới một hố sâu đầy vết như thế.

Gần như vô thức, tôi đưa tay lên cổ dứt mấy con vết bám ở đó ra. Nhưng cô gạt tay tôi ra.

“Tí nữa”, cô nói. “Trước tiên phải trèo lên tháp đã, không thì chết đuối mất.” Cô rảo bước chạy trước, vẫn nắm chặt tay tôi. “Ông sẽ không chết vì năm, sáu con vết đâu, với lại nếu giật ra thì ông sẽ làm toạc da ra đấy. Ông không biết à?”

“Không”, tôi nói. Quả là tôi dốt đặc.

Sau hai, ba chục bước cô kéo tay tôi đứng lại và lấy đèn pin chiếu lên “ngọn tháp” cao trước mặt. Nó sừng sững chắn lối, trơn lì, hình trụ và vươn thẳng tắp trong đêm đen. Càng lên cao nó càng thuôn vào như một ngọn hải đăng, nhưng không thể đoán được cao bao nhiêu. Chúng tôi không có thì giờ, mà ngọn tháp cũng quá lớn để soi sáng được từng chi tiết. Cô bạn đồng hành cũng chỉ cho ánh sáng lướt qua trên thân “tháp” rồi lại chạy tiếp ngay. Cô chạy lên một dạng cầu thang bên sườn tháp. Còn tôi dĩ nhiên cố gắng bám theo.

Nhìn từ xa và trong ánh đèn pin yếu ớt thì “ngọn tháp” gây ấn tượng như một tượng đài hoành tráng và kiêu hãnh, một tác phẩm tuyệt định do bàn tay nghệ nhân tạo tác trong bao năm trời. Nhưng khi tiến lại gần và chạm tay vào thì người ta cũng chỉ cảm thấy đó là vách đá thô ráp, một sản phẩm ngẫu nhiên của sự bào mòn trong tự nhiên. Cả cầu thang do bọn ma đen làm ra cũng không xứng với cái tên gọi ấy. Các bậc thang gỗ ghè và lệch lạc, không đủ rộng ngang ột bàn chân, đôi chỗ thiếu hẳn vài bậc. Leo đến đó thì phải bám chân vào đá, nhưng do phải bám chặt bằng cả hai tay để khỏi ngã và không chiếu sáng được từng bậc thang nên nhiều lúc chúng tôi bị hẫng bước. Chắc là không thành vấn đề với bọn ma đen vốn nhìn được trong bóng đêm, còn đối với tôi thì cầu thang này là một thứ vớ vẩn vụng về và nguy hiểm. Chúng tôi áp chặt người vào vách đá như con thạch sùng và dò từng bậc đi lên trên. Đến bậc thứ ba mươi sáu – tôi không sao bỏ được tấc đếm bậc thang – tôi nghe một tiếng động kỳ quái trong bóng tối phía dưới, một tiếng vỗ, nghe như ai đó quật miếng thịt bò khổng lồ lên bức tường phẳng. Một tiếng vỗ nông, ụt ạt và tối hậu. Tiếp theo, như cây gậy nhạc trưởng vút lên báo hiệu kịch tính trào dâng, là sự câm lặng khủng khiếp kéo dài một giây khắc khoải mong chờ. Tôi treo trên vách núi, hai tay quặp chặt vào đá, đợi xem có gì sẽ xảy ra.

Và nó đến. Tiếng ào ào của nước. Nước phóng ra từ muôn vàn hố sâu nơi chúng tôi vừa đi qua. Không chỉ là những vũng con con. Tôi chợt nhớ đến bộ phim tài liệu về lễ khai mạc trang trọng một con đập ngăn mà tôi đã xem hồi học cấp I. Sau khi ông thị trưởng – hoặc một người nào đó không rõ – ấn nút, các cánh cửa đập mở ra và những cột nước hùng vĩ trào ra tung bọt trắng xóa. Thời đó các rạp hay chiếu phim tài liệu và hoạt hình. Vừa xem tôi vừa rùng mình cố gắng hình dung ra hậu quả khi vì một lý do nào đó mà mình đứng dưới khối nước ầm ầm như sấm sét đổ xuống. Trẻ con hay nghĩ rằng trong những hoàn cảnh nguy hiểm thường có một thiên thần hộ mệnh xuất hiện và cứu chúng. Ít nhất thì tôi cũng nghĩ như vậy hồi còn bé.

“Nước dâng cao đến đâu?”, tôi hỏi cô gái đang ở trên tôi mấy bậc.

“Cao”, cô trả lời cộc lốc. “Nếu mình không muốn chết đuối thì phải leo cao hơn nữa. Chắc chắn nước không lên đến đỉnh. Tôi cũng không biết gì hơn.”

“Còn bao nhiêu bậc nữa đến đỉnh?”

“Nhiều”, cô nói. Một câu trả lời dễ thương. Cảm ơn.

Chúng tôi leo nhanh như có thể vòng xoắn ốc lên đỉnh “tháp”. Nghe tiếng nước xoáy mà đoán thì “ngọn tháp” mà chúng tôi đang leo nhất định vươn cao giữa bình nguyên rộng lớn với vô số hố vát. Có thể nói là chúng tôi đang leo lên cây cột trang trí dựng giữa một đài phun nước ngoại cỡ. Và quảng trường xung quanh đài phun nước, chính cái bình nguyên bao la ấy, biến thành một đầm lầy ngập nước – nếu cô gái nói đúng – và một hòn đảo ở giữa phần trên hay đỉnh nhọn của “ngọn tháp” này.

Ánh sáng từ chiếc đèn pin đeo lưng lẳng bên sườn cô gái vẽ ra một họa tiết rối rắm trong màn đêm. Tôi chỉ nhắm theo luồng sáng đó mà leo tiếp. Một lúc nào đó tôi bỏ không đếm bậc nữa, nhưng chắc chúng tôi đã leo được trăm rưỡi hay hai trăm bậc. Tiếng nước đổ ào ào ban đầu khê dần, nhường chỗ cho tiếng réo của một con suối chảy xiết rồi chuyển sang róc rách. Nước vẫn dâng tiếp, không nghỉ ngơi gì. Tôi không thể nhìn thấy mực nước nhưng tôi cũng chẳng ngạc nhiên nếu thấy ướt lạnh dưới chân. Có cảm giác như đang bực bội mà chìm vào một cơn ác mộng và qua đó mà sự bực bội ngày càng tệ hại hơn. Có gì đó săn đuổi tôi, mà tôi không thoát hẳn được nó. Nó mỗi lúc một lại gần và chộp lấy tôi, lạnh toát và trơn nhầy. Tình cảnh trong mơ đã tuyệt vọng, ra ngoài thực tế trần trụi còn khủng khiếp hơn. Tôi không leo bậc thang nữa, mà bám hai tay vào vách đá kéo mình lên cao.

Bỗng dưng tôi nảy ra ý định cứ mặc cho nước đẩy mình lên. Trước tiên là dễ dàng hơn, thứ hai là cũng thoát nguy cơ bị rơi xuống. Tôi suy đi nghĩ lại một hồi. Kể ra cũng là một ý tưởng không dở, ngay cả khi do chính tôi nghĩ ra.

Nhưng khi nghe tôi trình bày, cô thẳng tay gạt bỏ. “Dưới bề mặt có dòng nước chảy xiết. Ông mà rơi vào xoáy thì không bao giờ nổi lên được nữa đâu. Và nếu được: ông định bơi đi đâu trong đêm tối thế này?”

Tóm lại chỉ có một đường, đó là từng bước dần dần trèo lên, cho dù có vất vả đến mấy. Tiếng nước xiết giảm đi trông thấy, như tiếng động cơ hạ dần vòng quay, và từ từ biến thành tiếng thở khàn khàn. Mực nước liên tục dâng. Kể ra, nếu có ánh sáng tử tế, tôi nghĩ bụng, một chút sáng thôi, nhất định chúng tôi sẽ leo lên dễ hơn và lại còn nhìn thấy mực nước. Ít nhất thì cũng thoát được cơn ác mộng không biết bao giờ chúng tôi bị nước đến chân. Tôi cảm thù bóng tối không kể xiết. Cái săn đuổi tôi không phải là nước, mà là khoảng tối giữa nước và chân tôi. Chính khoảng tối ấy làm tôi rùng mình.

Trong đầu tôi vẫn vương vấn bộ phim về đập ngăn. Từ những đập hình cung khổng lồ, nước không ngừng tuôn xuống bề nước hình cối đá bên dưới. Ống kính quay phim nhẩn nại thu hình từ mọi góc độ có thể. Theo dõi dòng lũ đổ xuống từ trên, từ cạnh sườn, từ trực diện. Trên tường bê tông của đập hiện ra bóng của nước. Nó lấp lánh trên nền tường trắng trơn nhẵn, tựa như chính nó là nước. Tôi nhìn đắm đắm vào đó và đột nhiên cái bóng ấy biến thành bóng của tôi. Trên nền bê tông cánh cung của đập ngăn là bóng của tôi đang nhảy múa! Đó là bóng của tôi, tôi nhận ra ngay, song tôi không biết phải hành xử ra sao khi đang là khán giả xem phim. Tôi chỉ là một thằng nhãi ranh chín, mười tuổi. Có lẽ tôi nên chạy tới màn ảnh và giật lại bóng mình. Hoặc chạy lên phòng chiếu phim để ăn trộm hộp phim. Tôi không biết có nên làm thế không. Vậy là tôi ngồi đực ra và theo dõi bóng mình.

Nó vẫn tiếp tục nhảy múa không ngừng. Chấp chới cam lạng như phong cảnh lung linh trong nắng cháy. Nó không nói được, và rõ ràng cũng không thể lấy tay ra hiệu. Mặc dù vậy tôi tin chắc là nó định báo cho tôi điều gì. Nó biết chắc là tôi đang ngồi trong rạp phim và nhìn nó. Nhưng nó cũng bất lực như tôi. Nó chỉ là một cái bóng.

Hình như không ai trong số khán giả xem phim để ý thấy bóng nước trên màn ảnh thực ra là bóng của tôi. Có lẽ cũng chẳng ai tin tôi. Thêm vào đó là những gì mà bóng tôi muốn nói thì chỉ nói ra với mình tôi mà thôi. Từ một không gian khác, từ một thời gian khác, nó đã dùng màn ảnh để nói với tôi một điều gì.

Bóng của tôi cô đơn trên mặt tường cong, bị tất cả bỏ rơi. Tôi không rõ nó tới đây bằng cách nào và nó còn muốn gì nữa. Có lẽ bóng tối sắp trùm xuống sẽ nuốt chửng nó. Hay dòng thác sẽ cuốn phăng nó đi và cuốn ra đại dương, và biết đâu ở đó nó lại hoàn tất vai trò làm cái bóng của tôi. Nghĩ đến nó, tôi thấy mình cô độc kinh khủng.

Rời đoạn phim quay về đập ngăn chấm dứt, trên màn ảnh hiện ra lễ đăng quang của một vị vua nào đó. Một chiếc xe ngựa rất đẹp được những con tuấn mã trang trí chùm lông vũ kéo đi ngang một quảng trường lớn lát đá. Tôi lại ngóng tìm bóng mình, nhưng chỉ thấy bóng của nhà cửa và chiếc xe và ngựa.

Tôi không nhớ được gì hơn. Tôi cũng không quả quyết nổi là tất cả những sự kiện đó thực sự diễn ra hôm ấy. Bởi những ý nghĩ vừa lóe lên trong óc ấy, trước đó tôi chưa bao giờ nhớ đến như một quá khứ có thực. Có thể đó chỉ là một hình ảnh tưởng tượng, sinh ra từ tiếng nước réo trong bóng đêm quái gở này. Tôi đã có lần đọc trong một cuốn sách tâm lý học về những hình ảnh tự tạo kiểu này. Tác giả cuốn đó cho rằng con người ở trong tình cảnh cực đoan thường trốn vào những giấc mơ ban ngày nhằm tự vệ trước thực tế khốc liệt. Tuy nhiên, hình ảnh vừa hiện ra trước mắt tôi quá rõ rệt, quá sống động để được coi là mơ, nó hàm chứa một sức mạnh như đan quện với tương lai tôi. Tôi nhớ chính xác các mùi vị và âm thanh bao quanh mình. Và tôi còn mừng rỡ tưởng ra được sự bối rối, ngờ ngác và nỗi sợ mơ hồ mà tôi cảm thấy khi còn là một thằng bé chín, mười tuổi. Muốn nói gì thì nói: chuyện đó đã xảy ra với tôi. Một thế lực nào đó đã đẩy nó vào tận hang cùng ngõ hẻm của tiềm thức tôi và bây giờ, trong tình cảnh cực đoan này, lại lôi nó ra.

Một thứ lực nào đó?

Chuyện này chỉ có thể liên quan tới vụ phẫu thuật não mà họ đã làm với tôi để xáo dữ liệu. Họ đã giam ký ức của tôi sau bức tường ý thức họ. Họ đã đánh cắp ký ức của tôi!

Tôi nổi giận. Không ai có quyền làm thế! Ký ức ấy là chuyện cá nhân, hoàn toàn riêng tư của tôi, là của tôi. Đánh cắp ký ức chẳng khác gì đánh cắp những năm tháng của cuộc đời tôi. Tôi càng thấy giận hơn, quên hẳn sợ hãi. Tôi sẽ sống sót bằng bất cứ giá nào. Tôi phải sống, phải thoát khỏi cái thế giới điên rồ của đêm đen này và giật lại từng ký ức riêng lẻ mà họ đã đánh cắp của tôi. Thế giới này có lụi tàn hay không cũng được. Tôi phải thành con người cũ của mình.

“Dây!” , cô gái đột ngột hét lên.

“Dây nào?”

“Đúng, nhanh lên! Có một sợi dây thòng xuống kia!”

Tôi hốt hải leo ba, bốn bậc lên sát cô gái và sờ soạng tìm trên vách đá. Quả thực có một sợi dây. Một sợi dây cho người leo núi loại tốt, mặc dù không dày lắm. Đầu dây lủng lẳng ngang tầm ngực tôi. Tôi vung một tay tóm lấy và thử xem có chắc không. Có vẻ như nó được buộc rất chắc ở đầu đó.

“Nhất định ông tôi đấy!”, cô gái hét lớn. “Ông tôi đã thả xuống ỉnh đấy!”

“Ta nên trèo lên cao hơn một chút thì hơn”, tôi nói,

Chúng tôi sốt ruột tìm chỗ bám chân và trèo lên thêm một vòng xoáy nữa. Sợi dây vẫn treo chỗ cũ. Nó thắt những nút cách nhau ba mươi phân. Nếu sợi dây thực sự nổi lên tới đỉnh “tháp” thì chúng tôi sẽ tiết kiệm được rất nhiều thời gian.

“Ông tôi đấy. Chắc chắn. Ông tôi chu đáo lắm.”

“Quả thế thật”, tôi nói. “Cô có leo được không?”

“Ông không tin à?”, cô nói. “Từ bé tôi đã leo dây rất giỏi. Tôi chưa kể cho ông biết à?”

“Thế thì cô leo trước đi”, tôi nói. “Đến nơi thì nhảy đèn cho tôi biết. Tôi sẽ lên sau.”

“Lúc ấy thì nước lên tới đây rồi. Có lẽ ta cùng leo thì hơn.”

“Mỗi dây một người – đó là quy định ngàn đời của dân trèo núi. Thứ nhất là vì dây có thể đứt, và thứ hai là hai người leo sẽ khó hơn và tốn thời gian hơn. Nếu nước dâng đến nơi thì tôi vẫn có thể bám vào dây và leo lên bằng cách nào đó.”

“Trông ông tôi không nghĩ là ông dũng cảm thế”, cô nói.

Trong bóng đêm tôi âm thầm đợi nụ hôn thứ hai, nhưng cô gái đã thoăn thoắt leo dây mà không đoái hoài gì đến tôi. Tôi bám chặt vào vách đá và quan sát ánh đèn của cô gái lúc lác tiến lên cao. Hình ảnh này làm tôi phần chán muốn làm một ngụm whiskey, nhưng chai rượu ở trong ba lô, và trong vị trí chơi vơi này không thể đặt ba lô xuống lấy rượu ra được. Vậy thì tôi đành bằng lòng tưởng tượng đang làm một ngụm: một quây bar trầm lặng và sạch sẽ, một đĩa lạc, đầu đó có tiếng nhạc nhẹ nhàng – bài Vendome của MJQ – trên mặt quây là một cốc whiskey đúp có đá. Một hồi lâu tôi chỉ ngắm cốc rượu. Whiskey thoát tiên nên ngắm một lúc đã. Ngắm no mắt rồi mới uống. Như một cô gái đẹp vậy.

Đến đây tôi chợt nhớ ra là mình không còn bộ lê và măng tô nào nữa. Hai thằng quỷ đã phá nát mọi thứ quần áo của tôi. Ừ nhỉ, ra quán bar thì biết mặc gì bây giờ? Tôi phải kiếm đồ tử tế đã. Tôi có một bộ lê vải tuyết màu lam đậm. Cắt kiểu cổ điển. Màu lam lịch thiệp, ba khuy, không độn vai, không chiết eo. Như George Peppard vẫn mặc hồi thập kỷ sáu mươi. Sơ mi xanh nhạt, thật hợp màu. Vải bông Oxford loại dày, cổ cắt thật chính thống. Cà vạt sọc hai màu. Đỏ và xanh lá cây. Đỏ nhã nhặn. Xanh như nước biển lúc trời bão, khó định nghĩa, gần thiên về lam. Những bộ đồ ấy mua trong một cửa hiệu đàn ông lịch thiệp, rồi tới bar, đặt một cốc Scotch đúp có đá. Vắt, ma đen, cá có móng sắc – quên ngay những gì dưới đất đi. Tôi ngồi trên mặt đất, mặc bộ lê vải tuyết và tận hưởng hương vị tuyệt hảo của Scotland.

Đột nhiên tôi nhận ra tiếng nước réo đã biến mất. Nhất định không có nước tràn thêm từ các hồ. Hoặc nước đã cao đến mức không còn nghe tiếng lục đục nữa. Cũng thế thôi. Muốn dâng cao đến đâu thì tùy. Tôi đã nhất quyết phải sống sót. Tôi sẽ giành lại kỷ ức của mình. Chớ có ai được phép thao túng tôi nữa. Tôi chỉ muốn hét to vào mặt cả thế giới: chớ có ai được phép thao túng tôi nữa!

Nhưng tôi không hét. Mà cũng chẳng ích gì trong đêm tối dưới lòng đất này, khi đang áp chặt người vào vách đá. Thay vào đó là tôi trạo cổ cổ gắng nhìn lên phía trên. Cô gái đã leo lên cao hơn tôi nghĩ nhiều. Cao chừng nào thì không nói được, nhưng nhất định phải cao như ba, bốn tầng nhà bách hóa. Đến khu bán đồ phụ nữ, thậm chí đến chỗ bán vải và rèm cửa. Cái cột đá khốn khiếp này cao chừng nào nhỉ? Chúng tôi đã trèo được một lúc lâu rồi, nếu còn tiếp tục thế này nữa thì chắc chắn nó phải cao kinh khủng. Có lần tôi nghịch chơi và đi bộ lên một tòa nhà hai mươi sáu tầng, có cảm giác là cột đá này cũng cao không kém.

Gì thì gì: thật may là tối quá, không nhìn được xuống bên dưới. Không trang bị thể thao, chân xỏ giày tennis và leo lên một vách đá cao như thế thì có kinh nghiệm leo núi đến mấy đi nữa, mỗi lần ngó xuống có lẽ cũng sợ phát bĩnh ra quần. Chẳng khác gì cọ cửa kính một nhà chọc trời mà không có thang máy và lưới bảo hiểm. Chừng nào còn trèo thì không sao, nhưng một chút ngập ngừng hoặc một ý nghĩ lệch lạc là độ cao sẽ làm ta thất kinh.

Tôi lại trèo cả cổ để nhìn lên lần nữa. Hình như cô vẫn đang leo tiếp, ánh đèn đã lúc lắt, nhưng bây giờ đã trên cao tít. Đúng là cô bé ấy giỏi leo dây thật. Tại sao ông già này chọn con đường đào tẩu ghê gớm như vậy? Sao ông không đợi chúng tôi ở một nơi yên tĩnh và tránh cho chúng tôi vất vả nhường này?

Trong lúc tôi đang suy nghĩ thì tôi cảm thấy có tiếng gọi từ trên cao. Tôi nhìn lên, trên đó có một chấm sáng vàng nhấp nháy, chậm rãi như cánh lái ở đuôi máy bay. Vậy là cô đã lên đến nơi. Tôi nắm một tay vào sợi dây, tay kia kéo đèn pin khỏi túi quần và đánh tín hiệu đáp lại. Sau đó tôi chiếu xuống dưới xem mực nước đến đâu, song ánh đèn pin đơn giản là quá yếu. Trong bóng tối đặc sệt người ta chỉ có thể nhìn thấy gì khi cầm đèn tiến sát lại. Đồng hồ ở cổ tay tôi chỉ 4 giờ 12. Ngày chưa bắt đầu, báo chưa đem đến nhà. Tàu chưa chạy, mọi người vẫn say giấc ngủ li bì và vô tư.

Tôi nắm cả hai tay vào dây, hít một hơi thật sâu và bắt đầu leo.

23. Chương 24

24

Trại Giam Bóng

Ba hôm sau, thời tiết tuyệt vời chợt biến mất. Sáng sớm tôi ngủ dậy và thấy bầu trời giăng đầy mây đen nặng trĩu. Những tia mặt trời đã mất hết ánh long lanh ấm áp sau khi xuyên nổi màn mây xuống đất. Trong ánh sáng xám chì lạnh lẽo, trông những cành cây trụi lá như vệt nứt nẻ của bầu trời. Tiếng nước réo âm ào chói tai. Nhìn mây mà đoán thì chẳng có gì ngạc nhiên nếu trời đổ tuyết bất cứ lúc nào. Nhưng không thấy tuyết rơi.

“Hôm nay sẽ không có tuyết”, ông già giải thích. “Mây này không phải mây tuyết.”

Tôi mở cửa sổ và ngắm kỹ bầu trời một lần nữa nhưng không nhận ra có gì khác biệt nào với “mây tuyết”.

Ông gác cổng ngồi trước bếp lò to tướng và sưởi đôi chân không giày. Chiếc lò sưởi giống hệt như ở thư viện. Mặt trên là hai tấm phẳng để đặt ấm nước và nồi, tận dưới cùng là hộc đựng xỉ. Phía trước có cửa như tủ đựng quần áo, tay nắm to bằng gang đúc. Ông gác cổng ngồi trên ghế đẩu và gác chân lên nó. Tôi ngạt thở vì hơi nước bốc ra từ ấm đun nước và khói của thứ thảo dược mát hạng nào đó – chắc ở đây người ta quen dùng nó thay thế cho thuốc lá – chưa kể đến mùi hôi hám từ chân ông ta. Sau ghế là chiếc bàn gỗ lớn xếp đầy đá mài và dao, rìu thành hàng ngay ngắn. Cán dao và rìu nhuộm màu xỉ và mồn vệt.

Tôi vào đề ngay: “Tôi cần một khăn quàng cổ, lạnh cổ quá.”

“Đúng thế đấy!”, ông gác cổng nói rất trang nghiêm. “Tôi rất hiểu.”

“Ở phòng lưu trữ đằng cuối thư viện có lắm đồ, trông có vẻ như chẳng ai cần nữa, và tôi nghĩ là có thể lấy ra vài thứ.”

“À, cậu nói đến mấy đồ lặt vặt ấy chứ gì”, ông gác cổng nói. “Cứ lấy đi. Nếu cậu cần thì tôi đồng ý. Thích gì thì cứ lấy. Khăn quàng, mền tã, tất tạt.”

“Chủ nhân của chúng thì sao?”

“Cậu không phải quan tâm đến họ. Ngay cả khi họ còn sống thì mấy thứ ấy cũng chẳng ai cần nữa. À, cậu đang tìm một nhạc cụ thì phải?”

Tôi gật. Hình như chẳng có gì ông này không biết.

“Về nguyên tắc thì ở thành phố này không có nhạc cụ nào cả”, ông nói. “Nhưng chẳng có gì là tuyệt đối. Cậu làm việc tận tụy, có gì lại không được nhận một nhạc cụ cơ chứ? Cậu hãy đến nhà máy điện và hỏi tay quản lý. Có thể anh ta kiếm được cho cậu thứ gì đó.”

“Đến nhà máy điện?”, tôi ngạc nhiên hỏi.

“Cậu không tin à? Dĩ nhiên là chúng ta có nhà máy điện!”, ông gác cổng nói và chỉ lên bóng đèn trên đầu. “Nếu không thì lấy đâu ra điện – hái điện trên cây táo xuống hay sao?” Ông vừa cười vừa vẽ đường cho tôi đến nhà máy điện. “Cậu đi con đường phía nam con sông và đi một đoạn ngược dòng chảy. Khoảng nửa tiếng sau cậu sẽ thấy bên tay phải một kho chứa lúa cũ kỹ đã tốc mái và không còn cửa. Ở đó cậu rẽ phải và đi tiếp tới một ngọn đồi, ngay sau đó là bìa rừng. Cậu đi chừng năm trăm thước vào rừng là đến nhà máy điện. Hiểu rồi chứ?”

“Tôi nghĩ thế”, tôi nói. “Nhưng mùa đông vào rừng có nguy hiểm không? Mọi người dặn tôi thế, và tôi cũng đã có kinh nghiệm xấu rồi.”

“Ồ nhỉ, đúng đấy. Tôi quên khuấy đi mất. Vậy mà chính tay tôi bế cậu lên xe và đưa qua đồi trở về thành phố đấy”, ông gác cổng nói. “Cậu đã bình phục lại chưa?”

“Ồn cả rồi, cảm ơn ông.”

“Chắc cậu vẫn còn ngán tận cổ hả?”

“Đúng thế.”

Ông gác cổng cười đầy mãn nguyện và đổi chân gác trên tay nắm cửa lò. “Nhưng thế là tốt. Có bị bỏng tay thì lần sau người ta mới cẩn thận. Và khi đã cẩn thận thì họ sẽ không bị bỏng nữa. Những thợ đốn cây giỏi nhất là người có một vết sẹo. Một thôi, không hơn và không kém. Cậu hiểu tôi định nói gì chứ?”

Tôi gật đầu.

“Song cậu không việc gì mà phải ngại đến nhà máy điện. Nó ở ngay sau rặng cây đầu tiên, chỉ có một đường duy nhất đến đó, nghĩa là cậu không thể đi lạc được. Ở đó cậu cũng không gặp lũ người rừng. Chỉ ở sâu trong rừng và ngay sát tường thành là nguy hiểm thôi. Tránh mấy chỗ ấy ra thì cậu không có gì phải sợ cả. Tuy nhiên, vì bất cứ lý do gì thì cậu cũng không được rời khỏi đường, và cũng không được đi sâu hơn vào rừng phía sau nhà máy điện. Không thì lại có chuyện xảy ra như lần vừa rồi.”

“Người quản lý cũng thuộc vào nhóm những người sống trong rừng à?”

“Không, không, anh ta thì không. Tay ấy khác với lũ người rừng, nhưng cũng khác với chúng mình ở thành phố. Chẳng phải nạc cũng chẳng phải mỡ. Là loại người không thể chuyển hẳn vào rừng, mà cũng chẳng quay về thành phố được nữa. Vô hại, nhưng cũng chẳng làm được trò trống gì.”

“Những người sống trong rừng là kiểu người gì?”

Ông gác cổng nghiêng đầu là lặng lẽ nhìn tôi một lát. “Tôi đã nói ngay từ đầu: cậu có thể hỏi gì cũng được, nhưng tôi có trả lời hay không lại là chuyện khác.”

Tôi gật.

“Tốt. Tôi sẽ không trả lời câu hỏi này”, ông gác cổng nói. “Này, cậu vẫn muốn thăm bóng của cậu nhỉ. Hôm nay được chưa? Mùa đông rồi, nó cũng đã mất sức khá nhiều. Bây giờ cậu có thể gặp nó.”

“Nó có ốm yếu lắm không?”

“Không, không, nó khỏe như vâm. Mỗi ngày tôi cho nó đi ra ngoài hàng tiếng đồng hồ để vận động. Nó ăn cũng ngon miệng lắm. Dĩ nhiên là ngày mùa đông càng ngắn đi và lạnh thì thể trạng của bóng cũng kém hơn, không có gì lạ. Bất khả kháng. Đó là chuyện thường tình nhất trên đời, tạo hóa sinh ra như vậy. Không phải lỗi của cậu hay của tôi. Nhưng cậu hỏi chính nó thì hơn, tôi sẽ đưa cậu đến chỗ nó.”

Ông lấy chùm chìa khóa treo trên tường, đút vào túi áo khoác, vừa ngáp vừa xỏ chân vào đôi ủng da to tướng. Trông chúng nặng nề dễ sợ, để gắn đầy đinh nhọn để đi trên băng tuyết.

Nơi giam bóng nằm giữa hai thế giới – thành phố và thế giới bên ngoài. Tôi không được ra ngoài, bóng không được vào thành. Vì vậy đây là nơi duy nhất để chúng tôi gặp nhau: một người không bóng và bóng không người. Trại giam bóng nằm ngay ở cửa sau trạm canh. Gọi là “trại” thì hơi quá, nó không lớn hơn một khoảnh vườn bình thường, xung quanh là một hàng rào sắt kiên cố không chui lọt con chuột.

Ông gác cổng lấy chùm chìa khóa trong túi ra, mở cửa sắt cho tôi và vào theo. Trại giam bóng hình vuông, chẵn chẵn, phía đối diện bị chắn bởi tường thành. Một cây du già cỗi đứng giữa khoảng đất, dưới đó là một ghế băng gỗ trơn trụi. Cây du mọc thêch, không thể biết còn sống hay đã chết khô. Một túp lều vá vúi cầu thả bằng gạch và ván gỗ với cánh cửa lò xo thô sơ và cửa sổ không kính. Tôi không thấy bếp lò nào. Có lẽ ở đây không được sưởi.

“Bóng của cậu ngủ trong túp lều kia kìa”, ông gác cổng nói. “Trông thế cũng không đến nỗi nào. Có nước, có chỗ vệ sinh – đủ cả. Thậm chí có cả tầng hầm kín gió. Thôi thì không hẳn là khách sạn, nhưng cũng là chỗ chui ra chui vào. Cậu có muốn vào xem không?”

“Không, tôi đợi ở đây thì hơn”, tôi nói. Không khí hơi ẩm trong trạm canh đã làm tôi chóng mặt. Tôi đau đầu quá. Bên ngoài tuy lạnh nhưng ít nhất còn có khí trời.

“Tùy cậu. Tôi gọi nó ra”, ông gác cổng nói và chui vào lều.

Tôi bẻ cổ măng tôi lên, ngồi xuống ghế băng dưới cây du già và lấy gót giày di xuống nền. Đất tro cứng, đây đó còn vương vài đám tuyết đóng đá. Băng giá chưa tan dưới bóng của tường thành, nơi mặt trời không chiếu đến.

Một lát sau ông gác cổng đi cùng với bóng ra khỏi lều. Ông dận gót giày đinh lên nền đất như muốn nghiền nát đám đất đóng băng dưới chân mình, bóng của tôi chậm chậm lùi thui theo gót ông. Nó hoàn toàn không khỏe mạnh như ông gác cổng quả quyết ban nãy. Má nó hóp lại đến phát sợ, trên mặt chỉ còn thấy đôi mắt và râu ria.

“Tôi để hai người một mình với nhau mấy phút nhé”, ông gác cổng nói. “Chắc các cậu có nhiều chuyện để kể cho nhau nghe, cứ thoải mái. Nhưng không có nhiều thì giờ đâu! Và chớ có nghĩ đến chuyện hòa nhập làm một! Đừng để tôi phải phí thời gian để tách hai cậu ra. Chẳng đem lại gì ngoài chuyện khó chịu cho cả hai bên, rõ rồi chứ?”

Tôi làm ra vẻ chấp thuận và gật đầu. Có lẽ ông ta có lý. Đẳng nào thì chỉ sau vài phút là họ lại tách chúng tôi ra, và tất cả lại bắt đầu từ đầu.

Hai chúng tôi dõi mắt nhìn ông gác cổng khóa cửa rồi biến vào trạm canh. Đinh dưới đế ủng của ông ta cắm vào nền đất, tiếng chân bước rào rào xa dần. Rồi thì cánh cửa gỗ nặng nề cũng đóng lại. Khi ông ta khuất hẳn, bóng ngồi xuống cạnh tôi và bắt đầu di gót xuống nền nhà như tôi. Nó mặc một chiếc áo len cứng và thô, quần lao động và đôi giày cũ mà tôi mang đến tặng dạo trước.

“Thế nào, khỏe không?”

“Nhìn thì biết!”, nó trả lời. “Lạnh không chịu thấu, và đồ ăn thì không nuốt nổi.”

“Tôi nghe nói là cậu ngày nào cũng được ra ngoài và vận động.”

“Vận động?”, nó lặp lại và bực bội nhìn tôi. “Gọi là vận động thì hay đấy! Tôi phải giúp lão gác cổng đốt xác súc vật, chỉ vì thế mà lão ta lôi tôi ra khỏi đây mỗi ngày! Chắt xác lên xe, chở ra rừng táo, tưới dầu lên và châm lửa đốt. Trước đó lão ta đã cắt đầu chúng cho gọn ghẽ. Cậu đã thấy bộ sưu tập hoành tráng của lão rồi đấy! Toàn dao với rìu. Lão già này đầu óc không bình thường. Nếu có điều kiện có lẽ lão sẽ cắt cổ tất cả những ai lão túm được.”

“Ông ta là một trong những người dân thành phố phải không?”

“Đâu phải, họ chỉ thuê lão làm việc này thôi. Lão sung sướng khi được đốt xác súc vật. Chẳng ai trong thành muốn làm việc đó cả. Từ đầu mùa đông đến giờ chúng tôi đã thiêu không biết bao nhiêu xác rồi. Sáng nay có ba con chết. Thiêu luôn.”

Nó lại di gót giày xuống đất một hồi, tôi cũng thế. Nền đất cứng như đá. Một con chim mùa đông đậu trên cành cây trên đầu chúng tôi. Nó kêu một tiếng lạnh lạnh rồi bay mất.

“Tôi đã nhận được bản đồ rồi”, nó nói. “Chất lượng tốt hơn tôi mong đợi. Phần chú thích cũng tốt. Nhưng hơi muộn.”

“Tôi ốm liệt giường”, tôi nói.

“Tôi cũng nghe nói. Nhưng dù sao thì cũng quá muộn. Mùa đông đến rồi, thực ra tôi muốn có từ trước. Được thế thì mọi sự đã trôi chảy và kế hoạch của chúng mình lẽ ra đã đâu vào đấy.”

“Kế hoạch nào cơ?”

“Kế hoạch trốn khỏi đây chứ kế hoạch nào nữa? Hay cậu nghĩ rằng tôi cần tấm bản đồ để giải trí?”

Tôi lắc đầu. “Tôi vẫn hy vọng được cậu giải thích thành phố kỳ quái này là gì. Nói cho cùng thì cậu đã lấy đi gần hết mọi ký ức của tôi.”

“Không hẳn thế”, bóng nói. “Đúng là tôi có phần lớn ký ức của cậu, nhưng tôi không biết dùng nó làm gì có ích cả. Muốn làm vậy thì chúng ta phải hòa nhập vào nhau, nhưng hiện tại đó là chuyện bất khả thi. Nếu ta làm thế thì họ sẽ không bao giờ cho gặp nhau nữa và kế hoạch sẽ vĩnh viễn tiêu tan. Vì thế trước tiên tôi suy tư một mình đã. Tôi định nói là suy tư về thành phố này.”

“Sao nữa? Cậu nghĩ ra chuyện gì?”

“Không nhiều, nhưng bây giờ tôi chưa cho cậu biết được. Tôi phải nói các chi tiết với nhau đã, riêng lẻ thì chúng không có sức thuyết phục. Cho tôi chút thời gian nữa. Có đủ thì giờ suy nghĩ thì chắc chắn tôi sẽ tìm ra kết luận. Có thể lúc đó đã quá muộn. Từ dạo bắt đầu mùa đông sức khỏe tôi giảm sút rõ rệt, cứ tiếp tục như thế này thì tôi không dám cam đoan sẽ đủ sức thực thi kế hoạch đào tẩu – nếu ta lập ra được kế hoạch đó. Đó là lý do tôi muốn có bản đồ trước mùa đông.”

Tôi ngó lên tán cây du. Qua tấm lưới đan bằng cành cây tôi nhìn thấy vài vệt mây mùa đông xám xịt.

“Nhưng mình không ra khỏi đây được đâu”, tôi nói. “Cậu xem bản đồ rồi đấy! Không có đường nào thoát. Đây là nơi tận cùng thế giới. Ta không tiến không lui được bước nào đâu.”

“Cứ cho đây là nơi tận cùng thế giới, nhưng vẫn phải có một lối ra. Tôi tin chắc như vậy. Nhìn lên trời mà xem. Chim chóc vượt qua được tường thành, đúng không? Chúng bay đi đâu? Tất nhiên là bay ra ngoài, đến một thế giới khác, chỉ có thế thì thành phố này mới có bức tường bao quanh – nhằm ngăn người ta ra khỏi. Nếu bên ngoài không có gì thì xây tường làm gì? Và đâu đó sẽ có một lối ra.”

“Hoặc là không.”

“Tôi sẽ tìm được lối ra và cùng cậu thoát khỏi nơi này. Tôi không muốn chết trong cái xó khốn khiếp này!” Bóng im bật và lại di chân trên nền đất. “Ngay từ đầu tôi đã nói với cậu là thành phố này có cái gì không ổn và bất thường”, bóng nói. “Đến bây giờ tôi vẫn tin chắc như vậy. Nó bất thường và trái khoáy. Nhưng vấn đề ở chỗ nó hoàn hảo trong sự bất thường và trái khoáy ấy. Vì tất cả đều bất thường và trái khoáy nên rốt cuộc tất cả có sự hài hòa nội tại. Hoàn hảo. Đại thể như vậy.”

Nó vạch một vòng tròn trên nền đất bằng gót giày. “Thành phố khép kín, như vòng tròn này. Vì thế càng ở lâu trong đó và suy đi nghĩ lại thì người ta sẽ cảm thấy mọi thứ đều bình thường. Cậu sẽ bắt đầu ngờ vực trí phán đoán của mình. Chính vì mọi thứ quá hài hòa và hoàn hảo. Cậu hiểu ý tôi muốn nói gì chứ?”

“Có, tôi hiểu. Chính tôi cũng nhận thấy như thế. Đôi khi tôi nghĩ chính mình mới là căn nguyên của lắm vấn đề.”

“Như thế là sai!”, bóng nói và vẽ những hình kỳ quái bên cạnh vòng tròn. “Chúng mình có lý. Còn tất cả đều sai. Nhất định thế. Cậu phải tin tưởng, hết sức tin tưởng. Nếu mất lòng tin thì một lúc nào đó thành phố này sẽ nuốt chửng cậu. Lúc đó thì mọi sự đã quá muộn.”

“Nhưng đúng hay sai cũng chỉ là tương đối! Trong khi tôi đã bị lấy mất mọi ký ức, mà chính đó mới là tiêu chí quan trọng nhất để cân nhắc giữa đúng và sai.”

Bóng gật đầu. “Tôi hiểu cậu đang rối trí. Nhưng hãy nghĩ xem: cậu có tin là có động cơ vĩnh cửu không?”

“Không. Hoàn toàn không thể được.”

“Chính thế. Cũng giống như thành phố này. Một thế giới hoàn hảo, xét về lý thuyết cũng như thực tế là không thể có được, hết như động cơ vĩnh cửu vậy. Từ đó suy ra ở đâu đó phải có một lỗi. Giống như cỗ máy trông có vẻ tự nó chuyển động liên tục nhưng kỳ thực nó sử dụng một ngoại lực được ẩn giấu mà mắt thường không nhìn thấy.”

“Và cậu đã phát hiện ra ngoại lực đó?”

“Không, chưa, nhưng như tôi vừa nói, tôi có một luận cứ còn phải củng cố thêm. Vì thế tôi cần chút thời gian nữa.”

“Tôi có thể giúp cậu, nếu cậu cho tôi biết luận cứ đó. Cậu nghĩ sao?”

Bóng rút tay khỏi túi quần, hà hơi vào và cọ giữa hai đầu gối. “Không, đối với cậu, đây là chuyện quá sức. Tôi chỉ yếu nhược về thể xác, nhưng ở cậu là tâm hồn bị tổn thương. Nhiệm vụ cấp thiết nhất của chúng ta là chữa cho nó lành. Không thì cả hai chúng ta đều ngã ngựa trước khi lên đường đào thoát. Hãy nhường tôi việc suy nghĩ, còn cậu tự lo thân cậu. Hiện tại đó là điều quan trọng nhất.”

Tôi nhìn xuống vòng tròn dưới đất và nói: “Cậu nói phải, tôi đang rối trí. Tôi không biết gì nữa, thậm chí không biết ngày xưa mình là ai. Một tâm hồn đã mất đi bản thể của mình thì sẽ còn bao nhiêu sức lực nữa? Nhất là ở một thành phố có quyền lực vô biên và đặt ra những lề luật ngặt nghèo? Từ khi mùa đông đến, càng ngày tôi càng biết ít hơn về tâm hồn mình và đánh mất sự tự tin.”

“Không phải”, bóng nói. “Cậu không đánh mất bản thể của mình. Ký ức của cậu đã bị vùi lấp một cách tình vi, do đó cậu thấy rối trí. Cậu phải tin vào nội lực của mình. Không thì ngoại lực sẽ cuốn phăng cậu đi.”

“Tôi sẽ cố gắng”, tôi nói.

Bóng gật đầu, ngó một lúc trên bầu trời trĩu mây nhưng lại nhắm mắt ngay và chìm sâu vào suy tư.

“Mỗi khi bối rối tôi lại nhìn bầy chim”, bóng nói. “Lúc đó tôi cảm thấy rõ rệt là mình đang đi đúng hướng. Thành phố hoàn hảo này chẳng có ý nghĩa gì đối với những con chim cả. Chúng không quan tâm đến bức tường, cánh cổng hay tiếng tù và. Cậu hãy học theo chúng mỗi khi thấy bế tắc!”

Đúng lúc đó có tiếng ông gác cổng gọi tôi. Ông đứng ở cửa hàng rào và ra hiệu thời gian thăm hỏi đã hết.

“Cậu đừng đến đây một thời gian dài”, bóng thì thào vào tai tôi khi chia tay. “Khi nào cần cậu, tôi sẽ nghĩ ra cách để mình gặp nhau. Lão gác cổng đa nghi lắm. Nếu mình gặp nhau thường xuyên, lão sẽ đoán ra sự tình và sinh ra thận trọng, lúc đó ta sẽ khó trở tay. Một chuyện nữa: nếu lão hỏi hôm nay ra sao thì cứ ra vẻ là cậu không hiểu rõ những gì tôi nói, rõ chưa?”

“Hiểu rồi”, tôi nói.

“Thế nào?”, ông gác cổng hỏi khi tôi quay về trạm canh. “Lâu quá mới gặp lại bóng mình, chắc vui lắm nhỉ?”

“Tôi không rõ lắm”, tôi nói và lắc đầu.

“Hừm, thế đấy”, giọng ông đầy vẻ hài lòng.

Đọc và tải ebook truyện tại: <http://truyenclub.com/xu-so-dieu-ky-tan-bao-va-choi-tan-cung-the-gioi>